

70 tuần liên tục
chiếm vị trí số 1
danh sách Bestseller
do New York Times
bình chọn!

THE SHACK 

NƠI TRÁI TIM HỘI NGỘ



WM. PAUL YOUNG

Tường Linh dịch



NXB Hội Nhà văn

WM. PAUL YOUNG

Tường Linh dịch

THE SHACK
NƠI TRÁI TIM
HỘI NGỘ



NXB Hội Nhà văn

LỜI GIỚI THIỆU

Liệu bạn có thể tin được chẳng nếu một người quả quyết rằng mình đã sống trọn một kỳ cuối tuần với Chúa, trong một căn chòi? Thậm chí là chính căn chòi định mệnh ấy .

Tôi biết Mack đã hơn hai mươi năm, kể từ ngày hai chúng tôi cùng đến phụ một người láng giềng gom cỏ ngoài đồng. Kể từ ấy, anh ta và tôi đã chia ngọt sẻ bùi, nói theo kiểu bọn trẻ ngày nay, đi chơi chung, cùng uống cà phê - hay là uống chai-tea nóng hổi pha với đậu nành. Những cuộc chuyện trò của chúng tôi đầy lý thú, lúc nào cũng rộn tiếng cười và thỉnh thoảng ứa cả nước mắt. Thật tình mà nói, càng lớn chúng tôi lại càng khăng khít.

Tên đầy đủ của anh là Mackenzie Allen Phillips dù hầu như ai cũng gọi anh là Allen. Họ nhà anh, tất cả đàn ông con trai đều mang tên giống nhau nhưng thường được gọi theo tên lót, chắc là để tránh cách gọi phô trương kiểu Đệ nhất, Đệ nhị và Đệ tam hay là Cha và Con. Cách này cũng rất hiệu quả để nhận diện những tay tiếp thị từ xa, nhất là những cú phôn đường đột mà cứ ra vẻ thân thiết. Vậy là anh ấy và ông nội, bố, và bây giờ là thằng con trai cả đều mang tên Mackenzie nhưng thường được gọi bằng tên lót. Chỉ có Nan, vợ anh, và mấy người bạn thân gọi anh là Mack.

Mack sinh trưởng trong vùng Midwest, một cậu trai con nhà nông trong một gia đình Ái Nhĩ Lan - Hoa Kỳ vốn quen làm lụng và khát khe. Mặc dù bề ngoài thì mộ đạo, ông bố roi sắt của anh ta, một bậc trưởng lão trong giáo xứ, lại là một kẻ nát rượu, nhất là khi trời không mưa, hoặc mưa sớm quá, hoặc là bất cứ khi nào. Mack chẳng bao giờ nói nhiều về bố, nhưng mỗi khi nhắc đến thì gương mặt anh vô cảm như nước triều đang rút ra khơi, chỉ còn lại ánh mắt u tối và nguội lạnh. Từ những câu chuyện ít ỏi Mack kể lại, tôi biết bố anh không phải là loại nốc rượu rồi vô tư lự ngủ khi mà là một gã bặm nhậ xấu nét đánh chửi vợ con rồi lại xin Chúa xá tội.

Biến cố xảy đến khi cậu Mackenzie mười ba tuổi miễn cưỡng bày tỏ tâm tình với một vị trưởng lão trong một dịp khôi phục đức tin cho

giới trẻ. Trong một khoảnh khắc, day dứt với cảm giác tội lỗi, Mack đã bật khóc thú nhận rằng nhiều lần cậu đã chẳng làm gì để giúp mẹ khi ông bố say xỉn đánh mẹ đến ngất đi. Điều Mack không ngờ là lời xưng tội ấy thật hiệu nghiệm và đến tai cả bố mình, và khi cậu về đến nhà thì bố đang chờ sẵn ngoài hiên còn mẹ và các em gái thì rõ ràng đã đi vắng. Về sau cậu mới biết rằng mọi người đã đến nhà cô May để bố rảnh tay dạy cho thằng con phản loạn một bài học về sự tôn kính. Gần suốt hai ngày sau đó, bị trói vào cây sồi sau nhà, cậu bị quật bằng thắt lưng xen lẫn trong những câu kinh mỗi khi ông bố tỉnh cơn say và nốc xong ngụm rượu.

Hai tuần sau, khi hồi phục và nhúc nhắc đi được, cậu bỏ nhà đi thẳng. Nhưng trước khi đi, cậu cho thuốc độc vào tất cả chai rượu tìm thấy trong nông trại. Rồi cậu ra cạnh nhà ngoài đào lên một chiếc hộp thiếc nhỏ chứa kho tàng nhân gian của cậu: một tấm ảnh gia đình với gương mặt mọi người đang nheo mắt vì ánh nắng mặt trời (bố cậu đứng khuất sang một bên), một tờ chương trình bóng chày giải Luke Easter 1950, một chai nhỏ đựng chút Ma Griffe (thứ nước hoa duy nhất của mẹ cậu), một cuộn chỉ và vài cây kim, một chiếc mô hình máy bay F-86 của Không lực Hoa Kỳ đúc bằng bạc, và toàn bộ tiền dành dụm của cậu - 15.13 đôla. Cậu lẻn vào nhà và luồn một mảnh giấy dưới gối của mẹ trong khi bố cậu đang ngáy sau một trận đánh chén. Giấy chỉ ghi: *"Một ngày kia, con hy vọng mẹ có thể tha thứ cho con."* Cậu thề sẽ không bao giờ nhìn lại, và cậu đã không làm thế - chẳng được bao lâu.

Mười ba thì còn quá nhỏ để gọi là hoàn toàn trưởng thành, nhưng Mack chẳng có mấy lựa chọn và đã thích nghi một cách thật nhanh chóng. Cậu chẳng nói nhiều về những năm tháng sau đó. Hầu hết quãng thời gian ấy trôi qua ở nước ngoài, cậu đi làm lụng khắp thế giới, gửi tiền về cho ông bà để nhờ chuyển lại cho mẹ cậu. Ở một nước xa xôi, tôi nghĩ thậm chí cậu đã cảm sung trong một cuộc xung đột dữ dội; cậu đã từng căm ghét chiến tranh một cách ghê gớm từ khi tôi biết cậu. Sau mọi chuyện, rốt cục ngoài hai mươi tuổi cậu bước chân vào một trường dòng tại Úc. Học xong thần học và triết học, cậu quay về Hoa Kỳ, làm lành với mẹ và các em gái, rồi chuyển đến Oregon nơi cậu gặp và cưới Nannette A. Samuelson.

Trong một thế giới của những người chỉ nói, Mack là một người suy nghĩ và hành động. Anh chàng chẳng nói nhiều trừ phi bạn hỏi thẳng anh, mà hầu hết mọi người đều đã biết là không nên. Khi anh ta mở miệng, bạn sẽ nghĩ anh ta là một loại người trên trời rơi xuống bởi các ý tưởng và trải nghiệm hoàn toàn theo cách khác thường.

Vấn đề là, anh thường mang lại cảm giác bất thường trong một thế giới mà hầu hết mọi người chỉ thích nghe những gì họ thường nghe, tức là chẳng có gì đáng bận tâm. Những người quen biết nói chung đều không ghét anh, miễn sao anh giữ các ý tưởng cho riêng mình. Và khi anh nói, không phải là họ không thích anh nữa - mà họ sẽ không cảm thấy thoải mái trong thâm tâm.

Mack có lần bảo tôi rằng lúc trẻ anh thường bộc lộ ý nghĩ thoải mái hơn, nhưng anh thú nhận rằng hầu hết các cuộc nói chuyện như thế là một cơ chế sinh tồn để che đậy tổn thương của mình; rốt cục anh thường gieo nỗi đau cho mọi người xung quanh. Anh nói cách của anh thường vạch ra lỗi lầm và làm bẽ mặt người khác trong khi chính mình thì tôn tạo cảm giác giả tạo của uy quyền và ngụy trị. Thật không dễ ưa.

Khi viết những dòng này, tôi tái hiện một chàng Mack mà tôi biết - thật bình dị, và dĩ nhiên không phải là một người đặc biệt, ngoại trừ đối với những ai thật sự biết anh. Anh sắp bước sang tuổi năm mươi sáu, và anh là một người khá bình thường, hơi nặng cân, hói, thấp và da trắng giống như hầu hết những người đàn ông vùng này. Ất là bạn sẽ chẳng nhận ra anh trong một đám đông hay cảm thấy khó chịu ngồi bên cạnh trong khi anh chợp mắt trên tàu MAX (tàu điện trung chuyển) trong hành trình mỗi tuần một lần vào thành phố dự cuộc họp về bán hàng. Anh làm việc chủ yếu từ văn phòng nhỏ tại nhà ở Wildcat Road. Anh bán các món đồ kỹ thuật cao và những dụng cụ mà tôi không định tìm hiểu: các thiết bị để làm cho mọi thứ diễn ra nhanh hơn, như thể cuộc sống này chưa đủ nhanh.

Bạn không thể nhận ra Mack thông minh như thế nào trừ phi bạn tình cờ nghe lỏm cuộc đối thoại giữa anh với một chuyên gia. Tôi đã từng rơi vào tình huống đó, và chợt như nghe thấy ngôn ngữ không phải là tiếng Anh nữa, rồi tôi thấy mình phải vất vả để nắm bắt các ý

niệm tuân trào như thác. Anh có thể nói chuyện một cách minh triết về hầu hết mọi điều, và cho dù bạn cảm thấy anh có sức thuyết phục mạnh mẽ, anh vẫn có một phong thái dịu dàng để giúp bạn giữ quan điểm của mình.

Các chủ đề anh ưa thích đều thuộc về Thiên Chúa và Đấng Tạo hóa và nguồn cội niềm tin của con người. Mắt anh sáng lên, nụ cười bừng nơi khóe môi, trong khoảnh khắc, như một đứa trẻ, nét mặt mỗi tan biến và anh trở nên không còn tuổi tác và vô tư lự. Nhưng trong lúc ấy, Mack không phải quá sùng đạo. Dường như anh có một mối quan hệ yêu/ghét với Tôn giáo, và thậm chí với cả Chúa mà anh hồ nghi rằng đang suy niệm ở nơi xa xôi và cách biệt. Thỉnh thoảng những lời châm chọc đầy mỉa mai lại dè dặt buông ra từ miệng anh như những mũi phi tiêu sắc lẹm tằm độc được từ một giếng sâu trong tâm can. Mặc dù cả hai chúng tôi đôi khi xuất hiện vào ngày chủ nhật tại chính ngôi giáo đường phúc âm (mà chúng tôi thích gọi là Hội Ngũ tuần Độc lập thứ 55 của Thánh John Baptist), bạn có thể thấy rằng anh ấy không thật thoải mái nơi đó.

Mack đã kết hôn với Nan hơn ba mươi ba năm mà gần trọn thời gian là những năm tháng hạnh phúc. Anh nói người vợ đã cứu chuộc đời mình và đã trả một cái giá đắt để làm việc đó. Vì một lý do nào đó, nằm ngoài sự hiểu biết, giờ đây dường như cô ấy yêu anh hơn bao giờ hết, mặc dù tôi có cảm giác anh đã làm cô ấy tổn thương dữ dội trong những năm tháng đầu. Tôi cho rằng vì hầu hết những tổn thương của chúng ta đến từ các mối quan hệ nên sự hàn gắn cũng xuất phát chính từ đó, và tôi biết rằng sự khoan dung chẳng có nghĩa gì đối với những ai nhìn sự việc qua bề ngoài.

Dù gì thì Mack đã có một cuộc hôn nhân xứng đôi. Nan chính là trát vữa để kết dính những viên gạch gia đình. Trong khi Mack vật lộn trong một thế giới đầy màu xám, thế giới của chị chủ yếu là trắng và đen. Chị tư duy theo lẽ thường một cách tự nhiên đến độ chẳng cảm nhận được cái năng khiếu lý tính ấy. Công cuộc chăm lo một gia đình khiến chị từ bỏ giấc mơ trở thành bác sĩ, nhưng trong vai trò y tá, chị tỏ ra vượt trội và được mọi người đánh giá cao trong công việc mà chính chị đã lựa chọn, là chăm sóc các bệnh nhân ung

thư giai đoạn cuối. Trong khi quan hệ của Mack với Thiên Chúa thiên về chiều rộng, quan hệ của Nan lại có chiều sâu.

Cặp vợ chồng xứng hợp một cách khác thường này có năm đứa con khôi ngô. Mack ưa nói rằng chúng đều cuồn lấy nét đẹp từ anh *“...vì Nan vẫn còn giữ được nét đẹp riêng cho cô ấy.”* Hai trong ba cậu con trai đã ra riêng: Jon, vừa mới cưới, làm mãi vụ cho một công ty địa phương, còn Tyler, mới tốt nghiệp đại học, đang làm việc tại trường để theo đuổi luận án thạc sĩ. Josh và một trong hai đứa con gái, Katherine (Kate), vẫn còn ở nhà và theo học tại đại học cộng đồng địa phương. Rồi đến một đứa con muộn màng, Melissa - hay Missy, như cách chúng tôi thích gọi cô bé. Cô bé... mà thôi, rồi bạn sẽ biết về chúng rõ hơn qua những trang sách này.

Những năm vừa qua đã trở nên, tôi nên nói như thế nào nhỉ, hết sức đặc biệt. Mack đã thay đổi; anh ấy giờ đây thậm chí còn khác hơn và đặc biệt hơn trước đây nữa. Suốt bao nhiêu năm tháng, tôi biết anh ấy là một tâm hồn khá dịu dàng và tử tế, nhưng từ lúc nằm bệnh viện cách đây ba năm, anh đã trở nên... thậm chí còn tử tế hơn nữa. Anh đã trở thành một trong những người hiếm hoi thật sự hoàn toàn thoải mái một cách chân tình. Và tôi cảm thấy thoải mái bên cạnh anh ấy, khác với bất cứ ai. Khi chia tay, dường như tôi vừa có được một cuộc nói chuyện tuyệt nhất trong đời, cho dù tôi thường là người nói hầu hết. Và ờn Chúa, Mack không chỉ phóng khoáng mà còn rất sâu sắc. Nhưng cú sốc ấy đã khiến anh phải trả giá đắt.

Những ngày này rất khác với khoảng chừng bảy năm trước, khi *nỗi đau* xâm chiếm đời anh và anh gần như không nói chuyện nữa. Vào khoảng thời gian ấy và trong gần hai năm chúng tôi không qua lại, như thể có một sự thỏa thuận ngầm ngầm nào đó. Tôi chỉ gặp Mack thì thoảng tại hiệu tạp phẩm địa phương hoặc thậm chí còn hiếm hơn nữa tại nhà thờ, và mặc dù thường ôm choàng lấy nhau một cách lịch sự, chúng tôi chẳng nói gì mấy chuyện quan trọng. Thậm chí anh ấy còn khó khăn khi nhìn vào mắt tôi; có lẽ anh ấy không muốn khơi mào một cuộc trò chuyện có thể làm tróc vảy vết thương trong tim mình.

Nhưng tất cả mọi chuyện đã thay đổi sau biến cố ác ôn với... Nhưng tôi lại buột miệng rồi, không kiềm chế được. Rồi đến lúc chúng ta sẽ biết chuyện. Tôi chỉ muốn nói mấy năm qua dường như cuộc sống đã trở lại với Mack và cất đi gánh nặng của *nỗi đau*. Chuyện xảy ra cách đây ba năm đã hoàn toàn thay đổi nhịp điệu cuộc sống của anh và đó là một khúc ca mà tôi muốn tấu lên cho các bạn cùng nghe.

Mặc dù giao tiếp ngôn từ khá tốt, Mack lại không thoải mái với kỹ năng viết lách của mình - một việc mà anh biết rằng tôi rất đam mê. Cho nên anh đã đề nghị tôi chấp bút cho câu chuyện này - câu chuyện của anh ấy, *"vì bạn trẻ và vì Nan."* Anh muốn câu chuyện giúp anh giải bày với vợ con không chỉ tình thương yêu sâu lắng của mình mà cả những gì đã diễn ra trong thế giới nội tâm của mình. Bạn biết thế giới ấy: nơi chỉ có riêng mình bạn - và có lẽ Chúa nữa, nếu bạn tin có Ngài. Dĩ nhiên, Chúa vẫn có thể hiện diện ở nơi ấy cho dù bạn *không* tin người. Người là như thế đó. Không phải vô cơ mà người được xưng tụng là Đấng Can thiệp.

Những gì các bạn sắp đọc là những gì Mack và tôi đã vất vả hàng tháng trời để viết ra. Có một chút, à... không, có nhiều điều kỳ lạ. Cho dù có những phần thật sự có thật hay không, tôi không phải là người phán xét. Cũng phải nói rằng, mặc dù có những điều không thể chứng minh được một cách khoa học, thì nó vẫn đúng đấy thôi. Thật lòng tôi phải nói rằng khi tham gia vào câu chuyện này, tôi đã bị tác động sâu thẳm bên trong vào những góc ngách mà chính tôi chưa bao giờ biết đến sự tồn tại của nó; tôi phải thú thực rằng tôi vô cùng muốn mọi chuyện Mack kể với tôi là sự thật. Hầu hết các ngày tôi ở bên cạnh Mack, nhưng có những ngày - khi thế giới hữu hình của xi măng và máy tính trông như là thế giới *thật* - thì tôi tách biệt và cảm thấy hồ nghi.

Một vài lời cuối: Mack muốn bạn biết rằng nếu bạn tình cờ đọc câu chuyện này và ghét nó thì, anh nói: *"Xin lỗi... câu chuyện chủ yếu được viết ra không dành cho bạn."* Mà nghĩ lại, biết đâu đấy. Những gì bạn sắp đọc là ký ức rõ rệt nhất mà Mack có thể nhớ về những gì đã xảy ra. Đây là câu chuyện của anh ấy, không phải của

tôi, cho nên những khi xuất hiện, tôi sẽ nhắc đến chính mình bằng ngôi thứ ba - từ góc nhìn của Mack.

Ký ức có những lúc là một kẻ đồng hành quỷ quyệt, nhất là với một tai ương, và bất chấp những nỗ lực chung của chúng tôi để đạt được sự chính xác, tôi sẽ không quá ngạc nhiên nếu trong các trang sách có những sự kiện sai sót hoặc ký ức lầm lạc. Đó không phải là sự cố ý. Tôi có thể cam đoan với bạn các cuộc trò chuyện và biến cố được ghi lại trung thực tối đa theo những gì Mack nhớ được, cho nên ta hãy rộng lượng với anh ấy. Rồi bạn sẽ thấy, đó không phải là những điều dễ bộc bạch.

Willie

GIAO LỘ

Hai con đường rẽ nhánh giữa đời tôi

Tôi nghe lời một người thông thái

Tôi chọn con đường ít người qua lại

Và nó mang đến một sự đổi thay từng đêm từng ngày

— Larry Norman (*mong Robert Frost thứ lỗi*)

Tháng ba khơi dòng cho những cơn mưa như trút nước sau một mùa đông khô hanh đến bất thường. Một đợt khí lạnh từ Canada tràn xuống và bị chặn lại bởi gió xoáy cuộn lên từ Gorge ở miền đông Oregon. Mặc dù mùa xuân chắc chắn đã đến bên thềm, chúa tể mùa đông không dễ gì rời ngôi vương vất vả chiếm được mà không nhóm lên một cuộc ẩu đả. Đã có một lớp tuyết bao phủ ở ngoài thác nước, và những giọt mưa đóng băng khi chạm vào lớp đất băng giá bên ngoài ngôi nhà; đủ lý do để Mack cuộn mình với một cuốn sách cùng rượu táo trong hơi ấm của lò sưởi tí tách.

Thế mà anh lại dành nhiều thời gian buổi sáng để làm việc từ xa với văn phòng của mình trên phố. Ngồi thoải mái trong phòng làm việc ở nhà trong chiếc quần pajama và áo thun, anh gọi những cú điện thoại bán hàng, hầu hết đến vùng Bờ Đông. Anh thường dừng lại, lắng nghe âm thanh làn mưa trong như pha lê đập vào cửa sổ rồi nhìn lớp tuyết ngày càng từ tốn đóng dày lên trên mọi vật bên ngoài. Anh đã nghiễm nhiên mắc kẹt như một tù nhân băng giá trong chính ngôi nhà của mình - một cách vui thích.

Những cơn bão cũng có chút gì đó thú vị làm gián đoạn nhịp điệu thường ngày. Tuyết hay là mưa băng giá chợt làm ta thoát ra khỏi những chờ mong, áp lực công việc, và sự chế ngự của những cuộc hẹn hay lịch làm việc. Và khác với một cơn bệnh, nó chủ yếu là một trải nghiệm của cả một doanh nghiệp thay vì của một cá nhân. Người ta hầu như nghe thấy một tiếng thở dài đồng thanh vang lên

từ thành phố lân cận và từ miền quê quanh mình nơi mà thiên nhiên đã can thiệp để đem lại một chút nghỉ ngơi cho những con người mệt mỏi đang vất vả cặm cụi trong đời sống. Tất cả những ai bị tác động theo cách này đều đồng lòng với một cái có chung, và tìm chợt bất ngờ thấy chút thanh thản phù phiếm. Sẽ chẳng cần phải xin lỗi vì không tham dự một dịp gì đó. Mọi người đều hiểu và chia sẻ chung một nguyên cớ, và việc đột nhiên không phải chịu áp lực tự mình kiếm cớ chợt làm cho con tim thấy vui.

Dĩ nhiên, các cơn bão làm gián đoạn công việc, và trong khi một vài công ty kiếm thêm được tiền, một số công ty sẽ thiệt hại - tức là có những người chẳng thấy vui gì khi mọi chuyện đột nhiên bị gián đoạn. Nhưng họ không thể trách ai được về việc mất năng suất, hay là không thể đi làm được. Cho dù mọi chuyện ít khi kéo dài quá một, hai ngày, mỗi người đều phần nào cảm thấy mình là chủ nhân trong thế giới riêng của mình, đơn giản chỉ vì mấy giọt nước nhỏ đóng băng khi chạm đất.

Thậm chí các hoạt động bình thường cũng trở nên đặc biệt. Những sự lựa chọn thường ngày trở nên những cuộc phiêu lưu và thường được trải nghiệm với một cảm thức cao độ. Cuối buổi chiều, Mack thu dọn và bước ra ngoài trời đánh vật với chừng một trăm bộ trên lối đi dài để đến chỗ thùng thư. Một cách kỳ diệu, băng tuyết đã biến hành động đơn giản hằng ngày này thành một cuộc chống chọi với thiên nhiên: vung tay lên để chống lại sức mạnh hung tàn của thiên nhiên và ngạo nghễ cất tiếng cười. Việc chẳng ai chú ý hay quan tâm không làm anh bận lòng - riêng ý nghĩ ấy đã làm anh mỉm cười trong lòng.

Những hạt mưa băng tuyết đâm vào đôi má và đôi bàn tay khi anh cẩn trọng dò bước trên lối đi gập ghềnh; anh nhìn, anh cân nhắc như một thủy thủ say rượu lần bước tiến đến cái quán rượu kế tiếp. Khi đối mặt với một cơn bão tuyết, ta chẳng thể nào bước đi hùng dũng một cách đầy tự tin được. Gió sẽ quật ta tả tơi. Mack phải lồm cồm bò dậy hai lần trước khi ôm chầm lấy chiếc thùng thư như bạn cố tri thất lạc lâu ngày.

Anh khựng lại để chiêm ngưỡng dung nhan của một thế giới chìm trong pha lê. Vụn vặt phản chiếu ánh sáng và góp mặt vào ánh rực rỡ của cuối chiều. Cây cối trên mảnh đất người láng giềng đã phủ đầy những lớp băng trong suốt và mỗi cây một dáng vẻ nhưng giờ đây cùng đứng bất động. Một thế giới rực rỡ và trong khoảnh khắc vẻ tráng lệ của chúng dường như cất đi *nỗi đau* trên vai Mack.

Phải mất gần một phút mới phá được lớp băng đã phủ chặt lấy cánh cửa thùng thư. Phần thưởng cho cố gắng ấy là một chiếc phong bì chỉ có mỗi họ của anh đánh máy bên ngoài, không tem, không dấu bưu điện, và không địa chỉ hồi báo. Tò mò, anh xé đuôi chiếc phong bì, mà cũng không phải là việc đơn giản vì các ngón tay bắt đầu tê cứng vì lạnh. Xoay lưng về phía ngọn gió lạnh nín thở, rốt cục anh lôi ra được một mảnh giấy gấp thành hình chữ nhật nhỏ. Nội dung đánh máy chỉ ghi:

Mackenzie,

Cũng lâu rồi nhỉ? Ta nhớ con.

Ta sẽ đến căn chòi cuối tuần tới
nếu con muốn gặp.

Papa

Mack cứng người lại trong khi một cơn nồn nao trào dâng khắp người và rồi nhanh chóng biến thành một cơn phẫn nộ. Anh đã cố nghĩ đến *căn chòi* càng ít càng tốt và thậm chí khi nghĩ đến thì đó cũng chẳng phải là một ý tưởng tử tế hay tốt đẹp. Nếu đây là một ý xấu đùa cợt của ai đó thì quả là họ đã quá đà. Và chữ ký "Papa" chỉ làm cho mọi chuyện thêm kinh động.

"Ngu xuẩn," anh gầm lên, nghĩ đến anh chàng Tony đưa thư; một tay người Ý hết sức thân thiện và tốt tính nhưng vụng về. Tại sao hẳn lại giao một cái phong bì kỳ cục như thế? Thậm chí chẳng dán tem. Mack tức giận nhét chiếc phong bì và lá thư vào túi áo khoác và quay lưng dò bước trở lại hướng ngôi nhà. Những đợt gió mạnh cản bước tiến trước đây, giờ lại giúp anh rút ngắn thời gian đi trên con sông băng nho nhỏ đang bắt đầu dày lên dưới chân mình.

Anh đi vào một cách êm xuôi, tạ ơn người, cho đến khi vào được đoạn dốc về phía trái cuối lối đi. Không hề nỗ lực hay cố tình, anh bỗng bắt đầu tăng tốc, lướt trên đôi giày mà đế chẳng mấy bám đất cũng như một con vịt trượt trên hồ đóng băng. Đôi tay vung lia lịa những móng phần nào giữ được thăng bằng, Mack bỗng thấy mình đang lao thẳng về phía cái cây duy nhất khá lớn ngay ranh giới lối đi - cái cây mà anh đã tỉa mấy cành thấp mới cách đó vài tháng. Giờ đây nó đứng hăm hở để chặn lấy anh, trơ trụi và dường như đang mong phục thù. Trong một khoảnh khắc ý nghĩ lóe lên, anh đã chọn cách ngã xuống để tránh nó bằng cách tung chân lên - mà cũng là tư thế tự nhiên của cơ thể. Chẳng thà ê ẩm người còn hơn phải gỡ gai trên mặt.

Nhưng máu nóng đã làm anh quá đà, và như trong một chuyển động chậm Mack từ từ nhìn đôi bàn chân mình tung cao trước mặt như thể bị vướng vào một chiếc bẫy rừng già nào đó. Anh đập mạnh xuống, gáy xuống trước, rồi trôi thành một khối dưới gốc cây lung linh, mà dường như đang đứng trên với ánh nhìn tự mãn pha lẫn căm ghét.

Thế giới chợt tối sầm lại, hay là có vẻ như thế. Anh nằm đó sững sờ mắt nhìn lên trời, nheo lại vì mưa băng nhanh chóng làm lạnh gương mặt ửng đỏ. Trong một thoáng đọng lại, mọi vật dường như ấm lên và bình yên một cách lạ kỳ, cơn giận dữ tức khắc tan biến bởi cú ngã. “Bây giờ thì ai ngu xuẩn?” anh lẩm bẩm, hy vọng không ai thấy.

Cái lạnh nhanh chóng len vào qua áo khoác, áo lạnh và Mack biết mưa băng tuyết đang vừa tan vừa đóng băng bên dưới mình sẽ chẳng mấy chốc trở nên rất khó chịu. Rên rỉ và có cảm giác như một người già cả hơn rất nhiều, anh xoay người lồm cồm bò dậy. Chính lúc ấy, anh nhìn thấy một vết dài đỏ tươi đánh dấu cú trượt của anh từ điểm đầu đến điểm cuối. Như bừng dậy vì cảm giác bị thương bất thành hình, một cơn đau âm ỉ bắt đầu râm ran sau gáy. Anh đưa tay sờ đầu theo bản năng rồi nhìn bàn tay dính máu.

Băng gồ ghề và sỏi sắc nhọn đâm vào bàn tay và đầu gối, Mack lồm cồm vừa bò vừa trượt đến khi rốt cục tới được chỗ bằng phẳng

trên lối đi. Không mấy khó khăn, cuối cùng anh đứng lên được và thận trọng nhích dần về phía ngôi nhà, co ro trước sức mạnh của băng tuyết và trọng lực.

Khi đã vào nhà, Mack bắt đầu cởi đồ bên ngoài một cách cẩn thận, các ngón tay phần nào lạnh cóng của anh cử động lóng ngóng cũng như đôi cánh tay quá khổ. Anh quyết định mặc kệ vết máu lấm tẩm trên lối vào để lê bước một cách đau đớn vào phòng tắm xem kỹ vết thương. Rõ ràng lối đi băng tuyết đã chiến thắng. Vết đứt trên gáy anh đang túa máu cạnh mấy hòn sỏi vẫn còn dính trên da đầu. Đúng như anh sợ, một vết u khá lớn đã định hình, nổi lên như một con cá voi có bướu đang vờn những đợt sóng cuộn là mái tóc mỏng.

Mack cảm thấy khó khăn khi băng vết thương bằng cách nhìn sau gáy qua một chiếc gương cầm tay phản chiếu lại hình ảnh lộn ngược trong chiếc gương phòng tắm. Sau một chốc bực dọc, anh bỏ cuộc, không thể di chuyển bàn tay theo đúng hướng và không biết chiếc gương nào trong hai chiếc đang lừa dối mình. Dò dẫm thận trọng quanh vết thương đang ứa máu, anh lấy ra được mảnh ghim lớn nhất, cho đến khi đau quá thì thôi. Chộp lấy thuốc mỡ cấp cứu rồi cố rịt lên vết thương, anh buộc khăn vào gáy bằng gạc tìm được trong một ngăn tủ của phòng tắm. Liếc nhìn mình qua gương, anh nghĩ mình trông hơi giống một tay thủy thủ bặm trợn nào đó trong truyện *Moby Dick*. Ý nghĩ làm anh cười, rồi nhả lại.

Anh sẽ phải chờ đến khi Nan về nhà mới được chăm sóc y tế đến nơi đến chốn; một trong nhiều lợi ích khi kết hôn với một y tá có bằng cấp. Dù sao anh cũng biết rằng trông mình càng tệ hại thì càng được cảm thông. Thử thách nào cũng thường có đền bù ít nhiều, nếu người ta chịu khó tìm kiếm. Anh ực vài viên thuốc giảm đau thông thường để làm dịu cảm giác rồi lê bước ra cửa.

Không một phút giây nào Mack quên đi lá thư. Lục lọi trong đồng quần áo ướt và dính máu rồi cực anh tìm ra nó trong túi áo khoác, nhìn thoáng qua rồi quay vào văn phòng. Anh tìm số của bưu điện rồi gọi. Như dự đoán, nhắc máy là Annie, người phụ nữ nghiêm trang phụ trách bưu điện và lưu giữ tất cả bí mật của mọi người. “Xin chào, có Tony ở đó không ạ?”

“Xin chào, Mack, có phải anh đó không? Tôi nhận ra giọng anh.” Dĩ nhiên là cô nhận ra. “Rất tiếc, nhưng Tony chưa quay về. Thật tình thì tôi mới nói chuyện với anh ấy qua radio và anh ta chỉ mới đi được nửa đường đến Wildcat thôi, thậm chí chưa đến chỗ anh. Anh có cần tôi bảo anh ta gọi cho anh không, hay anh muốn nhắn tin lại không?”

“Ồ, xin chào. Cô đây à, Annie?” Anh buột miệng, cho dù âm sắc miền Trung tây của cô không ngờ vào đâu được. “Xin lỗi, tôi đang bận một tí. Không nghe kịp cô nói gì.”

Cô ta cười. “Mack này, tôi biết anh nghe từng chữ. Anh không được xí gạt tôi như trẻ con đấy nhé. Anh biết đó, tôi không phải mới đẻ đâu. Anh muốn tôi nhắn gì khi Tony quay về lành lặn?”

“Thật ra thì cô đã trả lời câu hỏi của tôi rồi.”

Đầu kia ngưng lại một chút. “Quả thật tôi không nhớ anh có hỏi. Anh có làm sao không, Mack? Anh vẫn chơi thuốc dũ dội hay chỉ rít vào sáng chủ nhật khi đi lễ nhà thờ?” Nói xong, cô bật cười, như thể thích chí vì ý hài hước hay ho của mình.

“Annie này, cô biết là tôi không dùng chất kích thích - không bao giờ, và cũng không muốn thử.” Dĩ nhiên Annie biết không có chuyện đó, nhưng Mack không muốn có rủi ro khi một, hai ngày nữa cô ta nhớ lại cuộc nói chuyện. Không phải lần đầu óc hài hước của cô đã biến một câu chuyện hay ho thành một “sự kiện.” Anh không muốn tên mình được đưa vào danh sách cầu nguyện của nhà thờ. “Thôi được rồi, tôi sẽ liên lạc với Tony lúc khác, không có vấn đề gì.”

“Vậy nhé, hãy ở trong nhà cho an toàn. Anh không biết đâu, người già cả như anh có khi mất thăng bằng vì tuổi tác đó. Tôi không muốn thấy anh trượt ngã bị thương. Theo công việc đã giao thì Tony chắc không đến được chỗ anh đâu. Tuyệt rồi, mưa đá hay đêm khuya chúng tôi đều đi được, ngoại trừ mưa băng tuyết thế này. Khó mà biết chắc lắm.”

“Cám ơn, Annie. Tôi sẽ cố nhớ lời khuyên của cô. Nói chuyện với cô sau nhé. Tạm biệt cô.” Đầu anh căng lên chưa từng thấy; những

chiếc búa máy nho nhỏ nện theo nhịp tim. “Kỳ quái thật,” anh nghĩ bụng, “ai dám cả gan bỏ một thứ như vậy vào thùng thư *nhà mình* chứ?” Thuốc giảm đau chưa ngấm hoàn toàn nhưng cũng tác dụng để làm dịu nỗi lo âu mà anh bắt đầu cảm nhận được, và anh chợt thấy mệt rũ. Úp đầu xuống bàn, anh tưởng chừng như mình vừa thiếp ngủ khi điện thoại đánh thức anh tỉnh dậy.

“Alô?”

“Chào anh. Nghe giọng anh như đang ngủ.” Chính là Nan, giọng vui vẻ một cách lạ thường, cho dù anh cảm thấy như nghe được nỗi buồn ẩn giấu sau từng cuộc đối thoại. Nàng yêu thích thời tiết kiểu này cũng như anh. Anh bật đèn bàn lên và liếc nhìn đồng hồ, ngạc nhiên thấy mình đã thiếp đi mấy tiếng.

“Xin lỗi. Anh tưởng anh mới chợp mắt một tí.”

“Giọng anh hơi ngái ngủ đấy. Mọi chuyện ổn cả chứ?”

“Ừ.” Cho dù ngoài trời đã gần như tối rồi, Mack vẫn nhìn thấy cơn bão chưa ngớt. Thậm chí nó còn làm tuyết dày thêm mấy phân. Cảnh cây trụi thấp, và anh biết một số rớt cục sẽ gãy vì sức nặng, nhất là khi gió nổi lên. “Anh đánh vật một chút ở ngoài lối đi lúc ra lấy thư, nhưng ngoài ra thì mọi việc đều ổn. Em đang ở đâu?”

“Em vẫn còn ở nhà Arlene, và em định sẽ qua đêm với bọn nhỏ ở đây. Cho Kate về chơi với họ hàng cũng tốt... lấy lại chút thăng bằng.” Arlene là em gái của Nan sống bên kia sông tại Washington. “Dù sao đi ra ngoài cũng trơn trượt quá. Hy vọng đến sáng thì ngớt. Em ước giá như về nhà kịp trước khi thời tiết xấu tệ, nhưng không sao.” Nàng ngưng lại. “Nhà cửa ổn chứ?”

“À, đẹp đẽ vô cùng, và trông an toàn hơn nhiều so với bước vào trong, tin anh đi. Chắc chắn anh không muốn em cố gắng về đây trong lúc bề bọn thế này đâu. Không có gì suy suyển cả. Anh nghĩ Tony chắc không thể mang thư đến được.”

“Em tưởng anh nhận được thư rồi?” nàng hỏi.

“Không, thật tình anh không nhận được thư. Anh tưởng Tony đã đến nên anh đi ra để lấy. Mà...” anh ngập ngừng, nhìn xuống lá thư

nằm trên bàn ở chỗ cũ, “cũng chẳng có thư từ gì cả. Anh đã gọi Annie và cô ta bảo Tony chắc không lên đòi được đâu, anh cũng chẳng muốn lên đó để xem anh ta có đến không nữa.”

“Mà này,” anh nhanh chóng chuyển đề tài để tránh bị hỏi vặn, “Kate thế nào rồi?”

Có một chút ngưng đọng và rồi một tiếng thở dài. Khi Nan nói, giọng nàng lặng đi như một lời thì thầm và anh biết nàng đang che miệng ở đầu bên kia. “Mack, giá mà em biết được. Nó cứ như là nói chuyện với tảng đá ấy, em có làm gì cũng không ăn thua. Khi có họ hàng bên cạnh thì hình như nó thoát ra khỏi lớp vỏ ấy một chút, nhưng rồi lại lặn mất. Em chẳng biết làm gì nữa. Em cứ cầu nguyện và cầu nguyện suốt mong Papa giúp mình có cách đến với nó, nhưng mà...” nàng lại ngưng, “hình như Papa không lắng nghe.”

Vậy đó. Papa là từ yêu thích của Nan để gọi Chúa và cách gọi đó bộc lộ sự vui thích của nàng trong mối quan hệ thân thiết với Ngài.

“Em à, anh chắc chắn Chúa biết những gì Ngài làm. Rồi mọi chuyện sẽ ổn thôi.” Những lời ấy chẳng làm anh an lòng nhưng anh hy vọng nó có thể làm dịu nỗi âu lo anh nghe thấy trong giọng nói của nàng.

“Em biết,” nàng thở dài. “Em chỉ mong Ngài nhanh lên.”

“Anh cũng vậy,” Mack chỉ nghĩ được có thể để thốt ra. “Thôi, em và mấy đứa nhỏ nghỉ ngơi nhé, bảo anh gửi lời chào Arlene, Jimmy và cảm ơn mọi người. Hy vọng gặp em ngày mai.”

“Được rồi, anh. Em đi giúp mọi người một tay. Cả nhà đang bận tìm nền để phòng mất điện. Anh cũng nên chuẩn bị. Có mấy cây nến trên cái chậu dưới hầm, với lại còn bánh mì nhồi thịt ăn chưa hết trong tủ lạnh, anh có thể hâm lên. Anh có chắc là không sao chứ?”

“Ừ, chỉ có tính tự phụ của anh là tổn thương hơn hết thôi.”

“Thôi anh nghỉ ngơi đi, hy vọng gặp anh vào sáng mai.”

“Vậy nhé, em. Giữ an toàn và cần gì thì hãy gọi cho anh. Tạm biệt em.”

Nói câu ấy quả là có phần ngốc nghếch, anh nghĩ bụng khi gác máy. Một thứ ngốc nghếch kiểu đàn ông, cứ như là anh có thể giúp gì được cho vợ con.

Mack ngồi nhìn lá thư chăm chăm. Thật là hoang mang và đau khổ khi phải làm sắp xếp bao cảm xúc và hình ảnh đen tối rồi bời quay cuồng trong tâm trí - một triệu ý nghĩ lao đi một triệu dặm một giờ. Cuối cùng, anh bỏ cuộc, gấp lá thư lại, nhét vào chiếc hộp anh cất trên bàn, rồi tắt đèn.

Mack loay hoay tìm món gì đó để hâm lên trong lò vi ba, rồi anh chộp lấy mấy cái chăn và gối đi vào phòng khách. Liếc nhìn đồng hồ anh biết chương trình của Bill Moyer vừa bắt đầu; một chương trình ưa thích mà anh cố gắng không bao giờ bỏ lỡ. Moyer là một trong số ít ỏi những người mà Mack muốn gặp; một người thông minh và thẳng thắn, có khả năng bộc lộ mạnh mẽ tình yêu với con người và sự thật một cách hết sức rõ rệt. Một trong các câu chuyện tối nay liên quan đến người bán dầu Boone Pickens, một người bắt đầu đào giếng tìm nước.

Gần như không suy nghĩ, và không rời mắt khỏi máy thu hình, Mack với tay về phía bàn cầm lấy một khung ảnh có hình một bé gái, rồi áp lên ngực mình. Tay kia anh kéo chăn lên sát cằm và thả mình sâu vào ghế sofa.

Chẳng mấy chốc tiếng ngáy nhẹ nhàng vang lên khi máy thu hình chuyển sang tin về một học sinh trung học ở Zimbabwe bị đánh đập vì lên tiếng phản đối chính quyền. Nhưng Mack đã rời căn phòng để đánh vật với các giấc mơ của mình; có lẽ đêm nay không có ác mộng, có lẽ chỉ có ảo cảnh của băng tuyết, cây cối và trọng lực.

BÓNG TỐI QUẦN TỤ

Không gì làm chúng ta đơn độc như những điều bí mật của mình.

— Paul Tournier

Thắng hoặc trong đêm, một cơn gió ấm đã thổi qua thung lũng Willamette, giải thoát cảnh vật khỏi gọng kềm băng giá của cơn bão, ngoại trừ những thứ nằm ẩn kín trong bóng tối thâm sâu nhất. Trong vòng hai mươi bốn giờ, thời tiết bỗng ấm như đầu mùa hè. Mack ngủ một hơi đến sáng bạch, một giấc ngủ không mộng mị mà dường như trôi qua chỉ trong khoảnh khắc.

Ngồi dậy trên sofa, anh có phần chán nản vì cảnh vật băng tuyết đã phai pha quá nhanh nhưng thay vào đó là niềm vui được gặp lại Nan và bọn trẻ khi cả nhà xuất hiện chưa đầy một tiếng sau. Trước tiên là anh đón đợi lời ca cảm thường lệ vì đã không tổng quần áo dơ dính máu vào phòng giặt, rồi tiếp theo là một loạt những ồ và á khi nàng khám vết thương trên đầu anh. Sự chăm sóc làm Mack hết sức vừa lòng và chẳng bao lâu sau Nan đã lau rửa, băng bó và cho anh ăn uống. Lá thư, mặc dù chưa bao giờ rời xa tâm trí anh, không được nhắc đến. Anh vẫn không biết nghĩ gì về nó, và anh không muốn Nan dính vào nếu đó hóa ra là một trò đùa ác ý.

Những mối bận tâm nho nhỏ, như cơn bão băng, là một chút khuây khỏa ngắn ngủi ập đến giữa cơn ám ảnh hiện hữu của người bạn đồng hành bất tận bên anh: *nỗi đau*, như cách anh gọi. Ngay sau mùa hè mà Missy mất tích, *nỗi đau* lớn đã khoác lên vai Mack như một tấm chăn nặng trĩu tàng hình nhưng hữu thể. Sức nặng của nó làm ánh mắt anh mờ đục, đôi vai khom gập. Nỗ lực đến kiệt sức để giữ nó, đôi tay anh như thể được may chặt vào đó và anh đã phần nào gắn chặt với nó. Anh ăn uống, làm việc, yêu thương, mơ mộng và chơi đùa trong cái vỏ nặng nề ấy, còng xuống như đang mặc một chiếc áo choàng tấm dất chì - lê bước mỗi ngày trong sự chán nản u ám đã ngấm trọn màu sắc của vạn vật.

Có những lúc anh cảm thấy *nỗi đau* từ từ siết chặt lồng ngực và trái tim mình như những vòng dây xoắn của một chiếc dụng cụ, vắt hết chất lỏng từ trong mắt mình ra cho đến lúc anh tưởng không còn một giọt nào. Rồi có lúc anh nằm mơ thấy đôi bàn chân mình kẹt trong bùn, trong khi anh nhìn loáng thoáng Missy chạy xuống con đường rợp bóng cây trước mặt, chiếc váy đồ cotton mùa hè của cô bé dính hoa dại thấp thoáng sau những thân cây. Cô bé hoàn toàn không hay biết cái bóng u ám đang bám theo sau mình. Mặc cho anh cố hét lên điên dại để cảnh báo cô bé, chẳng một âm thanh nào phát ra và lúc nào anh cũng chậm trễ và quá bất lực không thể cứu cô bé. Anh thường choàng dậy trên giường, mồ hôi nhỏ giọt từ tấm thân như tử, trong khi những cơn sóng buồn nôn, tội lỗi và hối tiếc cuộn tràn trong người nhưng một cơn lũ triều siêu thực.

Câu chuyện về sự mất tích của Missy tiếc thay lại không khác những chuyện thường được kể quá nhiều. Mọi chuyện diễn ra trong kỳ cuối tuần Lễ Lao động, kỳ vui chơi cuối cùng của mùa hè trước khi vào năm học mới và chương trình công việc mùa thu thường kỳ. Mack có một quyết định táo bạo là đưa ba đứa nhỏ đi cắm trại một chuyến đến hồ Wallowa tại đông bắc Oregon. Nan đã đăng ký một lớp học của chương trình bổ sung tại Seattle, còn hai đứa con trai lớn thì đang ở trường đại học hoặc là ở một trại hè. Nhưng Mack tin mình có sự kết hợp đầy đủ các khả năng dã ngoại lẫn kỹ năng làm mẹ. Dù gì thì Nan cũng đã dạy bảo anh tận tình.

Ý thức về chuyến phiêu lưu và cắm trại làm mọi người bị cuốn hút trong cơn sốt, và cả căn nhà ồn ào với mọi hoạt động. Nếu làm theo cách của Mack chắc là mọi người sẽ lúi xe vận tải vào nhà và bê hầu hết đồ đạc lên xe để phục vụ cho kỳ cuối tuần dài. Trong một lúc bối rối, Mack quyết định phải nghỉ giải lao và thả người vào chiếc ghế của bố mình sau khi suýt đuổi Judas, chú mèo của gia đình. Anh chuẩn bị bật truyền hình thì Missy ào vào, ôm chiếc hộp Plexiglas nhỏ.

“Con mang theo bộ sưu tập côn trùng đi cắm trại được không?” Missy hỏi.

“Con muốn mang mấy con bọ theo à?” Mack cầu nhàu, chẳng mấy chú ý đến cô bé.

“Bố, không phải bọ đâu. Chúng là côn trùng. Nhìn này, con có trong này nhiều lắm.”

Mack miễn cưỡng chú ý đến con gái và cô bé thấy bố chú ý bèn bắt đầu giảng giải về nội dung trong chiếc hộp kho tàng của mình.

“Có hai con châu chấu. Rồi bố nhìn trên chiếc lá kia, con sâu bướm của con với lại... Kia rồi! Bố thấy con bọ rùa của con không? Con còn có một con ruồi với mấy con kiến trong đó nữa.”

Trong khi cô bé thống kê bộ sưu tập của mình, Mack cố gắng hết mức để tỏ ra chú ý, gật đầu theo.

Missy kết thúc: “Vậy là con đem theo được phải không?”

“Được chứ, con. Có khi đến đó mình thả ra cho tụi nó về với thiên nhiên.”

“Không, không được!” một giọng vang lên từ trong bếp. “Missy, con phải để bộ sưu tập ở nhà. Tin mẹ đi, ở đây chúng nó an toàn hơn.” Nan thò đầu vào và nghiêm mặt giận yêu Mack trong khi anh nhún vai.

“Bố đã cố rồi đó, con!” anh thì thầm với Missy.

“Grrr,” Missy làu bàu. Nhưng biết là trận chiến đã thất bại, cô bé nhặt chiếc hộp lên rồi đi ra.

Đến tối thứ năm thì chiếc xe thùng đã quá tải còn phần rờ-mooc lều có gắn đèn và phanh thì đã được kiểm tra. Sáng thứ sáu, sau một bài giáo huấn cuối cùng của Nan với các con về sự an toàn, vâng lời, việc đánh răng buổi sáng, không túm bọ mèo có sọc trắng trên lưng, và bao nhiêu qui định về các thứ khác, cả nhà lên đường; Nan đi về hướng Bắc theo xa lộ liên bang 205 đến Washington, còn Mack và ba người bạn nhỏ đi về hướng Đông theo xa lộ liên bang 84. Kế hoạch là sẽ trở về vào thứ ba tuần sau, ngay trước ngày đầu tiên đi học.

Hẻm núi sông Columbia thật đáng để làm một chuyến du hành, với những toàn cảnh ngoạn mục khi đứng nhìn từ các đỉnh núi bằng còn lưu vết khắc các dòng sông và đứng lơ đãng trong cái ẩm cuối mùa hè. Tháng chín và tháng mười có thể cống hiến những thời khắc đẹp nhất của thời tiết Oregon: mùa thu muộn thường rơi vào lễ Lao động và kéo dài đến Halloween, khi trời bỗng trở lạnh, ẩm ướt và khó chịu. Năm nay cũng không phải ngoại lệ. Đường xá và thời tiết hợp tác với nhau nhuần nhuyễn, và cả nhà hầu như không để ý đến thời gian và những dặm đường đã trôi qua.

Bốn cha con dừng lại tại thác Multnomah để mua sách tô màu và viết chì màu cho Missy và hai chiếc máy ảnh rẻ tiền, không thấm nước loại dùng một lần cho Kate và Josh. Bốn cha con quyết định leo một đoạn ngắn trên con đường mòn dẫn đến chiếc cầu đổi diện thác. Đã từng có một con đường dẫn đi vòng quanh hồ nước vào trong cái hang cạn đằng sau cột nước đang đổ, nhưng tiếc là nó đã bị bít lại khi người ta phát hiện nó bắt đầu xói mòn. Missy thích nơi này lắm, và năn nỉ bố kể câu chuyện huyền thoại cô gái da đỏ xinh đẹp, con gái của tù trưởng bộ lạc Multnomah. Cô bé phải kỳ kèo, nhưng cuối cùng Mack chiều ý và kể lại câu chuyện trong khi mấy cha con đứng nhìn lên màn sương phủ quanh thác nước đang đổ.

Câu chuyện xoay quanh một ái nữ, đứa con duy nhất của một vị cha già. Vị tù trưởng yêu con gái rất mực và cẩn thận kén chồng cho con; một chiến binh trẻ - tù trưởng của bộ lạc Clatsop, người mà ông biết con gái mình cũng yêu thương. Hai bộ lạc tụ hội để ăn mừng lễ cưới, nhưng trước khi hôn lễ cử hành, một căn bệnh kinh khủng bắt đầu lây lan trong những người đàn ông, làm thiệt mạng nhiều người.

Các vị trưởng lão và các tù trưởng gặp nhau để bàn xem có thể làm gì để đối phó với căn bệnh quái ác đang nhanh chóng lấy đi mạng sống các chiến binh. Thầy lang cao tuổi nhất trong số họ kể lại chuyện cha của ông, lúc già yếu gần qua đời, đã tiên đoán một căn bệnh ghê gớm sẽ giết hại dân làng, và chỉ có thể ngăn chặn căn bệnh nếu một người con gái trong trắng và ngây thơ của một vị tù trưởng sẵn sàng dâng hiến sinh mạng của mình cho dân chúng. Để

trọn lời nguyện, cô gái phải tự nguyện trèo lên một vách đá trên Sông Lớn rồi từ đó nhảy xuống quỳn sinh.

Cả chục cô gái trẻ, tất cả đều là con gái của các tù trưởng, đã được đưa ra trước hội đồng. Sau khi tranh cãi khá nhiều, các vị trưởng lão quyết định họ không thể yêu cầu một sự hy sinh cao quý như vậy, nhất là đối với một truyền thuyết mà họ không chắc là đúng.

Nhưng căn bệnh tiếp tục hoành hành và rốt cục vị tù trưởng chiến binh trẻ tuổi, vị hôn phu tương lai của cô gái nọ, đã ngã bệnh vì nó. Cô gái yêu chàng biết trong thâm tâm phải làm một điều gì đó, và sau khi hạ sốt cho chàng, nàng đã hôn nhẹ lên trán chàng, nàng lên đi.

Nàng mất trọn đêm và ngày hôm sau để lên đến nơi được nhắc đến trong truyền thuyết, một vách núi nhìn xuống Sông Lớn và những vùng đất xa hơn. Sau khi cầu nguyện và phó thác cho Đấng Linh thiêng, nàng kết thúc lời nguyện bằng cách không ngần ngại gieo mình xuống những tảng đá ghê gớm dưới vực sâu.

Ngày hôm sau, những người bệnh đều ngồi dậy và mạnh khỏe. Mọi người rất đổi vui mừng và hoan hỉ cho đến khi người chiến binh trẻ phát hiện ra cô dâu yêu dấu của mình đã mất tích. Khi tin ấy lan đến tai mọi người, nhiều người bắt đầu đi đến nơi mà họ biết sẽ tìm thấy nàng. Khi họ lặng lẽ đứng quanh xác nàng dưới chân vách đá, người cha đau khổ của nàng đã thét lên với Đấng Linh thiêng, đòi hỏi sự hy sinh của nàng phải luôn luôn được tưởng nhớ. Lúc ấy, nước bắt đầu rơi từ nơi nàng đã nhảy xuống, biến thành một màn sương mịn phủ xuống chân họ, từ từ tạo nên một cái hồ.

Missy thích nghe cha kể đi kể lại câu chuyện đó. Nó có đầy đủ mọi yếu tố của một câu chuyện cứu chuộc thật sự, không giống như chuyện về Jesus mà cô bé đã biết quá rõ. Nó nói về tình yêu cao đẹp và một sự hy sinh được báo trước bởi một lời tiên tri. Vì tình yêu, người con lại sẵn sàng hy sinh mạng sống của mình để cứu người chồng chưa cưới và các bộ lạc khỏi cái chết.

Nhưng lần này, Missy chẳng nói tiếng nào khi câu chuyện kết thúc. Cô bé đột nhiên quay lưng đi thẳng về phía chiếc xe như muốn nói: “Được rồi, con nghe xong rồi. Chúng ta đi thôi.”

Họ nghỉ nhanh để ăn trưa và đi vệ sinh tại sông Hood rồi lại lên đường, đến La Grande đầu giờ chiều. Đến đây, họ rời khỏi xa lộ I-84 để rẽ sang xa lộ Hồ Wallowa, để đi bảy mươi hai dặm đến thị trấn Joseph. Cái hồ và điểm cắm trại họ đang đến chỉ vượt qua Joseph vài dặm, và sau khi tìm ra địa điểm tắt cả lao vào và nhanh chóng dựng trại - có lẽ không đúng là cách Nan muốn, nhưng lại hiệu quả.

Bữa ăn đầu tiên là theo kiểu truyền thống gia đình Phillips: bít tết sườn, ướp bằng nước sốt bí mật của chú Joe. Phần tráng miệng thì dùng bánh sôcôla hạnh nhân mà Nan đã làm đêm trước, có phủ kem vanilla ủ trong đá khô mang theo.

Buổi tối đó, khi ngồi giữa ba đứa con đang cười đùa và ngắm nhìn một trong những tiết mục kỳ thú nhất của thiên nhiên, trái tim Mack chợt rộn lên một niềm vui bất ngờ. Ánh hoàng hôn rực rỡ sắc màu và dáng vẻ chờn vờn với mấy đám mây đang châu chực để làm diễn viên chính trong tiết mục có một không hai này. Anh là một người giàu có, anh tự nhủ lòng, về mọi phương diện có ý nghĩa nhất.

Khi dọn dẹp xong bữa ăn khuya thì màn đêm buông xuống. Hươu nai - những vị khách quen thuộc ban ngày và đôi khi gây nhiều phiền hà - đã biến đi ngủ ở chỗ của chúng. Thay ca cho chúng là bọn gây rối ban đêm: gấu trúc, sóc và sóc chuột kéo nhau đi thành bầy sục sạo tìm bất cứ chiếc hộp nào còn hé mở. Mấy cha con nhà Phillips đã biết chuyện này do kinh nghiệm trước đây. Đêm đầu tiên ngủ ở điểm cắm trại này họ đã bị xơi mất bốn tá bánh Rice Krispies Treats, một hộp sôcôla, và toàn bộ bánh bơ đậu phộng.

Trước khi quá trễ, bốn cha con đã đi bộ một chút từ điểm cắm trại đến một địa điểm âm u và tĩnh lặng mà có thể nằm xuống và ngắm nhìn dải ngân hà, lộng lẫy và rực sáng không hề bị lấn át bởi ánh đèn ô nhiễm của đô thị. Mack có thể nằm đó và ngắm nhìn cỏi mênh mông ấy hàng giờ. Anh cảm thấy mình nhỏ bé đến không ngờ

nhưng lại hài lòng với bản thân. Trong tất cả những nơi mà anh cảm nhận được sự hiện diện của Chúa, ở ngoài này giữa thiên nhiên và dưới trời sao chính là một trong những nơi xác thực nhất. Anh như nghe thấy cả khúc ca thờ phụng đáng Tạo hóa đang vang lên, và với trái tim trơ của mình anh hết mình hòa nhịp.

Rồi mọi người trở lại điểm cắm trại và sau nhiều đợt thu xếp đồ đạc, Mack nhét ba đứa nhỏ vào trong túi ngủ đầy sự an toàn và bảo vệ. Anh cầu nguyện vẫn tắt với Josh rồi chuyển sang nơi Kate và Missy đang nằm chờ, nhưng khi đến lượt Missy cầu nguyện thì cô bé lại muốn nói chuyện.

“Bố, sao cô ấy lại buộc phải chết?” Mack mất một lúc mới hình dung ra được Missy đang nói về ai, và đột nhiên nhận ra cô gái bộ lạc Multnomah đã ở trong đầu con bé suốt từ lúc dừng chân trong ngày.

“Con à, cô ấy không *buộc phải* chết. Cô ấy đã *lựa chọn* cái chết để cứu dân chúng. Họ bệnh rất nặng và cô ấy muốn họ khỏi bệnh.”

Một sự yên lặng và Mack biết một câu hỏi khác đang hình thành trong bóng tối.

“Chuyện có xảy ra thật vậy không?” Lần này câu hỏi là từ Kate, rõ ràng quan tâm đến cuộc nói chuyện.

“Chuyện có xảy ra thật vậy không?”

“Cô gái da đỏ có chết thật không? Chuyện có thật không?”

Mack suy nghĩ trước khi lên tiếng. “Bố không biết, Kate. Đó là một truyền thuyết và đôi khi truyền thuyết là những câu chuyện để dạy một bài học.”

“Vậy là chuyện không có thật à?” Missy thắc mắc.

“Có thể, con à. Đôi khi truyền thuyết được dựng nên từ chuyện thật, những sự việc thật sự đã xảy ra.”

Lại yên lặng, và rồi: “Vậy Jesus chết có phải là một truyền thuyết?” Mack có thể nghe cả tiếng những bánh xe đang lăn trong tâm trí Kate.

“Không, con, đó là một câu chuyện thật, và các con biết gì không? Bố nghĩ câu chuyện cô gái da đỏ chắc cũng là chuyện thật.”

Mack chờ đợi trong khi các cô con gái đang suy nghĩ. Missy là đứa hỏi tiếp. “Đấng Linh thiêng là tên khác của Chúa - bố biết đó, cha của Jesus phải không?”

Mack nở nụ cười trong bóng tối. Rõ ràng những lời cầu nguyện ban đêm của Nan có một hiệu quả. “Bố cũng đoán vậy. Đó là một cái tên hay dành cho Chúa vì Ngài là Linh hồn và là một Đấng.”

“Vậy thì tại sao Ngài lại ác như vậy?”

À, đây mới chính là câu hỏi này giờ được nung nấu. “Con nói sao, Missy?”

“Đấng Linh thiêng làm cô gái nhảy xuống từ vách đá và làm cho Jesus chết trên thập tự. Con thấy như vậy khá là ác.”

Mack bí. Anh không biết chắc nên trả lời thế nào. Với sáu tuổi rưỡi, Missy đang hỏi những câu mà những người khôn ngoan đã phải đánh vật hàng thế kỷ.

“Con ơi, Jesus không nghĩ rằng cha mình ác. Người nghĩ rằng cha mình đầy tình thương và yêu thương Người vô cùng. Cha của người không *làm cho* người phải chết. Jesus đã chọn cái chết vì Người và cha của Người yêu thương con, bố và mọi người trên đời này. Người đã cứu chúng ta khỏi căn bệnh, giống như cô gái.”

Giờ đây đến lượt một sự im lặng dài nhất, và Mack bắt đầu thắc mắc các cô con gái đã ngủ chưa. Khi anh vừa định chồm qua hôn chúng thì một giọng nhỏ nhoi và không giấu được rung động cất lên phá tan sự tĩnh lặng.

“Bố?”

“Gì, con?”

“Liệu con có bao giờ phải lên vách núi và nhảy xuống không?”

Tim Mack thất lại khi anh hiểu ra vì sao có cuộc trò chuyện này. Anh lôi cô bé vào đôi tay mình rồi ôm vào lòng. Với giọng hơi chút

khàn hơn bình thường, anh nhẹ nhàng đáp, “Không đâu, con. Bố sẽ chẳng bao giờ bảo con phải lên núi nhảy xuống cả, dứt khoát không, không bao giờ.”

“Vậy thì Chúa có bao giờ bảo con lên núi và nhảy xuống không?”

“Không, Missy. Chúa sẽ chẳng bao giờ bảo con phải làm vậy cả.”

Cô bé rúc sâu vào đôi tay bố. “Được rồi! Ôm con chặt đi. Chúc bố ngủ ngon! Con yêu bố.” Rồi cô bé thiếp đi, chìm vào giấc ngủ sâu với toàn những mộng đẹp êm đềm.

Sau vài phút, Mack gượng nhẹ đặt cô bé trở lại vào túi ngủ.

“Con ổn chứ, Kate?” anh vừa thì thầm vừa hôn cô bé.

“Vâng,” có tiếng đáp lại thì thầm. “Bố?”

“Gì, con?”

“Nó hỏi hay đây chứ?”

“Đúng vậy. Nó là một đứa đặc biệt, cả hai đứa tụi con, có điều con chẳng còn quá nhỏ nữa. Bây giờ ngủ đi, ngày mai bận rộn đấy. Chúc con có những giấc mơ đẹp nhé.”

“Bố cũng vậy. Con yêu bố lắm!”

“Bố cũng yêu con vô cùng. Chúc con ngủ ngon.”

Mack cài lều lại khi bước ra ngoài, anh xì mũi, rồi quệt những giọt nước mắt còn vương trên má. Anh thầm đọc những câu kinh tạ ơn Chúa rồi đi pha chút cà phê.

MỎM NÚI RIÊNG

Tâm hồn được hàn gắn khi ở cùng trẻ em.

— FYODOR DOSTOEVSKY

Hồ Wallowa công viên Tiểu bang tại Oregon và vùng phụ cận thường được gọi là tiểu Thụy Sĩ của Hoa Kỳ. Những rặng núi gồ ghề hoang vu vươn cao gần mười ngàn bộ, và nằm giữa chúng là vô số thung lũng đầy những dòng suối, đường mòn, và những đồng cỏ trên cao tràn đầy những khóm hoa dại. Hồ Wallowa là cửa ngõ vào vùng đất hoang mồm núi Diều Hâu và vùng giải trí quốc gia hẻm núi Hells, nơi khoe ra hẻm núi sâu nhất Bắc Mỹ. Được khoét hàng bao thế kỷ bởi Sông Rắn, có những chỗ nó sâu đến vài dặm từ đỉnh đến đáy, và một chực dặm từ bờ bên này sang bờ bên kia.

Bảy mươi lăm phần trăm của vùng giải trí không có đường sá, với hơn 900 dặm đường mòn. Một thời là lãnh địa của bộ lạc danh tiếng Nex Perce mà tàn tích sự hiện diện của họ đang nằm rải rác khắp vùng đất hoang vu này, cũng như dấu vết những người khai hoang da trắng trên đường đến bờ Tây. Thị trấn Joseph kề cận được đặt tên theo danh tính của một vị tù trưởng hùng mạnh mà tên tiếng da đỏ của ông nghĩa là Sấm Rền từ Núi. Khu vực này là vùng đất của vô số loài hoa và muông thú như nai sừng tấm, gấu, hươu và sơn dương. Sự hiện diện của rắn lục lục, nhất là khi bạn đến gần Sông Rắn, là lý do để đi một cách cẩn trọng, nếu bạn quyết định mạo hiểm đi ra khỏi đường mòn.

Hồ Wallowa dài năm dặm và rộng một dặm, một số người nói nó hình thành từ băng hà cách đây chín triệu năm. Giờ đây nó nằm cách thị trấn Joseph chừng một dặm trên độ cao 4.400 bộ. Nước hồ, mặc dù lạnh đến nín thở hầu như quanh năm, lại khá dễ chịu vào cuối mùa hè đến mức có thể bơi thoải mái, ít nhất ở gần bờ. Nhìn xuống viên ngọc xanh này là đỉnh Sacagawea, cao gần 10.000 bộ, với đỉnh tuyết phủ và những sườn cao đầy cây to.

Mack và các con vui chơi suốt ba ngày liên tiếp. Missy, dường như đã thỏa mãn với các câu trả lời của bố, không bao giờ nói đến đề tài cô gái nữa, mặc dù một trong những ngày cuộc bộ đã dẫn mấy bố con lên vài vách núi dựng đứng. Mấy bố con đã dành vài giờ để đi trên hồ bằng xuồng chèo, cố hết sức để thắng giải tại một cuộc thi golf thu nhỏ, và thậm chí còn cưỡi ngựa dọc theo đường mòn. Sau một chuyến đi trong buổi sáng đến trang trại Wade nổi tiếng trong lịch sử, tọa lạc giữa Joseph và Enterprise, mấy cha con dành cả buổi chiều để đến các cửa hiệu nhỏ tại chính thị trấn Joseph.

Trở về hồ, Josh và Kate rượt đuổi nhau quanh con đường mòn của xe đẩy. Josh là đứa chiến thắng, nhưng Kate bắt đầu giành lại được quyền khoe khoang vào buổi chiều khi cô bé tóm được ba con cá hồi cỡ lớn. Missy bắt được một con bằng lưới câu và sâu, nhưng cả Josh và Mack đều chẳng bắt được gì mặc dù dùng mồi ngon.

Rồi đến một lúc trong kỳ cuối tuần hai gia đình khác lọt vào thế giới của gia đình Phillips một cách kỳ lạ. Chuyện xảy ra là tình bạn thường nảy nở trước tiên giữa bọn trẻ rồi đến lượt giữa những người lớn. Josh đặc biệt thích lân la với chị em nhà Ducettes, mà cô lớn, Amber, là một thiếu nữ xinh xắn cỡ tuổi cậu. Kate rất ưa để tâm chòng ghẹo anh mình về việc này, và cậu ta thường đáp lại những lời châm chọc bằng cách bỏ đi về phía chiếc lều rờ - moọc trong giận dữ và bực dọc. Amber có một cô em gái, Emmy, chỉ nhỏ hơn Kate một tuổi, và cả hai thường chơi chung với nhau suốt. Vicki và Emil Ducette xuất phát từ nhà tại Colorado, nơi Emil là nhân viên cho phòng Hành pháp Cục ngư chính và Hoang thú, còn Vicki ở nhà để lo nội trợ và lo cả cho cậu con trai bất ngờ J.J, giờ đây đã gần một tuổi.

Gia đình Ducettes đã giới thiệu cha con Mack với một cặp vợ chồng Canada mà họ đã gặp trước đó, Jesse và Sarah Madison. Hai người này có cung cách thoải mái, khiêm nhường và Mack lập tức thích họ ngay. Cả hai hành nghề tư vấn độc lập; Jesse trong lĩnh vực nhân sự còn Sarah trong lĩnh vực quản trị cải cách. Missy bị cuốn hút ngay với Sarah, và cả hai thường đến chỗ cắm lều của nhà Ducette để giúp Vicki và J.J.

Ngày thứ hai ló dạng một cách rực rỡ và toàn thể bầu đoàn đều hào hứng về kế hoạch đi theo đường cáp điện Hồ Wallowa để lên đỉnh núi Howard - 8.150 bộ trên mực nước biển. Khi được xây dựng vào 1970, đường cáp có đoạn giữ kỷ lục dốc nhất Bắc Mỹ, với tổng chiều dài khoảng gần bốn dặm. Hành trình lên đỉnh mất khoảng mười lăm phút trong toa cáp treo lơ lửng chừng 3 đến 120 bộ cách mặt đất.

Thay vì mang theo đồ ăn trưa, Jesse và Sarah nhất định đãi mọi người một bữa ăn tại quán nướng Đỉnh Núi. Kế hoạch là sẽ ăn ngay khi lên đến đỉnh rồi dành cả ngày còn lại để đi bộ đến năm vị trí nổi tiếng để thưởng cảnh. Trang bị máy ảnh, kính râm, chai nước và tấm che nắng, mọi người xuất phát vào giữa buổi sáng. Như dự định, họ xoi một bữa tiệc đúng nghĩa gồm hamburger, khoai tây chiên và nước trái cây tại quán nướng. Chuyến đi lên cao ắt đã làm mọi người ăn ngon miệng - ngay cả Missy cũng ăn hết nguyên một cái burger và gần hết rau.

Sau bữa trưa mọi người đi bộ đến từng cao điểm thưởng cảnh gần đó, mà chặng dài nhất là từ thung lũng Tầm Cao đến vùng Sông Rắn và cao điểm Bảy Con Quỷ (hơn ba phần tư dặm một chút). Từ cao điểm thung lũng Wallowa họ có thể ngắm nhìn xa tít tận các thị trấn Joseph, Enterprise, Lostine, và thậm chí cả Wallowa. Từ cao điểm Tím Hoàng Gia và cao điểm Thượng Đỉnh mọi người thỏa thích với một tầm nhìn trong vắt, nhìn xuống tiểu bang Washington và Idaho. Một số thậm chí còn nghĩ rằng có thể nhìn vượt qua cả doi đất Idaho đến tiểu bang Montana.

Đến chiều muộn, mọi người đều mệt mà vui. Missy, được Jesse cõng trên vai qua mấy cao điểm cuối cùng, đang thiếp đi trên tay bố khi mọi người gập ghềnh đi vù vù xuống từ trên đỉnh. Bốn thành viên trẻ tuổi, cùng với Sarah, dán mặt vào cửa sổ, ô và a trước những cảnh kỳ thú suốt dọc đường đi xuống. Vợ chồng Ducesttes ngồi yên nắm tay nhau, còn J.J ngủ trên tay bố.

“Đây là một trong những khoảnh khắc quý giá và hiếm hoi,” Mack nghĩ, “làm cho bạn ngạc nhiên và sửng sờ. Giá mà có Nan ở đây thì thật là mỹ mãn.” Anh chuyển Missy sang một tư thế dễ chịu hơn cho

cô bé, trong khi cô bé đã hoàn toàn say ngủ, rồi vén tóc cô bé để nhìn. Bụi đất và mồ hôi của cả ngày lại càng làm tăng vẻ thơ ngây và kháu khỉnh của cô bé một cách kỳ lạ. “Tại sao chúng nó lại phải lớn lên nhỉ?” Anh trầm ngâm và hôn trán cô bé.

Buổi tối đó, ba gia đình gom thức ăn lại để dùng chung bữa khuya cuối cùng với nhau. Khai vị là món xà lách kiểu Mexico, với nhiều rau tươi mới cắt và sốt. Rồi không biết bằng cách nào, Sarah đã chuẩn bị được cả một bữa tráng miệng chocolate, với mấy lớp kem đánh, mousse, bánh hạnh nhân và các thứ bánh kẹo khác làm mọi người no nê thỏa mãn.

Sau khi cất thức ăn còn thừa vào tủ lạnh và lau dọn đĩa, người lớn ngồi uống cà phê quanh một đồng lửa trại sáng rực để nghe Emil kể về những cuộc mạo hiểm phá các đường dây buôn lậu thú hiếm và giảng giải cách truy bắt những người câu trộm và săn bắn bất hợp pháp. Anh là một người kể chuyện tài tình và còn là một nguồn những câu chuyện vui. Hết sức kỳ thú, và Mack lại nhận ra có nhiều thứ trên đời mà mình ngờ nghệch.

Khi buổi tối buông xuống, Emil và Vicki đi ngủ trước với em bé đã trữu mi mắt của họ. Jesse và Sarah tình nguyện ở lại để lát nữa đưa hai bé gái nhà Ducette về lều trại. Ba anh em nhà Phillips và hai chị em nhà Ducettes ngay lập tức biến mất vào trong chiếc rờ moọc lều để thủ thỉ kể chuyện và những điều bí mật.

Như thường tình khi lửa trại cháy lâu, cuộc trò chuyện đã chuyển từ những chuyện hài hước sang chuyện đời tư hơn. Sarah có vẻ nôn nóng muốn hỏi Mack về các thành viên còn lại của gia đình, nhất là Nan.

“Chị ấy thế nào, Mackenzie?”

Mack vô cùng thích thú nếu có dịp để khoe về Nan của mình. “À, ngoài vẻ đẹp mà ý tôi không phải là thường đâu, cô ấy đẹp lắm, từ trong ra ngoài,” anh nhìn lên bên lên khi cả hai đều mỉm cười với mình. Anh nhớ vợ và mừng vì bóng đêm đã giúp anh che giấu bớt vẻ ngượng ngùng. “Tên đầy đủ của cô ấy là Nannette, nhưng hầu như ai cũng gọi là Nan. Cô ấy có tiếng trong giới y khoa, ít nhất là ở

Northwest. Cô ấy là một y tá làm việc với các bệnh nhân ung thư giai đoạn cuối. Công việc căng thẳng, nhưng cô ấy rất thích. Cô ấy cũng đã viết vài bài tham luận và làm diễn giả tại một vài hội nghị.”

“Thế à?” Sarah thốt lên. “Chị ấy thuyết trình về vấn đề gì?”

“Cô ấy giúp mọi người suy nghĩ về quan hệ của họ với Chúa khi đối diện với cái chết của chính họ,” Mack đáp.

“Tôi thích nghe tiếp về chuyện đó,” Jesse khơi thêm trong khi cời lửa bằng một cái que, khiến nó cháy bùng lên.

Mack do dự. Mặc dù cảm thấy dễ chịu một cách kỳ lạ bên cạnh hai vợ chồng này, anh không biết nhiều lắm về họ và cuộc nói chuyện đã đi hơi sâu hơn mức độ mà anh cảm thấy thoải mái. Anh lục tìm nhanh một câu trả lời vắn tắt cho mối quan tâm của Jesse.

“Nan giỏi việc đó hơn tôi. Tôi đoán là cô ấy suy nghĩ về Chúa khác hơn hầu hết mọi người. Cô ấy thậm chí còn gọi Ngài là Cha do cảm nhận sự thân thuộc của mối quan hệ, hy vọng điều đó có lý.”

“Có lý chứ,” Sarah thốt lên trong khi Jesse gật đầu. “Không phải là một quan hệ ruột thịt sao, gọi Chúa là Papa?”

“Không,” Mack mỉm cười cất lời. “Bọn nhỏ cũng bắt chước theo nhưng tôi không cảm thấy thoải mái cách đó. Hình như hơi quá thân cận đối với tôi. Dù sao Nan cũng có một người cha quá tuyệt vời, cho nên tôi nghĩ với cô ấy thì dễ dàng hơn.”

Chuyện đã đi lỡ trớn, và Mack run lên trong thâm tâm, hy vọng không ai nhận ra, nhưng Jesse đang nhìn thẳng vào anh. “Bố anh không quá tuyệt vời sao?” anh hỏi một cách nhẹ nhàng.

“Ừ.” Mack ngưng lại. “Thì nói là ông ấy không quá tuyệt vời cũng được. Ông mất khi tôi còn bé, do những nguyên nhân tự nhiên.” Mack cười, nhưng âm thanh nghe trống rỗng. Anh nhìn cả hai: “Ông uống rượu đến chết.”

“Thật đáng tiếc,” Sarah nói giùm cho cả hai, và Mack cảm nhận được thành ý của cô.

Anh lên tiếng, cố cười tiếp: “Cuộc đời đôi khi khó khăn, nhưng tôi phải cảm ơn về rất nhiều điều.”

Theo sau là một sự im lặng lúng túng trong khi Mack thắc mắc hai người này có gì mà dễ dàng phá tan lớp phòng thủ của mình đến như vậy. Mack được giải cứu mấy giây sau bởi một cuộc huyền não của bọn trẻ khi chúng ủa ra khỏi rờ moọc và xông vào giữa họ. Vô cùng hân hoan, Kate và Emmy đã bắt quả tang Josh và Amber nắm tay nhau trong bóng tối, và giờ đây cô bé muốn cả thế giới biết chuyện. Lúc này, Josh quá xúc động đến độ chịu đựng mọi trò quấy nhiễu và dễ dàng chấp nhận mọi chuyện từ cô bé. Cậu ta đã cố mà vẫn không dẹp được nụ cười ngốc nghếch trên mặt.

Cả hai vợ chồng Madison đều ôm cha con Mack để chúc ngủ ngon, và Sarah còn siết chặt anh một cách hết sức âu yếm trước khi bước đi. Rồi, tay trong tay với Amber và Emmy, cả nhà họ đi vào bóng tối về lều trại nhà Ducette. Mack dõi theo họ đến khi không còn nghe thấy tiếng họ thì thầm trong đêm và khi ánh đèn pin vung vẩy của họ mất dạng. Anh mỉm cười với chính mình và quay lại lừa đàn con của mình về phía những chiếc túi ngủ.

Tiếng cầu nguyện vang lên đều, tiếp theo là những nụ hôn chúc ngủ ngon và tiếng cười khúc khích của Kate khi thủ thỉ với anh trai mà thỉnh thoảng cậu chàng lại lồng lên trong tiếng thì thào mà mọi người đều nghe thấy, “Thôi đi Kate. Hừ... Tao nói rồi đó, mày thật là láo xược!” rồi rốt cục, sự im lặng.

Mack thu dọn những gì có thể bằng ánh sáng của ngọn đèn bão và chẳng mấy chốc quyết định phó mặc phần còn lại đến ban ngày. Dù sao thì kế hoạch đến đầu giờ chiều cả nhà mới định lên đường. Anh pha một tách cà phê đêm cuối cùng rồi ngồi nháp phía trước đồng lửa đã tàn thành một đồng than cháy đỏ lập lòe. Thật quá dễ để biến mất trong đám than hồng bập bùng đó. Anh cô đơn, nhưng không cô đơn. Có phải đó là một câu trong ca khúc *Tiếng đồn vinh quang* của Bruce Cockburn không nhỉ? Anh không chắc, nhưng nếu nhớ thì anh sẽ tra khi về nhà.

Trong lúc ngồi mê hoặc bởi ngọn lửa và cuộn mình trong hơi ấm của nó, anh cầu nguyện, hầu hết là những lời tạ ơn. Anh đã được nhận quá nhiều. Hạnh phúc có lẽ là từ đúng. Anh hài lòng, thanh thản, và thật bình an. Lúc ấy Mack không biết, nhưng trong vòng hai mươi bốn tiếng, những lời cầu nguyện của anh sẽ thay đổi, một cách hệ trọng.

Buổi sáng hôm sau không đến trong ổn thỏa, mặc dù trời nắng và ấm áp. Mack dậy sớm để gây bất ngờ cho lũ trẻ bằng một bữa điểm tâm, nhưng bị bỏng hai ngón tay trong khi gỡ mấy miếng bánh rán kẹt trong vỉ nướng. Phản ứng vì bị đau, anh làm lật bếp lò và vỉ nướng rồi làm đổ một chén bột bánh kếp xuống đất. Bọn trẻ, bị đánh động vì tiếng ồn và tiếng rửa xả lò bầu, đã thò đầu ra khỏi lều để ngóng xem sự tình. Chúng bắt đầu cười khúc khích khi hiểu chuyện, nhưng tiếng quát của Mack "*Có gì mà cười!*" làm chúng thụt vào trong lều, nhưng vẫn còn khúc khích và hé nhìn qua khe cửa sổ lều.

Thế là bữa điểm tâm, thay vì là bữa tiệc Mack dự định, lại là ngũ cốc lạnh với sữa pha kem - do những phần sữa cuối cùng đã trộn vào bột bánh kếp. Mack dành cả tiếng đồng hồ sau đó ngồi sắp xếp đồ đạc với hai ngón tay nhúng trong một ly nước đá phải châm thường xuyên bằng các mảnh nước đá Josh đập ra từ một tảng nước đá bằng cái muỗng. Chắc chắn tin tức đã được truyền đi vì Sarah Madison xuất hiện với dụng cụ cấp cứu bỏng, và trong vòng vài phút đã băng mấy ngón tay của anh vào trong một thuốc lỏng màu trắng, anh thấy cơn nhức dịu đi.

Vào lúc đó, Josh và Kate, sau khi hoàn tất các việc được giao, đã xuất hiện và xin phép đi chơi bằng xuồng của Ducette một lần cuối; hứa hẹn mặc áo cứu sinh. Sau khi không đồng ý thoạt đầu và một loạt lời nài nỉ của bọn trẻ, nhất là Kate, Mack rốt cục đồng ý, nhắc chúng một lần nữa về các nguyên tắc an toàn và cách thức khi bơi thuyền. Anh không quá lo. Điểm cắm trại của họ chỉ cách hồ một tầm ném đá, và chúng đã hứa bơi gần bờ. Mack có thể để mắt đến chúng trong khi tiếp tục thu dọn lều trại.

Missy bận bịu tại bàn, tô màu vào cuốn sách mua ở thác Multnomah. “Con bé khá khỉnh quá,” Mack nghĩ, liếc nhìn về hướng cô bé trong khi dọn dẹp đồng bệ bọn đã gây ra trước đó. Cô bé mặc bộ quần áo sạch duy nhất còn lại, một chiếc váy mùa hè màu đỏ có thêu hoa đại mua tại Joseph trong ngày hành trình đầu tiên đến thị trấn.

Khoảng mười lăm phút sau, Mack ngược lên khi nghe một giọng gọi quen thuộc “Bố!” từ phía hồ. Chính là Kate, và cô bé cùng anh trai đang bơi thuyền như những tay chuyên nghiệp trên hồ. Cả hai đều ngoan ngoãn mặc áo cứu sinh và anh vẫy chúng.

Thật lạ là khi một hành động hay biến cố tưởng chừng như vô nghĩa lại có thể thay đổi hoàn toàn những cuộc đời. Kate, khi vung chèo lên để vẫy lại, bị mất thăng bằng và làm nghiêng xuống. Gương mặt cô như đóng băng lại nỗi khiếp sợ khi chiếc xuồng lặn lẽ và từ từ lật. Josh nghiêng người một cách hốt hoảng để cố gắng lấy thăng bằng, nhưng đã quá trễ và cậu ta rơi ùm xuống nước mất dạng. Mack đã chạy về phía mép nước, không định nhảy xuống, mà chỉ định đến gần chỗ bọn trẻ ngã. Kate ngoi lên trước, miệng lắp bắp la hét, nhưng không thấy tăm hơi Josh. Rồi đột nhiên, nước văng lên và đôi chân vẫy vùng, Mack biết ngay có chuyện rất không ổn.

Ngạc nhiên với cả chính mình, bao nhiêu bản năng được mài giũa từ lúc làm thiếu niên cứu hộ bỗng ùa về. Trong mấy giây, anh đã cởi giày và áo rồi lao xuống nước. Thậm chí chẳng cảm nhận được cú sốc của nước lạnh trong khi lao năm mươi bộ ra phía chiếc xuồng bị lật, trong phút chốc không màng đến cả tiếng khóc hốt hoảng của con gái. Cô bé an toàn. Mối quan tâm chính của anh là Josh.

Hít một hơi sâu, anh lặn xuống. Nước, mặc dù bị khuấy tung lên, vẫn còn khá trong trẻo, với tầm nhìn khoảng ba bộ. Anh nhanh chóng tìm thấy Josh và cũng phát hiện ra tại sao nó gặp rắc rối. Một trong mấy sợi dây buộc áo cứu sinh đã bị mắc kẹt vào dây đai xuồng. Cố gắng hết mức anh vẫn không tháo dây ra được, anh bèn ra hiệu cho Josh tiến sâu vào trong thuyền, nơi không khí vẫn còn kẹt lại. Nhưng cậu trai đang hoảng kinh, làm kéo căng sợi dây khiến cậu bị kẹt theo xuồng và ở dưới nước.

Mack trôi lên, hét bảo Kate bơi vào bờ, hóp một ngụm không khí rồi lại lặn xuống lần thứ hai. Đến cú lặn thứ ba và biết rằng sắp hết thời gian, Mack nhận ra rằng anh có thể hoặc tìm cách lôi Josh ra khỏi chiếc áo cứu sinh hoặc lật xuống lại. Vì Josh, trong cơn hoảng loạn, không cho ai lại gần, Mack chọn cách thứ hai. Có thể do Chúa và các thiên thần hoặc do Chúa và ý chí hành động, anh không bao giờ biết được, nhưng chỉ cố đến lần thứ hai anh đã lật được chiếc xuống lại, giải thoát được cho Josh.

Chiếc áo cứu sinh, rốt cục đã có thể làm nhiệm vụ của nó, giờ đây đang giữ cho khuôn mặt chàng trai nổi trên mặt nước. Mack trôi lên đằng sau Josh mà giờ đây đang rũ người và bất tỉnh, máu túa ra từ một vết thương trên đầu do chiếc xuống nện vào cậu ta trong lúc Mack lật nó lại. Anh cố hết sức làm hô hấp nhân tạo ngay lập tức cho con trai, trong khi những người khác nghe tin sự cố đã đến để lôi anh và chiếc xuống cùng chiếc áo cứu sinh mắc kẹt vào chỗ nước cạn.

Quên đi cả những tiếng thét quanh mình khi mọi người đang huyên náo với những lời chỉ dẫn và gạn hỏi, Mack tập trung vào việc của mình với nỗi hốt hoảng lớn dần trong lồng ngực. Ngay khi chân chạm đất, Josh bắt đầu ho và ộc ra cả nước lẫn bữa ăn sáng. Bao tiếng reo mừng vang lên từ mọi người đang tụ tập, nhưng Mack chẳng màng. Một sự nhẹ nhõm tràn ngập trong lòng trong khi bao hốt hoảng tan biến, anh bắt đầu khóc, và rồi Kate cũng bật khóc ôm choàng cổ anh, còn mọi người thì vừa cười, vừa khóc, vừa ôm nhau.

Bằng cách nào đó mọi người đều kéo đến bờ hồ. Trong số những người bị lôi đến đây vì sự cố ồn ào này có cả Jesse Madison và Emil Ducette. Trong lúc hỗn độn giữa vui mừng và nhẹ nhõm, Mack nghe cả tiếng Emil, như tiếng lặp đi lặp lại của một bài kinh: “Tôi hết sức xin lỗi... tôi hết sức xin lỗi... tôi hết sức xin lỗi.” Đó chính là chiếc xuống của họ. Chuyện có thể xảy đến với con cái họ. Mack tìm đến anh ta, ôm lấy người đàn ông trẻ tuổi và nhấn giọng vào tai anh ta: “Thôi mà! Không phải lỗi của anh và ồn cả rồi.” Emil bắt đầu khóc, cảm xúc đột ngột được tháo tung khỏi con đê kìm nén tội lỗi và sợ

hãi. Một cuộc khủng hoảng đã được ngăn chặn. Hay là Mack tưởng như vậy.

NỖI ĐAU

Nỗi sầu là một bức tường giữa hai khu vườn.

— KAHLIL GIBRAN

Mack đứng trên bờ, người cúi gập xuống và vẫn còn đang lấy hơi trở lại bình thường. Mất vài phút anh mới nghĩ đến Missy. Còn nhớ cô bé đang ngồi tại bàn để tô màu trong sách, anh đi ngược lên bờ đến chỗ có thể nhìn thấy điểm cắm trại, nhưng không thấy bóng dáng cô bé. Anh vội bước đi nhanh về chiếc rờ moọc lều, gọi tên cô bé một cách cố gắng hết sức trầm tĩnh. Không có lời đáp. Cô bé không có ở đó. Mặc dù tim thót lại, anh biện minh rằng trong lúc hỗn loạn đã có người lo cho cô bé, chắc là Sarah Madison hay Vicki Ducette, hay là một trong mấy đứa lớn.

Không muốn tỏ ra quá lo lắng hay hoảng hốt, anh tìm gặp và nhận thông báo cho hai người bạn mới rằng anh không tìm thấy Missy và nhờ họ kiểm tra với gia đình họ. Cả hai nhanh chân quay lại điểm cắm trại của họ. Jess quay lại trước tiên để thông báo rằng Sarah không thấy Missy suốt cả buổi sáng hôm đó. Anh và Mack bèn đến chỗ Ducette, nhưng trước khi họ đến nơi Emil đã ào đến với họ, nét sợ sệt hiện rõ trên mặt anh.

“Không ai thấy Missy hôm nay, và chúng tôi không biết Amber đang ở đâu. Có lẽ chúng nó đi với nhau chẳng?” Câu hỏi của Emil thoáng một ý kinh sợ.

“Chắc chắn là vậy rồi,” Mack nói, cố trấn an chính mình cũng như Emil. “Anh nghĩ chúng nó đang ở đâu vậy?”

“Sao mình không kiểm tra các phòng tắm và buồng tắm vòi sen,” Jesse đề nghị.

Họ gật đầu và Mack vội bước về phía các buồng tắm vòi sen gần nhất, chợt nhận ra lần đầu tiên rằng mình đang đi chân đất và cởi trần. “Chắc mình trông dị hợm lắm,” anh nghĩ, và có lẽ sẽ bật cười nếu đầu óc không quá chú tâm vào Missy.

Đến các buồng vệ sinh, anh hỏi một thiếu niên xuất hiện phía dãy của nữ giới xem cô bé có nhìn thấy một bé gái mặc váy đỏ bên trong không, hoặc là hai đứa con gái. Cô bé bảo anh rằng cô không chú ý, nhưng sẽ nhìn lại. Trong vòng chưa đầy một phút, cô bé đã quay lại lắc đầu.

“Cám ơn nhé,” Mack nói rồi đi vòng qua sau dãy nhà nơi có các buồng tắm vòi sen. Khi đi vòng qua góc quanh anh bắt đầu lớn tiếng gọi Missy. Mack nghe thấy tiếng nước chảy nhưng không có ai đáp. Anh chỉ làm một phụ nữ lớn tuổi sợ khiếp khi xô cửa và tình cờ làm bật cửa buồng của bà ta. Bà ấy hét lên khiến Mack vội xin lỗi rồi nhanh tay sập cửa lại rồi lao đến buồng kế tiếp.

Sáu buồng tắm không tìm thấy Missy. Anh kiểm tra nhà vệ sinh và các buồng tắm của nam giới, cố gắng không nghĩ xem lý do tại sao anh lại phải nhìn vào đó. Không thấy cô bé đâu và anh chạy trở lại chỗ Emil, không biết cầu nguyện điều gì ngoại trừ lắp bắp: “Ôi Chúa ơi, hãy giúp con tìm ra nó... Ôi Chúa ơi, làm ơn giúp con tìm ra nó.”

Khi nhìn thấy anh, Vicki lao đến gặp. Cô đã cố không khóc nhưng không kìm được khi họ ôm nhau. Đột nhiên Mack muốn có mặt Nan vô cùng. Nàng sẽ biết phải làm gì, ít nhất cũng biết việc gì là đúng. Anh cảm thấy thật lạc lõng.

“Sarah ở với Josh và Kate ở đằng sau lều trại, cho nên đừng lo cho chúng nó,” Vicki bảo anh trong tiếng nức nở.

“Ôi Chúa ơi,” Mack nghĩ khi thấy mình hoàn toàn quên mất hai đứa con kia. “Con là một người cha kiểu gì vậy?” Mặc dù anh nhẹ lòng khi thấy Sarah ở cạnh chúng, giờ đây anh lại càng muốn Nan có mặt ở đây hơn nữa.

Vừa lúc ấy, Emil và Jesse ủa vào trại, Emil tỏ ra nhẹ nhõm còn Jesse thì nhìn căng thẳng như một chiếc lò xo.

“Tìm thấy nó rồi,” Emil thốt lên, mặt sáng bừng, rồi lại rũ ra khi nhận ra ý nghĩa câu nói của mình. “Ý tôi là đã tìm ra Amber. Nó vừa trở về sau khi đi tắm ở một chỗ khác còn nước nóng. Nó bảo đã nói với mẹ, nhưng chắc Vicki không nghe thấy...” Giọng anh kéo dài.

“Nhưng chúng tôi không tìm thấy Missy,” Jesse nhanh miệng nói thêm, trả lời cho câu hỏi quan trọng nhất. “Amber cũng chưa nhìn thấy nó hôm nay.”

Emil giờ đây tỏ ra tất bật và nắm quyền chủ động. “Mack, chúng ta cần phải liên lạc với cơ quan quản lý khu trại ngay, và thông báo tin tức để tìm Missy. Có thể trong lúc ầm ĩ và náo động con bé hoảng sợ và hoang mang rồi thờ thần đi lạc luôn, hoặc có thể nó đang cố tìm chúng ta và quẹo sai. Anh có ảnh của nó không? Chắc trong văn phòng có máy photo để chúng ta sao ra cho nhanh đây.”

“Ừ, tôi có một ảnh nhỏ của con bé trong ví.” Anh thò tay vào túi sau và trong một giây đồng hồ chợt hốt hoảng khi không thấy gì cả. Ý nghĩ thoáng qua đầu anh là chiếc ví đang nằm dưới đáy hồ Wallowa, và rồi anh nhớ ra nó vẫn còn trong thùng sau chiếc xe của chuyến đi xe cáp ngày hôm qua.

Ba người quay trở lại trại của Mack. Jesse chạy trước để báo cho Sarah biết rằng Amber an toàn, nhưng Missy vẫn biệt tích. Khi đến trại, Mack cố hết sức ôm lấy và trấn an Josh với Kate, cố tỏ ra trấn tĩnh trước mặt chúng. Thay đồ ướt ra, anh mặc áo thun và quần jean, mang vớ sạch với một đôi giày chạy bộ. Sarah hứa rằng cô và Vicki sẽ giữ hai đứa lớn với họ, và thì thầm rằng cô đang cầu nguyện cho anh và Missy. Mack ôm nhanh lấy cô và cảm ơn, rồi sau khi hôn các con anh đi cùng hai người đàn ông cùng chạy về phía văn phòng khu trại.

Tin tức về vụ cứu người dưới nước đã truyền đến văn phòng nhỏ của trụ sở khu trại gồm hai buồng trước khi họ tới, và mọi người tại đó đang hân hoan. Tình hình thay đổi khi cả ba người thay phiên nhau giải thích về vụ mất tích của Missy. May là văn phòng có một máy photo, và Mack đã phóng lớn năm, sáu tám ảnh của Missy để phát cho họ.

Khu trại hồ Wallowa có 215 điểm cắm trại chia làm năm nhánh và ba khu vực. Viên trợ lý quản lý trẻ tuổi, Jeremy Bellamy, tình nguyện đi thông báo, nên họ chia khu trại ra làm bốn khu vực và mỗi người đi ra với một tấm bản đồ, ảnh của Missy, và một máy bộ đàm của

văn phòng. Một trợ lý cầm máy bộ đàm của văn phòng cũng đi về lều trại của Mack để thông báo nếu Missy xuất hiện tại đó.

Mọi việc thật là chậm và bài bản, quá chậm đối với Mack, nhưng anh biết rằng đây là cách hợp lý nhất để tìm ra con bé nếu... nếu như nó vẫn còn trong khu trại. Trong khi đi giữa các lều trại, anh cầu nguyện và hứa hẹn. Anh biết trong thâm tâm rằng hứa hẹn với Chúa là khá ngu xuẩn và vô lý, nhưng anh không cưỡng lại được. Anh tuyệt vọng muốn tìm lại Missy, và chắc chắn Chúa biết nó đang ở đâu.

Nhiều người cắm trại hoặc không có tại điểm cắm trại của họ hoặc đang trong giai đoạn cuối thu dọn để về nhà. Không một ai mà anh hỏi có nhìn thấy Missy hoặc một ai trông giống con bé. Thành thạo nhóm tìm kiếm lại kiểm tra với văn phòng để cập nhật tình hình của từng người, nếu có. Không có gì cả, cho đến gần hai giờ chiều.

Mack đã xong phần khu vực của mình khi có tiếng gọi trong bộ đàm. Jeremy, người phụ trách khu vực gần cổng nhất, nghĩ rằng anh ta tìm được gì đó. Emil hướng dẫn họ đánh dấu bản đồ địa điểm nơi từng người đang dừng lại, và rồi anh báo cho họ mã số điểm cắm trại nơi Jeremy gọi về. Mack là người đến cuối cùng, và anh bước vào giữa một cuộc đối thoại dữ dội gồm có Emil, Jeremy và một người đàn anh trẻ tuổi thứ ba mà Mack không nhận ra.

Emil nhanh chóng cập nhật cho Mack, giới thiệu anh với Virgil Thomas, một cậu trai thành thị đến từ California, người đã cắm trại suốt mùa hè tại khu vực này với mấy người bạn. Virgil và mấy người bạn đã đánh giấc sau cuộc chèn chể ban đêm, và anh là người duy nhất thức dậy và nhìn thấy một chiếc xe tải cũ màu xanh quân đội chạy ra khỏi cổng về hướng Joseph.

“Lúc đó khoảng mấy giờ?” Mack hỏi.

“Như tôi đã nói với anh ấy,” Virgil đáp, trỏ ngón cái vào Jeremy, “là trước buổi trưa. Nhưng tôi không biết chắc là trước bao lâu. Lúc tôi còn hơi lơ mơ, và thật tình chúng tôi không chú ý lắm đến thời gian từ khi đến đây.”

Đưa tấm ảnh Missy ra trước mặt người thanh niên, Mack hỏi rành rọt: “Anh có nghĩ là anh thấy *con bé* không?”

“Khi người khác đưa cho tôi tấm ảnh đó lần đầu, trông nó không thấy quen,” Virgil đáp, nhìn lại tấm ảnh lần nữa. “Nhưng rồi, khi anh ta bảo con bé mặc áo đầm đỏ tươi, tôi nhớ con bé trong xe tải màu xanh mặc áo đỏ và nó đang cười phá lên hay là đang hét, tôi không rõ lắm. Và rồi hình như tay đó tát nó hay là ấn nó xuống, nhưng nghĩ hẳn có thể dọa thôi.”

Mack cảm thấy tê liệt. Thông tin ấy làm anh choáng ngợp, nhưng bất hạnh thay đó là điều duy nhất họ nghe thấy mà hợp lý. Nó giải thích tại sao họ không tìm thấy chút dấu vết của Missy. Nhưng Mack hoàn toàn không muốn điều đó đúng một chút nào. Anh quay người lao về phía văn phòng nhưng khựng lại vì giọng của Emil.

“Mack, khoan đã! Chúng tôi đã điện đàm với văn phòng và liên lạc với cảnh sát trưởng tại Joseph. Họ đang cử người đến đây ngay, và đang triển khai báo động về chiếc xe tải.”

Anh vừa nói xong thì như ra hiệu, hai chiếc xe tuần tra chạy vào khu trại. Chiếc thứ nhất chạy thẳng đến văn phòng, trong khi chiếc thứ hai quẹo về phía tất cả bọn họ đang đứng. Mack vẫy người cảnh sát và lao đến gặp khi anh ta bước ra khỏi xe. Một người đàn ông trạc gần ba mươi tự giới thiệu là cảnh sát viên Dalton, và bắt đầu lấy lời khai của họ.

Những giờ đồng hồ sau đó đã diễn ra các phản ứng qui mô lớn về vụ mất tích của Missy. Tín hiệu báo động toàn diện của cảnh sát đã được phát đi về phía Tây đến tận Portland, về phía Đông đến tận Boise, Idaho, và phía Bắc đến Spokane, Washington. Cảnh sát tại Joseph đã dựng chốt chặn tại xa lộ Imnaha, đường từ Joseph đi ra và sâu vào trong khu giải trí quốc gia thung lũng Hells. Nếu kẻ đánh cắp trẻ con mang Missy lên Imnaha - chỉ một trong nhiều hướng hẳn có thể đi - cảnh sát hình dung họ có thể có được thông tin thích đáng bằng cách thẩm vấn những người đi ra. Nguồn lực của họ có giới hạn và lực lượng kiểm lâm tuần tra trong vùng cũng đã được liên lạc để canh gác.

Điểm cắm trại của gia đình Phillips được canh gác như hiện trường và mọi người trong phạm vi lân cận đều được thẩm vấn. Virgil cung cấp tối đa thông tin anh ta có được về chiếc xe tải và những người trên xe, và bản miêu tả đúc kết đã được truyền đến mọi đơn vị liên quan.

Các văn phòng FBI địa phương tại Portland, Seattle và Denver đều được thông báo. Nan đã nhận được điện và đang trên đường tới, do người bạn thân nhất, Maryanne, lái xe đưa đến. Thậm chí cả chó đánh hơi cũng được huy động, nhưng dấu vết của Missy chấm dứt tại bãi đậu xe gần đó, càng làm tăng khả năng câu chuyện của Virgil là chính xác.

Sau khi các chuyên gia hình sự rà soát điểm cắm trại, cảnh sát viên Dalton đã yêu cầu Mack vào lại khu vực ấy và cẩn thận xem xét có thứ gì đó bất thường hoặc khác thường so với những gì anh còn nhớ. Mặc dù đã kiệt quệ vì những cảm xúc trong ngày, Mack vẫn tuyệt vọng muốn làm mọi cách để trợ giúp và tỉ mỉ chú tâm để cố nhớ bất cứ điều gì có thể về buổi sáng đó. Một cách cẩn trọng để không làm xáo trộn thứ gì, anh lần bước ngược trở lại. Những gì anh sẽ làm để tái hiện lại; một cơ hội để dựng lại ngày hôm nay từ đầu. Thậm chí, anh có thể làm bỏng mấy ngón tay rồi làm đổ bột một lần nữa, giá mà mọi chuyện có thể trở lại.

Một lần nữa, anh quay trở lại với nhiệm vụ được giao, nhưng không có điều gì dường như khác với những điều anh nhớ. Không có gì thay đổi. Anh đến chỗ chiếc bàn mà Missy đang bận rộn. Cuốn sách đang mở ở trang mà cô bé đang tô màu, một bức hình cô gái da đỏ bộ lạc Multnomah đang dở dang. Bút màu vẫn còn đó, mặc dù cây màu đỏ yêu thích của Missy đã biến mất. Anh bắt đầu nhìn quanh dưới đất xem nó có rớt ở đâu không.

“Nếu anh tìm cây bút màu đỏ thì chúng tôi đã tìm thấy nó đằng kia, cạnh cái cây,” Dalton lên tiếng, chỉ về phía bãi đậu xe. “Chắc cô bé đã đánh rơi nó khi đang giăng co...” Giọng anh bỏ lửng.

“Sao anh biết con bé giăng co?” Mack chắt vấn.

Viên cảnh sát lưỡng lự, nhưng rồi lại đáp một cách gần như miễn cưỡng. “Chúng tôi đã tìm thấy một chiếc giày của nó gần đó, trong bụi cây mà chắc là bị văng ra. Lúc ấy, anh không có ở đây nên chúng tôi đã nhờ con trai anh nhận diện.”

Hình ảnh con gái mình chống trả lại một con quái vật bệnh hoạn như một cú đâm vào bụng. Gần như ngã gục trước cái ác đột ngột chực bóp nghẹt mình, Mack tựa vào bàn để khỏi ngất đi hay là nôn thốc ra. Lúc ấy, anh mới nhận ra một chiếc kẹp con bọ rùa còn dính vào sách. Anh chợt tỉnh ra như ai đó vừa dí muối người vào mũi mình.

“Của ai vậy?” anh hỏi Dalton, chỉ chiếc kẹp.

“Của ai vậy?”

“Chiếc kẹp con bọ rùa này! Ai cài nó vào đó?”

“Chúng tôi giả định là của Missy. Anh định bảo chúng tôi rằng chiếc kẹp không nằm đó sáng nay?”

“Tôi dám chắc,” Mack quả quyết đanh thép. “Con bé không có thứ gì như thế. Tôi hoàn toàn quả quyết sáng nay không có nó ở đây!”

Cảnh sát viên Dalton đã gọi bộ đàm, và trong mấy phút giới hình sự đã quay lại thu giữ chiếc kẹp.

Dalton lôi Mack ra một bên để giải thích. “Nếu những gì anh nói là chính xác, thì chúng tôi giả định rằng kẻ tấn công Missy đã cố ý bỏ nó lại đây.” Anh ngừng lại rồi nói thêm: “Ông Phillips, đây có thể là tin vui hoặc tin buồn.”

“Tôi không hiểu,” Mack đáp.

Viên cảnh sát lại ngập ngừng, cố gắng quyết định xem có nên nói với Mack điều anh đang nghĩ không. Anh lục tìm ngôn từ thích hợp. “Tin vui là có khi chúng tôi tìm được chứng cứ từ đó. Nó là thứ duy nhất chúng tôi có được để liên kết hẩn với hiện trường này.”

“Thế còn tin buồn?” Mack nín thở.

“Tin buồn - mà tôi không định nói là vụ này, nhưng những kẻ bỏ lại thứ gì đó như thế này thường có một mục đích để làm vậy, và nó thường có nghĩa rằng chúng đã từng làm vậy.”

“Anh nói sao?” Mack ngắt lời. “Rằng tên này là như kiểu giết người hàng loạt? Đây có phải là dấu hiệu hằn để lại để chứng tỏ về hắn, giống như để đánh dấu lãnh địa phải không?”

Mack đang tức giận và nhìn mặt Dalton thì thấy rõ anh đang hối tiếc vì đã đề cập chuyện đó. Nhưng trước khi Mack kịp nguyên rửa, Dalton nhận được điện từ chiếc bộ đàm đeo ở thắt lưng gọi cho anh từ văn phòng FBI địa phương tại Portland, Oregon. Mack không chịu đi và lắng nghe khi một phụ nữ xưng là mật vụ. Cô yêu cầu Dalton miêu tả chi tiết chiếc kẹp. Mack đi theo viên cảnh sát đến chỗ nhóm hình sự đã thiết lập khu vực làm việc. Chiếc kẹp được đựng bên trong túi Ziploc, và đứng ngay sau nhóm này, anh nghe lỏm Dalton cố hết sức miêu tả chiếc kẹp.

“Đó là một chiếc kẹp ghim hình con bọ rùa được kẹp vào trong mấy trang sách tô màu, giống như mấy chiếc kẹp phụ nữ cài ve áo, tôi nghĩ vậy.”

“Vui lòng miêu tả màu sắc và số chấm trên con bọ rùa,” giọng hướng dẫn trên bộ đàm.

“Để xem,” Dalton nói, mắt dí vào cái túi. “Đầu màu đen với... một cái đầu con bọ rùa. Còn thân màu đỏ, các cạnh màu đen. Có hai chấm đen bên thân trái nếu nhìn từ dưới lên... đầu xoay lên trên. Có ý nghĩa gì không?”

“Tốt lắm. Nói tiếp đi,” giọng nói cất lên một cách kiên nhẫn.

“Còn bên phải con bọ rùa có ba chấm, vậy là năm tất cả.”

Có một khoảng ngưng. “Anh có chắc có năm chấm không?”

“Thưa, có năm chấm.” Anh nhìn lên và thấy Mack, người đã nhích lên bên cạnh để nhìn kỹ hơn, nhìn vào mắt mình, rồi nhún vai như ý nói: “Mấy chấm thì ai quan tâm...”

“Ok, bây giờ nhé, cảnh sát viên Dabney...”

“Thưa, Dalton, Tommy Dalton.” Anh lại nhìn lên Mack rồi đưa mắt đi.

“Xin lỗi, cảnh sát viên Dalton. Anh làm ơn lật chiếc kẹp lên rồi cho tôi biết có gì dưới đáy hay phía dưới con bọ rùa.”

Dalton lật chiếc túi lại rồi nhìn cẩn thận. “Có cái gì đó khắc dưới đáy, đặc vụ... à, tôi chưa biết chính xác tên chị.”

“Wikowsky, đọc sao viết vậy. Có chữ cái hay số gì không?”

“Để tôi xem nào. Vâng, tôi nghĩ chị nói đúng. Hình như có số model. Ủm... C... K... 1-4-6, tôi nghĩ vậy, ừ, Charlie, Kilo, 1, 4, 6. Khó nhìn rõ qua cái túi.

Đầu kia im lặng. Mack thì thầm với Dalton: “Hỏi chị ta lý do hay là ý nghĩa cái đó. Dalton ngập ngừng rồi nói. Đầu kia lại im lặng lâu hơn.

“Wikowsky? Chị còn đó không?”

“Ừ, tôi đây.” Đột nhiên giọng nói nghe mệt mỏi và trống rỗng. “Này, Dalton, anh có đang ở chỗ nào để chúng ta nói chuyện riêng không?”

Mack hăm hở gạt đầu và Dalton hiểu ý. “Chờ chút.” Anh đặt cái túi đựng kẹp xuống rồi di chuyển ra ngoài, cho phép Mack đi theo. Dù gì Dalton cũng đã vượt qua các qui tắc đối với anh ta rồi.

“Ừ. Rồi đó. Nói tôi nghe xem con bọ rùa là sao vậy,” anh thắc mắc.

“Chúng tôi đang cố tóm tên này bốn năm nay rồi, dò theo hắn qua hơn chín tiểu bang rồi; hắn vẫn luôn liên tục đi về hướng Tây. Hắn được đặt biệt danh là Tên Sát Gái, nhưng chúng tôi chưa hề tiết lộ chi tiết về con bọ rùa cho báo chí hay bất cứ ai, cho nên làm ơn giữ kín điều đó. Chúng tôi cho rằng hắn chịu trách nhiệm về việc bắt cóc và sát hại ít nhất bốn trẻ em cho đến giờ, tất cả là bé gái, tất cả đều dưới mười tuổi. Mỗi lần hắn lại thêm một chấm vào con bọ rùa, cho nên đây là vụ thứ năm. Hắn luôn bỏ lại chiếc kẹp đâu đó tại hiện trường, tất cả đều cùng một số model giống như hắn đã mua một

hộp kẹp, nhưng chúng tôi không dò được kẹp xuất phát từ đâu. Chúng tôi chưa tìm được thi thể của bất kỳ bé nào trong số bốn bé, và mặc dù bên hình sự chưa kết luận điều gì, chúng tôi có lý do để tin rằng không một bé nào sống sót. Mỗi vụ án đều xảy ra tại hoặc gần một khu vực cắm trại, có công viên quốc gia hoặc khu bảo tồn gần đó. Kẻ đột nhập dường như là một tay thợ rừng hay dân đi núi lão luyện. Trong mỗi vụ, hấn hầu như không để lại chút dấu vết gì - ngoại trừ chiếc kẹp.”

“Còn chiếc xe thì sao? Chúng tôi có bản miêu tả khá chi tiết chiếc xe tải màu xanh mà hấn lái đi.”

“Ồ, rồi anh sẽ tìm ra thôi. Nếu đúng là tên này thì chiếc xe ắt được đánh cắp cách đây một, hai ngày, sơn lại, chất đồ đạc dã ngoại, rồi sẽ được dọn sạch.”

Khi lắng nghe cuộc nói chuyện của Dalton với đặc vụ Wikowsky, Mack cảm thấy tia hy vọng cuối cùng của mình trôi đi. Anh ngồi sụp xuống đất và vùi mặt vào đôi bàn tay. Có một ai trên đời mệt mỏi như anh lúc này không? Lần đầu tiên từ khi Missy mất tích, anh cho phép mình cân nhắc những khả năng khủng khiếp, và một khi đã bắt đầu, anh không dừng lại được; những sự mừng rỡ về thiện và ác trộn lẫn vào nhau trong một cuộc diễu hành kinh hoàng nhưng câm lặng. Thậm chí, anh cố thoát ra khỏi những hình ảnh ấy cũng không được. Một số là những ảnh chụp lướt nhanh đầy kinh hãi của tra tấn và đau đớn; của quái vật và quỷ sứ độc ác nhất có móng tay nhọn của dây thép gai và những cú vuốt ve của dao cạo; hình ảnh Missy hét gọi bố và không ai trả lời. Và pha trộn xuyên suốt những hình ảnh rừng rợn này là hình ảnh lướt nhanh các ký ức khác; chiếc nôi có cái ly Missy-sippy như cả nhà vẫn gọi; cô bé hai tuổi bị say vì ăn quá nhiều bánh chocolate; và một hình ảnh thật mới gần đây khi cô bé ngủ say trong tay bố. Những hình ảnh không ngọt. Anh sẽ nói gì trong tang lễ cô bé? Anh nói gì được với Nan? Làm sao lại ra nông nỗi này? Chúa ơi, làm sao lại ra nông nỗi này?

Vài giờ sau, Mack và hai con lái xe về khách sạn tại Joseph mà đã trở thành căn cứ để mở rộng tìm kiếm. Những người chủ đã tử tế tặng một phòng cho họ và khi dọn vài thứ vào phòng, anh bắt đầu cảm thấy kiệt sức. Anh đã chấp nhận với vẻ biết ơn khi cảnh sát viên Dalton đề nghị đưa các con anh đến một hiệu ăn địa phương để ăn uống và giờ đây ngồi ở mép giường, anh bị cuốn đi vô vọng trong một nỗi tuyệt vọng tàn nhẫn và cuồn cuộn ngày càng dâng cao, chậm rãi xô đến và cuốn đi. Những tiếng thổn thức và rên rỉ tan nát hồn từ trong cõi lòng chợt trào dâng. Và Nan đã đến với anh lúc ấy. Hai con người yêu thương nát vụn, họ ôm lấy nhau rồi khóc, Mack trút nỗi buồn đau còn Nan cố giữ lấy anh.

Đêm đó, Mack ngủ chập chờn khi những hình ảnh liên tục dội vào anh, như những con sóng không tiếc thương nện vào bờ đá. Cuối cùng, anh buông xuôi, ngay trước lúc bình minh bắt đầu báo hiệu sự ló dạng. Anh không nhận ra. Trong một ngày anh đã dốc hết cả cảm xúc của một năm trời, và giờ đây anh cảm thấy tê dại, lênh đênh trong một thế giới chợt vô nghĩa mà tưởng chừng như nó sẽ vĩnh viễn màu xám.

Sau khi Nan phản đối dữ dội, họ nhất trí tốt nhất là nàng về nhà với Josh và Kate. Mack sẽ ở lại để giúp bất cứ điều gì có thể, và để ở gần, phòng hờ. Đơn giản anh không thể ra đi, khi con bé biết đâu vẫn còn ở ngoài đó, cần đến anh. Tin tức lan nhanh và bạn bè đã đến để giúp anh gói ghém mọi thứ đồ đạc về lại Portland. Sếp anh gọi điện, đề nghị giúp đỡ mọi cách trong khả năng và đồng viên Mack nán lại càng lâu càng tốt. Mọi người quen biết đều cầu nguyện.

Các phóng viên, với các nhiếp ảnh gia đi cùng, bắt đầu xuất hiện suốt buổi sáng. Mack không muốn đối diện với họ hay ống kính của họ, nhưng sau khi được hướng dẫn anh đã dành thời gian để trả lời các câu hỏi của họ trong bãi đậu xe, biết rằng việc xuất hiện có thể giúp được rất nhiều cho cuộc tìm kiếm Missy.

Anh giữ kín chuyện cảnh sát viên Dalton đã phá lệ với anh, và Dalton đền ơn bằng cách tiếp tục cho anh biết tin nội bộ. Jesse và Sarah, sẵn lòng làm bất kỳ điều gì, luôn chuẩn bị sẵn sàng để giúp

gia đình họ và các bạn bè đến phụ giúp. Họ cất được gánh nặng ghê gớm của việc giao tiếp với công chúng cho cả Nan và Mack và dường như có mặt khắp nơi trong khi khéo léo thêu dệt những sợi chỉ bình an vào giữa trận xáo động cảm xúc.

Bố mẹ Emil Ducette lái xe từ tận Denver đến để giúp Vicki và mấy đứa nhỏ về nhà an toàn. Emil, với sự giúp đỡ của cấp trên, đã quyết định nán lại để tìm cách giúp viên công vụ, giúp Mack nắm thông tin về phía họ. Nan, người nhanh chóng kết thân với Sarah và Vicki, đã chuyển sang giúp bé J.J., rồi chuẩn bị cho các con mình quay về Portland. Rồi khi nàng kiệt sức, vốn thường xuyên, Vicki hoặc Sarah lúc nào cũng có mặt để cùng khóc và cầu nguyện.

Khi rõ ràng nhu cầu về sự trợ giúp của họ lắng xuống, gia đình Madisons thu dọn địa điểm của họ rồi đến để ứa nước mắt tạm biệt trước khi đi về hướng Bắc. Khi Jesse ôm Mack thật lâu, anh thì thầm rằng họ sẽ gặp lại, và anh sẽ cầu nguyện cho tất cả mọi người. Sarah, nước mắt lăn dài trên má, chỉ hôn lên trán Mack rồi ôm lấy Nan, người lại bật khóc và than van. Sarah hát một bài gì đó, lời lẽ Mack không nghe rõ, nhưng nó làm vợ anh trấn tĩnh cho đến khi nàng đủ bình tâm để Sarah lên đường. Mack thậm chí không nhìn nổi khi đôi vợ chồng ấy bước đi.

Khi gia đình Ducette đã sẵn sàng lên đường, Mack dành một phút cảm ơn Amber và Emmy đã động viên và giúp đỡ gia đình mình, nhất là khi chính mình không thể. Josh đã khóc chào tạm biệt; cậu không còn can đảm nữa, ít nhất là ngày hôm nay. Kate, ngược lại, đã trở nên một tảng đá, bận rộn giúp mọi người kiểm tra để lưu địa chỉ và email của nhau. Thế giới của Vicki đã bị chấn động bởi các biến cố này, và giờ đây Nan nhìn cô dò xét khi nỗi buồn chực cuộn trôi cô đi. Nan ôm lấy cô, vuốt tóc và thầm thì những lời cầu nguyện vào tai, cho đến khi cô đủ bình tâm để bước ra xe đang chờ.

Đến trưa, tất cả các gia đình đã lên đường. Maryanne lái xe đưa Nan và các con về nhà nơi họ hàng đang chờ để chăm sóc và động viên họ. Mack và Emil đi cùng cảnh sát viên Dalton, người giờ đây chỉ gọi là Tommy, đến thị trấn Joseph bằng xe của Tommy. Tại đó, họ mua bánh mì sandwich, mà cũng chẳng đựng đến, rồi lái đến đồn

cảnh sát. Tommy Dalton là cha của hai cô con gái mà đứa lớn chỉ năm tuổi, cho nên để hiểu vụ này tác động một cách đặc biệt đến anh. Dalton tỏ ra hết sức tử tế và lịch sự với những người bạn mới, nhất là Mack.

Giờ đây đến phần khó khăn nhất, chờ đợi. Mack cảm thấy như mình đang chuyển động chậm trong mắt của một cơn bão các hoạt động đang diễn ra quanh mình. Các báo cáo đổ về từ khắp nơi. Thậm chí Emil cũng bận rộn kết nối với những người và những chuyên gia anh biết.

Đoàn công tác FBI đến vào giữa buổi chiều từ các văn phòng địa phương tại ba thành phố. Rõ ràng ngay từ đầu rằng người phụ trách là đặc vụ Wikowsky, một phụ nữ thanh mảnh đầy nhiệt huyết và năng động, một người mà Mack có cảm tình ngay. Cô công khai đáp lại thiện cảm và từ đó trở đi, không ai chất vấn sự hiện diện của anh, thậm chí trong những cuộc đối thoại hay báo cáo riêng tư nhất.

Sau khi đặt trung tâm chỉ huy của họ tại khách sạn, FBI mời Mack đến để phỏng vấn chính thức, một việc mà họ cho biết là thủ tục thường lệ trong các hoàn cảnh như thế này. Đặc vụ Wikowsky đứng dậy sau chiếc bàn giấy cô đang làm việc và chìa tay ra. Khi anh đưa tay ra để bắt, cô bắt bằng cả hai bàn tay và cười kiên nghị.

“Ông Phillips, tôi xin lỗi tôi chưa thể dành nhiều thời gian với anh cho đến nay. Chúng tôi hết sức bận rộn để thiết lập liên lạc với giới hành pháp và các cơ quan khác liên quan để cố gắng đưa Missy trở về bình an. Tôi rất tiếc chúng ta phải gặp nhau trong những điều kiện như thế.”

Mack tin cô. “Mack,” anh nói.

“Sao ạ?”

“Mack. Làm ơn, cứ gọi tôi là Mack.”

“À, Mack, vậy thì làm ơn gọi tôi là Sam. Viết tắt của Samantha, nhưng tôi lớn lên nghịch như con trai và nện những đứa nhóc nào dám gọi tôi là Samantha trước mặt.”

Mack không nhịn được cười, thư giãn một chút trong chiếc ghế trong khi nhìn cô nhanh tay lướt qua mấy cái bìa đầy giấy tờ. “Mack, anh có sẵn sàng trả lời vài câu hỏi không?” cô hỏi mà không nhìn lên.

“Tôi sẽ cố gắng hết sức,” anh đáp, cảm kích vì có cơ hội được làm bất cứ điều gì.

“Tốt! Tôi sẽ không buộc anh phải nói hết mọi chi tiết một lần nữa. Tôi có báo cáo về mọi thứ anh đã nói với mọi người, nhưng tôi có vài điều quan trọng để hỏi lại anh.” Cô nhìn lên, thẳng vào mắt.

“Bất kỳ việc gì tôi có thể giúp được,” Mack thú nhận. “Tôi đang cảm thấy vô dụng quá vào lúc này.”

“Mack, tôi hiểu cảm giác của anh, nhưng sự hiện diện của anh ở đây là quan trọng. Và tin tôi đi, không có một ai ở đây không quan tâm đến bé Missy của anh. Chúng tôi sẽ làm mọi việc bằng quyền lực của mình để đem cô bé về an toàn.”

“Cám ơn cô,” Mack chỉ nói được có thế, rồi anh nhìn xuống sàn. Các cảm xúc dường như chực trào dâng, và thậm chí một tí xúu ân cần cũng có thể phá tan sự dè dặt.

“Được rồi, thế này nhé... tôi đã có một cuộc trò chuyện không chính thức với anh bạn cảnh sát Tommy của anh, và anh ta đã nói với tôi về mọi điều mà anh và anh ta đã nói với nhau, cho nên anh không cần phải bảo vệ cho anh ấy. Anh ta hoàn toàn ổn thỏa trong hồ sơ của tôi.”

Mack nhìn lên và gật đầu, và lại mỉm cười với cô.

“Cho nên,” cô tiếp lời, “anh có nhận thấy ai lạ mặt quanh gia đình mình mấy ngày vừa qua không?”

Mack ngạc nhiên và ngồi lui vào ghế. “Cô định nói là kẻ đã rình mò chúng tôi?”

“Không, dường như hấn chọn nạn nhân một cách ngẫu nhiên, mặc dù tất cả bọn nhỏ đều trạc tuổi con gái anh với cùng màu tóc. Chúng tôi nghĩ hấn nhận ra bọn trẻ một, hai ngày trước rồi chờ và

theo dõi ở khoảng cách gần để tìm thời điểm cơ hội. Anh có thấy ai bất thường hoặc đi lạc chỗ gần hồ không? Có lẽ gần mấy phòng tắm?” Mack co lại khi nghĩ đến các con mình bị theo dõi, bị rình mò. Anh cố gắng vượt qua sự tưởng tượng của mình, nhưng một khoảng trống hiện ra. “Tôi xin lỗi, tôi không nhớ ra được...”

“Ông có dừng lại ở đâu đó trên đường đến khu cắm trại, hay nhận ra ai lạ mặt khi đang đi dã ngoại hay ngắm cảnh trong khu vực không?”

“Chúng tôi đã dừng tại thác Multnomah trên đường đến đây, và chúng tôi đã đi khắp khu vực này ba ngày qua, nhưng tôi không nhớ có nhìn thấy một ai đó bất thường. Ai mà tưởng tượng được...?”

“Đúng vậy, Mack, cho nên đừng hành hạ mình. Biết đâu đầu óc rồi sẽ nhớ ra. Cho dù chi tiết vụn vặt hay vô bổ đến đâu, làm ơn cho chúng tôi biết.” Cô dừng lại để xem một tờ giấy khác trên bàn. “Còn chiếc xe tải màu xanh quân sự. Anh có nhận ra thứ gì như vậy trong lúc ở đây không?”

Mack vắt trí nhớ. “Tôi thật tình không thể nhớ có nhìn thấy thứ gì như vậy.”

Đặc vụ Wikowsky tiếp tục hỏi Mack mười lăm phút nữa nhưng không thể moi trong trí nhớ của anh được thứ gì hữu ích. Cuối cùng, cô gấp sổ lại và đứng lên, chìa tay ra. “Mack, một lần nữa, tôi rất tiếc về việc Missy. Nếu có tin gì, tôi sẽ đích thân cho anh biết ngay tức khắc.”

Lúc 5 giờ chiều, bản báo cáo đầy hứa hẹn đầu tiên rút cuộc được gửi về, từ chốt chặn Imnaha. Như đã hứa, đặc vụ Wikowsky tìm Mack ngay lập tức và cho anh biết chi tiết. Hai cặp vợ chồng đã gặp một chiếc xe tải màu xanh trông giống xe quân sự trùng khớp với mô tả về chiếc xe mà mọi người đang tìm kiếm. Họ đang thăm dò một số địa điểm cũ tại Nez Perce thuộc rừng quốc gia 4260 nằm tại một trong những khu vực xa xôi nhất của khu bảo tồn quốc gia, và đang trên đường đi ra thì đối mặt với chiếc xe ấy, ngay phía Nam

chỗ tiếp giáp của NF 4260 và NF 250. Bởi vì đoạn đường đó chủ yếu là một làn xe, họ phải lùi xe lại một chỗ an toàn để chiếc xe tải đi qua. Họ nhận thấy chiếc xe tải có một số bình ga đằng sau, cộng với khá nhiều dụng cụ cắm trại. Điều khác lạ là người đàn ông đã cúi về phía ghế hành khách như thể đang tìm kiếm thứ gì trên sàn xe, sụp mũ xuống thấp, và mặc một chiếc áo khoác lớn giữa ngày nóng, cứ như thể anh ta đang sợ họ. Họ chợt cười xem như gặp một tay dân quân.

Lúc bản báo cáo được thông báo với cả nhóm, sự căng thẳng trong đồn dâng lên. Tommy đến để cho Mack biết rằng thật không may là mọi điều anh tìm hiểu được cho đến lúc ấy đều khớp với phương thức hành động của Tên Sát Gái - đi về hướng những vùng xa mà cuối cùng hẳn có thể đi bộ. Rõ ràng hẳn biết hẳn đang đi đâu, vì địa điểm mà hẳn bị nhận diện nằm cách biệt hẳn với đường mòn. Không may cho hẳn là có người khác cũng đi rất xa về phía đó.

Do buổi tối đến nhanh, mọi người bắt đầu thảo luận căng thẳng về hiệu lực của một cuộc truy lùng ngay lập tức hay tạm ngưng đến sáng. Bất chấp quan điểm thế nào, dường như mọi người góp tiếng nói đều bị tác động sâu sắc trước tình cảnh ấy. Một điều gì đó trong tim của hầu hết con người đều đơn giản không thể chịu đựng được nỗi đau gây ra cho kẻ vô tội, nhất là trẻ em. Ngay cả những kẻ tha hóa đang thi hành án trong những trại cải huấn tồi tệ nhất cũng thường cảm giận những tên gây đau khổ cho trẻ em. Ngay cả trong một thế giới tương đối như thế về đạo đức, làm hại trẻ em vẫn bị xem là hoàn toàn sai trái. Chấm hết!

Đứng gần cuối phòng, Mack bồn chồn lắng nghe cuộc tranh cãi dường như chỉ phí thời gian. Anh như sẵn sàng ra tay bắt cóc cả Tommy nếu cần và tự mình truy đuổi thủ phạm. Từng giây như thể đều có ý nghĩa.

Mặc dù Mack có cảm giác lâu hơn, các đơn vị và nhân sự đều nhanh chóng nhất trí, một cách đồng lòng, khởi sự truy lùng ngay sau khi thu xếp được một vài việc. Mặc dù không có nhiều đường ra khỏi khu vực đó - và các chốt chặn đã được lập ngay lập tức để ngăn chặn khả năng này - mọi người có một mối quan tâm rất thực

tế là một tay đi rừng giỏi có thể bí mật vượt chót để vào rừng hoang Idaho về phía Đông hoặc tiểu bang Washington về phía Bắc. Trong khi cảnh sát tại các thị trấn Lewiston, Idaho và Clarkston, Washinton được liên lạc và thông báo tình hình, Mack nhanh chóng gọi Nan để cập nhật cho nàng rồi đi cùng với Tommy.

Đến giờ này anh chỉ còn một câu cầu nguyện: “Lạy Chúa, làm ơn, làm ơn, làm ơn lo cho Missy của con. Giờ này con không thể.” Nước mắt anh chảy dài trên má và rơi xuống áo sơ mi.

Đến 7h30 tối, đoàn xe tuần tra, xe đa dụng của FBI, xe tải chở chó trong cũi, và một số xe kiểm lâm lao về hướng xa lộ Imnaha. Thay vì quẹo về phía Đông đến đường Núi Wallowa, vốn dẫn thẳng vào khu bảo tồn quốc gia, họ đi tiếp trên đường Imnaha về hướng Bắc. Rốt cục họ đi theo đường Imnaha Hạ và cuối cùng là đường Cồn Vú để vào khu bảo tồn.

Mack mừng vì anh đang đi theo một người rành vùng này. Đường như thỉnh thoảng đường Cồn Vú lại rẽ ra cùng lúc mọi hướng. Hình như người nào đặt tên mấy con đường này đã cạn ý tưởng, hay là bị mệt, hay là say nên bắt đầu đặt tên Cồn Vú cho xong việc để về nhà.

Các con đường, với các đoạn chữ chi hẹp thường xuyên chạy dọc theo mép dốc dựng đứng, trở nên càng bất trắc trong đêm tối như bưng. Hành trình chậm dần một cuộc bò trườn. Cuối cùng, họ vượt qua được vị trí người ta nhìn thấy chiếc xe tải xanh lần cuối, và một dặm sau đó thì đến nơi tiếp giáp mà NF 4260 đi tiếp về Bắc - Đông bắc còn NF 250 đi về Đông Nam. Tại đó, như đã định, đoàn xe chia làm hai, với một nhóm nhỏ đi về hướng Bắc lên trên 4260 với đặc vụ Sikowsky, còn nhóm còn lại, gồm Mack, Emil và Tommy, đi về hướng Đông Nam trên đường 250. Sau một vài dặm đường gay go nữa, nhóm sau này lại chia ra tiếp; Tommy và một chiếc xe tải chở chó đi tiếp theo đường 250 mà theo bản đồ con đường sẽ tận cùng, và những người còn lại đi theo hướng Chính Đông hơn xuyên qua công viên theo đường NF 4240 đến khu vực sông Temperance.

Đến lúc này, mọi nỗ lực tìm kiếm bị chậm lại hơn nữa. Những người truy lùng giờ đây đi bộ và được trang bị đèn pha loại mạnh để tìm kiếm dấu vết các hoạt động mới xảy ra trên các con đường - bất cứ điều gì cho thấy khu vực họ đang dò xét không phải là một vùng đất hoang.

Gần hai giờ sau, trong khi đang di chuyển chậm như sên về phía cuối đường 250, Dalton nhận được một cuộc gọi từ Wikowsky. Nhóm của cô đã gặp may. Khoảng mười dặm từ chỗ tiếp giáp nơi họ tách ra, một con đường không tên từ 4260 chạy thẳng lên phía bắc khoảng hai dặm. Con đường này khó mà nhìn thấy và hết sức hoang phế. Lẽ ra họ cũng đã hoàn toàn bỏ qua không nhìn thấy nó, may mà một người trong nhóm truy tìm đã lia đèn pin trúng một cái nắp đậy trục bánh xe nằm cách đường chính khoảng năm mươi bộ. Anh ta nhặt nó lên vì tò mò và phát hiện ra bên dưới lớp bụi đường là đầy những vết sơn xanh. Chiếc nắp chụp này ắt là đã văng ra khi chiếc xe tải bị giằng xóc bởi một trong nhiều các ổ gà to tướng khắp trên đường.

Nhóm của Tommy lập tức quay lại ngay. Mack muốn tìm lại tia hy vọng lại bắt đầu nhen nhóm trong anh rằng Missy có lẽ vẫn còn sống, bởi một phép màu nào đó, nhất là khi tất cả những gì anh biết đều nói lên viễn cảnh ngược lại. Hai mươi phút sau, một cuộc gọi nữa từ Wikowsky; lần này thông báo rằng họ đã tìm được chiếc xe tải. Trực thăng và các máy bay tầm soát không bao giờ nhìn thấy nó từ trên trời được vì nó được che kín hết như đang nằm ẩn nấp dưới một mái lán lợp bởi cành cây và bụi rậm.

Nhóm của Mack mất gần ba giờ mới đến được chỗ nhóm đầu tiên và khi ấy thì mọi việc đã xong. Bọn chó đã làm những việc còn lại, khám phá ra một con đường mòn sẵn sẵn chạy hơn một dặm xuống một thung lũng nhỏ ẩn kín. Tại đó họ phát hiện ra một cái chòi nhỏ xiêu vẹo nằm cách mép một cái hồ hoang sơ chừng nửa dặm. Một con suối nhỏ cách chừng trăm bộ đổ nước xuống hồ. Chừng một thế kỷ trước chắc đây là nhà của một người khai hoang. Căn chòi có hai phòng khá lớn; đủ cho một gia đình nhỏ ngụ cư. Từ đó đến nay,

dường như nó trở thành chỗ tá túc cho thợ săn vắng lai hoặc phường săn bắn trộm.

Khi Mack và bạn bè đến nơi, trời bắt đầu ửng những vệt xám trước lúc rạng đông. Một trại làm việc đã được dựng lên cách khá xa căn chòi nhỏ hoang tàn để bảo vệ hiện trường. Ngay lúc nhóm của Wikowsky tìm ra nơi này, chó nghiệp vụ đã được tung ra nhiều hướng để đánh hơi. Thỉnh thoảng, tiếng chó sủa lại cho thấy họ đã tìm được gì đó, để rồi dấu vết lại biến mất. Giờ đây tất cả đang quay lại tề tựu đã hoạch định chiến lược cho ngày hôm đó.

Đặc vụ Samantha Wikowsky đang ngồi tại bàn để đánh dấu bản đồ và uống nước trong một cái chai lớn thì Mack bước đến. Cô trao cho anh một nụ cười u ám mà Mack không đáp lại, và một chai nước khác mà anh nhận lấy. Đôi mắt cô buồn bã và dịu dàng nhưng giọng thì hoàn toàn mang âm sắc của công việc.

“Này, Mack.” Cô ngập ngừng. “Anh kéo ghế ngồi đi.”

Mack không muốn ngồi xuống. Anh cần làm gì đó để ngăn chặn cơn cồn cào trong bụng. Cảm nhận được sự rắc rối. Anh đứng chờ cô nói tiếp.

“Mack, chúng tôi đã tìm được một thứ, nhưng không phải là tin vui.”

Anh lóng ngóng tìm từ ngữ. “Cô có tìm thấy Missy không?” Đó là câu hỏi mà anh không muốn nghe câu trả lời, nhưng đang tuyệt vọng muốn biết.

“Không, chúng tôi không tìm thấy con bé.” Sam ngưng lại và bắt đầu đứng dậy. “Nhưng, tôi cần anh đến để nhận diện một thứ chúng tôi tìm được trong căn chòi cũ đó. Tôi cần biết đó có phải là...” cô kìm lại, nhưng đã quá muộn, “Ý tôi muốn biết, có phải là con bé hay không.”

Anh nhìn chằm chằm xuống đất. Anh lại cảm thấy như mình già cả triệu tuổi, dường như chỉ ước ao có cách gì mình biến chính mình thành một tảng đá vô cảm.

“Ồ, Mack, tôi xin lỗi,” Sam vừa tạ lỗi vừa đứng dậy. “Ta có thể làm việc này sau nếu anh muốn. Tôi cứ tưởng...”

Anh không thể nhìn cô và lại càng khó khăn hơn để tìm từ hầu thoát ra mà không ngã quỵ. Rồi anh lại cảm thấy như con đê chực vỡ. “Làm luôn đi,” anh nhỏ nhẹ lắm bằm. “Tôi muốn biết mọi điều có thể biết.”

Wikowsky lẽ ra phải ra hiệu cho những người kia bởi vì, mặc dù Mack không nghe thấy gì, anh đột nhiên thấy Emil và Tommy mỗi người khoác một tay anh khi họ cùng bước theo viên đặc vụ trên đoạn đường ngắn dẫn đến căn chòi. Ba người đàn ông, khoác tay nhau trong một mối đoàn kết lạ thường, sóng bước bên nhau, cùng tiến đến cơn ác mộng của riêng mỗi người.

Một thành viên của nhóm hình sự mở cửa căn chòi để họ vào. Ánh sáng đèn do máy phát điện chiếu rọi từng góc của căn phòng chính. Những hàng kệ trên tường, một chiếc bàn cũ, một vài chiếc ghế, và một chiếc sofa cũ mà ai đó đã vất vả lôi vào đây. Mack ngay lập tức nhìn thấy thứ mà anh đến để nhận diện, anh quay người lại, đổ gục vào cánh tay của hai người bạn và òa khóc không gì kiềm lại được. Trên sàn nhà, cạnh lò sưởi là chiếc váy đầm đỏ của Missy bị xé rách và nhuộm máu.

Đối với Mack, những ngày và những tuần tiếp theo đã trở thành một chuỗi lò mò tê dại của những cuộc phỏng vấn với cảnh sát và báo chí, nối tiếp bởi một cuộc truy điệu cho Missy bằng một chiếc quan tài nhỏ trống rỗng và một đại dương bất tận những gương mặt, tất cả đều buồn bã khi đi diễu qua, không ai biết nói gì. Trong những tuần tiếp sau đó nữa, một lúc nào đó Mack đã bắt đầu cuộc hòa nhập trở lại đời thường một cách chậm chạp và đau đớn.

Tên Sát Gái dường như được ghi nhận đã sát hại nạn nhân thứ năm, Melissa Anne Phillips. Cũng hết như trong bốn trường hợp trước, giới chức đã không hề tìm thấy thi thể của Missy mặc dù các nhóm tìm kiếm đã sục sạo khu rừng quanh căn chòi nhiều ngày trời sau khi phát hiện. Như trong các trường hợp khác, tên sát nhân đã

không để lại dấu tay hay DNA. Hắn không để lại một chứng cứ hữu ích nào, chỉ mỗi chiếc kẹp. Như thể hắn là một bóng ma.

Đến một lúc, Mack đã cố thoát ra khỏi nỗi đau buồn của chính mình, ít nhất là với gia đình. Gia đình đã mất một đứa em và đứa con gái, giờ lại mất một người cha và một người chồng nữa thì thật không phải. Mặc dù không ai liên can có thể lãnh lặn trước thảm kịch này, Kate hình như là người bị tác động mạnh nhất, biến mất vào trong chiếc vỏ, như một con rùa tự bảo vệ chiếc ức mỏng manh của mình trước mọi thứ tiềm tàng hiểm nguy. Dường như cô bé chỉ thò đầu ra khi cảm thấy hoàn toàn an toàn, một cảm giác ngày càng hiếm hoi. Mack và Nan đều ngày càng lo lắng cho cô bé, nhưng dường như không tìm được từ ngữ gì thích hợp để xuyên thủng pháo đài mà cô đã xây quanh cõi lòng mình. Những cố gắng đối thoại thường biến thành những cuộc độc thoại một chiều, những âm thanh bật ngược lại từ gương mặt sỏi đá của cô. Cứ như thể một điều gì đó đã chết trong lòng cô, và giờ đây nó đang từ từ lây nhiễm đến cô từ bên trong, thỉnh thoảng trào ra thành những lời cay đắng hoặc sự im lặng vô cảm.

Josh tỏ ra khá hơn nhiều, một phần nhờ vào mối quan hệ mà cậu vẫn duy trì với Amber ở nơi xa. Email và điện thoại là một cách làm dịu nỗi đau của cậu và cô bé đã dành cho cậu thời gian và không gian để chia sẻ. Cậu cũng đang chuẩn bị tốt nghiệp trung học sau bao biến cố trong năm.

Nỗi đau đã giáng xuống và với những cấp độ khác nhau đã phủ lên mọi người có liên hệ cuộc sống với Missy. Mack và Nan đã cùng nhau vượt qua được cơn bão táp của tổn thất, và về một lẽ nào đó đã gắn bó với nhau hơn. Nan đã nói rõ ngay từ đầu, và nhắc đi nhắc lại, nàng không trách Mack bất kỳ điều gì về chuyện đã xảy ra. Cũng dễ hiểu là Mack mất nhiều thời gian hơn để khuây khỏa, cho dù là chút ít.

Thật quá dễ khi đắm mình trong những dằn vặt của trò chơi *giá như*, để rồi lại trôi tuột vào con dốc tuyệt vọng. *Giá như* anh quyết định không đưa các con đi du lịch; *giá như* anh không đồng ý khi chúng đòi bơi xuống; *giá như* anh lên đường ngày hôm trước, *giá*

như, giá như, giá như . Việc anh không chôn cất được thi thể của Missy càng làm anh dần vật trong vai trò người cha. Việc Missy vẫn còn đâu đó cô đơn trong rừng ám ảnh anh hằng ngày. Giờ đây, sau ba năm rưỡi, Missy đã được chính thức giả định đã bị sát hại. Cuộc sống sẽ không bao giờ trở lại bình thường được nữa, chẳng có lúc nào thật sự bình thường. Thật trống rỗng khi vắng Missy.

Tấn bi kịch cũng đã làm tăng rạn nứt trong quan hệ của chính Mack với Chúa, nhưng anh lờ đi cảm giác xa cách ngày càng rõ này. Thay vào đó, anh trải mình trong một niềm tin khắc kỷ và vô cảm, và cho dù Mack cảm thấy chút khuây khỏa và bình an trong đó, nó không ngăn được những cơn ác mộng hình ảnh chân anh lún trong bùn và tiếng thét câm lặng của anh không cứu được Missy yêu dấu. Những giấc mơ tệ hại ngày càng thừa hơn, rồi tiếng cười và những khoảnh khắc vui tươi bắt đầu trở lại từ từ, nhưng anh cảm thấy tội lỗi về điều này.

Cho nên khi Mack nhận được thư của Cha bảo đến gặp người tại căn chòi, chuyện không hề đơn giản. Chúa có bao giờ viết thư không? Và tại sao lại là *căn chòi* - biểu tượng cho nỗi đau cùng cực của anh? Rõ ràng, Chúa có những nơi hay ho hơn để gặp anh. Một ý nghĩ đen tối cũng thoáng qua đầu anh rằng tên sát nhân biết đâu đang giấu anh, hoặc dụ anh đi khỏi để cả gia đình không còn ai che chở. Có lẽ tất cả chỉ là một trò chơi ác. Nhưng thế thì tại sao thư lại ký tên Cha?

Có cố đến đâu Mack cũng không thoát khỏi khả năng kinh khủng rằng lá thư có lẽ đến từ Chúa mà thôi, cho dù ý tưởng Chúa gửi thư chẳng hề phù hợp với sở học của anh về thần học. Trong trường dòng anh đã được dạy rằng, Chúa đã hoàn toàn chấm dứt mọi giao tiếp công khai với con người hiện đại, mong muốn họ chỉ việc lắng nghe và tuân theo Thánh kinh, dĩ nhiên, được diễn giảng thích đáng. Lời Chúa chỉ còn trên giấy, và thậm chí giấy đó cũng phải được diễn dịch và giải mã bởi các bậc giáo phẩm và trí thức thích đáng. Dường như việc giao tiếp trực tiếp với Chúa là một ân sủng độc quyền cho những con người cổ đại và chưa văn minh, còn mỗi giao tiếp của người phương Tây có giáo dục với Chúa đã được sắp đặt và kiểm

soát bởi giới trí thức. Không ai muốn Chúa trong một chiếc hộp, chỉ muốn trong một cuốn sách. Nhất là một cuốn đắt tiền được đóng bìa da và mạ vàng, hay điều ấy là sai quấy?

Càng nghĩ về chuyện đó, Mack càng hoang mang và bức dọc. Ai gửi lá thư quái quỷ đó? Cho dù là Chúa hay tên sát nhân hay một kẻ tinh nghịch nào đó thì điều đó có nghĩa gì? Nhìn ở góc độ nào anh cũng có cảm giác mình đang bị đùa giỡn. Mà dù sao đi nữa, vâng lời Chúa thì được lợi gì? Hãy nhìn xem đời mình đã ra sao.

Nhưng cho dù tức giận hay phiền muộn, Mack biết rằng mình cần một số câu trả lời. Anh nhận ra mình bị bế tắc, và những lời kinh hay lời ca trong thánh lễ Chủ nhật không giải quyết được gì nữa, nếu như điều đó đã từng có tác dụng. Duy linh ẩn dật dường như không thay đổi được gì trong đời sống những người anh quen biết, có lẽ ngoại trừ Nan. Nhưng nàng là người đặc biệt. Có lẽ Chúa thật sự yêu nàng. Nàng không phải là một kẻ rắc rối như anh. Anh thấy chán Chúa và đạo giáo của Chúa, chán hết thảy những hội đoàn tôn giáo mà dường như chẳng thay đổi được chút gì hay ảnh hưởng gì đến những sự thay đổi thật sự. Vâng, Mack muốn nhiều hơn, và anh sắp được nhận nhiều hơn cả những gì anh mặc cả.

NÀO AI ĐẾN DỰ DẠ YẾN

Chúng ta thường truất phế những chứng cứ dẫn đến sự thiếu hụt. Tức là, chúng ta bị thuyết phục mạnh mẽ bởi tính hợp lý từ nhận định của mình đến độ loại trừ chứng cứ nào không giúp ta kiên tín. Không một điều gì xứng đáng gọi là sự thật lại có thể đến bằng những phương cách như thế.

— MARILYNNE ROBINSON, *Cái chết của Adam*

Có những lúc ta chọn để tin một điều gì đó mà bình thường được xem là hoàn toàn phi lý. Điều đó không có nghĩa là nó *thật sự* phi lý, chỉ có điều chắc chắn nó không hợp lý. Có lẽ có một siêu hình: lý trí vượt ngoài các định nghĩa thông thường căn cứ trên luận lý của sự kiện hay dữ liệu, một điều gì đó chỉ hợp lý nếu bạn có thể nhìn thấy một bức tranh thực tế to lớn hơn. Có lẽ đó chính là nơi chốn của niềm tin.

Mack không chắc về nhiều điều, nhưng trong những ngày sau khi bị trượt ngã trên lối đi băng giá, có một lúc trong tâm can và trí não, anh đã tin rằng có ba cách lý giải hợp lý về lá thư. Hoặc thư đến từ Chúa, mà nghe thật vô lý, một trò đùa ác ý, hoặc một gì đó hung ác hơn nữa từ kẻ sát hại Missy. Dù gì thì lá thư vẫn chiếm lĩnh tâm tưởng của anh từng phút ban ngày và những giấc mơ về đêm.

Một cách bí mật, anh bắt đầu chuẩn bị kế hoạch để đi đến căn chòi vào cuối tuần sau. Thoạt đầu anh không nói với ai, kể cả Nan. Anh không có lời biện hộ nào thích đáng trong bất kỳ trường hợp nào nếu bị chất vấn sau khi nói ra, và anh lo rằng mình sẽ gặp bế tắc như thể bị nhốt vào phòng rồi quăng luôn chìa khóa. Anh suy diễn rằng dù sao một cuộc đối thoại như thế chỉ mang lại thêm nỗi đau mà chẳng giải quyết gì. “Mình giữ kín cho riêng mình vì Nan,” anh tự nhủ. Vả lại, bản về lá thư tức là thú nhận anh đã giữ những điều bí mật đối với nàng; những điều bí mật mà anh vẫn biện minh trong đầu mình. Đôi khi sự trung thực có thể hết sức rắc rối.

Tin tưởng vào sự đúng đắn của chuyến đi sắp tới, Mack bắt đầu tính cách để đưa gia đình đi khỏi nhà vào dịp cuối tuần mà không gây bất cứ sự hoài nghi nào. Có một khả năng nhỏ nhoi tên sát nhân đang định dụ anh ra khỏi thành phố, bỏ lại gia đình không ai che chở, và điều đó không thể chấp nhận được. Nhưng anh thấy bế tắc. Nan rất nhạy cảm đối với anh trong bất kỳ chuyện gì, và làm thế sẽ dẫn đến những câu hỏi mà anh chưa biết cách trả lời.

May thay cho Mack, chính Nan lại là người đưa ra một giải pháp. Nàng đang suy tính về chuyện đi thăm người chị và gia đình trên quần đảo San Juan, vùng biển khơi bang Washington. Anh rể của nàng là một nhà tâm lý học trẻ em, và Nan nghĩ rằng nếu được anh ấy giúp ý kiến chuyên môn về các hành vi phản kháng ngày càng trầm trọng của Kate thì thật hữu ích, nhất là khi cả nàng lẫn Mack đều không có tiến triển gì trong việc tiếp cận con bé. Khi nàng nêu ra ý định về chuyến đi, Mack háo hức hưởng ứng ngay.

“Em nên đi chứ,” là phản ứng của anh khi Nan bộc bạch. Đó không phải là câu đáp mà nàng mong chờ, và nàng đã nhìn anh hơi khác lạ. Anh lúng túng: “Ý anh thì anh nghĩ đó là một ý hay. Anh nhớ cả nhà chứ, nhưng anh ở một mình vài ngày không sao cả, đằng nào anh cũng có rất nhiều việc để làm.” Nàng thấy nhẹ nhõm, có lẽ dễ chịu vì kế hoạch chuyến đi đã mở ra quá dễ dàng.

“Em chỉ nghĩ tốt nhất là Kate được đi đâu đó vài ngày,” nàng nói thêm, và anh gật đầu đồng ý.

Một cú điện thoại cho chị của Nan và chuyến đi đã được thu xếp. Căn nhà chẳng mấy chốc lại nhộn nhịp. Josh và Kate đều vui; việc này sẽ kéo dài kỳ nghỉ xuân của chúng thêm một tuần. Chúng thích đến thăm những người anh em họ và dễ dàng ủng hộ ý tưởng này, mà thật ra chúng cũng chẳng có bất kỳ sự lựa chọn nào.

Mack bí mật gọi cho Willie và hỏi mượn chiếc xe Jeep hai cầu của người bạn trong lúc cố gắng một cách không thành công lắm trong việc không tiết lộ quá nhiều thông tin. Vì Nan dùng chiếc xe thùng, anh cần một chiếc khác thích hợp hơn chiếc xe nhỏ của mình để thi thố trên những đoạn đường giằng xóc ở khu bảo tồn, mà chắc hẳn

như vẫn còn chìm trong cảnh khắc nghiệt của mùa đông. Yêu cầu khác lạ của Mack không tránh khỏi khiến Willie gạn hỏi, những câu hỏi mà Mack cố hết sức để trả lời một cách tránh né. Willie đã hỏi thẳng thừng có phải Mack định đi một chuyến đến căn chòi, Mack đáp rằng anh không thể trả lời câu hỏi ngay lúc đó nhưng sẽ giải thích đầy đủ khi Willie mang xe đến vào buổi sáng.

Cuối chiều thứ năm Mack ôm hôn tiễn Nan, Kate và Josh, rồi anh từ tốn bắt đầu chuẩn bị cho chuyến đi dài đến Đông Bắc Oregon - đến nơi ác mộng của mình. Anh suy luận rằng mình chẳng cần gì nhiều nếu *Chúa* đã mời gọi, nhưng để dự phòng, anh đã nạp vào bình cách nhiệt nhiều nước hơn cả mức cần thiết cho đoạn đường rồi lấy thêm một chiếc túi ngủ, một số nến, diêm và một vài dụng cụ thoát hiểm. Rõ ràng, anh có khả năng biến thành một tên đàn độn hoặc mục tiêu của một trò đùa tai ác nào đó, nhưng lúc ấy anh chỉ việc lái về mà thôi. Một tiếng gõ cửa làm Mack giật mình trong lúc đang tập trung, và anh nhận ra đó là Willie. Cuộc đối thoại của họ ắt hẳn đủ phức tạp để khiến người bạn đến sớm. Mack nhẹ người vì Nan đã đi rồi.

“Tôi đây, Willie. Trong nhà bếp.” Mack gọi với.

Một giây sau, Willie thò đầu vào và lắc đầu nhìn đồng hồ hỗn độn Mack bày ra. Anh đứng dựa khung cửa và khoanh tay. “Tôi đã mang chiếc Jeep đến và đổ đầy xăng rồi, nhưng tôi không đưa chìa khóa chừng nào anh bạn chưa nói rõ chuyện gì đang xảy ra.”

Mack tiếp tục nhét đồ đạc vào mấy cái túi cho chuyến đi. Anh biết nói dối bạn vô ích, và anh cần chiếc Jeep. “Tôi quay lại căn chòi, Willie à.”

“Tôi cũng đoán như vậy mà. Điều tôi muốn biết là tại sao anh lại muốn quay lại đó, nhất là vào lúc này trong năm. Không biết chiếc Jeep có công nổi tụi mình lên đó không. Nhưng để dự phòng, tôi cất xích ở đằng sau biết đâu mình cần.”

Không nhìn bạn, Mack đi vào văn phòng, cạy nắp hộp thiếc nhỏ để lấy lá thư. Quay vào nhà bếp, anh trao cho Willie. Người bạn lật

ra rồi đọc thầm. “Trời, thằng quái gàn nào viết thư cho anh kiểu này vậy? Cha này là ai?”

“Anh biết đó, Cha - tên mà Nan ưa thích gọi Chúa.” Mack nhún vai, không biết nói gì nữa. Anh cầm lại lá thư rồi nhét vào túi áo sơ mi.

“Khoan đã, anh không nghĩ đây là thư của Chúa thật đấy chứ?”

Mack dừng bước và xoay lại đối diện anh ta. Đẳng nào anh cũng sắp đóng gói đồ đạc xong rồi. “Willie, tôi không biết nghĩ gì về việc này. Mới đầu, tôi nghĩ rằng đây là một trò chơi xỏ và tôi tức giận đến phát khùng. Có thể tôi không được tỉnh táo. Tôi biết nói ra nghe điên rồ, nhưng không hiểu sao tôi cảm thấy bị cuốn hút một cách kỳ lạ phải tìm cho ra vụ này. Tôi phải đi, Willie, nếu không thì tôi điên luôn.”

“Anh có nghĩ đến khả năng đây là tên sát nhân không? Nếu hẳn dụ anh đến vì một lý do nào đó thì sao?”

“Dĩ nhiên tôi có nghĩ đến chuyện đó. Trong thâm tâm tôi cũng có phần chẳng ngạc nhiên nếu có chuyện đó. Tôi có món nợ phải thanh toán với hắn,” anh nói giọng dứt khoát rồi ngưng lại. “Nhưng khả năng đó cũng không hợp lý lắm. Tôi không nghĩ tên sát nhân lại ký thư này là Cha. Anh phải biết *rất* rõ gia đình tôi thì mới nghĩ ra chuyện đó được.”

Willie bối rối.

Mack nói tiếp: “Và không có ai biết rõ gia đình tôi đến mức ấy mà lại gửi một bức thư thế này. Tôi nghĩ chỉ có Chúa thôi... có lẽ.”

“Nhưng Chúa không làm những chuyện như thế. Ít ra tôi chưa bao giờ nghe Chúa gửi thư cho ai cả. Không phải Chúa không làm được, nhưng... anh hiểu ý tôi rồi đó. Mà tại sao Chúa muốn anh quay lại căn chòi? Tôi không nghĩ ra chỗ nào tệ hơn...” Sự im lặng treo giữa họ trở nên khó xử.

Mack dựa người vào quầy bếp phía sau và nhìn chằm chằm xuống sàn trước khi cất giọng. “Tôi không chắc, Willie. Trong thâm tâm tôi có phần muốn tin rằng Chúa quan tâm đến tôi đến mức gửi

thư cho tôi. Tôi rất hoang mang, sau bấy nhiêu thời gian. Tôi cảm thấy như chúng tôi đang mất Kate và điều đó làm tôi đau khổ muốn chết. Có lẽ chuyện xảy ra với Missy là sự phán xét của Chúa cho việc làm của tôi đối với bố tôi. Tôi không biết được.” Anh ngược nhìn vào mặt người đàn ông quan tâm đến anh hơn ai hết mà anh biết, ngoại trừ Nan. “Tôi chỉ biết tôi cần phải trở lại.”

Lại một sự im lặng giữa họ trước khi Willie lên tiếng trở lại. “Vậy chừng nào mình đi?”

Mack xúc động bởi người bạn sẵn sàng nhảy vào cơn điên của mình. “Cám ơn anh bạn, nhưng tôi rất cần làm chuyện này một mình.”

“Tôi biết anh sẽ nói vậy mà,” Willie vừa đáp vừa quay bước ra khỏi phòng. Một lát sau anh quay lại với một khẩu súng lục và một hộp đạn trong tay. Anh đặt nhẹ chúng lên quầy. “Tôi đoán là tôi không thể thuyết phục anh đừng đi, nên tôi nghĩ biết đâu anh cần đến thứ này. Tôi tin là anh biết cách dùng.”

Mack nhìn khẩu súng. Anh biết Willie có thiện ý và đang cố gắng giúp đỡ. “Willie, tôi không biết dùng. Ba mươi năm rồi tôi chưa cầm súng trở lại và bây giờ tôi cũng không định. Bài học của tôi trong đời là nếu dùng bạo lực để giải quyết một vấn đề thì tôi luôn gặp một vấn đề tệ hại hơn.”

“Nhưng nếu đó là tên giết hại Missy thì sao? Nếu hắn đang chờ anh trên đó thì sao? Khi ấy anh sẽ làm gì?”

Anh nhún vai. “Tôi thật lòng không biết, Willie. Chắc tôi sẽ thử thời vận vậy.”

“Nhưng anh vô phương tự vệ. Làm sao biết hắn nghĩ gì trong đầu, hay thủ sẵn trong tay. Cứ cầm đi, Mack.” Willie đẩy khẩu súng và đạn trên quầy về phía anh. “Anh đâu có bị bắt buộc phải dùng.”

Mack nhìn xuống khẩu súng và sau khi suy tính bèn từ tốn với lấy súng và đạn, cẩn thận nhét vào túi. “Ok, để dự phòng.” Rồi anh quay lại lấy thêm một số dụng cụ và với súng đã nạp đạn, bước ra xe

Jeep. Willie xách túi đồ lớn còn lại, thấy nặng hơn anh tưởng, vừa nhấc lên vừa kêu.

“Trời, Mack, nếu anh nghĩ là Chúa đang chờ ở đó thì đem đủ thứ đồ theo làm gì?”

Mack cười khá buồn “Tôi chỉ định mang dự phòng thôi. Chuẩn bị nếu sẽ có chuyện gì đó... hay chẳng có gì cả.”

Họ đi ra khỏi nhà đến chỗ lối đi nơi chiếc Jeep đang đậu. Willie rút chìa khóa trong túi ra trao cho Mack.

“VẬY,” Willie phá tan sự im lặng, “mọi người đâu rồi, còn Nan nghĩ gì khi anh đi đến căn chòi đó? Tôi không tưởng tượng được cô ấy hài lòng.”

“Nan và mấy đứa nhỏ đi thăm người chị cô ấy ở đảo, mà... tôi không nói với cô ấy,” Mack thú thật.

Willie ngạc nhiên ra mặt. “Gì! Anh chưa bao giờ giấu cô ấy điều gì. Tôi không ngờ anh nói dối cô ấy!”

“Tôi đâu có nói dối cô ấy,” Mack phản ứng.

“Bỏ qua cho tôi vì đã xía vào chuyện này,” Willie đáp trả. “Đúng rồi, anh đâu có nói dối cô ấy vì anh đâu có nói với cô ấy toàn bộ sự thật. Ừ thì cô ấy cũng sẽ hiểu hết thôi.” Willie nhướn mày.

Mack không đếm xỉa đến cơn bực dọc và bước lui vào trong phòng làm việc trong nhà. Trong ấy, anh tìm thấy một bộ chìa khóa dự phòng của xe hơi và nhà, ngập ngừng giây lát, anh cầm lấy chiếc hộp thiếc. Rồi anh quay trở ra đến chỗ Willie.

“VẬY anh nghĩ con người ấy trông ra sao?” Willie cười tủm tỉm khi anh tiến đến.

“Ai?” Mack hỏi.

“Chúa chứ ai. Anh nghĩ Ngài trông ra sao, nếu như Ngài xuất hiện? Tôi hình dung chắc anh sẽ làm cho mấy người đi dã ngoại sợ chết khiếp - anh sẽ hỏi xem có phải Ngài là Chúa không rồi bắt Ngài trả lời đủ thứ.”

Mack cười toe toét khi nghe ý đó. “Không biết nữa. Có thể Ngài là một nguồn sáng rực rỡ, hay là một bụi cây bốc lửa. Tôi thì lúc nào cũng hình dung Ngài là một ông cụ thật to lớn râu dài bạc phơ, giống như Gandalf trong *Chúa tể của những chiếc nhẫn* của Tolkien.”

“Này, nếu Chúa xuất hiện thì cho tôi gửi lời chào nhé,” Willie vừa nói vừa cười. “Bảo Ngài rằng tôi cũng có mấy câu hỏi riêng. Mack này, đừng có làm Ngài nổi giận nhé.” Cả hai cùng cười. “Nói nghiêm túc đây,” Willie tiếp lời, “tôi lấy làm lo cho anh bạn. Giá mà tôi đi cùng, hay là Nan, hay là một ai đó. Hy vọng anh sẽ tìm thấy những gì cần tìm trên đó. Tôi sẽ cầu nguyện cho hai người.”

“Cám ơn nhé, Willie. Tôi quý anh lắm.” Anh vẫy chào trong khi Willie lùi ra khỏi lối đi. Mack biết anh bạn của mình sẽ giữ lời. Chắc là anh cũng cần đến tất cả những lời cầu nguyện có thể có được.

Anh dõi nhìn đến lúc Willie chạy qua khúc quanh rồi mất dạng, rồi rút lá thư trong túi áo ra đọc một lần nữa, rồi cất lại vào trong chiếc hộp thiếc nhỏ, đặt trên ghế sau cùng với các đồ đạc chất trên đó. Khóa cửa lại, anh quay vào nhà để trải qua một đêm không ngủ.

Từ mờ sáng thứ sáu, Mack đã ra khỏi thành phố theo đường I-84. Nan đã gọi điện đêm trước từ nhà chị gái báo tin cả gia đình đến nơi an toàn, và anh định bụng ít ra đến chủ nhật mới có một cú điện nữa. Đến lúc đó chắc anh đã trên đường về rồi, nếu như chưa về đến nhà. Anh đã chuyển tiếp cuộc gọi từ điện thoại nhà sang điện thoại di động để dự phòng, mặc dù không định nghe điện thoại khi đã vào khu bảo tồn.

Anh đi lại con đường đã đi ba năm rưỡi trước đó, với một vài đổi thay nho nhỏ: không có quá nhiều ổ gà và anh lướt qua thác Multnomah mà không ngắm nhìn. Anh đã dẹp bỏ mọi ý nghĩ về nơi ấy từ khi Missy mất tích, giam sâu chôn chặt cảm xúc tận đáy lòng.

Trên chặng đường dài đến hẻm núi, Mack bắt đầu cảm thấy một nỗi hoang mang càng lúc càng trở dậy. Anh cố tránh không nghĩ đến

việc đang làm và cố gắng luôn dần bước, nhưng giống như trứng chọi đá, cảm xúc và nỗi sợ bị kìm nén bắt đầu tìm cách len ra. Mắt anh tối sầm và bàn tay siết chặt tay lái để chống lại sự thôi thúc quay xe về nhà mỗi khi đến khúc quanh. Anh biết mình đang lái thẳng vào chính giữa nỗi đau của mình, cơn lốc xoáy của nỗi đau lớn đã từng triệt hạ trong anh ý thức về sự sống. Những hình ảnh chớp nhoáng của ký ức và những khoảnh khắc cuồng dại nhói đau giờ đây ập đến thành từng đợt sóng, hòa cùng vị đắng và vị máu trong miệng.

Cuối cùng anh đến La Grande, dừng lại đổ xăng, rồi đi theo xa lộ 82 đến Joseph. Trước đó, anh đã tần ngần muốn dừng bước tìm Tommy nhưng rồi quyết định thôi. Càng ít người nghĩ anh là một tên lú lẫn điên rồ càng tốt, đổ xăng xong anh đi tiếp.

Xe cộ thừa thớt, vùng Imnaha và những con đường nhỏ khá trống trải và khô ráo vào mùa này, ẩm hơn nhiều so với anh hình dung. Nhưng dường như càng lái lâu anh càng đi chậm, như thể căn chòi đang khước từ anh. Chiếc Jeep băng vào vùng tuyết vĩnh cửu để bắt đầu những dặm cuối cùng dẫn đến con đường mòn hướng đến căn chòi. Át cả tiếng rú của động cơ, anh nghe thấy cả tiếng lốp xe lì lợm nghiền vào tuyết và băng dày. Thậm chí sau mấy lần quẹo sai đường phải quay lui, khi Mack đậu xe lại ở đầu đường mòn, lúc ấy chỉ mới đầu giờ chiều.

Anh ngồi đó gần năm phút tự trách mình sao ngốc nghếch đến vậy. Mỗi dặm đường đi qua từ Joseph, ký ức lại quay về rõ ràng đến choáng ngợp, và bây giờ trí não anh biết chắc rằng mình không muốn đi thêm nữa. Nhưng sự thôi thúc từ bên trong lại không gì cưỡng được. Trong lúc tinh thần giằng xé, anh đưa tay cài áo khoác và vớ lấy đôi găng da.

Anh đứng đó nhìn xuống con đường, quyết định bỏ lại mọi thứ trong xe và đi bộ chùng chãi dặm đường để đến hồ; ít nhất theo cách đó anh không phải vác theo thứ gì đi ngược trở lại lên đồi khi quay về, một điều mà giờ đây anh mong sắp diễn ra.

Trời đủ lạnh để không khí anh thờ ra ngưng đọng lại quanh mình và tưởng chừng như nó sắp đóng băng. Cơn đau chát chứa trong bụng anh giờ đây khiến anh phát hoảng. Sau năm bước chân, anh dừng lại và ọe thốc ra mạnh đến độ ngã quỵ xuống đất.

“Cứu con với!” anh rên rỉ. Anh đứng dậy trên đôi chân run rẩy và dậm bước về phía chiếc xe. Rồi anh dừng lại và quay bước. Anh mở cửa sau rồi với tay vào sục sạo đến khi sờ thấy chiếc hộp thiếc. Anh cạy nắp hộp ra và tìm thấy thứ mình đang tìm kiếm, bức ảnh Missy mà anh yêu thích, rồi lấy nó ra cùng với bức thư. Đây nắp lại, anh bỏ chiếc hộp lại trên ghế. Anh dừng một lát ngấm nhìn ngẩn kéo trên xe. Cuối cùng, anh mở ra lấy khẩu súng của Willie, kiểm tra xem đạn đã nạp chưa rồi cài chốt an toàn. Đứng dậy, anh đóng cửa xe, với lấy áo khoác, nhét khẩu súng vào thắt lưng phía sau. Anh quay người nhìn con đường một lần nữa, nhìn tấm ảnh Missy một lần cuối trước khi nhét vào túi áo sơ mi cùng với lá thư. Nếu người ta tìm thấy anh đã chết, ít nhất họ biết anh đang nghĩ đến ai.

Con đường mòn đầy bất trắc, những tảng đá đóng băng và trơn trượt. Mỗi bước đều phải tập trung trong khi đi xuống khu rừng rậm rạp. Cảnh vật yên ắng một cách khác lạ. Âm thanh duy nhất anh nghe thấy là tiếng bước chân lạo xạo trên tuyết và hơi thở của anh nặng nhọc. Mack bắt đầu có cảm giác mình bị theo dõi, và thậm chí một lần anh quay phắt lại xem có ai không. Anh càng muốn quay người bỏ chạy về chỗ chiếc xe Jeep thì đôi bàn chân dường như lại càng có ý riêng của chúng, quyết đi tiếp xuống dưới và đi sâu vào cánh rừng lờ mờ và càng lúc càng rậm rạp.

Đột nhiên có thứ gì đó di chuyển gần kề. Giật mình, anh đứng bất động, im lặng và cảnh giác. Tim đập thành thịch bên tai, miệng chọt khô khốc, anh từ từ với tay ra sau lưng rút súng ra khỏi thắt lưng. Bật chốt an toàn, anh nhìn chăm chú vào trong bụi cây thấp tối mò, cố dõi nhìn hay lắng nghe một thứ gì đó để giải thích cho tiếng động và làm mình bớt xáo động. Nhưng thứ gì đó đã chuyển động giờ đây đã ngừng. Nó đang chờ anh? Để chắc ăn, anh đứng bất động trong vài phút trước khi bắt đầu nhích tới trên con đường mòn về phía dưới, cố gắng càng yên lặng càng tốt.

Khu rừng dường như vây quanh anh và anh bắt đầu thắc mắc một cách sợ sệt liệu mình có đi sai đường không. Trong khóe mắt anh lại thấy có sự chuyển động và lập tức ngồi thụp xuống, nhìn xuyên qua tán cành thấp của một cái cây cạnh đó. Một thứ gì đó ma quái, như một cái bóng, đã luồn vào trong bụi rậm. Hay là anh tưởng tượng ra? Anh lại chờ đợi, không nhúc nhích một cơ bắp nào. Có phải Chúa không? Lòng anh đầy hoài nghi. Có lẽ một con thú? Anh không nhớ nổi trên này có sói, hươu hay nai sừng tấm có thể gây tiếng động. Rồi anh nghĩ đến điều mà anh vẫn tránh né: “Nếu tệ hơn thì sao? Nếu *hắn đã và đang* rình rập trên này thì sao? Nhưng để làm gì?”

Từ từ đứng dậy khỏi nơi ẩn nấp, súng vẫn trong tay, anh bước một bước về phía trước thì đột nhiên bụi rậm phía sau anh dường như bùng nổ. Mack quay phắt lại, kinh sợ và chuẩn bị chiến đấu để thoát thân, nhưng chưa kịp bóp cò thì anh nhận ra phần sau của một con lửng lao vụt đi lên trên con đường mòn. Anh từ từ thở ra một hơi thở từ nãy giờ nén lại không hề hay biết, hạ súng xuống rồi lắc đầu. Chàng Mack gan dạ chỉ còn là một cậu bé sợ sệt trong rừng. Cài lại chốt an toàn, anh nhét súng vào. “Có người mệt đấy,” anh nghĩ bụng trong khi thở ra nhẹ nhõm.

Hít một hơi sâu và thở ra chậm chậm, anh trấn tĩnh lại. Nhận định rằng mình đã hết sợ rồi, anh tiếp tục đi, cố gắng tỏ ra tự tin hơn cảm giác trong lòng. Anh hy vọng mình không vượt qua bao nhiêu dặm đường vô ích. Nếu Chúa sắp gặp anh ở đây, anh rất nôn nao muốn trút bỏ vài nỗi niềm chất chứa, dĩ nhiên là một cách tôn kính.

Sau vài lần rẽ lối, anh thoát khỏi khu rừng và bước ra khoảng trống. Xa xa dưới sườn đồi anh lại thấy nó - căn chòi. Anh đứng, nhìn nó, lòng rối bời cảm xúc và bồn loạn. Về ngoài nó dường như chẳng có gì thay đổi ngoài tiết đông đã làm trụi lá cây cối và bức màn tuyết trắng bao trùm xung quanh. Căn chòi trông có vẻ chết chóc và trống rỗng, nhưng khi anh nhìn chăm chăm dường như trong khoảnh khắc nó biến thành một gương mặt quái quỷ, vằn vẹo trông một dung mạo xấu xí của quỷ sứ, nhìn ngược lại anh và thách thức anh dám tiến đến. Bất chấp cảm giác sợ hãi trào dâng, Mack

kiên quyết bước một trăm bộ cuối cùng về phía dưới đến trước hiên nhà.

Ký ức và nỗi kinh hoàng của lần cuối cùng đứng tại khung cửa này tràn về và anh ngập ngừng trước khi đẩy cửa. “Xin chào?” anh gọi, không quá lớn tiếng. Hắng giọng, anh gọi lại lần nữa, lần này lớn hơn. “Xin chào? Có ai ở đây không?” Giọng anh vang dội vào khoảng trống trong nhà. Cảm thấy gan lì hơn, anh bước hẳn qua khung cửa rồi dừng lại.

Khi mắt quen dần với bóng tối, anh bắt đầu nhận ra chi tiết của căn phòng bởi ánh sáng chiều lọt qua khung cửa sổ vỡ. Bước vào phòng chính, anh nhận ra cái ghế và cái bàn cũ. Mack không cưỡng lại được chính mình khi đôi mắt anh hướng về nơi mà anh không dám nhìn. Đã mấy năm rồi mà vết máu phai vẫn còn nhìn rõ mồn một trên ván gỗ gần lò sưởi nơi người ta tìm thấy chiếc áo của Missy. “Bố hết sức xin lỗi con, con ơi.” Nước mắt bắt đầu dâng lên trong mắt anh.

Rồi cuối cùng tim anh bùng nổ như một cơn thác lũ, tháo tung cơn tức giận tích tụ để nó chảy tràn trên thung lũng cảm xúc sỏi đá. Ngược mắt lên trời, anh bắt đầu hét lên những câu hỏi khổ đau. “Tại sao? Tại sao Chúa lại để xảy ra chuyện này? Tại sao người lỗi tôi đến đây? Bao nhiêu nơi để gặp - tại sao lại ở đây?” Con tôi bị giết hại chưa đủ sao? Người lại đùa với cả tôi nữa sao?” Trong một cơn cuồng nộ mù quáng, Mack chộp lấy chiếc ghế gần nhất và ném vào cửa sổ. Nó gãy tan. Anh nhặt một chân ghế lên rồi bắt đầu tàn phá mọi thứ trong tầm tay. Những tiếng kêu rên rỉ, than van của tuyệt vọng và điên cuồng bật ra từ môi anh trong khi anh trút cơn thù hận vào nơi chốn khủng khiếp này. “Tôi căm ghét người!” Trong cơn mê loạn anh trút hết thịnh nộ cho đến khi như tử và kiệt lực.

Thất vọng và bất lực, Mack ngồi sụp xuống sàn cạnh vết máu. Anh chạm vào nó một cách cẩn trọng. Đây là tất cả những gì còn lại của Missy. Nằm xuống cạnh cô bé, ngón tay anh dịu dàng lần bước theo viền máu đã phai màu và thầm thì nhẹ nhàng: “Missy, bố hết sức xin lỗi. Bố xin lỗi đã không bảo vệ được con. Bố xin lỗi đã không tìm thấy con.”

Thậm chí trong lúc kiệt lực, cơn tức giận vẫn trào sôi và một lần nữa anh lại nhắm vào đấng Chúa thờ ơ mà anh hình dung đang ở đâu đó bên trên mái nhà. “Chúa, người còn không để cho chúng con tìm thấy con bé để chôn cất cho tử tế. Đòi hỏi như thế có gì quá đáng không?”

Trong hỗn độn của cảm xúc hết cuốn trôi lại dâng trào, cơn thịnh nộ của anh nhường bước cho nỗi đau, một cơn sóng đau buồn mới mẻ lại bắt đầu hòa nhịp với hoang mang. “Vậy người ở đâu? Người muốn gặp tôi ở đây mà? Tôi đây, Chúa ơi. Còn Chúa? Chẳng thấy người ở đâu! Khi tôi cần chẳng bao giờ thấy Chúa - cả khi tôi còn nhỏ, cả khi tôi mất Missy. Giờ đây nữa! ‘Papa’ gì kỳ vậy!” Anh phun ra hàng tràng.

Mack ngồi đó trong yên lặng, sự trống rỗng của nơi này *xâm lấn* hồn anh. Mờ bòng bong những câu chất vấn không có lời đáp và những lời cáo buộc cuồng nộ lắng xuống bên cạnh anh trên sàn nhà, rồi từ từ trôi vào chiếc hố ưu phiền. *Nỗi đau* siết chặt quanh anh, và anh gần như chìm đắm cảm giác âm ỉ này. Nỗi đau này anh biết. Anh đã quen với nó rồi, gần như một người bạn.

Mack cảm nhận được khẩu súng đằng sau lưng, cảm giác cuốn hút lạnh lạnh trên da. Anh rút súng ra, không biết để làm gì. Ồ, để không còn quan tâm, để không còn cảm giác đau, để không còn cảm giác gì nữa. Tự tử? Trong khoảnh khắc ý tưởng ấy thật hấp dẫn. “Thật dễ quá,” anh nghĩ. “Không còn nước mắt, chẳng còn nỗi đau...” Anh như thấy cả một hố đen toác ra trên sàn đằng sau khẩu súng mà anh đang ngắm nhìn, một khoảng tối hút lấy mọi dấu vết hy vọng cuối cùng trong tim anh. Tự sát là một cách để trả đũa Chúa, nếu như có Chúa.

Những đám mây bên ngoài dạt ra, và một tia nắng mặt trời chợt lọt vào phòng, xuyên thấu nỗi tuyệt vọng của anh. Nhưng... còn Nan thì sao? Còn Josh, Kate, Tyler và Jon thì sao? Anh muốn ngăn nỗi đau trong tim mình biết bao, anh biết anh cũng không thể làm chúng thêm đau.

Mack ngồi thẩn thờ trong sự khảnh kiệt cảm xúc, cân nhắc những sự lựa chọn với khẩu súng trên tay. Một làn gió lạnh lướt trên mặt anh và trong thâm tâm anh phần nào muốn nằm xuống để chết đi vì lạnh cóng, anh đã quá kiệt sức. Anh ngồi thụp xuống dựa vào tường rồi dụi đôi mắt mệt mỏi. Anh nhắm mắt lại và lẩm bẩm: “Bố yêu con Missy. Bố nhớ con nhiều lắm.” Rồi chẳng mấy chốc anh trôi tuột vào giấc ngủ li bì.

Chắc chỉ vài phút sau thì Mack choàng dậy. Ngạc nhiên vì mình ngủ thiếp, anh đứng phắt dậy. Nhét súng trở lại trong thắt lưng và cất cơn giận vào đáy sâu thẳm trong tâm hồn, anh bước ra cửa. “Thật là quái gở! Mình đúng là thằng đàn! Lại còn hy vọng Chúa quan tâm đến mức gửi thư!”

Anh nhìn lên xà nhà. “Đủ rồi, Chúa,” anh thì thào. “Tôi hết chịu nổi rồi. Tôi đã mệt mỏi phải tìm kiếm người khắp nơi.” Vừa nói anh vừa bước ra cửa. Anh quyết định đây là lần cuối anh đi tìm Chúa. Nếu Chúa muốn anh, Chúa phải đến với anh.

Anh thò tay vào túi lấy ra bức thư nhận được từ thùng thư rồi xé thành từng mảnh, để mặc cho nó từ từ rơi qua kẽ tay, cuốn bay theo cơn gió lạnh tràn tới. Một người đàn ông mệt mỏi, anh bước ra khỏi hiên nhà, với những bước chân nặng nề và một cõi lòng còn nặng nề hơn, anh bắt đầu cuộc bộ trở lại xe.

Anh bước đi chưa được năm mươi bộ lên con đường mòn thì cảm thấy một luồng khí ấm bất chợt ập đến với mình từ phía sau. Tiếng chim hót chiêm chiếp phá tan sự tĩnh lặng băng giá. Con đường phía trước mặt anh thoát biến mất lớp băng tuyết bao phủ, như thể có ai bật máy sấy. Mack dừng lại nhìn trong khi bốn bề xung quanh màu trắng bao trùm tan biến và được thay thế bằng một sự lớn dậy rực rỡ. Ba tuần lễ mùa xuân nảy nở trước mắt anh trong vòng ba mươi giây. Anh dụi mắt và trấn tĩnh lại giữa cơn lốc các sự việc. Thậm chí những bông tuyết mỏng đang rơi xuống cũng chợt biến thành những bông hoa li ti rơi lững lờ rồi đáp xuống đất.

Cảnh tượng anh đang nhìn thấy dĩ nhiên là hoàn toàn không thể. Lốp tuyết biến mất và hoa dại mùa xuân bắt đầu tô điểm bên lề con đường mòn và cả trong rừng đến tận nơi thật xa mà mắt anh nhìn thấy. Chim cổ đỏ và se sẻ đuổi nhau giữa các tàn cây. Sóc và sóc chuột thỉnh thoảng băng ngang con đường phía trước, một số con còn ngồi lại và nhìn anh một lát trước khi lủi vào bụi cây. Anh thậm chí còn nghĩ rằng mình đã thoáng thấy một con hươu đực hiện ra từ một tảng tối trong rừng, nhưng nhìn lại thì nó đã đi mất. Như thể bấy nhiêu chưa đủ, hương hoa bắt đầu lan trong không trung, không phải là mùi thoang thoảng của hoa dại trên núi, mà là hương ngào ngạt của hoa hồng, hoa lan và các hương thơm lạ lùng khác chỉ thấy ở những vùng nhiệt đới.

Mack không còn nghĩ về nhà nữa. Một nỗi khiếp sợ chụp lấy anh, như thể anh đã mở tung hộp Pandora và đang bị cuốn đi vào giữa cơn khủng khiếp, biến mất mãi mãi. Lão đảo, anh cẩn thận xoay người lại, cố bám víu lấy một chút ý thức mình mất.

Anh choáng váng. Chẳng còn giống mấy với trước đây, nếu có giống. Căn chòi đồ nát đã được thay thế bằng một ngôi nhà gỗ các chắc chắn và xây cất đẹp đẽ, đang đứng chắn giữa anh và hồ nước, mà anh đang nhìn từ ngay phía trên mái nhà. Nó được làm bằng những thanh gỗ dài hết cỡ và bào bằng tay, mỗi thanh đều được cưa đo vừa khít.

Thay cho những bụi rậm tăm tối um tùm khủng khiếp, những dây tầm xuân, và hàng ổ của quỷ sứ, mọi thứ Mack nhìn thấy giờ đây hoàn hảo như tranh. Khói lững lờ bốc lên từ ống khói buồng vào bầu trời chiều hôm, một dấu hiệu của sự sinh hoạt trong nhà. Một lối đi đã được làm sẵn dẫn thẳng đến và vòng quanh hàng hiên, viền bởi một hàng rào cọc trắng. Âm thanh tiếng cười vắng đến từ đâu đó gần kề - có lẽ từ bên trong, nhưng anh không chắc.

Có lẽ cảm giác này cũng giống như trải nghiệm một cơn loạn thần kinh. “Mình mất trí rồi,” Mack nhủ thầm. “Không thể có chuyện này được. Không thể có thực được.”

Đó là một nơi Mack chỉ có thể tưởng tượng trong những giấc mơ tươi đẹp nhất, và điều này càng làm cho chuyện thêm đáng ngờ. Cảnh tượng thật kỳ thú, hương thơm gây mê, còn đôi bàn chân anh, như thể chúng có trí não riêng, đã đưa anh quay trở lại lối đi và tiến đến hàng hiên trước nhà. Hoa nở khắp nơi và hương hoa cỏ các loại gọi trong anh những ký ức từ lâu quên lãng. Anh vẫn nghe nói chiếc mũi là mối liên hệ tốt nhất với quá khứ, và khứu giác là mạnh nhất để tìm lại ký ức lãng quên, và giờ đây ký ức xưa cũ của thời niên thiếu vụt lướt trong tâm trí anh.

Khi đến hàng hiên anh lại dừng chân. Những giọng nói rõ ràng phát ra từ trong nhà. Mack cưỡng lại sự thôi thúc đột nhiên trỗi dậy muốn anh bỏ chạy, như thể anh là một cậu nhóc đã ném bóng vào vườn hoa của người láng giềng. “Nhưng nếu Chúa ở trong thì cũng đâu có hay ho gì mấy?” Anh nhắm mắt lại rồi lắc đầu xem thử mình có giữ được ảo giác và tái hiện lại thực tại không. Nhưng khi mở mắt ra, mọi thứ vẫn còn đó. Anh ngập ngừng đưa tay ra chạm lấy thanh vịn bằng gỗ. Rõ ràng nó có vẻ thật.

Giờ đây, anh lại đối diện với một tình thế tiến thoái lưỡng nan. Ta sẽ làm gì khi đứng trước cửa một căn nhà, hay là căn chòi trong trường hợp này, mà Chúa ở bên trong? Có nên gõ cửa không? Mà chắc là Chúa cũng đã biết Mack đang ở đây rồi. Có lẽ cứ bước vào và tự giới thiệu thôi, nhưng như thế dường như cũng kỳ cục chẳng kém. Rồi xưng hô với Chúa thế nào đây? Gọi người là Cha, hay Đấng Toàn năng, hay đơn giản là Chúa, rồi tốt nhất có phải là sụp xuống để tôn kính người hay không, thật sự anh thấy tâm trạng mình không sẵn sàng.

Trong khi cố gắng lấy lại quân bình trong tâm trí, cơn thịnh nộ mà anh tưởng mới đây đã tan biến trong lòng giờ lại bắt đầu trỗi dậy. Không còn băn khoăn hay nghĩ ngợi phải xưng hô với Chúa như thế nào và bị kích động bởi cơn thịnh nộ, anh bước thẳng đến cửa. Mack quyết định xô mạnh cửa bước vào xem sao, nhưng khi anh vừa vung tay định làm thế thì cửa mở ra, và anh ngay trước mặt anh là một phụ nữ to lớn người Mỹ gốc Phi đang tươi cười.

Anh nhảy lùi lại theo bản năng, nhưng quá chậm. Với tốc độ trái ngược với vóc dáng của mình, chị bước lên xóa nhòa khoảng cách giữa họ và ôm anh trong đôi tay, nhấc bổng anh lên khỏi mặt đất và xoay anh vòng quanh như một đứa bé. Và miệng kêu vang tên anh - "Mackenzie Allen Phillips" - với một sự nồng nhiệt của những ai gặp lại họ hàng thân thiết mà lưu lạc lâu năm. Cuối cùng, chị ta đặt anh xuống đất trở lại và đặt tay lên vai anh, đẩy anh lùi lại như thể để nhìn cho kỹ.

"Mack, xem nào!" chị thốt lên. "Anh đây rồi, trưởng thành quá. Tôi cứ mong đợi suốt để được gặp anh tận mặt. Thật là tuyệt, anh đã đến đây với mọi người. Ồi cha cha, tôi yêu anh biết bao!" Nói đoạn, chị lại ôm choàng lấy anh.

Mack không nói nên lời. Trong mấy giây đồng hồ, người phụ nữ này đã phá tan hầu như mọi ngăn cách xã hội mà anh vẫn an bình nấp mình trong đó. Nhưng có điều gì đó trong cách chị nhìn anh và kêu vang tên anh làm anh cũng vui sướng không kém được gặp chị, cho dù anh chẳng mảy may biết chị ta là ai.

Đột nhiên, anh thấy choáng ngợp bởi hương thơm tỏa ra từ chị, và nó làm anh run rẩy. Đó là hương hoa dành dành và hoa nhài, nước hoa của mẹ anh không thể lẫn vào đâu được, thứ nước hoa mà anh giấu trong chiếc hộp thiếc nhỏ. Trước đó anh đã bị xô đến bên vách đá chênh vênh của cảm xúc rồi, và giờ đây mùi hương ngào ngạt và ký ức đeo đẳng làm anh chao đảo. Anh đã có thể cảm nhận được cái ấm của nước mắt bắt đầu ngấn trong mắt, như thể chúng đang gõ cửa trái tim anh. Dường như chị cũng thấy.

"Được rồi, anh cứ khóc đi... Tôi biết anh đau khổ, và tôi biết anh tức giận và hoang mang. Cứ khóc đi. Đôi lúc hãy để nước mắt tuôn rơi cho tâm hồn được thư thái - nước mắt ấy sẽ chữa lành."

Nhưng mặc dù Mack không tìm được những giọt nước mắt ngấn đầy trong mắt, anh vẫn không sẵn sàng khóc được - chưa thể, đối với người phụ nữ này. Với tất cả cố gắng, anh giữ cho mình không rơi trở lại chiếc hố đen cảm xúc. Trong khi ấy, người phụ nữ đứng

đó giang rộng đôi tay như vòng tay người mẹ. Anh cảm thấy sự hiện hữu của tình yêu. Ấm áp, mời gọi và tan chảy.

“Chưa phải lúc?” chị lên tiếng. “Thôi được rồi, chúng ta sẽ làm mọi việc theo ý anh và thời gian của anh. Nào, vào nhà đi. Tôi cầm áo khoác cho anh nhé? Và súng nữa. Anh đâu cần đến nó phải không? Chúng ta đâu có muốn bị hại phải không nào?”

Mack không biết chắc phải làm gì hay nói gì. Chị ta là ai? Làm sao chị ta biết? Anh đứng chôn chân một chỗ, nhưng từ từ cởi áo khoác ra một cách máy móc.

Người phụ nữ da đen to lớn cầm lấy áo và anh đưa súng cho chị mà chị đón lấy bằng hai ngón tay như thể nó ô ւế. Ngay khi chị xoay người để bước vào nhà, một người phụ nữ nhỏ nhắn, rõ ràng gốc Á xuất hiện đằng sau chị. “Đây, để đó cho tôi,” giọng chị véo von. Rõ ràng chị ta không nói về chiếc áo khoác hay khẩu súng, mà là một điều gì khác, và trong nháy mắt đã đứng ngay trước mặt anh. Không hề nhúc nhích, anh nhìn xuống và thấy chị đang cầm một cái chai pha lê mỏng manh và một chiếc cọ nhỏ, như mấy chiếc cọ mà Nan và Kate thường dùng để trang điểm, rồi nhẹ nhàng quét gì đó trên mặt anh.

Trước khi anh kịp lên tiếng hỏi, chị mỉm cười rồi thì thầm, “Mackenzie, tất cả chúng ta đều có những thứ mình thấy quý giá để sưu tập đúng không nào?” Chiếc hộp thiếc nhỏ thoáng hiện trong tâm trí anh. “Tôi sưu tập nước mắt.”

Khi chị lùi lại, Mack thấy mình nheo mắt nhìn chị một cách không chủ đích, như thể làm thế anh sẽ nhìn chị rõ hơn. Nhưng lạ thay, anh vẫn thấy khó khăn để chú tâm vào chị; chị ấy dường như lung linh ánh sáng và tóc tung bay mọi hướng cho dù chẳng hề có chút gió. Dường như nhìn chị qua khóe mắt còn dễ dàng hơn nhìn thẳng trực diện.

Rồi anh liếc ra sau chị và nhận ra một người thứ ba đã xuất hiện trong nhà, người này là nam giới. Anh ta diện mạo như người Trung Đông và ăn vận như một công nhân, có cả thắt lưng đeo dụng cụ và găng tay. Người đó đứng thong dong, khoanh tay dựa vào khung

cửa ngay trước mặt anh. Người đó vận một chiếc quần jean phủ đầy bụi gỗ và một chiếc sơ mi choàng xắn tay quá khuỷu, để lộ đôi cánh tay cơ bắp. Dáng vẻ anh ta thật dễ nhìn nhưng không hẳn đẹp trai - không phải là một người đàn ông nổi bật trong đám đông. Nhưng ánh mắt anh ta và nụ cười làm sáng bừng gương mặt và Mack cảm thấy khó mà quay đi.

Mack lại bước lùi lại, cảm giác hơi choáng ngợp. “Còn ai nữa không?” giọng anh hơi khàn.

Cả ba người nhìn nhau rồi cười phá. Mack cũng không cưỡng lại được nụ cười. “Không, Mackenzie,” người phụ nữ da đen cười rồi nói. “Chúng tôi chỉ có bấy nhiêu anh thấy rồi, quá đủ rồi.”

Mack cố gắng nhìn lại người phụ nữ châu Á. Theo diện mạo anh có thể nói con người rắn rỏi này có lẽ gốc Bắc Trung Quốc hoặc Nepal hay thậm chí người thiểu số Mông Cổ. Khó mà nói vì mắt anh phải tập trung mới nhìn được chị. Theo trang phục của chị, Mack phỏng đoán chị ta là một người quản vườn hoặc làm vườn. Chị có đôi găng dắt trong thắt lưng, không phải loại bằng da nặng nề như của người đàn ông, mà loại bằng vải nhẹ và cao su mà chính Mack cũng dùng để làm vườn ở nhà. Chị mặc đồ jean thô có thêu các họa tiết ở diềm - đầu gối lấm đất do quỳ xuống - một chiếc áo sơ mi màu sáng có mảng vàng, đỏ và xanh dương. Nhưng anh biết tất cả những điều này do ấn tượng về chị hơn là do thực tế thị giác, vì dường như chị ẩn hiện trong tầm nhìn của anh.

Người đàn ông bước đến, chạm vào vai Mack, hôn lên hai má anh, rồi ôm chặt anh. Mack biết ngay mình thích anh ấy. Khi họ rời ra, người đàn ông lùi lại, còn người phụ nữ châu Á lại tiến về phía anh, lần ôm lấy gương mặt anh trong đôi bàn tay mình. Từ từ và cố ý, chị đưa mặt mình đến gần rồi ngay lúc anh hình dung chị sẽ hôn mình thì chị dừng lại và nhìn sâu vào mắt anh. Mack tưởng như có thể nhìn xuyên qua chị. Rồi chị mỉm cười và hương thơm của chị phủ trùm lấy anh rồi nhấc lấy một trọng lượng khổng lồ ra khỏi vai anh, như thể lâu nay anh vẫn thồ đồ đạc trong một chiếc balô.

Mack đột nhiên cảm thấy nhẹ hơn không khí, gần như thể anh không còn chạm đất nữa. Chị ta ôm lấy anh mà như không, hay thật sự như không chạm vào anh. Chỉ khi chị lùi lại, mấy giây sau thì anh mới nhận ra mình vẫn đang đứng trên đôi bàn chân và chúng vẫn còn chạm vào sàn.

“Ồ, đừng màng đến chị ta,” người phụ nữ da đen to lớn cười. “Chị ta gây cảm giác đó cho tất cả mọi người.”

“Tôi thích đấy,” anh lẩm bẩm, và cả ba người phá lên cười tiếp, và giờ đây Mack thấy mình cũng đang cười cùng với họ, không hiểu vì sao và cũng chẳng quan tâm lắm.

Khi mọi người dứt tiếng cười, người phụ nữ to lớn khoác vai Mack, kéo anh lại gần rồi nói, “Được rồi, *chúng tôi* biết anh là ai, nhưng chắc chúng tôi phải tự giới thiệu với anh. Tôi,” chị nhiệt tình vung vẩy tay, “là quản gia và nấu bếp. Anh có thể gọi tôi là Elousia.”

“Elousia?” Mack hỏi, không hiểu gì cả.

“Được rồi, anh không cần gọi tôi là Elousia; đó chỉ là tên gọi thôi. Cho nên,” chị khoanh tay lại và một tay thì cầm như đang suy nghĩ rất lung, “anh có thể gọi tôi như Nan vẫn gọi.”

“Cái gì? Chị không định nói...” Bây giờ, Mack ngạc nhiên và thậm chí hoang mang hơn nữa. Chắc chắn đây không phải là vị Papa đã gửi thư? “Ý tôi là, định nói là Papa?”

“Đúng,” chị đáp rồi cười, chờ cho anh nói như thể anh sắp nói điều gì nhưng anh không nói.

“Còn ta,” người đàn ông ngắt lời, trông anh ở tuổi ngoài ba mươi và hơi thấp hơn Mack một chút. “Ta lo bảo dưỡng đồ đạc quanh đây. Ta thích làm công việc chân tay mặc dù hai người này sẽ nói cho anh biết, ta cũng thích nấu nướng và làm vườn hết như họ.”

“Trông anh như người gốc Trung Đông, chắc Ả rập?” Mack đoán.

“Thật ra, ta là con kế trong một đại gia đình. Ta là người Do Thái, nói chính xác là dòng dõi Judah.”

“Vậy thì...” Mack đột nhiên chao đảo khi nhận ra. “Vậy ra, người là...”

“Jesus! Đúng. Anh có thể gọi ta như thế nếu anh muốn. Dù sao thì nó cũng đã trở thành tên gọi quen thuộc của ta. Mẹ ta gọi ta là Yeshua, nhưng ta cũng quen nghe gọi là Joshua hay thậm chí cả Jesse.”

Mack đứng chết đĩnh và câm lặng. Những gì anh đang nhìn thấy và lắng nghe đơn giản không thể nào lường được. Hoàn toàn thật không tưởng... nhưng anh đang ở đây rồi, hay là anh có thật sự đang ở đây không? Anh chợt thấy chóng mặt. Cảm xúc tràn qua anh trong khi tâm trí anh cố gắng một cách vật vã để nhận thức tất cả thông tin. Vừa lúc anh sắp khụy xuống thì người phụ nữ châu Á bước đến gần và lôi anh ra khỏi luồng tập trung.

“Còn tôi là Sarayu,” chị vừa nói vừa nghiêng đầu cúi chào và mỉm cười. “Quản vườn và làm nhiều việc khác.”

Ý tưởng xô lẫn lên nhau trong khi Mack vật vờ hình dung phải làm gì. Có phải một trong những người này là Chúa? Nếu họ là ảo giác hay thiên thần thì sao, hay là Chúa lát nữa mới đến? Như thế thì hơi rối. Tại vì có ba người, đây có thể là Ba ngôi. Nhưng sao lại là hai phụ nữ và một đàn ông mà chẳng có ai da trắng? Thế nhưng mà tại sao anh lại tự nhiên giả định Chúa là người da trắng? Anh biết đầu óc mình đang hỗn độn nên anh tập trung vào câu hỏi mà anh muốn được trả lời nhất.

“Vậy thì,” Mack đánh liều hỏi, “người nào trong các vị là Chúa?”

“Ta đây,” cả ba đồng thanh lên tiếng. Mack nhìn từng người, và mặc dù anh chẳng biết bám víu vào đâu từ thị giác và thính giác của mình, không hiểu vì sao, anh đã tin.

MỘT CHÚT CỦA HÀNG SỐ PI

Cho dù quyền năng của Chúa ra sao, diện mạo đầu tiên của Chúa không bao giờ mang dáng vẻ một Bậc thống lĩnh tuyệt đối, Đấng Toàn năng. Chúa luôn đặt mình vào tầm vóc con người và giới hạn chính mình.

— JACQUES ELLUL, *Tình trạng Vô chính phủ và Cơ đốc giáo*

Này, Mackenzie, đừng có đứng đực ra đó trợn mắt nhìn như thế, người phụ nữ da đen to lớn nói luôn miệng trong khi xoay người đi băng qua gian phòng. “Vào đây nói chuyện với ta trong khi ta nấu bữa tối. Hoặc nếu không muốn thì anh cứ làm gì tùy thích. Đằng sau nhà,” chị ta chỉ tay qua mái nhà mà không thèm nhìn hay chùng bước, “anh sẽ thấy có căn cầu cạnh chỗ đậu xuống, có thể dùng để câu cá hồi trong hồ.”

Chị dừng ở cửa để hôn Jesus. “Có điều phải nhớ,” chị quay lại nhìn Mack, “anh phải rửa sạch những thứ anh bắt được.” Rồi nhõn cười, chị mất hút vào trong nhà, trên tay khoác chiếc áo của Mack và vẫn còn xách khẩu súng bằng hai ngón tay, giang cánh tay ra xa hết cỡ.

Mack đứng đó với cái miệng há hốc và cảm xúc hoang mang tràn ngập trên gương mặt. Anh suýt không nhận ra Jesus bước đến khoác vai anh. Sarayu dường như vừa mới bốc hơi.

“Chị ta tuyệt không nào!” Jesus thốt lên, cười với Mack.

Mack quay lại đối diện với người đàn ông, lắc đầu. “Tôi có đang điên không? Liệu tôi có nên tin Chúa là một phụ nữ da đen to lớn và có khiếu hài hước đến vậy không?”

Jesus cười. “Chị ta là một kẻ nổi loạn! Lúc nào chị ta cũng sẵn sàng cho anh một vố bất ngờ. Chị ta thích những điều bất ngờ, và thậm chí anh không nghĩ ra, chị ta luôn chọn thời điểm hoàn hảo.”

“Thế à?” Mack nói, vẫn còn đang lắc đầu, và không chắc mình có thật sự tin điều đó. “Vậy bây giờ tôi phải làm gì?”

“Anh chẳng *phải* làm gì cả. Anh muốn làm gì thì làm.” Jesus dừng rồi nói tiếp, cố giúp bằng cách đưa cho Mack vài gợi ý. “Ta đang làm đồ gỗ trong xưởng; Sarayu đang ở trong vườn; anh có thể đi câu, bơi xuồng hoặc vào nói chuyện với Papa.”

“Tôi cũng cảm thấy phải vào nói chuyện với Ngài, ừm... chị ấy.”

“Ồ,” giờ thì Jesus nghiêm giọng. “Đừng vào nếu anh cảm thấy bị ép buộc. Điều đó chẳng có ý nghĩa gì ở đây cả. Hãy vào vì anh muốn.”

Mack nghĩ một lúc rồi nhận thấy việc đi vào trong nhà thật ra chính là điều anh muốn. Anh cảm ơn Jesus, người mỉm cười với anh rồi quay bước đi về xưởng, còn Mack băng qua sàn để bước đến bên cửa. Một lần nữa, anh đơn độc, nhưng thoáng nhìn xung quanh, anh cẩn thận mở cửa ra. Anh thò đầu vào, ngáp ngừng, rồi quyết định đánh liều.

“Chúa ơi?” anh gọi, khá rụt rè và cảm thấy hơi ngốc nghếch.

“Ta đang ở trong bếp, Mackenzie. Hãy đi theo giọng nói của ta.”

Anh bước vào và lướt mắt quanh phòng. Liệu nơi này có thể chính là nơi ấy? Anh rùng mình khi những ý nghĩ tăm tối thoáng qua và xua chúng đi. Bên kia phòng hành lang chạy khuất vào góc. Liếc qua góc phòng về phía phòng khách, mắt anh dò tìm vị trí gần lò sưởi, nhưng chẳng có dấu vết gì trên bề mặt gỗ. Anh nhận ra căn phòng được trang trí tinh tế, có treo tranh như được vẽ hoặc làm bằng tay bởi trẻ con. Anh thắc mắc có phải người phụ nữ này đã nâng niu từng bức tranh này, như bất kỳ bậc cha mẹ yêu con nào cũng làm. Có lẽ đó là cách Ngài ấy trân trọng bất kỳ thứ gì được trao cho mình từ đáy lòng, một điều mà trẻ con dường như làm rất dễ dàng.

Mack bước theo giọng ngâm nga nhẹ của người vào một hành lang ngắn rồi đến một khu vực bếp rộng mở, có một chiếc bàn nhỏ với bốn ghế và mấy chiếc ghế mây. Bên trong căn nhà rộng rãi

hơn anh hình dung. Papa đang làm gì đó và đứng xoay lưng lại phía anh, bột bay lên trong khi Ngài lắc lư theo tiếng nhạc nào đó đang lắng nghe. Bài hát ắt đã đến đoạn kết, được ghi dấu bằng vài cú lắc hông và lắc vai sau cùng. Quay lại nhìn anh, Ngài tháo tai nghe ra.

Đột nhiên Mack muốn hỏi một ngàn câu hỏi, hay nói một ngàn điều mà có những câu không thể nói ra được và thật khủng khiếp. Anh biết chắc gương mặt mình đã phản bội lại những cảm xúc mà anh vất vả kiềm chế, và rồi trong nháy mắt anh dồn tất cả chúng vào trong ngăn buồng toi tả tận đáy lòng, khóa chặt cửa rồi quay ra. Giá mà Ngài biết được mâu thuẫn nội tâm của anh, Ngài chẳng bực lộ điều gì ra nét mặt - vẫn cười mở, đầy sức sống và mời gọi.

Anh thắc mắc: “Cho phép tôi hỏi, Ngài đang nghe gì vậy?”

“Anh muốn biết thật à?”

“Thật!” Giờ đây, Mack tò mò.

“West Coast Juice. Nhóm tên là Diatribe và một album chưa phát hành tên là *Hành trình con tim*. Thật ra mà nói,” Ngài nháy mắt với anh, “mấy đứa nhỏ này thậm chí chưa ra đời.”

“Rồi,” Mack đáp, khá hoài nghi. “West Coast Juice à? Nghe không có vẻ tôn giáo lắm.”

“Ồ, tin ta đi, không phải đâu. Giống nhạc funk Eurasian và blue hơn, nhịp điệu hay hơn.” Ngài bước sang một bên về phía Mack như đang diễn một động tác múa rồi vỗ tay. Mack lùi lại.

“Vậy là Chúa nghe nhạc funk à?” Mack chưa bao giờ nghe từ “funk” được nói đến trong bất kỳ trường hợp nào như một ngữ vựng nghiêm chỉnh. “Tôi tưởng Ngài nghe George Beverly Shea hoặc là ca đoàn Mormon Tabernacle chứ - một thứ nhạc gì đó đạo giáo hơn.”

“Này Mackenzie. Anh không cần phải lo lắng cho ta. Ta nghe mọi thứ - và không chỉ nghe nhạc, mà nghe những cõi lòng đằng sau nhạc. Anh không nhớ những lớp thần học sao? Những đứa nhỏ này chẳng nói điều gì mà ta chưa từng nghe; toàn là những lời chanh chua và ồn ào. Đầy bực tức và cả lý sự nữa. Chúng cũng là con của

ta, đang bày tỏ và bộc bạch. Ta rất yêu mến những đứa con trai này. Ừ, ta sẽ để mắt đến chúng.”

Mack cố gắng bắt kịp Ngài, cố hiểu chuyện gì đang diễn ra. Chẳng có tri thức nào ở trường dòng cũ có thể giúp chút gì cho anh. Anh chột mắt hết ngôn từ và hàng triệu câu hỏi dường như đã bỏ anh ra đi. Thế là anh đành nói lên điều hiển nhiên nhất.

“Ngài phải biết là,” anh mở lời, “gọi Ngài là Cha thì hơi gượng ép.”

“Thế à?” Ngài nhìn anh với vẻ ngạc nhiên một cách đùa cợt. “Dĩ nhiên ta biết chứ. Lúc nào ta cũng biết.” Ngài cười. “Nhưng nói ta nghe xem, tại sao *anh* nghĩ là khó gọi? Có phải tại vì nó quá thân thuộc với anh, hay tại vì ta đang xuất hiện như một người phụ nữ, một người mẹ, hay là...”

“Không phải chuyện nhỏ đâu,” Mack ngắt lời với một tiếng cười gượng gạo.

“Hay là vì những thiếu sót của *chính* người cha của anh?”

Mack thở hắt ra một cách không tự chủ. Anh không quen với những điều bí mật thăm thẳm bị phơi bày nhanh chóng và cởi mở như thế. Ngay lập tức tội lỗi và thịnh nộ trào dâng và anh muốn đáp trả ngay bằng những lời mai mỉa. Mack cảm thấy mình như đang lơ lửng trên một vực thẳm không đáy và lo rằng nếu bộc lộ ra bất kỳ điều gì, mình sẽ mất kiểm soát với mọi chuyện. Anh cố tìm một vị thế an toàn, nhưng chỉ được phần nào, cuối cùng đáp lại qua kẽ răng: “Có lẽ, đó là vì tôi chưa bao giờ biết bất kỳ ai tôi có thể thật sự gọi là Cha.”

Sau khi đặt tô bột trộn đang ôm trên tay xuống, và mặc kệ chiếc muỗng gỗ đang nằm trong đó, Ngài xoay qua nhìn Mack dịu dàng. Ngài không cần nói; anh biết Ngài hiểu những gì đang diễn ra trong lòng anh và bằng cách nào đó anh biết Ngài quan tâm đến anh hơn ai hết. “Nếu anh cho phép, Mack, ta sẽ là người Cha mà anh chưa bao giờ có.”

Lời đề nghị vừa mời mọc lại vừa gây phần uất. Lúc nào anh cũng muốn tìm một người Cha có thể tin cậy, nhưng anh không chắc sẽ

tìm được nơi đây, nhất là nếu người này thậm chí không che chở được cho Missy. Một quãng yên lặng dài giữa họ. Mack không chắc nên nói gì, và Ngài chẳng gấp gáp cứ để những khoảnh khắc trôi qua thoải mái.

“Nếu Ngài không lo được cho Missy, làm sao tôi tin Ngài lo cho tôi?” Đó, anh đã thốt ra - câu hỏi dày vò anh từng ngày trong *nỗi đau lớn*. Mack cảm thấy gương mặt mình đỏ lựng vì tức giận trong khi nhìn chăm chăm vào cái mà giờ đây anh cho là một sự hiện thân kỳ dị của Chúa, và anh nhận ra hai bàn tay mình đã siết chặt thành những nắm đấm.

“Mack, ta rất tiếc.” Nước mắt bắt đầu lăn trên má Ngài. “Ta biết chuyện này đã gây ra một vực thẳm lớn dường nào giữa chúng ta. Ta biết anh chưa hiểu chuyện này, nhưng ta hết sức yêu mến Missy, và anh cũng vậy.”

Anh thích cái giọng Ngài nhắc đến tên Missy nhưng cũng ghét nó phát ra từ miệng Ngài. Nó bật ra từ lưỡi Ngài như loại rượu ngọt nhất và cho dù bao cuồng nộ đang sôi sục trong trí não anh vẫn biết người nói thật lòng. Anh muốn *tin* và từ từ cơn thịnh nộ của anh bắt đầu tháo lui.

“Đó là lý do tại sao anh có mặt ở đây, Mack,” Ngài tiếp lời. “Ta muốn chữa lành vết thương đã lớn lên trong anh, và giữa chúng ta.”

Để lấy chút tự chủ, anh đưa mắt nhìn ra cửa. Mới một phút trước đây anh có bao điều để thì thầm mà chẳng cần ngước lên. “Tôi cũng muốn điều đó,” anh thú nhận, “nhưng không biết làm sao...”

“Anh bạn yêu dấu, chẳng có một câu trả lời đơn giản nào có thể cất được nỗi đau của anh. Tin ta đi, nếu ta mà có thì bây giờ ta sẽ dùng. Ta không có gậy thần để vung lên cho anh để rồi mọi chuyện đều tốt đẹp hơn. Cuộc đời là một chút thời gian và thật nhiều các quan hệ.”

Mack mừng là họ đã tránh xa được lời cáo buộc thù địch của anh. Nó làm anh hoảng sợ vì đã có lúc anh gần như hoàn toàn bị nó lấn

át. “Tôi nghĩ cuộc nói chuyện này sẽ dễ dàng hơn nếu Ngài không mặc váy đầm,” anh đề nghị và cố cười một nụ cười thật là yếu ớt.

“Nếu chuyện dễ dàng hơn thì ta đã không làm thế,” Ngài nói với trong tiếng cười nhẹ khúc khích. “Ta không cố gây khó khăn hơn cho ai trong chúng ta về chuyện này. Nhưng đây là chỗ tốt để khởi đầu. Ta thường thấy rằng giải tỏa những vấn đề chính yếu trước thì sau đó các vấn đề tình cảm dễ dàng thu xếp hơn... khi tâm tư đã sẵn sàng.”

Ngài lại nhặt lên chiếc muống gỗ đang nhểu một loại bột gì đó. “Mackenzie, ta chẳng phải là nam hay nữ, cho dù cả hai giới đều phát sinh từ ta. Nếu ta chọn xuất hiện trước mặt anh như một người đàn ông hay một người phụ nữ, đó là vì ta yêu thương anh. Đối với ta, việc xuất hiện như một người phụ nữ và gợi ý cho anh gọi ta là Cha chỉ đơn giản là để trộn lẫn các thứ ẩn dụ, để giúp anh không dễ rơi vào những khuôn khổ tôn giáo.”

Ngài chồm tới như để chia sẻ một điều bí mật. “Hiện ra trước anh trong hình hài một ông lão rất to lớn, da trắng và râu dài, như Gandalf, chỉ tổ củng cố những hình tượng tôn giáo có sẵn trong anh, và kỳ cuối tuần này *không* nhằm để củng cố các hình tượng tôn giáo của anh.”

Mack suýt cười phá lên để nói: “Ngài biết không? Tôi đến đây chắc mẩm mình là kẻ điên rồi!” Thay vì nói thế, anh chú tâm vào lời người phụ nữ vừa nói và trấn tĩnh lại. Anh tin rằng, ít nhất trong đầu mình, Chúa là một linh hồn, chẳng phải nam hay nữ, nhưng mặc dù vậy, anh thấy xấu hổ phải thú nhận với chính mình rằng mọi hình dung của anh về Chúa đều hoàn toàn là một nhân vật da trắng và nam giới.

Ngài ngừng nói, chỉ trong giây lát để cất gia vị vào kệ trên mép cửa sổ rồi lại xoay sang nhìn anh. Ngài nhìn Mack chăm chú. “Có phải lúc nào anh cũng gặp vấn đề khi nhìn nhận ta là Papa của con? Và sau bao nhiêu chuyện đã trải qua, giờ đây con khó có thể chấp nhận một người cha đúng không?”

Anh biết Ngài nói đúng, và anh nhận ra sự ân cần và tình thương trong việc Ngài đang làm. Nhưng bằng cách nào đó, cách mà Ngài tiếp cận anh đã đẩy lên trong anh sự phản kháng đối với tình yêu ấy. Thật kỳ lạ, và đau đớn, và có lẽ một chút tuyệt vời nữa.

“Nhưng vậy thì,” anh ngưng lại, vẫn chú tâm giữ vững lý trí, “tại sao lại có sự nhấn mạnh việc Ngài làm Papa? Dường như đó là cách Ngài tự thể hiện mình phổ biến nhất.”

“Ừ,” Papa đáp, xoay lưng đi vì bận tay với bếp núc, “có nhiều lý do cho việc đó, và một số lý do rất thâm sâu. Giờ đây ta phải nói rằng kể từ ngày Sáng thế, vai trò người cha rất thiếu thốn so với vai trò người mẹ. Đừng hiểu sai ta, cả hai đều cần - nhưng cần phải nhấn mạnh vai trò người cha vì sự thiếu hụt lớn lao của nó.”

Mack quay đi hơi bối rối, cảm thấy chuyện đã vượt ngoài sức mình. Trong khi suy tư, anh nhìn qua cửa sổ ngắm khu vườn trông hoang dã.

“Ngài biết con sẽ đến, có đúng không?” Rốt cục, Mack thốt lên lặng lẽ.

“Dĩ nhiên ta biết.” Người lại bận rộn, quay lưng về phía anh.

“Vậy thì con có được tự do không đến chẳng? Con không có sự lựa chọn nào trong việc này ư?”

Cha quay lại nhìn anh, hai bàn tay dính đầy bột nhào. “Câu hỏi hay - con muốn mở xẻ vấn đề sâu đến đâu?” Ngài không chờ câu trả lời, biết rằng Mack chẳng có câu nào. Thay vào đó, Ngài hỏi: “Con có tin rằng con tự do ra đi không?”

“Con nghĩ thế. Có phải không?”

“Dĩ nhiên rồi! Ta không quan tâm đến những tù nhân. Con có quyền tự do bước ra khỏi cửa ngay lúc này và quay trở về ngôi nhà vắng của mình. Hoặc, con có thể xuống chỗ Cối Xay chơi với Willie. Nhưng ta biết rằng con rất tò mò muốn đến, liệu điều đó có hạn chế quyền tự do bỏ đi của con không?”

Ngài dừng lại rồi quay sang làm việc tiếp, nói ngoái lại với anh. “Hay là nếu con muốn đi sâu, ta có thể trò chuyện về bản chất của tự do. Liệu tự do có phải là mình được phép làm mọi điều mình muốn? Hay là ta có thể nói chuyện về những ảnh hưởng có tính kiểm chế trong cuộc sống và đi ngược lại tự do của con. Di sản di truyền của con, DNA của con, cơ chế sinh hóa riêng biệt của con, thế giới lượng tử đang diễn ra ở cấp độ hạ nguyên tử mà chỉ có ta là người quan sát mọi lúc. Hay là sự xâm nhập của căn bệnh trong tâm hồn con để kiểm chế và trói buộc con, hay là các ảnh hưởng xã hội xung quanh, hay là các thói quen đã tạo ra những mối liên kết và đường dẫn tiếp hợp trong não con. Rồi còn vấn đề quảng cáo, tuyên truyền và khuôn mẫu. Giữa một hợp lưu của những yếu tố khổng lồ đa diện ấy,” Ngài thở dài, “tự do thật sự nghĩa là gì?”

Mack chỉ đứng đó không biết nói gì.

“Chỉ riêng ta có thể giải thoát cho con, Mackenzie, nhưng tự do không thể ép buộc.”

“Con không hiểu,” Mack đáp. “Thậm chí con còn chưa hiểu những gì Ngài vừa nói.”

Ngài quay lại mỉm cười. “Ta biết. Ta nói không phải để con hiểu ngay bây giờ. Ta nói cho con về sau. Vào lúc này, con thậm chí còn không hiểu rằng tự do là một quá trình dần dà.” Từ từ đưa tay ra, Ngài nắm lấy bàn tay Mack, với đầy bột, rồi nhìn thẳng vào mắt anh. Ngài nói tiếp: “Mackenzie, *chân lý* sẽ giải thoát cho con và *chân lý* có một cái tên; hắn đang ở trong xưởng ngay bây giờ và dính đầu mùn cưa. Mọi thứ đều liên quan đến *hắn*. Và tự do là một qui trình xảy ra bên trong mối quan hệ với hắn. Thế rồi tất cả mọi thứ con thấy khuấy tung *bên trong* sẽ bắt đầu chuyển biến ra ngoài.

“Làm sao Chúa biết thật sự con có cảm giác thế nào?” Mack hỏi, nhìn ngược lại vào mắt Ngài.

Cha không trả lời, chỉ nhìn xuống đôi bàn tay. Anh dõi mắt nhìn theo và lần đầu tiên Mack nhận ra vết sẹo trên cổ tay Ngài, giống như những vết sẹo anh đang giả định là Jesus cũng mang trên người. Ngài để cho anh âu yếm chạm vào mấy vết sẹo, dấu tích của

một vết đậm sâu, và cuối cùng anh ngược lên nhìn Ngài. Nước mắt bắt đầu lăn trên gương mặt Ngài thành những con đường nhỏ trên lớp bột dính trên má Ngài.

“Cũng đừng nghĩ những gì con trai ta lựa chọn thì chúng ta không phải trả giá đắt. Tình yêu luôn để lại một dấu ấn quan trọng,” Ngài nói giọng êm ái và dịu dàng. “Chúng ta đã ở *bên nhau* lúc ấy.”

Mack ngạc nhiên. “Ở thập tự giá? Khoan đã, con nghĩ Ngài đã *bỏ* Chúa - ‘Chúa ơi, Chúa ơi, sao người lại bỏ rơi con?’” Đó là một đoạn Kinh thánh đã ám ảnh Mack trong *nỗi đau lớn*.

“Con đã hiểu sai màu nhiệm ở đó. Bất chấp, Người *cảm thấy* thế nào vào lúc ấy, ta không bao giờ bỏ Người.”

“Sao Ngài lại có thể nói thế? Ngài đã bỏ mặc Chúa cũng hết như Ngài đã bỏ mặc con!”

“Mackenzie, ta chưa bao giờ bỏ Người, và ta chưa bao giờ bỏ con.”

“Con không thấy có lý,” anh quật lại.

“Ta biết không có lý, ít nhất cũng chưa. Con hãy xem lại điều này: Khi con chỉ thấy toàn nỗi đau, có lẽ con không còn thấy ta nữa phải không?”

Khi Mack không đáp, Ngài quay lại tiếp tục nấu nướng để anh có chút không gian cần thiết. Ngài dường như nấu nhiều món một lúc, thêm thắt đủ thứ gia vị và nguyên liệu. Ngâm nga một giai điệu ngắn ám ảnh, Ngài hoàn tất chiếc bánh đang làm để cho vào lò nướng.

“Đừng quên, câu chuyện không kết thúc khi con người ý thức bị ruồng bỏ. Người đã vượt qua để đến trọn vẹn trong vòng tay. Thật là một giây phút thánh linh!”

Mack dựa người vào quầy bếp trong tâm trạng bối rối. Cảm xúc và tư duy của anh đang rối tung. Một phần trong con người anh muốn tin vào mọi điều Cha đang nói. Thật là hay ho! Nhưng phần kia lại đang lớn tiếng phản đối: “Không thể nào có chuyện này được!”

Cha với tay lấy chiếc đồng hồ bếp, vặn một vòng rồi đặt lên bàn trước mặt họ. “Ta không phải là nhân vật con nghĩ đâu, Mackenzie.” Giọng Ngài không giận dữ hay biện bạch.

Mack nhìn Ngài, nhìn chiếc đồng hồ rồi thở dài: “Con cảm thấy hoàn toàn mất mát.”

“Vậy thử xem ta có tìm ra con giữa cuộc hỗn độn này không.”

Như thể được ra hiệu, một con chim giẻ cùi màu xanh đậu xuống bậu cửa sổ bếp rồi bắt đầu đi lui tới vênh váo. Cha thò tay vào trong một chiếc hộp trên quầy rồi lùa mở cửa sổ, xòe cho chú chim một nắm hạt mà ắt là Cha cất giữ để cho chúng ăn. Không chút ngần ngại, và với một chút dáng vẻ khiêm nhường và biết ơn, chú chim bước thẳng đến tay người để ăn.

“Hãy xem người bạn nhỏ của chúng ta đây,” Ngài mở lời. “Hầu hết chim chóc đều được sinh ra để bay. Bị nhốt là một giới hạn *trong* khả năng bay của chúng, chứ không phải là ngược lại.” Người dừng lại để Mack suy ngẫm về câu nói. “Con, ngược lại, được tạo ra để thương yêu. Cho nên con sống như thể không được yêu là một sự giới hạn, chứ không phải ngược lại.”

Mack gật đầu, không hoàn toàn đồng ý hẳn, mà để ra hiệu rằng anh hiểu và đang theo dõi thì đúng hơn. Chỉ đơn giản vậy thôi.

“Sống mà không được yêu thì giống như cắt lìa đôi cánh của chim để truất khả năng bay của nó. Một điều ta không muốn đối với con.”

Vấn đề là ở đó. Anh không *cảm thấy được yêu thương* gì lắm trong lúc này.

“Mack, nỗi đau sẽ cắt lìa đôi cánh của chúng ta và khiến chúng ta không thể bay được.” Ngài chờ một khoảnh khắc để lời mình đọng lại. “Và mọi chuyện đã không được giải quyết từ rất lâu, con hầu như đã quên mất mình được tạo ra ngày đầu để bay.”

Mack im lặng. Lạ thay, sự im lặng không mấy khó chịu. Mack nhìn con chim nhỏ. Con chim nhìn lại Mack. Anh thắc mắc không biết con chim có cười được không. Ít nhất, con chim trông cũng chẳng khác gì với tâm trạng chính anh, về mặt đồng cảm.

“Ta không giống con, Mack.”

Đó không phải là lời kẻ cả; chỉ đơn thuần là một lời trần thuật thực tế. Nhưng đối với Mack, lời nói đó giống như một gáo nước lạnh.

“Ta là Chúa. Ta là ta. Và khác với con, đôi cánh của ta không thể cắt lìa được.”

“Vậy thì tuyệt vời với Ngài, nhưng rồi điều đó sẽ đưa con đến đâu?” Mack thốt ra, âm sắc nghe có vẻ kinh hơn mức độ mà anh tưởng.

Cha bắt đầu vuốt ve con chim nhỏ, nâng nó lên sát mặt rồi nói: “Ngay tâm điểm tình yêu thương của ta!” khi Ngài và con chim nhỏ kề mũi và mỏ.

“Con đang nghĩ chắc con chim đó hiểu điều đó rõ hơn con,” Mack không nghĩ được gì hay hơn để nói.

“Ta biết, con yêu dấu. Đó là lý do chúng ta đang ở đây. Con nghĩ tại sao ta nói ‘Ta không giống con?’”

“Thật sự con không biết. Thì Ngài là Chúa còn con thì không.” Anh không giấu được vẻ mỉa mai trong giọng nói, nhưng Ngài hoàn toàn không màng.

“Đúng, nhưng không hẳn. Ít nhất không phải theo cách con đang nghĩ. Mackenzie, ta là một Đấng mà một số người nói ‘rất thánh, và trọn vẹn khác với con.’ Vấn đề là nhiều người muốn nhận thức ta là ai theo cách hay ho nhất đối với họ, đẩy khái niệm lên đến những cấp độ tốt bậc, bao hàm mọi điều tinh túy nhất mà họ cảm nhận được, mà thường chẳng là bao, rồi họ gọi đó là Chúa. Và mặc dù điều đó dường như là một nỗ lực đáng quý, sự thật là nó khác xa với sự thật ta là ai. Ta không phải là phiên bản hay ho nhất của con mà con có thể nghĩ ra. Ta hơn thế nhiều, vượt trên và vượt ngoài mọi điều con có thể hỏi đến hay nghĩ ra.”

“Con xin lỗi, nhưng những lời đó chỉ là ngôn từ đối với con. Chẳng mấy ý nghĩa.” Mack nhún vai.

“Cho dù con không thể hiểu được ta, con biết gì không? Ta vẫn muốn được biết đến.”

“Ngài đang nói đến Jesus phải không? Đây có phải là câu chuyện ta-cùng-nhau-tìm-hiểu-Ba-Ngôi không?”

Ngài cười. “Đại loại vậy, nhưng đây không phải là lớp giáo lý ngày chủ nhật. Đây là một bài tập bay. Mackenzie, như con cũng tưởng tượng được, làm Chúa trời có một số ưu thế. Về bản chất, ta hoàn toàn không bị giới hạn, không bị trói buộc. Ta luôn biết đến sự trọn vẹn. Ta tồn tại trong một trạng thái toại mãn vĩnh hằng,” Ngài nói, hoàn toàn hài lòng. “Chỉ có ta là chính ta.”

Điều đó làm Mack mỉm cười. Con người này hoàn toàn vui hưởng, một mình, và không có chút ngạo mạn nào trong đó.

“Thiên Chúa đã tạo ra con để chia sẻ điều đó. Nhưng rồi Adam đã chọn con đường riêng cho mình, như chúng ta đã biết, rồi mọi chuyện rối lên. Nhưng thay vì loại bỏ Sáng thế, Thiên Chúa đã xắn tay áo để lao vào mớ hỗn độn ấy - đó là điều Thiên Chúa đã làm với Jesus.”

Mack đứng đó, anh cố hết sức để theo kịp luồng tư duy của Ngài.

“Khi ba chúng ta hiện diện trong thế giới loài người trong vai Con của Thiên Chúa, chúng ta đã trở nên con người hoàn toàn. Chúng ta cũng đã chọn lựa gánh chịu tất cả những hạn hẹp của kiếp người. Cho dù chúng ta vẫn hằng hữu trong sáng thế này, giờ đây chúng ta đã trở nên xác phàm. Cũng như con chim này, vốn sinh ra để bay lượn, lại chọn lựa chỉ đi lại và ở dưới đất. Thiên Chúa không ngăn nó làm kiếp chim, nhưng hoàn cảnh đã làm thay đổi cảm nghiệm sống của nó một cách hệ trọng.”

Ngài dừng lại để Mack theo kịp. Mặc dù cảm nhận được một sự căng thẳng đang hình thành trong trí não, anh thốt lên, “Vâng...?” để mời Ngài nói tiếp.

“Mặc dù về bản chất Ngài hoàn toàn là Chúa, Jesus là một con người trọn vẹn và đã sống như thế. Mặc dù chưa bao giờ mất đi khả năng bay, Ngài đã chọn lựa suốt từng khoảnh khắc để sống dưới

đất. Đó là lý do tên Ngài là Immanuel, Thiên Chúa ở cùng chúng ta, hay Thiên Chúa ở cùng anh em, nói chính xác hơn.”

“Nhưng còn bao nhiêu phép màu thì sao? Phép chữa lành? Làm người chết sống lại? Điều đó không chứng minh Jesus là Chúa sao - hơn người phàm rồi?”

“Không, điều đó mới chứng minh rằng Jesus thật sự là con người.”

“Sao ạ?”

“Mackenzie, ta có thể bay, nhưng con người không thể. Jesus hoàn toàn là con người. Mặc dù hoàn toàn là Thiên Chúa, Ngài chưa bao giờ viến đến bản thể Thiên Chúa để làm một điều gì. Ngài chỉ sống bằng quan hệ với ta, sống theo đúng cách ta muốn sống với từng con người. Ngài chỉ là người đầu tiên sống đến cực điểm - người đầu tiên tuyệt đối tin tưởng vào đời sống của ta trong Ngài, người đầu tiên tin tưởng ở tình yêu và sự ân cần của ta mà không quan tâm đến hình thức và kết quả.”

“Vậy, khi Ngài chữa người mù thì sao?”

“Ngài đã làm thế như một con người bị lệ thuộc, bị giới hạn nhưng tin cậy vào đời sống của ta và sức mạnh của ta đến với Ngài và thông qua Ngài. Jesus, như một con người, chẳng có quyền năng gì trong chính mình để chữa lành cho ai.”

Đó là một cú sốc đối với hệ thống tín ngưỡng của Mack.

“Chỉ khi Ngài an nghỉ trong quan hệ với ta, và trong mối đồng cảm với ta - sự đồng hợp nhất của chúng ta - Ngài có thể bộc lộ tâm tư và ý chí trong mọi hoàn cảnh. Cho nên, khi con nhìn Jesus và thấy hình như Ngài đang bay, đúng là Ngài đang... bay đấy. Nhưng cái mà con thật sự nhìn thấy là ta; cuộc sống của ta trong Ngài. Đó là lối sống và hành động của Ngài như một con người thực thụ, cách mỗi con người được định đoạt để sống - từ đời sống của ta.

“Một con chim không được vạch định để ở dưới đất mà bởi khả năng bay của nó. Hãy nhớ điều này, con người không được vạch định bởi các giới hạn của mình, mà bởi những ý nguyện ta dành cho

họ; không phải bởi những gì bản thể họ dường như đang hiện diện, mà bởi mọi điều có thể tạo dựng trong hình tượng của ta.”

Mack cảm thấy lượng thông tin ập đến quá tải. Anh bèn kéo ghế và ngồi xuống. Điều này phải mất chút thời gian để hiểu. “Vậy điều này có nghĩa là Ngài bị giới hạn khi Jesus hiện diện trên trái đất? Tức là, Ngài đã giới hạn mình vào chỉ Jesus?”

“Không đâu! Mặc dù ta chỉ bị giới hạn vào Jesus, ta không hề bị giới hạn nào trong chính ta.”

“Toàn bộ vấn đề Thiên Chúa Ba ngôi là điều mà con hình như không hiểu.”

Cha cười phá một tràng dài làm Mack cũng muốn cười theo. Ngài đặt con chim nhỏ xuống bàn cạnh Mack, xoay sang mở lò nướng để liếc nhìn ổ bánh đang nướng. Hải lòng với mọi chuyện, Cha kéo ghế ngồi cạnh. Mack nhìn con chim nhỏ đang vui vẻ ngồi đó với họ một cách lạ thường. Sự vô lý ấy làm Mack bật cười.

“Trước tiên, việc con không thấu hiểu được huyền nhiệm từ bản chất của ta là một điều tốt thôi. Ai muốn thờ phụng một Thiên Chúa mà mình hoàn toàn thấu hiểu? Chẳng còn mấy bí ẩn nữa.”

“Nhưng có khác gì khi Thiên Chúa có ba ngôi, và tất cả đều là một Thiên Chúa. Con nói thế đúng không?”

“Đúng đấy.” Ngài mỉm cười. “Mackenzie, đó là toàn bộ sự khác biệt!” Có vẻ Ngài thích thú điều này. “Chúng ta không phải là ba Chúa, và ta cũng không nói là một Chúa với ba thánh trạng, như một người đàn ông vừa là chồng, là cha và là thợ. Ta là một Thiên Chúa và ta là ba người, và mỗi một trong ba người đều là trọn vẹn và toàn thể của nhất thể.”

Tiếng “Hả?” mà Mack vẫn kìm nén cuối cùng bật tung ra.

“Đừng quan tâm điều đó,” Ngài tiếp. “Điều quan trọng là đây: Nếu ta đơn thuần là Một Chúa và chỉ là Một Người, thì các con sẽ thấy mình ở trong Sáng thế này không có gì lý thú, thậm chí không có gì thiết yếu nữa. Và ta dứt khoát sẽ khác đi.”

“Và chúng con sẽ không có...?” Mack không biết làm sao để kết câu hỏi.

“Tình yêu và mối liên hệ. Tất cả tình yêu và những mối liên hệ đến được với con *chỉ* vì nó đã tồn tại sẵn trong Ta, trong chính ta là Thiên Chúa. Tình yêu *không* phải là giới hạn; tình yêu là sự tung cánh. Ta là tình yêu.”

Như thể đáp lại lời tuyên xưng ấy, chiếc đồng hồ rung chuông và con chim nhỏ vỗ cánh bay ra ngoài khung cửa. Ngắm nhìn chim bay trong niềm hân hoan khó tả, anh xoay sang Cha, và nhìn chăm chăm đầy kinh ngạc. Một vẻ rạng rỡ lạ lùng bùng lên trên gương mặt Ngài, và cho dù vẫn đang cảm thấy một chút mất mát và cho dù *nỗi đau lớn* vẫn còn đeo đẳng mình, anh cảm thấy mình đã có phần an vị trong bình an của sự kề cận bên Ngài.

“Con hãy hiểu,” Ngài tiếp, “rằng trừ phi ta có một đối thể để thương yêu - hay, nói chính xác hơn, một ai đó để thương yêu - nếu ta không có một quan hệ như thế trong bản thân ta, thì ta sẽ có thể yêu thương được không? Con sẽ có một đức Chúa không thể thương yêu. Hay là tệ hơn nữa, con sẽ có một đức Chúa mà, khi lựa chọn, chỉ có thể yêu được như một sự giới hạn của bản chất. Chúa như thế có thể hành động không vì tình yêu, và đó sẽ là một tai họa. Và đó chắc chắn *không* phải là ta.”

Nói đoạn, Cha đứng dậy đến bên lò nước, kéo chiếc bánh mới nướng ra, đặt lên quây và xoay người như đang trình diễn, nói tiếp: “Thiên Chúa bản thể - như chính ta là ta - không thể hành động tách rời tình yêu!”

Mack biết rằng những gì anh đang nghe, dù thật khó hiểu, là đầy kinh ngạc và không thể tin được. Cứ như những lời Ngài nói đang cuốn quanh anh, quyen lấy anh và *nói* với anh bằng những phương cách ngoài những gì anh có thể nghe. Nhưng thông phải anh thật lòng tin vào bất cứ điều gì. Giá mà được như vậy. Trải nghiệm cuộc đời đang nói với anh khác.

“Kỳ cuối tuần này dành cho tình yêu và những mối liên hệ. Giờ đây, ta biết con có nhiều điều muốn nói với ta, nhưng bây giờ con đi

tắm gội thì hơn. Hai người kia đang vào để ăn tối.” Ngài bắt đầu bước đi, nhưng dừng bước và quay lại.

“Mackenzie, ta biết lòng con tràn ngập đớn đau và thịnh nộ cũng như hoang mang. Cùng nhau, con và ta, chúng ta sẽ đi vào vấn đề đó trong khi con ở đây. Nhưng ta cũng muốn con biết rằng có nhiều điều đang diễn ra hơn con có thể hình dung hay thấu hiểu, cho dù ta có nói với con. Con hãy cố hết mức để an nhiên trong niềm tin con có nơi ta, cho dù nhỏ nhoi, có được không?”

Mack vẫn cúi đầu nhìn xuống sàn. “Ngài biết,” anh nghĩ bụng. Niềm tin nhỏ nhoi của anh chắc gần như chẳng còn gì. Gật đầu ưng thuận, anh ngược lên và chú ý lần nữa đến vết sẹo trên cổ tay Ngài.

“Papa?” Rốt cục Mack thốt lên một cách khá vụng về theo cảm nhận của anh, nhưng anh đang cố gắng.

“Gì, con?”

Mack đánh vật để tìm từ nói diễn đạt với Ngài những gì trong tim mình. “Con rất tiếc rằng Ngài, rằng Jesus, phải chết.”

Ngài bước vòng qua bàn và ôm choàng lấy Mack. “Ta biết con, cám ơn con. Nhưng con cần biết rằng chúng ta không hối tiếc gì cả. Điều đó xứng đáng. Có đúng không con trai?”

Ngài xoay người khi hỏi về Jesus, người vừa bước vào nhà. “Đúng vậy!” Người đàn ông dừng lại rồi nhìn Mack. “Ta có thể làm như thế cho dù chỉ vì *mỗi* mình con, nhưng chuyện đã không phải như thế!” người nói với một nụ cười mời gọi.

Mack xin phép đi ra nhà tắm, rửa tay và rửa mặt rồi cố định thần.

CHÚA TRÊN BẾN NƯỚC

Chúng ta hãy cầu cho nhân loại không bao giờ thoát ra khỏi địa cầu để lan truyền tội lỗi của mình đến nơi khác.

— C. S. LEWIS

Mack đứng trong buồng tắm, vừa nhìn vào gương vừa lau khô mặt bằng một chiếc khăn lông. Anh đang tìm kiếm dấu hiệu nào đó của sự điên rồ trong đôi mắt đang nhìn ngược lại mình. Chuyện này có thật không? Dĩ nhiên là không, không thể. Nhưng rồi... anh đưa tay ra chậm chậm sờ lên kính. Có lẽ đây là một ảo giác xảy đến bởi bao phiền muộn và tuyệt vọng. Có lẽ đây là một giấc mơ, và anh đang ngủ thiếp đâu đó, có lẽ trong căn chòi bằng giá đến chết cứng? Có lẽ... Đột nhiên, một tiếng loảng xoảng chát chúa làm anh choàng tỉnh. Âm thanh phát ra từ phía nhà bếp, và Mack bất động. Trong khoảnh khắc là một sự im lặng chết chóc, rồi bất ngờ anh nghe tiếng cười phá lên. Tò mò, anh ra khỏi buồng tắm và thò đầu vào cửa bếp.

Mack kinh ngạc trước cảnh tượng trước mắt. Hình như Jesus đã làm rơi một thố bột hay nước sốt gì đó trên sàn, làm tung tóe khắp nơi. Chắc là nó rơi gần Papa vì phần dưới váy của Ngài và đôi bàn chân trần của Ngài nhóp nhép dính đầy thứ đó. Cả ba người đang cười rũ rượi đến độ Mack không hình dung được là họ có thể thở. Sarayu nói gì đó về con người vốn vụng về rồi cả ba lại cười rú lên tiếp. Cuối cùng, Jesus đi lướt qua Mack và một phút sau quay lại với một chậu nước lớn cùng khăn. Sarayu bắt đầu chùi bột trên sàn nhà và tử chén, còn Jesus đến quỳ xuống chân Papa, bắt đầu lau đũng trước áo cho Ngài. Vị này lau xuống bàn chân và nhẹ nhàng nhấc từng bàn chân lên, nhúng vào chậu nước để lau và xoa bóp.

“Ồ, thật tuyệt quá!” Papa thốt lên, trong khi vẫn tiếp tục làm việc trên quầy bếp.

Trong khi chồm người qua khung cửa để theo dõi, tâm trí Mack đầy ắp những ý nghĩ. Đây là Thiên Chúa trong tương quan? Thật đẹp đẽ và cuốn hút. Anh biết rằng lỗi của ai không quan trọng - bột đã văng từ một cái thố bị vỡ, một món ăn trong dự định sẽ không có nữa. Rõ ràng, điều thật sự quan trọng ở đây là tình yêu họ dành cho nhau và sự đắm thắm từ đó. Anh lắc đầu. Thật là khác biệt giữa cách này với cách anh vẫn đối xử với những người thân yêu!

Bữa ăn tối đơn giản nhưng chính là một bữa tiệc. Chim rán với nước sốt giống màu sốt cam, sốt xoài. Rau tươi trộn theo kiểu gì đó mà chỉ có Chúa biết, tất cả đều ngọt ngào, nồng gừng, thơm lừng và cay ấm. Riêng món cơm cũng đã làm một bữa ăn rồi, bởi một hương vị của gạo mà Mack chưa bao giờ được nếm. Điều duy nhất gây bối rối là vào đầu bữa Mack theo thói quen cúi đầu xuống trước khi nhớ ra mình đang ở đâu. Anh ngược lên và thấy ba người đều đang cười với mình. Cố gắng bình thản hết mức, anh cất lời: “Ừm, xin tạ ơn tất cả... con có thể dùng cơm đằng kia không?”

“Được chứ. Đúng ra chúng ta sẽ có món sốt Nhật ly kì, nhưng bàn tay hậu đậu kia,” Papa hát hàm về phía Jesus, “đã định đoạt cho nó xuống đất.”

“Thôi nào,” Jesus đáp lại bằng giọng chế nhạo. “Tay trơn như thế. Biết làm sao được?”

Papa nháy mắt với Mack khi đưa cơm cho anh. “Ở đây mọi chuyện không được khéo léo lắm đâu nhé.” Mọi người đều bật cười.

Cuộc đối thoại diễn ra gần như bình thường. Mack được hỏi han về từng đứa con, ngoại trừ Missy, và anh kể về những cuộc phấn đấu và thành tích của chúng. Khi anh nói về mối lo đối với Kate, cả ba vị chỉ gật đầu với nét mặt quan tâm nhưng không cho anh lời khuyên hay răn dạy gì. Anh cũng trả lời các câu hỏi về bạn bè mình, và Sarayu dường như quan tâm nhất trong việc hỏi han về Nan. Cuối cùng, Mack thốt ra một điều mà anh đeo đuổi suốt cuộc nói chuyện.

“Con đang ngồi đây kể cho các Ngài nghe về con cái, bạn bè và Nan, nhưng các Ngài đã biết hết mọi điều con đang kể rồi còn gì?”

Các Ngài làm như thế lần đầu được nghe.”

Sarayu với qua bàn để nắm tay anh: “Mackenzie, còn nhớ cuộc trò chuyện trước đây của chúng ta về giới hạn không?”

“Cuộc trò chuyện của chúng ta?” Anh liếc nhìn Papa đang gật đầu hiểu ý.

“Con không thể chia sẻ với một người mà không chia sẻ với tất cả chúng ta,” Sarayu nói và cười. “Hãy nhớ rằng sự lựa chọn ở lại trên mặt đất là một sự lựa chọn để vun đắp cho mối quan hệ; để trân quý nó. Mackenzie, chính con đã làm điều này. Con chơi đùa hay tô màu với một đứa bé không phải để chứng tỏ mình siêu đẳng. Mà con chọn cách giới hạn chính mình để vun đắp và trân quý mối quan hệ đó. Thậm chí, con sẽ thua thiệt trong một cuộc tranh đua để có được tình yêu. Đó không phải là chuyện thắng hay thua, mà là tình yêu và sự trân trọng.”

“Vậy khi con kể chuyện về con cái mình thì sao?”

“Chúng ta đã tự giới hạn chính mình vì trân trọng con. Chúng ta không khơi lên trong tâm trí những gì đã biết về con cái của con. Khi lắng nghe con, chúng ta xem đó như thể lần đầu được biết về chúng nó, và chúng ta hân hoan nhìn thấy chúng trong mắt con.”

“Con thích điều đó,” Mack đáp lại, dựa người vào ghế.

Sarayu siết bàn tay anh và hình như cũng ngả người ra. “Ta cũng thích! Các mối quan hệ không bao giờ là vấn đề quyền lực, và một cách để tránh né ý chí quyền lực là lựa chọn giới hạn chính mình - để *phụng vụ*. Con người thường làm cách này - âu yếm người đau ốm, phục vụ những người mà trí năng đã phiêu bạt, liên hệ với người nghèo khó, thương yêu bậc lớn tuổi và nhi đồng, hay thậm chí quan tâm đến những người đã giành lấy một vị thế quyền lực đối với họ.”

“Phát biểu hay đấy Sarayu,” Papa cất lời, gương mặt Ngài ngời lên. “Ta sẽ lo chén đĩa sau. Nhưng trước tiên, ta muốn có thời gian để đọc kinh.”

Mack buộc phải nén tiếng cười khi nghĩ đến Chúa đọc kinh. Hình ảnh những buổi đọc kinh trong gia đình mình thời niên thiếu ào về trong tâm trí, không hẳn là những hồi ức tươi đẹp. Thường đó là những buổi buồn tẻ và chán chường để nghĩ ra những câu trả lời đúng, hay đúng hơn là những câu trả lời quen thuộc cho mấy câu hỏi cũ về truyện Kinh Thánh, rồi sau đó cố mà thức tỉnh trong thời gian bố anh cầu nguyện dài lê thê. Rồi những khi bố anh đã nốc rượu trước đó, những buổi cầu kinh trong gia đình sẽ biến thành một cuộc khủng hoảng ghê rợn, khi bất kỳ câu trả lời sai nào, hay một ánh mắt nhìn vô ý nào cũng có thể châm ngòi cho một cơn bùng nổ. Anh đoán chừng Jesus sẽ rút ra một cuốn Thánh kinh của King James.

Nhưng không, Jesus với sang phía đối diện nắm lấy tay Papa mà các vết sẹo giờ đây trông thấy rõ mồn một. Mack ngồi lặng khi ngắm nhìn Jesus hôn tay cha mình và rồi nhìn sâu vào mắt cha mà nói: “Cha, con vui sướng được ngắm nhìn cha hôm nay, khi cha dọn mình trọn vẹn để đón lấy nỗi đau của Mack vào trong, rồi cho anh ấy một không gian để chọn lựa thời điểm cho bản thân. Cha trân trọng anh ấy, và cha trân trọng con. Được lắng nghe cha thì thâm tình yêu và an lành vào trong tim anh ấy thật là tuyệt vời. Thật là một niềm hoan lạc cho ta chứng kiến! Con vui sướng được làm con của Cha.”

Mặc dù Mack cảm thấy mình hiện diện như một sự quấy rầy, dường như chẳng ai bận tâm và anh thật sự cũng chẳng biết phải biến đi đâu nữa. Hiện diện trước một tình yêu được bày tỏ như thế dường như giúp trút bỏ một bế tắc cảm xúc trong lòng, và mặc dù không hiểu rõ ràng cảm xúc của mình - anh thấy thật tuyệt vời. Anh đang chứng kiến điều gì? Một điều gì đó giản dị, nồng ấm, thân thương, chân thật; thật *thánh khiết*. Thánh tính lúc nào cũng là một khái niệm lạnh lùng và cần cỗi đối với Mack, nhưng cảm giác này thì không. Lo ngại bất kỳ động thái nào của mình cũng có thể làm tan đi khoảnh khắc ấy, anh bèn nhắm mắt lại và khoanh tay trước ngực. Lắng nghe chăm chú với đôi mắt khép, anh nghe thấy Jesus di chuyển chiếc ghế. Có một khoảng lặng trước khi người lại lên tiếng. “Sarayu,” Jesus cất lời êm ái và dịu dàng, “Ngài rửa chén, ta lau khô.”

Mắt Mack bật mở vừa lúc nhìn thấy hai người đang cười toe với nhau, thu dọn chén đĩa rồi biến mất vào bếp. Anh ngồi đó vài phút, không biết phải làm gì. Papa đã đi đâu đó còn hai vị kia thì đang bận rộn với chén đĩa... một quyết định đơn giản thôi. Anh cầm bộ đồ ăn bằng bạc cùng ly tách rồi đi vào bếp. Khi anh vừa đặt chúng xuống cho Sarayu rửa, Jesus quăng cho anh một chiếc khăn lông lau chén đĩa rồi họ cùng nhau lau khô.

Sarayū bắt đầu ngâm nga một giai điệu mà anh đã nghe trước đó với Papa, Jesus cùng Mack lắng nghe trong khi làm việc. Đôi lần giai điệu ấy khuấy động tâm can Mack, gõ lại vào cánh cửa ấy. Với anh, âm thanh nghe như dân ca Gaelic, và anh gần như nghe thấy cả tiếng kèn gió phụ họa. Nhưng thật khó cho Mack trấn tĩnh để những cảm xúc trào dâng vũ bão, giai điệu ấy đã hút lấy anh một cách tuyệt đối. Nếu như lắng nghe được mãi âm thanh ấy, anh đủ hân hoan để rửa chén đến trọn đời.

Chỉ mười phút sau công việc kết thúc. Jesus hôn lên má Sarayu và vị này biến mất sau khúc quanh. Người quay lại cười với Mack. “Chúng ta ra ngoài hiên ngắm sao nhé.”

“Còn các vị kia thì sao?” Mack hỏi.

“Ta đây,” Jesus đáp. “Ta luôn luôn hiện diện.”

Mack gật đầu. Vấn đề về sự hiện hữu của Chúa, mặc dù khó lĩnh hội, dường như dần dà đã thâm nhập được vào trí não và tâm hồn anh. Anh chấp nhận sự thể.

“Nào,” Jesus cất lời, ngắt ngang những ý nghĩ của Mack. “Ta biết con thích ngắm sao! Muốn ngắm không?” Giọng Ngài hết như một đứa trẻ đầy háo hức và mong chờ.

“Vâng, có chứ,” Mack đáp, nhận ra lần cuối mình làm điều đó là tại khu cắm trại định mệnh với các con. Có lẽ đã đến lúc đánh liều một tí.

Anh theo Jesus ra ngoài cửa sau. Trong thời khắc tàn phai của chạng vạng, Mack nhìn thấy mép đá của bờ hồ, không um tùm như anh nhớ, nhưng được chăm sóc đẹp đẽ và tĩa tót hoàn hảo. Con

sông gần kề như đang ngâm nga một nhạc cụ nào đó. Nhô ra chừng năm mươi bộ trên mặt hồ là một cầu tàu, và Mack nhìn thấy lơ mờ ba chiếc xuồng buộc cách quãng nhau dọc theo đó. Đêm xuống nhanh và màn tối xa xa đã dày đặc tiếng dế và ếch nhái. Jesus khoác tay và dắt anh theo lối đi trong khi mắt anh đang thích nghi, nhưng Mack đã nhìn thấy một bầu trời không trăng với đầy sao lung linh mới mọc.

Họ đi ra đến ba phần tư cầu tàu và nằm xuống ngửa mặt nhìn trời. Độ cao ở nơi này dường như khuếch đại cả khoảng trời và Mack say sưa ngắm nhìn các vì sao chi chít và rõ mồn một. Jesus gợi ý cùng nhắm mắt lại trong vài phút, để những hiệu ứng cuối cùng của hoàng hôn biến mất trong đêm. Mack làm theo và khi mở mắt ra, cảnh tượng thật dữ dội đến độ anh bị choáng ngợp trong vài giây. Cảm giác giống như anh bị tung lên không gian, các vì sao lao đến như thể túm lấy anh. Anh nhấc tay lên và tưởng tượng mình có thể với tay nắm lấy những viên kim cương, từng viên một, từ màn đêm hung huyền.

“Ôi chào!” anh thì thầm.

“Không thể tin được!” Jesus thì thầm, đầu Ngài gần đầu Mack trong bóng đêm. “Ta chưa bao giờ chán cảnh này.”

“Cho dù Ngài *tạo* ra nó?” Mack hỏi.

“Ta đã tạo ra nó từ Ngôi Lời, trước khi Ngôi Lời trở nên xác thịt. Cho nên dù ta tạo ra cảnh quan này, giờ đây ta ngắm nó như một con người. Và ta phải công nhận là thật ấn tượng!”

“Đúng thế,” Mack không biết phải mô tả cảm giác của mình như thế nào, nhưng họ tiếp tục nằm trong yên lặng nhìn lên màn trời, ngắm nhìn và lắng nghe, từ cõi lòng mình anh biết tâm trạng này cũng thánh khiết. Trong khi cả hai cùng ngắm nhìn cảnh quan hết sức kỳ thú, những ngôi sao băng thi thoảng lại vụt qua một vệt trên nền trời đen khiến người này hay người kia lại thốt lên: “Thấy không? Tuyệt chưa!”

Sau một hồi im lặng thật lâu, Mack lên tiếng. “Con cảm thấy thư thái hơn khi ở bên Ngài. Ngài dường như thật khác với hai vị kia.”

“Ý con là sao, khác thế nào?” từ trong bóng tối, giọng Ngài dịu dàng vang lên.

“À,” Mack dừng lại để suy nghĩ. “Thật hơn, hay là hữu hình hơn. Con không biết.” Anh đánh vật với từ ngữ còn Jesus nằm yên, chờ đợi. “Giống như là con vẫn hằng quen biết Ngài. Nhưng Papa thì chẳng hề giống những gì con hình dung về Thiên Chúa, còn Sarayu, vị ấy lại còn khác xa nữa.”

Jesus cười khúc khích trong bóng tối. “Vì ta là con người nên chúng ta có nhiều cái chung để nói...”

“Nhưng con vẫn không hiểu...”

“Ta là phương cách tốt nhất mà bất kỳ con người nào cũng có thể liên hệ đến Papa hay Sarayu. Thấy ta là thấy họ. Tình yêu con cảm nhận nơi ta chẳng khác tình cảm họ thương yêu con. Và hãy tin ta, Papa và Sarayu cũng thật như ta, mặc dù theo những cách khác xa như con đã thấy.”

“Riêng về Sarayu, Ngài có phải là Đức Thánh Linh?”

“Đúng. Ngài là Đấng Tạo dựng; Ngài là Hành động; Ngài là Hơi thở Sự sống; Ngài còn là nhiều nữa. Ngài là Linh hồn của *ta* .

“Còn tên của Ngài, Sarayu?”

“Đó là một cái tên đơn giản từ một ngôn ngữ của con người. Nó có nghĩa là ‘Gió,’ là một cơn gió thật bình thường. Ngài thích cái tên đó.”

“Ừm,” Mack ậm ừ. “Chẳng có điều gì là quá bình thường ở Ngài cả!”

“Đúng, điều đó,” Jesus đáp.

“Còn cái tên mà Papa nói đến, Elo...El...”

“Elousia,” giọng nói vang lên cung kính trong bóng tối bên cạnh anh. “Đó là một cái tên tuyệt diệu. El là tên ta trong vai trò Chúa

Sáng thể, còn *ousia* là ‘tồn tại’ hay là ‘đích thực chân chính,’ cho nên cái tên ấy nghĩa là Chúa Sáng thể đích thực chân chính và là căn cội của muôn loài. Giờ đây, đó cũng là một cái tên đẹp.”

Có một phút yên lặng khi Mack suy niệm lời Jesus vừa nói. “Vậy thì, chúng con ở đâu?” Anh cảm tưởng như mình đang hỏi câu ấy thay cho cả nhân loại.

“Ngay tại nơi mà các con luôn muốn hướng đến. Ngay tâm điểm của tình yêu và mục đích của Thiên Chúa.”

Lại một khoảng dừng, và rồi: “Có lẽ con đã hiểu điều đó.”

Jesus cười. “Ta mừng khi nghe câu đó,” rồi cả hai cùng cười. Một lúc chẳng ai nói gì. Sự tĩnh lặng trùm xuống như một cái chăn, và Mack chỉ thật sự nhận biết âm thanh của sóng nước vỗ vào cầu tàu. Chính anh là người rốt cục lại phá tan sự yên lặng.

“Chúa Jesus?”

“Gì, Mackenzie?”

“Con ngạc nhiên một điều về Ngài.”

“Thế à? Điều gì?”

“Con cứ tưởng con hình dung Ngài phải hơn nữa,” Mack cẩn thận khi nói câu này, “à... ấn tượng hơn đối với con người.”

Jesus cười. “Ấn tượng hơn đối với con người? Ý con là đẹp trai hơn.” Giờ Ngài cười phá lên.

“À, con cố tránh nói chuyện đó, nhưng mà đúng vậy. Không hiểu sao con cứ nghĩ Ngài là một người lý tưởng, khỏe mạnh và hết sức đẹp đẽ.”

“Tại cái mũi của ta, đúng không?”

Mack không biết nói gì.

Jesus cười. “Ta là người Do Thái, con biết đó. Ông ngoại ta có chiếc mũi to; thật ra thì hầu hết đàn ông bên họ mẹ ta đều có mũi to.”

“Con cứ tưởng Ngài đẹp trai hơn.”

“Theo chuẩn mực của ai đây? Dù sao thì khi con thật sự biết ta, điều đó sẽ không còn ý nghĩa nữa.”

Ngôn từ, dù được biểu lộ ân cần, vẫn ray rứt. Chính xác là ray rứt điều gì? Mack nằm yên giây lát và nhận ra rằng mình tưởng mình biết Jesus rất nhiều nhưng có lẽ thật sự... chẳng biết gì cả. Có lẽ mình chỉ biết một biểu tượng, một mẫu hình lý tưởng, một hình ảnh mà qua đó mình cố nắm bắt một ý thức về tâm linh, chứ không phải một con người thật sự. “Tại sao vậy?” cuối cùng anh hỏi. “Ngài nói khi con thật sự biết Ngài thì diện mạo không còn ý nghĩa nữa...”

“Thật ra rất đơn giản. *Sự hiện hữu* luôn luôn thay đổi diện mạo - một thứ hình thức mà thôi. Một khi con bắt đầu biết đến bản thể đằng sau gương mặt rất xinh đẹp hay rất xấu xí ấy, được xác định bởi thiên kiến của con, diện mạo bề ngoài sẽ lui dần cho đến khi chúng không còn ý nghĩa nữa. Đó là lý do Elousia là một cái tên tuyệt diệu đến vậy. Chúa, căn cội của mọi loài, ngự trị bên trong, bên ngoài và xuyên suốt vạn vật - tồn tại như một sự chân chính tối thượng - và mọi hình thức che đậy thực tại ấy đều sẽ xa lìa.

Im lặng tiếp nối trong khi Mack đánh vật với những lời Jesus vừa nói. Anh bỏ cuộc chỉ sau một, hai phút và quyết định hỏi câu liệu lĩnh hơn.

“Ngài nói con không thật sự biết Ngài. Nếu lúc nào chúng ta cũng có thể nói chuyện thế này thì mọi chuyện thật dễ dàng hơn nhiều.”

“Mack à, phải nhìn nhận rằng đây là một việc đặc biệt. Con thật sự bế tắc và chúng ta muốn giúp con ra khỏi nỗi đau. Nhưng đừng nghĩ rằng nếu ta không hữu hình thì mối quan hệ giữa chúng ta không hiện hữu. Nó sẽ khác, nhưng có lẽ còn thực hơn.”

“Như thế nào ạ?”

“Mục đích của ta từ đầu là sống trong con và con sống trong ta.”

“Khoan, khoan. Khoan đã. Làm sao điều đó xảy ra được? Nếu Ngài vẫn còn là con người trọn vẹn làm sao Ngài ngự trong con được?”

“Sửng sốt quá phải không? Đó là huyền nhiệm của Papa. Đó là quyền năng của Sarayu, *linh hồn* của ta, *thần khí* của Chúa, đang khôi phục sự hiệp nhất đã mất từ lâu. Ta? Ta chọn sống từng khoảnh khắc trọn vẹn con người. Ta là Chúa trọn vẹn, nhưng ta là con người trong cốt lõi. Như ta nói, đó là huyền nhiệm của Papa.”

Mack đang nằm trong bóng tối, lắng nghe chăm chú: “Ngài đang nói đến một sự ngự trị nội tại thật sự đầy chức, không phải chuyện thần học hay khái niệm gì phải không?”

“Dĩ nhiên,” Jesus trả lời, giọng khỏe mạnh và chắc chắn. “Đó là cốt lõi của mọi thứ. Con người, được tạo thành từ Sáng thế vật chất hữu hình, một lần nữa có thể được ngự trị trọn vẹn bởi đời sống tâm linh, đời sống của ta. Nó đòi hỏi phải có một sự hiệp nhất rất mực tận tình và tích cực.”

“Thật không ngờ!” Mack lặng lẽ thốt lên. “Con chẳng biết gì. Con cần suy nghĩ về điều này. Nhưng chắc con còn nhiều câu hỏi nữa.”

“Chúng ta có cả quãng đời của con để bàn bạc về chúng,” Jesus cười. “Nhưng, bây giờ như thế đủ rồi. Chúng ta sẽ lại lạc mất trong đêm sao này.” Trong quãng im lặng tiếp đó, Mack cứ nằm im, mặc cho không gian bao la và ánh sáng róc rách bao phủ mình, mặc cho những nhận thức của mình bị thu phục bởi ánh sao và bởi ý tưởng rằng mọi thứ đều liên quan đến mình... liên quan đến nhân loại... rằng tất cả vạn vật này là dành cho chúng ta. Sau một hồi chừng như rất lâu, chính Jesus phá đi sự yên lặng.

“Ta không bao giờ chán nhìn cảnh này. Kỳ quan vạn vật - sự hoang phí của *tạo hóa*, như một trong những người anh em của chúng ta đã gọi. Thật thanh tao, thậm chí giờ đây vẫn tràn đầy khát khao và vẻ đẹp.”

“Ngài biết đó,” Mack đáp, đột nhiên lại choàng tỉnh bởi sự vô lý của cảnh huống này; nơi chốn này, con người cạnh mình. “Đôi khi Ngài nói chuyện thật là... ý con là, con đang nằm đây cạnh Chúa Toàn năng thế mà Ngài lại nói chuyện thật là...”

“Con người?” Jesus móm lời. “Lại khó nghe?” Nói đoạn Ngài bắt đầu cười, ban đầu còn lặng lẽ và kiềm chế, nhưng sau vài cú nắc thì tiếng cười bắt đầu phá ra. Như bị lan truyền, Mack cũng thấy mình bị cuốn theo, từ thăm thăm đáy hồn. Anh đã không cười trong sâu thăm như thế lâu rồi. Jesus giang tay ôm choàng lấy anh, lắc anh theo từng tràng cười, và Mack cảm thấy tinh khiết, sống động và an nhiên hơn hẳn kể từ lúc... mà anh cũng chẳng nhớ nổi từ lúc nào.

Sau hết, họ cùng lắng lại và sự yên ắng của màn đêm lại trỗi dậy một lần nữa. Dường như cả những con ếch cũng đã ngưng bật. Mack nằm đó nhận thức mình đang cảm thấy tội lỗi vì đã vui hưởng cho bản thân, vì đã cười, và ngay cả trong bóng tối anh vẫn cảm nhận được *nỗi đau* tràn đến phủ lên anh.

“Chúa Jesus?” anh thì thào vì giọng đã nghẹn lại. “Con cảm thấy mất mát quá.”

Một bàn tay đưa ra nắm chặt lấy bàn tay anh và không rời. “Ta biết, Mack. Nhưng điều đó không đúng đâu. Ta đang ở bên con và ta không mất mát. Ta rất tiếc con cảm thấy như thế, nhưng hãy nghe ta cho rõ. Con không mất mát.”

“Con hy vọng Ngài đúng,” Mack nói, sự căng thẳng dịu đi bởi những lời từ người bạn mới của mình.

“Nào,” Jesus cất lời, đứng dậy rồi chìa tay xuống cho Mack. “Con có một ngày quan trọng trước mặt. Ta đưa con về ngủ thôi.” Ngài choàng vai Mack rồi họ sóng bước bên nhau quay về căn nhà gỗ. Mack chợt thấy kiệt sức. Ngày hôm nay là một ngày dài. Có lẽ anh sẽ thức dậy tại nhà trên chiếc giường của mình sau một đêm mơ sống động, nhưng đâu đó trong lòng anh hy vọng mình sai.

BỮA ĐIỂM TÂM CỦA NHỮNG KÌ THI

Trưởng thành nghĩa là đổi thay và đổi thay bao hàm sự mạo hiểm,
dấn bước
từ nơi đã biết về miền chưa biết.

— KHUYẾT DANH

Khi về đến phòng, Mack phát hiện ra quần áo của mình, vốn bỏ lại trên xe, đã được xếp lại đặt trên tủ nhỏ hoặc treo trong tủ áo. Anh ngạc nhiên nhìn thấy một cuốn Kinh Thánh của Gideon trên tủ kệ đầu giường. Anh mở rộng cửa sổ để không khí đêm tràn vào, một hành vi mà Nan chẳng bao giờ đồng ý ở nhà vì nàng sợ nhện và bắt kẻ con gì ngộ nguậy. Cuộn mình như một chú bé vui trong chăn lông, anh chỉ đọc được vài đoạn thì cuốn kinh đã rời khỏi tay, đèn đã tắt và ai đó đã hôn lên má anh, và anh nhẹ nhàng nhấc mình lên cao trong một giấc mơ bay bổng.

Những ai chưa bao giờ bay như thế có lẽ sẽ nghĩ rằng những kẻ tin vào điều đó là gàn dở, nhưng thực tâm có lẽ ít nhất họ có chút gì ghen tị. Đã nhiều năm rồi, anh không nằm mơ bay bổng, kể từ khi *nỗi đau* giáng xuống, nhưng đêm nay, Mack đã bay cao trong bầu trời đầy sao, trong không gian trong lành và mát lạnh mà không khó chịu. Anh bay liệng qua những chiếc hồ và dòng sông, vượt qua một bờ biển và nhiều hòn đảo vách đá san hô.

Nói ra nghe thật lạ, Mack đã *học* trong những giấc mơ cách bay như thế này; cách nhấc mình lên không trung một cách chơi vơi - không có cánh, không có máy bay gì cả, chỉ có chính mình. Những chuyến bay đầu tiên thường chỉ giới hạn có vài tấc, hầu như do sợ hãi, hoặc chính xác hơn là do sợ rơi. Nâng tầm bay lên một vài bộ rồi cuối cùng cao hơn nữa khiến anh thêm an tâm, cũng như khi anh phát hiện ra việc rơi không hề đau đớn mà chỉ là một cú tâng nhẹ nhàng. Rồi dần dà, anh học được cách bay lên mây, bay đi xa và đáp xuống nhẹ nhàng.

Khi bay vút qua những rặng núi hiểm trở và những bờ biển trắng xóa lấp lánh, nỗi kỳ thú của những chuyến bay trong mơ chợt bộc lộ, đột nhiên một cái gì đó chộp lấy cổ chân anh và lôi tuột anh ra khỏi bầu trời. Trong nháy mắt, anh bị lôi xuống từ trên cao và quăng một cách thô bạo xuống một con đường hết sức lầy lội. Sấm vang rền mặt đất và mưa đột nhiên như trút nước. Và rồi điều đó lại đến, ánh chớp chiếu sáng gương mặt con gái anh trong lúc nó thét lên tắt nghẹn “ *Bố ơi!* ” rồi xoay người chạy biến vào trong bóng tối, chiếc váy đỏ chỉ thấp thoáng trong vài ánh chớp rồi biến mất. Anh cố hết sức chống chọi để thoát ra khỏi bùn lầy và nước, nhưng rồi càng bị lún sâu hơn. Và ngay khi bị hút xuống thì anh choàng tỉnh trong hơi thở hỗn hển.

Tim đập dồn và trí tưởng tượng còn đang dính chặt với những hình ảnh của cơn ác mộng, Mack mất một lúc để nhận ra đó chỉ là một giấc mơ. Nhưng mặc dù cơn mơ đã tan, những cảm xúc vẫn còn đó. Giấc mơ đã khuấy động *nỗi đau* và trước khi bước xuống giường, anh lại một lần nữa chống chọi với nỗi tuyệt vọng đã tàn phá bao tháng ngày của mình.

Anh nhăn nhó nhìn quanh phòng trong cái xám xịt của bình minh ló dạng còn lẫn trong màn sáo cửa. Đây không phải phòng ngủ của anh; chẳng có thứ gì trông hoặc cảm thấy thân thuộc. Anh đang ở đâu? Suy nghĩ đi, Mack, suy nghĩ đi! Rồi anh nhớ ra. Anh vẫn còn đang ở căn chòi với ba nhân vật thú vị ấy, cả ba người đều nghĩ họ là Thiên Chúa.

“Không thể như thế này được,” Mack vừa càu nhàu vừa lồm cồm ra khỏi giường và ngồi trên mép giường ôm đầu. Anh suy nghĩ lại ngày hôm trước và một lần nữa có cảm giác sợ rằng mình sắp mất trí. Vì anh không phải là một người đầy cảm tính, Papa - hay bất kỳ ai trong vai đó - đã làm anh lo âu và anh không hiểu về Sarayu. Anh phải tự thú nhận rằng mình rất thích Jesus, nhưng Ngài là người ít giống Chúa nhất trong ba người.

Anh thở ra một tiếng dài sượt. Mà nếu có Chúa ở đây thật, sao Ngài không dẹp cơn ác mộng cho anh?

Anh thấy ngồi bối rối như thế chẳng lợi lộc gì nên lần mò vào buồng tắm và ngạc nhiên thấy mọi thứ cần dùng để tắm đã được cẩn thận bày sẵn cho anh. Anh nhả nha trong làn nước nóng, rồi cạo râu và quay trở vào phòng ngủ để thông thả thay quần áo.

Mùi thơm táo tợn và cuốn hút của cà phê khiến mắt anh chú mục vào chiếc tách đang bốc khói chờ sẵn ở đầu bàn cạnh cửa ra vào. Nhấp một ngụm, anh mở rèm sáo và đứng bên khung cửa sổ nhìn ra hồ, chiếc hồ mà đêm qua chỉ thấp thoáng như một vệt sẫm.

Thật hoàn mỹ, mặt hồ phẳng như gương, ngoại trừ thỉnh thoảng cá hồi phóng lên khỏi mặt nước sau bữa điểm tâm, làm cho sóng lăn tăn trên mặt hồ xanh thẫm cho đến khi tắt lịm trên mặt nước rộng lớn. Anh ước tính bờ hồ bên kia cách chừng nửa dặm. Sương lấp lánh khắp nơi, những giọt sương sớm như kim cương phản chiếu tình yêu của mặt trời.

Ba chiếc xuồng nằm cách nhau bình lặng dọc theo cầu tàu trông rất mời gọi, nhưng Mack dẹp ngay ý nghĩ ấy. Xuồng chẳng phải đồ chơi nữa rồi. Quá nhiều kỷ ức đau buồn.

Cầu tàu gợi cho anh nhớ lại đêm trước. Có thật là anh đã nằm đó với Đấng tạo dựng vũ trụ? Mack lắc đầu, người lặng đi. Chuyện gì đang diễn ra ở đây? Họ thật sự là ai và muốn gì ở anh? Dù họ muốn gì thì anh cũng biết chắc là mình chẳng có.

Mùi trứng và thịt muối trộn với thức ăn luồn vào phòng, làm anh gián đoạn ý nghĩ. Mack quyết định đã đến lúc bước ra và lên tiếng. Khi bước vào gian phòng chính, anh nghe âm thanh một giai điệu quen thuộc của Bruce Cockburn vang trong bếp và giọng nữ cao của người phụ nữ da đen hát theo khá hay: “Ôi tình yêu đã hun đúc mặt trời, hãy giữ cho ta nồng cháy.” Papa hiện ra mỗi tay cầm một chiếc chảo đựng bánh rán và khoai tây chiên với rau. Ngài đang vận một bộ trang phục thướt tha của châu Phi, đầu buộc dải băng nhiều màu sinh động. Trông Ngài rực rỡ - gần như đang tỏa sáng.

“Con biết đó,” Ngài thốt lên, “Ta thích bản nhạc trẻ con ấy! Ta đặc biệt thích Bruce, con biết đấy.” Ngài nhìn Mack đang ngồi tại bàn.

Mack gật đầu, càng lúc anh càng muốn ăn.

“Ừ,” Ngài tiếp lời, “ta biết con cũng thích anh ta.”

Mack mỉm cười. Đúng vậy. Cả nhà đều say mê Cockburn bao nhiêu năm nay, trước tiên là anh, rồi đến Nan, rồi đến mấy đứa nhỏ không nhiều thì ít.

“Sao, con?” Ngài hỏi, tiếp tục bận rộn với công việc đang làm. “Giấc mơ đêm qua của con thế nào? Những giấc mơ đôi khi quan trọng, con biết đó. Cũng giống như mở tung cửa sổ để tổng gió độc ra ngoài.”

Mack biết đây là lời mời để mở khóa cánh cửa bước vào những nỗi kinh hoàng của anh, nhưng ngay lúc này anh chưa sẵn sàng mời Ngài bước vào đó với mình. “Con ngủ ngon, tạ ơn Ngài,” anh đáp rồi lảng nhanh sang đề tài khác. “Ngài say mê anh ta à? Bruce ấy?”

Ngài dừng lại nhìn anh. “Mackenzie, ta chẳng say mê ai cả; ta chỉ đặc biệt thích anh ta thôi.”

“Dường như Ngài đặc biệt thích rất nhiều người,” Mack quan sát một cách ngờ vực. “Có ai đó mà Ngài không đặc biệt thích không?”

Ngài ngẩng đầu lên rồi đảo mắt như thể trong tâm trí đang dò danh sách mọi sinh linh đã từng được tạo ra. “Không, ta chẳng tìm được ai. Có lẽ cách của ta là như thế.”

Mack quan tâm. “Ngài có bao giờ nổi giận với ai trong số họ không?”

“Ồi chà! Bố mẹ nào mà không chứ? Có rất nhiều thứ để nổi giận về những gì con cái ta gây ra và những gì chúng đang chìm ngập trong đó. Ta không thích rất nhiều sự lựa chọn của chúng, nhưng cơn giận dữ đó - nhất là đối với ta - đều là một sự thể hiện tình thương như nhau thôi. Ta yêu thương như nhau những kẻ làm ta cảm thấy tức giận hay không.”

“Nhưng,” Mack dừng lại. “Còn cơn thịnh nộ của Ngài thì sao? Con thấy rằng hình như nếu Ngài muốn đóng vai Chúa toàn năng thì cần phải giận dữ hơn nữa.”

“Giờ đây thì không à?”

“Con nghĩ vậy. Ngài đâu có tiêu diệt mọi người mọi lúc như trong Kinh Thánh. Trông Ngài chẳng giống vậy.”

“Ta hiểu con cảm thấy mọi thứ rối rắm như thế nào, Mack. Nhưng kẻ duy nhất đóng vai ở đây là con. Ta là ta. Ta không cố để giống ai cả.”

“Nhưng Ngài đòi con phải tin Ngài là Chúa, mà con thì không thấy...” Mack không biết làm sao để nói cho tròn câu nên bỏ lửng.

“Ta không đòi con phải tin điều gì cả, nhưng ta nói cho con biết rằng, con sẽ thấy mọi chuyện dễ dàng hơn nếu đơn giản chấp nhận thay vì cố gắng áp đặt vào những khái niệm định kiến của con.”

“Nhưng nếu Ngài là Chúa, thì cũng chính Ngài đang làm đổ tung cái thổ thịnh nộ và đẩy mọi người vào biển lửa còn gì?” Mack cảm nhận cơn tức giận sâu thẳm trong chính mình lại trào dâng, làm bật ra những câu chất vấn, và anh hơi thất vọng với sự mất tự chủ của mình. Nhưng dù sao thì anh cũng đã hỏi: “Con hỏi thật lòng nhé, Ngài không thích thú trừng phạt những kẻ làm Ngài thất vọng sao?”

Lúc ấy, Papa dừng tay và xoay về phía Mack. Anh nhìn thấy được một nỗi buồn sâu thẳm trong mắt Ngài. “Ta không phải như con nghĩ đâu, Mackenzie. Ta không cần trừng phạt con người vì tội lỗi. Bản thân tội lỗi là một sự trừng phạt rồi, tàn phá chính các con từ bên trong. Mục đích của ta không phải là trừng phạt; niềm vui của ta là hóa giải nó.”

“Con không hiểu...”

“Con nói đúng. Con không hiểu,” Ngài nói với một nụ cười đượm nét buồn. “Nhưng vấn đề là chúng ta chưa bàn xong mà.”

Vừa khi ấy, Jesus và Sarayu cười vang và bước vào từ cửa sau, góp vào câu chuyện. Jesus ăn vận cũng gần giống như hôm trước, chỉ có quần jean và một chiếc áo sơmi xanh làm nổi bật đôi mắt nâu sẫm. Sarayu, ngược lại, lại ăn vận diêm dúa và điệu dàng đến độ trang phục như thể dập dờn trước một làn gió nhẹ hay ngôn từ phát ra. Mỗi cử chỉ của Ngài đều lung linh ánh cầu vồng. Mack thắc mắc

liệu Ngài bao giờ thôi lay động hoàn toàn không. Anh khá hoài nghi điều đó.

Papa hạ người xuống ngang tầm mắt với Mack. “Con đã nêu lên một số câu hỏi quan trọng và chúng ta sẽ bàn, ta hứa. Nhưng bây giờ chúng ta ăn sáng trước đã.”

Mack gật đầu, một lần nữa hơi bối rối khi hướng sự chú ý vào thức ăn. Dù gì anh cũng đói và có nhiều thứ để ăn.

“Tạ ơn Ngài về bữa điểm tâm,” anh nói với Papa trong khi Jesus và Sarayu ngồi vào bàn.

“Cái gì?” Ngài nói trong sự sửng sốt một cách giễu nhại. “Con không cúi đầu và nhắm mắt nữa à?” Ngài bắt đầu đi về phía bếp, vừa đi vừa càu nhàu: “Chắc, chắc, chắc. Thế giới này đang đi về đâu nhỉ? Không có chi đâu, con,” Ngài ngoái đầu nói với. Chốc sau, Ngài lại xuất hiện với một chiếc thố nữa nghi ngút một món bốc mùi thật thơm ngon và mời mọc.

Mọi người chuyển nhau thức ăn và Mack mê hoặc ngắm nhìn và lắng nghe khi Papa tham gia câu chuyện với Jesus và Sarayu. Chuyện bàn về hòa hợp một gia đình ly gián, nhưng Mack bị cuốn hút không phải bởi *nội dung* câu chuyện, mà là *cách thức* mọi người đề cập. Anh chưa bao giờ thấy ba người nói chuyện một cách đơn giản và sinh động như thế. Mỗi người dường như hiểu biết về người khác còn hơn cả chính mình.

“Thế, con nghĩ thế nào, Mack?” Jesus hỏi, hướng ánh nhìn về phía anh.

“Con không biết các Ngài đang nói gì,” Mack nói trong lúc miệng ngậm đầy rau rất ngon lành. “Nhưng con thích cách các Ngài nói chuyện.”

“Chao ơi,” tiếng thốt của Papa, người vừa vào bếp mang ra một món nữa. “Cứ ăn thong thả, anh bạn trẻ. Món này ăn không cần thận thì phiền đấy.”

“Được rồi,” Mack đáp. “Con nhớ mà,” anh vừa nói vừa với lấy món ăn trong tay Ngài. Rồi xoay người về phía Jesus, anh nói tiếp:

“Con thích cái cách các Ngài đối xử với nhau. Rõ ràng không phải cách con hình dung về Chúa.”

“Con nói sao?”

“Con nói là các Ngài là một và là tất cả, và các Ngài có ba người. Nhưng các Ngài đối đáp với nhau thật khoan dung. Không một ai có địa vị cao hơn hai người kia sao?”

Ba người nhìn nhau như thể họ chưa bao giờ nghĩ đến một câu hỏi như vậy.

“Ý con là,” Mack vội tiếp lời, “Lúc nào con cũng nghĩ rằng Chúa Cha là đấng chỉ huy và Jesus là người thừa hành mệnh lệnh, tức là tuân thủ. Con không biết chắc Đức Thánh Linh thể hiện ra sao. Ngài... ý con là...” Mack cố không nhìn vào Sarayu trong lúc lấp bấp tìm từ. “...Dù gì đi nữa - Linh thể bao giờ cũng có vẻ là một...”

“Một linh thể tự do?” Papa gợi ý.

“Chính xác - một linh thể tự do, nhưng vẫn theo sự dẫn dắt của Đức Cha. Như thế có lý không?”

Jesus nhìn sang Papa, rõ ràng đang cố gắng để giữ lấy cảnh huống rất trang trọng này. “Điều đó có hợp lý với Ngài không, Abba? Thật tình, ta không biết người này đang nói về điều gì.”

Papa cau mặt lại như thể đang rất tập trung. “Không, ta vẫn đang cố gắng để theo dõi câu chuyện, nhưng xin lỗi, ta không nắm được ý của anh ta.”

“Các Ngài biết con đang nói chuyện gì mà.” Mack hơi bị ức chế. “Con đang nói về chuyện người nắm quyền. Các Ngài không có một chuỗi cấp bậc à?”

“Cấp bậc? Nghe thật là sợ!” Jesus lên tiếng.

“Ít ra để ràng buộc,” Papa thêm vào và cả hai cùng bật cười, rồi Papa quay sang Mack cất tiếng hát: “Dù chuỗi ấy bằng vàng, cũng là chuỗi như nhau mà thôi.”

“Đừng bận tâm với hai vị ấy,” Sarayu ngắt ngang, với tay sang động viên và trấn an anh. “Các vị ấy đùa với anh thôi. Đây đúng là một chủ đề chúng ta quan tâm.”

Mack gật đầu, nhẹ người và hơi thất vọng khi thấy mình lại một lần nữa đánh mất sự kiềm chế. “Mackenzie, chúng ta không có khái niệm quyền uy tối thượng trong chúng ta, chỉ có sự hợp nhất. Chúng ta là một chu trình quan hệ, chứ không phải là một chuỗi cấp bậc hay ‘một chuỗi tôn vị’ như tổ tiên của con đã gọi. Những gì con nhìn thấy ở đây là một mối quan hệ không chồng lấp quyền uy. Chúng ta không cần quyền hành đối với nhau vì chúng ta luôn hướng đến sự mỹ mãn. Cấp bậc không có nghĩa gì với chúng ta. Thật sự, đây là vấn đề của các con chứ không phải của chúng ta.”

“Thật vậy sao? Như thế nào?”

“Con người thật lạc lõng và tha hóa đến mức đối với các con thì hầu như không thể hiểu được con người có thể làm việc và sinh sống với nhau mà không có ai đó nắm quyền.”

“Nhưng mọi định chế của con người mà con hình dung được, từ chính trị đến kinh doanh, thậm chí đến hôn nhân, đều được vận hành theo tư duy đó; nó là cái mạng của cơ cấu xã hội,” Mack quả quyết.

“Thật là lãng phí!” Papa nói, cầm lấy chiếc đĩa trống không đi vào bếp.

“Đó là một lý do tại sao các con khó đạt được một mối quan hệ thật sự,” Jesus nói thêm. “Một khi có thứ bậc, các con cần quy tắc để bảo vệ và quản trị, rồi các con cần luật pháp và hành pháp cho điều luật, rồi sau cùng các con đi đến một chuỗi cấp bậc hoặc hệ thống thứ bậc làm hủy hoại mối quan hệ thay vì củng cố nó. Các con hiếm khi nào chứng kiến hoặc trải nghiệm mối quan hệ tách rời khỏi quyền lực. Thứ bậc sẽ áp đặt luật lệ và các con sẽ bỏ mất điều kỳ diệu của quan hệ mà chúng ta đã định ra cho các con.”

Mack dựa người vào ghế, đáp một cách châm biếm: “Chắc chắn chúng con dường như đã cải biến nó một cách khá là ổn thỏa.”

Sarayu đáp ngay: “Đừng làm lẫn sự biến cải với mục đích, hay là sự cám dỗ với thực tại.”

“Vậy thì... à, Ngài cho con xin thêm chút rau kia nữa nhé. Vậy thì, chúng con đã bị cám dỗ bởi định kiến về quyền lực?”

“Đúng, về một nghĩa nào đó!” Papa đáp, đưa đĩa rau cho Mack nhưng tay không rời, chờ cho anh lấy hai lần. “Ta quan tâm đến các con.”

Sarayu tiếp lời: “Khi chọn sự độc lập thay vì quan hệ, các con đã trở nên một mối hiểm họa của nhau. Những người khác trở nên đối tượng bị thao túng hoặc điều khiển để các con tìm lấy hạnh phúc cho chính mình. Quyền lực, như con vẫn nghĩ, chỉ là cái cớ để kẻ mạnh dùng mà buộc kẻ khác làm theo ý họ.”

“Nhưng ngăn chặn mọi người xung đột không ngừng với nhau và bị tổn thương không phải là điều tốt sao?”

“Đến khi. Nhưng trong một thế giới ích kỷ thì nó cũng được dùng để gieo rắc nguy cơ lớn hơn.”

“Nhưng các Ngài không dùng nó để khắc chế cái xấu sao?”

“Chúng ta chăm chút tôn trọng sự lựa chọn của các con nên chúng ta hành động trong khuôn khổ của các con kể cả trong lúc tìm cách giải thoát các con khỏi điều đó,” Papa tiếp. “Sự sáng tạo đã diễn ra theo một con đường rất khác với điều chúng ta mong muốn. Trong thế giới của các con, giá trị của cá nhân luôn được cân nhắc so sánh với sự tồn tại của hệ thống, dù là về chính trị, kinh tế, xã hội hay tôn giáo - bất kể hệ thống nào. Trước tiên là một con người, rồi sau đó là một vài người, rồi cuối cùng là thêm nhiều người nữa dễ dàng bị hy sinh cho lợi ích và sự tồn tại tiếp nối của hệ thống ấy. Dưới hình thức này hay khác, điều này tồn tại đằng sau mọi cuộc tranh đấu vì quyền lực, mọi thành kiến, mọi cuộc chiến tranh, và mọi sự lạm dụng mối quan hệ. Ý chí mưu cầu quyền lực và sự độc lập đã trở nên phổ quát đến độ giờ đây được xem như *bình thường* .”

“Không phải như thế à?”

“Đó là một khuôn mẫu theo kiểu của con người,” Papa góp lời khi mang thức ăn trở lại. “Giống như nước đối với cá, quá bình thường đến mức nước không còn được nhìn thấy nữa và không còn bị tranh cãi nữa. Đó là một cái ma trận; một mưu đồ ác nghiệt mà các con bị mắc vào một cách tuyệt vọng trong khi thậm chí không hề biết đến sự tồn tại của nó.”

Jesus góp vào cuộc đối thoại. “Như vinh hiển của Đấng Tạo hóa, các con được tạo dựng trong hình hài của chúng ta, không bị trói buộc bởi cấu trúc và tự do hiện diện trong mối quan hệ với ta và với nhau. Nếu các con thật sự biết xem trọng những mối quan tâm của nhau như của chính mình, sẽ chẳng cần đến thứ bậc.”

Mack ngồi dựa trên ghế, chao đảo bởi ý nghĩa của những gì đang nghe thấy. “Vậy là Ngài đang nói rằng mỗi khi con người chúng con tự bảo vệ mình bằng quyền lực...”

“Thì các con đã lùi bước trước cái ma trận ấy, chứ không phải trước chúng ta,” Jesus kết lời.

“Bây giờ thế này,” Sarayu thốt lên, “chúng ta đã đi trọn một vòng, quay trở lại với định đề lúc ban đầu của ta: Con người thật lạc lối và tha hóa đến mức đối với các con thì hầu như không thể hiểu được mối quan hệ có thể tồn tại tách rời khỏi quyền lực. Cho nên con nghĩ rằng Thiên Chúa cũng có thứ bậc bên trong như các con. Nhưng chúng tôi không hề có.”

“Nhưng làm sao chúng con có thể thay đổi điều đó? Con người sẽ lợi dụng chúng con.”

“Hẳn là như thế. Nhưng chúng ta không yêu cầu con làm thế với mọi người. Chúng ta đang yêu cầu con làm thế với chúng ta. Đó là nơi duy nhất có thể khởi đầu. Chúng ta sẽ không lợi dụng con.”

“Mack,” Papa lên tiếng một cách mạnh mẽ đến độ khiến anh phải lắng nghe một cách chăm chú, “chúng ta muốn chia sẻ với con tình yêu và sự hân hoan và tự do và ánh sáng mà chúng ta đã biết đến trong chúng ta. Chúng ta đã tạo ra con, con người, để trực diện quan hệ với chúng ta, để hòa nhập với chúng ta trong quỹ đạo của

tình thương yêu. Nói ra điều này rất khó hiểu đối với con, nhưng vạn sự đã xảy ra đều đang diễn biến đúng theo mục đích này, mà không hề trái với sự lựa chọn hay ý chí.”

“Làm sao Ngài có thể nói như vậy khi thế giới này đầy khổ đau, đầy chiến tranh và thảm họa hủy hoại hàng ngàn con người?” Giọng của Mack dịu xuống như một lời thì thào. “Thế thì giá trị là đâu khi một đứa bé gái bị sát hại bởi một kẻ bệnh hoạn quái gở?” Lại động đến nữa rồi, câu hỏi luôn thiêu đốt trong tâm hồn anh. “Các Ngài có thể không gây ra những chuyện này, nhưng rõ ràng các Ngài không ngăn chặn.”

“Mackenzie,” Papa trả lời dịu dàng, dường như chẳng phật ý chút nào bởi lời cáo buộc của anh, “có hàng triệu lý do để chấp nhận sự đau đớn và khổ sở cũng như đọa đầy thay vì trừ diệt chúng, nhưng hầu hết các lý do đều chỉ có thể hiểu được trong câu chuyện của mỗi người. Ta không xấu xa. Các con là những người mang lấy sự sợ hãi, đau khổ, quyền lực và quyền hạn vào trong các mối quan hệ. Nhưng sự lựa chọn của các con cũng không mạnh mẽ hơn mục đích của ta, và ta sẽ tận dụng mọi sự lựa chọn của các con cho lợi ích tối thượng và kết quả tràn đầy yêu thương nhất.”

“Con thấy đó,” Sarayu thốt lên, “con người tha hóa đã đặt trọng tâm cuộc sống của họ vào những yếu tố dường như tốt đẹp với họ, nhưng điều đó cũng chẳng khả năng lấp hay giải thoát cho họ. Họ nghiện quyền lực, hay là cái ảo giác của sự an lành mà quyền lực mang đến. Khi xảy ra thảm họa, chính những con người ấy sẽ quay mặt lại với thứ quyền lực giả mà họ đã tin cậy. Trong cơn thất vọng, hoặc họ trở nên mềm yếu đối với ta hoặc họ sẽ trở nên mạnh mẽ hơn trong sự độc lập. Giá mà con thấy được mọi chuyện như thế sẽ kết thúc ra sao và chúng ta sẽ đạt được những gì mà không trái với ý chí con người - thì con sẽ hiểu. Một ngày kia con sẽ hiểu.”

“Nhưng cái giá phải trả!” Mack chao đảo. “Hãy nhìn cái giá - bao nhiêu đau đớn, bao nhiêu khổ sở, mọi thứ thật quá kinh khủng và xấu xa.” Anh dừng lại rồi nhìn xuống bàn. “Hãy nhìn cái giá các Ngài phải trả. Có đáng không?”

“Có!” cả ba người đồng thanh đáp lại trong hân hoan.

“Làm sao có thể nói vậy được?” Mack buột miệng. “Tất cả giống như mục đích biện minh cho phương pháp, rằng để đạt được mục đích các Ngài sẽ làm mọi cách, thậm chí nếu phải trả giá bằng hàng tỉ sinh mạng con người.”

“Mackenzie.” Lại giọng của Papa, thật nhẹ nhàng và dịu dàng. “Con thật sự chưa hiểu đâu. Con cố gắng để hiểu thế giới mà con đang sống dựa trên một bức tranh rất nhỏ và không hoàn hảo về thực tại. Giống như quan sát một cuộc diễu hành qua một chiếc lỗ khóa tí xíu của khổ sở, đau đớn, vị kỷ và quyền lực, và nhủ lòng tin rằng mình đang đơn độc và vô nghĩa. Tất cả những điều này đều chứa đựng sự dối trá ghê gớm. Con nhìn thấy nỗi đau và chết chóc như những điều xấu xa tột bậc và Thiên Chúa là kẻ phản bội tột cùng, hoặc có lẽ, nhẹ nhất, thì về căn bản cũng không đáng tin cậy.

Sai lầm thật sự trong cuộc đời con, Mackenzie, là con không nghĩ rằng ta tốt đẹp. Nếu con biết rằng ta tốt và mọi thứ - mọi phương tiện, mục đích, và mọi chu trình của những đời sống cá nhân - đều được bao trùm trong phép lành của ta, thì mặc dù có thể không hiểu ta đang làm gì, con vẫn sẽ tin ta. Nhưng con đã không tin.

“Con không tin?” Mack chất vấn, nhưng đó chẳng phải là một câu hỏi thật sự. Đó là câu khẳng định một sự việc mà anh đã biết. Những vị kia dường như cũng biết và cả bàn yên lặng.

Sarayu lên tiếng: “Mackenzie, con không thể tạo ra lòng tin cũng như con không thể ‘làm ra’ sự khiêm nhường. Hoặc là có hoặc là không. Tin cậy là kết quả của một mối quan hệ mà trong đó con biết mình được yêu thương. Vì con không biết rằng ta yêu con, con *không thể* tin cậy ta.”

Lại một sự im lặng, rồi sau cùng Mack nhìn lên Papa và nói. “Con không biết làm thế nào để thay đổi điều đó.”

“Con không thể, nhất là tự mình. Nhưng cùng nhau chúng ta sẽ chứng kiến đổi thay ấy sẽ diễn ra. Còn bây giờ, ta chỉ muốn con ở cùng với ta để khám phá rằng quan hệ của chúng ta không phải là

câu chuyện về hành vi hay con phải làm đẹp lòng ta. Ta không phải kẻ ép buộc, cũng không phải thần thánh ích kỷ và yêu sách nhất định đòi phải theo ý mình. Ta nhân lành và ta mong muốn chỉ những gì tốt nhất cho con. Không thể tìm thấy điều đó trong sự sai trái hay luận phạt hay áp bức, chỉ có thể tìm thấy trong một tương quan của tình yêu. Và ta yêu con.”

Sarayu đứng dậy và nhìn thẳng vào Mack. “Mackenzie,” Ngài ngỏ lời, “nếu con quan tâm, ta muốn con đi phụ ta ngoài vườn. Có những việc ta phải làm ngoài đó trước buổi lễ ngày mai. Ta có thể nói tiếp câu chuyện này ở ngoài ấy, được không?”

“Được chứ,” Mack đáp và xin phép đứng dậy.

“Một câu cuối cùng,” anh nói thêm, xoay người lại. “Có điều con không hình dung được một kết cục nào để biện minh cho mọi chuyện này.”

“Mackenzie.” Papa đứng dậy rồi đi vòng qua bàn đến siết lấy anh. “Chúng ta không biện minh. Chúng ta đang cứu chuộc.”

NGÀY XƯA NGÀY XƯA TRONG MỘT KHU VƯỜN XA XÃM

Cho dù có tìm được một vườn địa đàng khác, chúng ta cũng chẳng xứng đáng để tận hưởng nó một cách mỹ mãn hay là lưu trú nơi ấy mãi mãi.

— HENRY VAN DYKE

Mack đi theo Sarayu ra cửa sau rồi đi dọc theo lối đi qua hàng cây linh sam. Đi đằng sau một linh thể như vậy cũng như dò theo ánh sáng mặt trời. Ánh sáng dường như tỏa ra từ Ngài và rồi phản chiếu sự hiện diện của Ngài ở nhiều nơi cùng lúc. Trạng thái của Ngài khá siêu trần, đầy những hình thái và sắc màu lay động. “Thảo nào biết bao người không diễn tả được Ngài,” Mack nghĩ. “Rõ ràng Ngài không phải là người mà ta có thể tiên định.”

Mack chuyển sang chú mục vào việc đi theo con đường. Khi đi vòng qua hàng cây, lần đầu tiên anh nhìn thấy một khu vườn cây trái rực rỡ nằm trong một mảnh đất không lớn hơn một mẫu. Vì một lý do gì đó, Mack đã hình dung một khu vườn kiểu Anh được cắt tỉa chăm chút và gọn gàng. Cái này thì không!

Một sự hỗn độn về màu sắc. Mắt anh cố gắng một cách thất bại để tìm kiếm một sự ngăn nắp trong khung cảnh um tùm lộn xộn này. Những khóm hoa rực rỡ nở trên những vạt cây cỏ trồng ngẫu nhiên, những loài thực vật mà Mack chưa bao giờ thấy. Thật là rối rắm, choáng ngợp và vô cùng tươi đẹp.

“Nhìn từ trên cao như một bức tranh *phân hợp*,” Sarayu ngoái đầu nói một cách hài lòng.

“Một gì?” Mack hỏi một cách lơ đãng, tâm trí anh vẫn còn đang cố níu giữ lấy hình bóng và chuyển động của màu sắc. Mỗi bước anh đi lại làm thay đổi những gì mà anh tưởng đã nhìn thấy, và mỗi thứ lại mỗi khác.

“Một bức *phân hợp* ... là một thứ được xem là đơn giản và trật tự nhưng thật ra được tập hợp bởi những mô hình lặp lại cho dù chúng có được phóng lớn đến đâu. Một sự phân hợp là một phức hợp hầu như vô tận. Ta thích sự phân hợp, nên ta bày ra khắp nơi.”

“Con thì trông thấy chúng như một sự hỗn độn,” Mack thì thầm qua hơi thở.

Sarayu dừng lại quay sang Mack, khuôn mặt Ngài sáng ngời. “Mack! Cám ơn con! Thật là một lời khen tuyệt vời!” Ngài nhìn quanh khu vườn. “Nó chính là như vậy - một sự hỗn độn. Nhưng...” Ngài nhìn lại Mack rồi nói: “Nhưng nó vẫn là một sự phân hợp.”

Sarayu đi thẳng đến một khóm cây, ngắt vài đọt rồi xoay lại Mack.

“Đây,” Ngài nói, giọng nghe giống như âm nhạc hơn cả. “Papa không nói đùa trong lúc điếm tâm đâu. Con cứ nhai mấy đọt này một lúc đi. Nó sẽ hóa giải “hành động” tự nhiên của những con người mà con quá nường phục trước đây, chắc con hiểu ý ta.”

Mack cười thầm khi đón nhận và cẩn thận bắt đầu nhai. “Vâng, nhưng mấy cọng rau ấy ngon thật!” Bụng anh bắt đầu quặn một chút, và sự choáng ngợp trước khung cảnh hoang dã xanh tươi này chẳng giúp ích gì. Hương vị của loài thảo mộc ấy không khó chịu: một chút của bạc hà và một chút của những gia vị khác mà anh có lẽ đã từng nếm trước đó nhưng không nhận ra được. Trong lúc đi quanh, cơn sôi trong bụng anh từ từ dịu đi, rồi anh chợt nói lỏng nắm tay không biết đã siết chặt từ lúc nào.

Không nói một lời, anh cố đi theo Sarayu khắp nơi trong khu vườn, nhưng vẫn thấy mình dễ dàng bị xao lãng bởi những hòa quyện sắc màu; màu đỏ nho với màu thần sa, màu quả quýt với màu lục nhạt ngăn cách bởi màu bạch kim và màu hoa vân anh, cũng như vô số sắc độ của lục và nâu. Tất cả là một sự choáng ngợp và ngất ngây đến kỳ diệu.

Sarayu dường như đang chú tâm rất mực vào một việc nào đó. Nhưng giống như tên của Ngài, Ngài lướt vòng quanh như một cơn gió lốc và anh chẳng lúc nào biết được Ngài đang thổi về hướng

nào. Anh cảm thấy khá vất vả để theo kịp Ngài. Anh chợt nhớ đến những lúc cố gắng đi theo Nan trong siêu thị.

Ngài di chuyển trong khu vườn để cắt tỉa hoa cỏ rồi trao cho Mack. Lãng hoa ngẫu hứng càng lúc càng lớn dần, một khối mùi hương sực nức. Những hương thơm pha trộn với nhau chẳng giống một thứ gì anh đã từng ngửi, và mùi hương đậm đà đến mức anh tưởng chừng có thể nắm được.

Họ đặt lãng hoa cuối cùng vào trong khung cửa của một lán nhỏ trong vườn mà này giờ Mack không chú ý. Túp lán giấu mình trong tàn cây cỏ hoang vu rậm rạp đầy dây leo mà Mack tưởng là cỏ dại.

“Xong một việc,” Sarayu tuyên bố, “còn một việc nữa.” Ngài trao cho Mack một cái xẻng, một cái cào, một lưỡi hái và một đôi găng rồi lướt về phía con đường rậm rịt dường như chạy về phía cuối khu vườn. Trên đường đi, thỉnh thoảng Ngài chậm bước để chạm vào cây này hoặc hoa kia, miệng ngâm nga suốt một giai điệu âm ảnh mà Mack đã bị mê hoặc buổi tối hôm trước. Anh ngoan ngoãn bước theo, tay cầm mớ dụng cụ được trao và cố gắng dõi theo hình bóng Ngài trong lúc không ngớt ngạc nhiên với khung cảnh xung quanh.

Khi Ngài dừng lại, Mack suýt đâm sầm vào vì mãi lơ đãng ngắm nhìn xung quanh. Bằng cách nào đó Ngài đã thay trang phục, giờ đây là một bộ quần áo lao động: quần jean và chiếc áo sơ mi làm việc, với găng tay. Họ đang ở một khu vực có thể là vùng cây ăn quả, nhưng không hẳn. Dù gì thì nơi họ đứng cũng là một khu vực quang đãng được vây quanh ba phía bởi những cây đào và anh đào, còn ở giữa là một dòng thác những bụi hoa tím xen vàng làm anh suýt nghẹt thở.

“Mackenzie,” Ngài chỉ thẳng vào phía mảng hoa tím vàng kỳ sắc. “Ta muốn con giúp dọn sạch toàn bộ vật này. Có một thứ quan trọng mà ta muốn trồng vào ngày mai, và ta cần chuẩn bị sẵn sàng.” Ngài nhìn Mack và với tay lấy chiếc lưỡi hái.

“Ngài nói nghiêm túc chứ? Vật này đẹp quá và lại nằm ở chỗ khuất nẻo.” Nhưng Sarayu dường như không chú tâm. Không giải thích gì thêm, Ngài quay người bắt đầu tàn phá bức tranh hoa nghệ

thuật. Ngài cắt gọn, và bắt đầu cào mớ tàn tích lại thành đồng. Anh cố gắng theo kịp. Có lẽ đối với Ngài chẳng phải là quá sức nhưng đối với anh quả là một kỳ công. Hai mươi phút sau, cây cối đã được cắt gọn sạch tận gốc, và mảnh đất trông như một vết thương trong khu rừng. Cẳng tay Mack đầy vết cứa bởi những cành cây anh gom lại thành đồng. Anh thấy hụt hơi và vã mồ hôi, mừng vì đã xong việc. Sarayu đứng nhìn mảnh đất, xem xét thành quả công việc.

“Phấn khích chứ?” Ngài hỏi.

“Con thì phấn khích theo những cách ho hay hơn,” Mack đáp lại một cách châm biếm.

“Ồ, Mackenzie, giá mà con biết được. Không phải là công việc, mà chính mục đích đã làm cho việc này trở nên đặc biệt. Và,” Ngài mỉm cười với anh, “đó là thứ duy nhất ta làm.”

Mack tựa người vào chiếc cào và nhìn quanh khu vườn rồi nhìn những vết đỏ trên cánh tay. “Sarayu, con biết Ngài là Đấng Tạo hóa, nhưng Ngài cũng tạo ra những loài cây độc, những bụi gai và muỗi nữa, đúng không?”

“Mackenzie,” Sarayu đáp, dường như chuyển động cùng với gió, “một tạo vật chỉ có thể dựa trên những gì đã có để từ đó tạo nên một thứ khác.”

“Vậy ý Ngài đang nói là Ngài...”

“...tạo ra mọi thứ thật sự hiện hữu, kể cả những gì con xem là xấu xa,” Sarayu nói dứt câu. “Nhưng khi ta đã tạo ra nó, chỉ có Tốt lành thôi, vì ta là như thế.” Ngài dường như khẽ nhún người trước khi tiếp tục công việc.

“Nhưng,” Mack nói tiếp, chưa thỏa mãn, “vậy thì tại sao quá nhiều thứ ‘tốt’ lại trở nên ‘xấu’?”

Giờ thì Sarayu dừng lại trước khi trả lời. “Con người các con, thật nhỏ nhoi trong ánh mắt. Các con thật sự mù quáng với nơi chốn của mình trong Sáng thế. Chọn lấy con đường độc lập một cách hủy hoại, các con không hiểu rằng chính mình đang kéo theo cả Sáng thế cùng với mình.” Ngài lắc đầu và gió thổi dài qua những thân cây

gần đó. “Thật rất đáng buồn, nhưng mọi chuyện sẽ không như thế này mãi.”

Họ lặng im chốc lát trong khi Mack nhìn lại bao nhiêu cây cối từ nơi họ đang đứng. “Vậy thì, có cây cối nào trong khu vườn này là độc không?” anh hỏi.

“Ồ, có chứ,” Sarayu thốt lên. “Đó là một trong những thứ ta thích nhất. Một số nguy hiểm cả khi chạm vào, như cây này.” Ngài chìa tay chạm vào một khóm cây gần kề rồi ngắt lấy một đoạn trông như cành khô có vài chiếc lá tí hon đang nảy lộc. Ngài trao cho Mack, trong khi giơ hai tay lên để tránh chạm vào.

Sarayu cười. “Có ta đây mà, Mack. Có những lúc chạm vào an toàn, và có lúc phải cẩn trọng. Đó là sự kỳ thú và phiêu lưu của khám phá, một phần của cái mà con gọi là khoa học - để nhận thức và khám phá những gì chúng ta cất giấu để cho con tìm hiểu.”

“Thế tại sao Ngài lại cất giấu?” Mack tò mò.

“Tại sao trẻ con thích chơi trốn tìm? Hãy hỏi bất kỳ ai có nỗi đam mê tìm tòi để khám phá và sáng tạo. Chọn lựa che giấu với các con quá nhiều điều kỳ thú chính là một hành vi thương yêu vốn là một tặng vật trong tiến trình sự sống.”

Mack hào hứng chìa tay ra cầm lấy nhánh cây. “Nếu Ngài không bảo con rằng nhánh cây chạm vào an toàn, thì nó có đầu độc con không?”

“Có chứ! Nhưng nếu ta bảo con cầm thì lại khác. Đối với bất kỳ một tạo vật nào, tự trị là điên rồ. Tự do bao gồm sự tin cậy và tuân phục trong một mối quan hệ yêu thương. Cho nên, nếu con không nghe thấy giọng của ta, nếu khôn ngoan thì phải mất thời gian để tìm hiểu về bản chất của cây ấy.”

“Vậy thì tại sao lại tạo ra cây độc làm gì?” Mack chất vấn, trả lại nhánh cây.

“Câu hỏi của con giả định rằng chất độc là xấu; rằng sự sáng tạo ấy chẳng có mục đích gì. Nhiều cây bị gọi là độc, như cây này chẳng hạn, chứa đựng những thuộc tính để chữa trị hoặc cần thiết để tạo

nên những điều kỳ thú tuyệt diệu nhất khi kết hợp với yếu tố khác. Con người có đầy tư cách trong việc tuyên bố một sự vật là tốt hay là xấu, mà thật sự chẳng hiểu biết.”

Phút giải lao ngắn ngủi dành cho Mack đã kết thúc và Sarayu ném một chiếc xẻng cho Mack, và nhặt lấy chiếc cào. “Để chuẩn bị mảnh đất này, chúng ta phải đào rễ của tất cả cây cối ở đây. Một công việc nặng nhọc đấy, nhưng rất đáng làm. Nếu rễ được nhổ sạch, chúng sẽ không mọc tự nhiên được và làm hại hạt giống ta sẽ gieo trồng.”

“Ok,” Mack lẩm bẩm trong lúc cả hai quỳ xuống dọc theo vạt đất vừa dọn sạch. Sarayu có cách để thọc sâu vào lòng đất để tìm trọn bộ rễ, rồi nhổ lên khỏi mặt đất không chút khó khăn. Ngài dành những cây thấp hơn cho Mack, mà anh phải dùng xẻng để đào rồi nhổ lên. Rồi họ giữ sạch đất ra khỏi rễ rồi quăng vào đống cây mà Mack đã cào lại trước đó.

“Lát nữa ta sẽ đốt chúng,” Ngài nói.

“Lúc này Ngài đang nói là con người tuyên bố tốt xấu mà thật sự không hiểu biết?” Mack vừa hỏi vừa giữ đất ra khỏi một cái rễ cây.

“Đúng. Ta đang nói đích xác về cái cây tri thức đối với cái tốt và cái xấu.”

“Cái cây tri thức đối với cái tốt và cái xấu?” Mack hỏi.

“Chính xác!” Ngài khẳng định, giọng cởi mở và nhấn mạnh vào vấn đề trong lúc vẫn làm việc. “Còn giờ đây, Mackenzie, con sắp sửa hiểu tại sao ăn quả của cái cây chết người đó lại tàn phá giống nòi như thế.”

“Con thật sự chưa bao giờ nghĩ nhiều về chuyện đó,” Mack nói, bị kích thích với chiều hướng của cuộc đối thoại. “Vậy là có một khu vườn thật à? Ý con là vườn Địa đàng gì đó?”

“Có chứ. Ta đã bảo con là ta thích những khu vườn mà.”

“Vậy thì nhiều người sẽ phiền muộn đấy. Có nhiều người nghĩ rằng đó chỉ là một huyền thoại.”

“Sai lầm của họ chẳng có gì ghê gớm. Những lời đồn hào nhoáng thường ẩn nấp trong những thứ mà nhiều người xem là huyền thoại hay truyền thuyết.”

“Ồ, con có nhiều người bạn sẽ không thích chuyện này,” Mack nhận xét trong lúc đánh vật với một đám rễ bướng bỉnh.

“Không có vấn đề gì. Bản thân ta rất thích họ.”

“Con rất ngạc nhiên,” Mack nói một cách hơi chậm biếm, và mỉm cười về phía Ngài. “Thôi được rồi.” Anh xắn xẻng vào đám đất, một tay nắm lấy phía trên rễ. “Vậy Ngài nói cho con nghe về cây tri thức của cái tốt và cái xấu đi.”

“Đây là chuyện chúng ta đã bàn trong lúc điễm tâm,” Ngài đáp. “Trước tiên để ta hỏi *con* một câu. Khi một chuyện gì đó xảy đến với con, con làm thế nào để xác định nó tốt hay xấu?”

Mack nghĩ một chốc trước khi trả lời. “À, thật sự con chưa nghĩ về chuyện đó. Có lẽ con sẽ nói nó là tốt khi con thích - khi nó làm con cảm thấy tốt đẹp hay cho con cảm giác bình an. Ngược lại, con sẽ gọi nó là xấu nếu nó khiến con đau đớn hay lấy mất của con thứ mà con muốn.”

“Vậy là khá thụ động đúng không?”

“Có lẽ là vậy.”

“Và con tự tin đến mức nào về khả năng của mình trong việc nhận định cái gì tốt, cái gì xấu đối với mình?”

“Thật lòng mà nói,” Mack đáp, “con thường tỏ ra tức giận khi ai đó đe dọa đến cái tốt lành của ‘con’, những gì mà con nghĩ mình xứng đáng. Nhưng thật sự con không chắc mình có được nền tảng hợp lý để định đoạt cái gì thật sự tốt hay xấu, ngoại trừ một điều gì đó hay ai đó tác động đến con như thế nào.” Anh dừng lại để nghĩ và lấy hơi. “Mọi chuyện đều hoàn toàn tự phát và vị kỷ, con nghĩ vậy. Mà tiến trình quan điễm của con cũng chẳng khá gì hơn. Một số thứ ban đầu con tưởng là tốt hóa ra hết sức nguy hại, và một số thứ con tưởng là xấu xa lại hóa ra...”

Anh ngập ngừng trước khi nói hết ý nghĩ, nhưng Sarayu đã ngắt lời. “Vậy thì chính con đã định đoạt cái tốt và xấu. Con trở thành người phán xét. Mà rắc rối hơn nữa là những gì con xác định là tốt lại thay đổi theo thời gian và hoàn cảnh. Rồi chưa hết và còn tệ hơn nữa, có hàng tỉ người trong các con mỗi người lại tự định đoạt cái gì tốt và cái gì xấu. Cho nên, khi cái tốt và xấu của con xung đột với khái niệm của người láng giềng, tranh cãi và đụng độ diễn ra và thậm chí chiến tranh bùng nổ.”

Sắc màu chuyển động trong Sarayu ngã màu sẫm hơn trong khi Ngài nói, những sắc đen và xám pha trộn và làm ngả màu những sắc cầu vồng. “Và nếu không có thực tại về một cái tốt tuyệt đối, thì con sẽ lạc lối và mất cơ sở để phán xét. Chỉ là ngôn ngữ mà thôi, và người ta có thể thay đổi cái từ tốt, lấy cái từ xấu.”

“Con hiểu đó là nguy cơ phát sinh vấn đề,” Mack đồng tình.

“Vấn đề?” Sarayu đứng bật dậy đối mặt với anh. Ngài bận tâm, nhưng phải là do anh. “Thế đấy! Sự lựa chọn ăn quả ấy đã xé tan vũ trụ và ly gián tinh thần với thể xác. Họ đã chết, trút ra những hơi thở cũng chính là hơi thở của Chúa trời. Ta nói đó mới là một vấn đề!”

Trong cao trào của lời nói, Sarayu đã từ từ nhấc lên khỏi mặt đất, nhưng giờ đây nguôi lại, giọng Ngài trầm đi nhưng dứt khoát. “Đó là một ngày thật đau buồn.”

Cả hai đều không nói gì gần mười phút trong khi làm việc. Trong lúc không ngại đào rãnh và quăng lại thành đống, tâm trí Mack bận rộn hoạt động để giải mã ý nghĩa của những gì Ngài đã nói. Rốt cục anh phá tan sự im lặng.

“Giờ thì con hiểu,” Mach thú nhận, “rằng con đã dành hầu hết thời gian và sức lực để cố đạt được những gì con định đoạt là tốt lành, dù là sự ổn định về tài chính hay sức khỏe hay việc nghỉ hưu hay bất cứ điều gì khác. Và con dành rất nhiều công sức và bận lòng lo sợ về những gì con định đoạt là xấu,” Mack thở dài sống sượng.

“Sự thật là thế,” Sarayu nói dịu dàng. “Hãy nhớ điều này. Nó cho phép các con đóng vai Thượng đế trong sự tự hữu. Đó là lý do một

số người trong các con không thích gặp ta. Và con không cần đến ta chút nào để đặt ra cho con danh sách những gì tốt và xấu. Nhưng con lại cần ta nếu con muốn ngăn chặn một ham muốn điên loạn dẫn đến sự tự hủy.”

“Vậy có cách nào để sửa chữa điều đó không?” Mack hỏi.

“Con phải từ bỏ quyền hạn của mình trong việc định đoạt cái gì tốt và cái gì xấu theo giới hạn của con. Đó là một viên thuốc khó nuốt; chọn lựa chỉ sống trong ta. Để làm được điều đó con phải biết đủ về ta để tin ta và học cách an nhiên trong tốt lành cố hữu của ta.”

Sarayu xoay sang Mack; ít ra đó là ấn tượng của anh. “Mackenzie, cái “xấu” là một từ mà chúng ta dùng để miêu tả sự thiếu vắng của cái “tốt”, cũng như chúng ta dùng từ “tối tăm” để miêu tả sự thiếu vắng “ánh sáng” hay “chết chóc” để miêu tả sự thiếu vắng “sự sống”. Cả cái xấu xa và cái tối tăm đều chỉ có thể hiểu được trong tương quan với “ánh sáng” và “tốt lành”; chúng không có bất kỳ một sự hiện hữu thật sự nào. Ta là ánh sáng và ta là tốt lành. Ta là tình yêu và không có bóng tối trong ta. Ánh sáng và tốt lành thật sự hiện hữu. Vì vậy, sự tách rời con ra khỏi ta sẽ đẩy con vào bóng tối. Tuyên xưng sự tự hủy sẽ dẫn đến cái xấu vì tách rời khỏi ta, con chỉ có thể tận diệt chính mình. Đó là cái chết vì con đã tách rời khỏi ta: Sự sống.”

“Chao ới,” Mack thốt lên, ngồi lại một lúc. “Thật là thâm thía. Nhưng, con cũng thấy rằng từ bỏ quyền tự hủy của mình là một tiến trình không đơn giản. Nó có nghĩa là...”

Sarayu lại ngắt lời: “...là đồng thời, sự tốt lành có thể hiện diện như căn bệnh ung thư hay mất mát thu nhập - hay thậm chí mất cả sinh mạng.”

“Vâng, nhưng hãy nói điều ấy với một người bị ung thư hay người cha có đứa con gái thiệt mạng,” Mack thay đổi tư thế, hơi mĩa mai hơn ý định.

“Ồ, Mackenzie,” Sarayu trấn an. “Con nghĩ là chúng ta không nghĩ đến họ sao? Mỗi người đều là cốt lõi của một câu chuyện chưa kể.”

“Nhưng,” Mack cảm thấy mắt dần tự chủ khi vung xẻng, “Missy không có quyền được bảo vệ hay sao?”

“Không, Mack. Một đứa bé được bảo vệ vì nó được yêu thương, chứ không vì nó có quyền được bảo vệ.”

Câu đó chặn đứng anh. Dù gì thì điều Sarayu vừa nói dường như đã làm đảo lộn cả thế giới, và anh đang vật vã tìm một chỗ bám víu. Chắc chắn có những thứ quyền gì đó mà anh có thể bám lấy một cách hợp lý.

“Nhưng thế còn...”

“Quyền là kết cục của những kẻ sống sót, để họ không phải thực hành những mối quan hệ,” Ngài chen vào.

“Nhưng, nếu con từ bỏ...”

“Thì con sẽ bắt đầu biết được sự kỳ thú và phiêu lưu của việc sống trong ta,” Ngài lại ngắt lời anh.

Mack bắt đầu ức chế. Anh nói lớn hơn, “Nhưng, con không có quyền...”

“Nói hết câu mà không bị ngắt lời? Không, con không có quyền. Không có trong thực tế. Nhưng khi nào con nghĩ con có quyền, chắc chắn con sẽ ức chế khi ai đó ngắt lời, thậm chí nếu đó là Chúa.”

Anh choáng và đứng dậy, nhìn Ngài, không biết nên nổi giận hay cười phá. Sarayu mỉm cười với anh. “Mackenzie, Jesus chẳng có một quyền hạn nào cả; Ngài sẵn lòng làm một tôi tớ và sống trọn mối quan hệ với Papa. Ngài từ bỏ mọi thứ, để rồi bằng cuộc sống phụ thuộc của mình Ngài đã mở cánh cửa cho phép các con sống tự do đủ để từ bỏ những quyền hạn của mình.”

Vào lúc đó, Papa xuất hiện trên lối đi và xách hai bao giấy. Ngài vừa tiến đến vừa mỉm cười.

“Ta đoán hai người có một cuộc đối thoại thú vị phải không?” Ngài nháy mắt với Mack.

“Tuyệt nhất!” Sarayu thốt lên. “Biết sao không? Anh ta gọi khu vườn của chúng ta là một đồng lộn xộn - tuyệt chưa?”

Cả hai đều cười với Mack trong khi anh vẫn chưa chắc là mình không bị trêu đùa. Con giận của anh lui dần và anh vẫn còn cảm thấy nóng trên má. Hai vị kia dường như không để ý.

Sarayु tiến đến hôn lên má Papa. “Như thường lệ, Ngài canh thật đúng lúc. Mọi thứ ta cần Mackenzie làm ngoài này đều đã xong.” Ngài xoay sang anh. “Mackenzie, con đúng là một niềm hân hoan! Cảm ơn con đã làm việc vất vả.”

“Thật ra con đâu có làm gì nhiều,” anh tạ lỗi. “Cứ nhìn cái mớ lộn xộn này đi.” Ánh mắt anh lướt khắp khu vườn đang vây quanh họ. “Nhưng khu vườn rất đẹp và đầy ắp Ngài trong đó, Sarayu. Thậm chí hình như còn rất nhiều việc cần phải làm, nhưng con lại cảm thấy thoải mái và dễ chịu một cách kỳ lạ tại đây.”

Hai người nhìn nhau và mỉm cười.

Sarayु bước về phía anh cho đến lúc gần kề. “Như thế là đúng, Mackenzie, vì khu vườn này là linh hồn của con. Cảnh hỗn độn này là *con* ! Cùng nhau, con và ta, chúng ta đã làm việc với một mục đích trong thâm tâm. Mọi chuyện thật sinh động và đẹp đẽ và diễn ra một cách mỹ mãn. Đối với con thì như một mớ hỗn độn nhưng đối với ta, ta thấy một hình mẫu hoàn hảo đang hiện ra, lớn dậy và sống động - một bức tranh phân hợp sống!”

Lời nói của Ngài có làm vỡ vụn mọi dè dặt của Mack. Anh nhìn lại khu vườn của họ - khu vườn của anh - và quả đúng là một cảnh hỗn độn, nhưng đồng thời cũng lạ kỳ và tuyệt diệu. Và hơn nữa, Papa đã đến và Sarayu yêu cái hỗn độn ấy. Thật quá nhiều thứ để thấu hiểu và một lần nữa những cảm xúc được canh gác cẩn mật của anh lại chực sôi trào.

“Mackenzie, Jesus muốn đưa con đi dạo, nếu con muốn đi. Ta đã đóng gói cho con bữa trưa dã ngoại phòng khi con đói. Nó sẽ giúp con cầm cự được đến giờ uống trà.”

Khi Mack xoay người để nhận túi đồ ăn trưa, anh cảm thấy Sarayu lướt qua, hôn lên má anh, nhưng anh không thấy Ngài đi. Anh nghĩ đến đường đi của Ngài như một cơn gió, cỏ cây lần lượt cúi mình như đang thờ phụng. Khi anh quay lại, Papa cũng đã đi nên anh đi về phía lán thử tìm Jesus. Dường như họ đã có hẹn.

LỢI VÀO DÒNG NƯỚC

Thế giới mới - chân trời bao la
Mở mắt ra ngắm nhìn sự thật
Thế giới mới - bên kia sự kinh khiếp
Những cơn sóng xanh biếc

— DAVID WILOOX

Jesus hoàn tất việc mài giũa góc cuối cùng của món trông giống như cái tráp đặt trên bàn trong căn lán. Ngài miết mấy ngón tay dọc theo cạnh phẳng phiu và gặt đầu hài lòng, rồi đặt giấy nhám xuống. Ngài bước ra ngoài tay phủi bột trên quần jean và áo sơmi trong khi Mack tiến đến.

“Chào Mack! Ta vừa mới hoàn tất phần chăm chút cho kế hoạch của ta ngày mai. Con muốn đi dạo không?”

Mack nghĩ về thời gian của họ đêm hôm trước dưới những vì sao. “Nếu Ngài đi thì con rất sẵn lòng,” anh đáp. “Tại sao tất cả các Ngài đều nói về ngày mai?”

“Đó là một ngày trọng đại cho con, một trong những lý do con đến đây. Ta đi nào. Có một nơi đặc biệt mà ta muốn chỉ cho con phía bên kia hồ và phong cảnh không thể nào diễn tả nổi. Thậm chí từ đó, con có thể nhìn thấy cả những đỉnh núi cao hơn.”

“Nghe có lý đấy!” Mack đáp một cách nhiệt tình.

“Hình như con đã đem theo bữa trưa rồi, nên giờ ta lên đường thôi.”

Thay vì đi men theo bờ hồ về phía này hoặc phía kia, nơi mà Mack hồ nghi sẽ có một lối mòn thì Jesus lại đi thẳng về phía cầu tàu. Tiết trời sáng sủa và tươi đẹp. Mặt trời tỏa ấm làn da nhưng không quá nóng, và một làn gió thơm tinh khiết nhẹ nhàng trêu mơn man trên gương mặt họ.

Kế tiếp Mack cho rằng họ sẽ dùng một trong mấy chiếc xuồng neo cạnh cột cầu tàu, và anh ngạc nhiên thấy Jesus không ngập ngừng đi lướt qua cả chiếc thứ ba và chiếc cuối cùng, đi thẳng đến cuối cầu tàu. Đến mép cầu, Ngài quay lại Mack rồi mỉm cười.

“Mời con đi trước,” Ngài vừa nói vừa cúi người và chìa tay ra mời.

“Ngài đùa đấy à?” Mack lắp bắp. “Con tưởng mình đi dạo chứ đâu phải đi bơi.”

“Dạo mà. Có điều ta nghĩ rằng đi băng qua hồ thì ít tốn thời gian hơn đi vòng quanh.”

“Con không bơi giỏi đến mức đó, với lại nước hồ có vẻ lạnh như quỷ,” Mack phàn nàn. Đột nhiên, anh nhận ra mình lỡ lời và đỏ bừng mặt. “Ý con là lạnh lắm.” Anh nhìn lên Jesus với nét mặt nhăn nhó, nhưng người ấy dường như đang thích thú thật sự trước sự lúng túng của Mack.

“Nào,” Jesus khoanh tay lại, “chúng ta đều biết con là một người bơi rất giỏi, đã từng làm cứu hộ nếu ta nhớ không lầm. Còn nước thì lạnh. Và sâu nữa. Nhưng ta không nói về chuyện bơi. Ta muốn đi bộ cùng với con.”

Điều mà Jesus nãy giờ gợi mở, rốt cục Mack cũng đã để nó chạm vào ý thức của mình. Ngài đang nói về chuyện đi *trên* nước. Jesus, chờ đón sự ngập ngừng của anh, liền giục: “Nào, Mack. Nếu Peter làm được...”

Mack cười, vì bị kích động chứ không phải gì khác. Để đoan chắc, anh hỏi lại lần nữa: “Ngài muốn con đi bộ *trên* nước sang bên kia - Ngài nói vậy phải không?”

“Con nhanh trí đấy, Mack. Không gì lọt qua được con, chắc chắn. Nào, thích lắm!” Ngài cười phá lên.

Mack đi đến mép cầu tàu rồi nhìn xuống. Nước vỗ bập bênh chỉ chừng một bộ bên dưới nơi anh đứng, nhưng có lẽ sâu đến cả trăm bộ. Khoảng cách ấy trông thật mênh mông. Nhào xuống thì dễ thôi, anh đã làm cả ngàn lần, nhưng làm sao mà bước từ trên cầu tàu xuống nước được? Nhảy xuống như phía dưới là bê tông, hay là

bước xuống như đang ra khỏi xuống? Anh nhìn lại Jesus, Ngài đang cười khúc khích.

“Peter cũng gặp vấn đề tương tự: Làm sao bước ra khỏi tàu. Cứ như bước từ một bậc thang. Chẳng có gì cả.”

“Chân con có bị ướt không” Mack chất vấn.

“Dĩ nhiên, nước thì vẫn ướt.”

Một lần nữa Mack nhìn xuống nước rồi ngoái nhìn Jesus. “Vậy thì tại sao việc này lại khó khăn đến thế với con?”

“Hãy nói cho ta nghe con sợ điều gì, Mack.”

“Để xem. Con sợ điều gì nhỉ?” Mack mở lời. “Con sợ mình trông giống một thằng khùng. Con sợ bị Ngài trêu đùa và con sợ sẽ chìm nghỉm. Con tưởng tượng rằng...”

“Chính xác,” Jesus ngắt lời. “Con tưởng tượng. Thật là một khả năng dồi dào, sự tưởng tượng! Riêng năng lực ấy thôi đã làm con giống chúng ta. Nhưng không có sự sáng suốt, sự tưởng tượng chỉ là một kẻ đốc công tàn nhẫn thôi. Để ta chứng minh ý của ta, con nghĩ rằng con người được tạo dựng để sống trong hiện tại hay quá khứ hay tương lai?”

Mack nói ngập ngừng: “Con nghĩ câu trả lời hiển nhiên nhất là chúng con được tạo ra để sống trong hiện tại. Có sai không?”

Jesus bật cười. “Thoải mái nào, Mack! Đây không phải là bài trắc nghiệm, mà là một cuộc đối thoại. Tuy nhiên, con hoàn toàn chính xác. Nhưng giờ nói ta nghe xem, *con* dành cho nơi đâu hầu hết thời gian trong tâm trí, trong trí tưởng tượng, trong hiện tại, trong quá khứ hay trong tương lai?”

Mack suy nghĩ một lúc trước khi trả lời. “Con phải nói là tôi dành rất ít thời gian cho hiện tại. Riêng con, con dành phần lớn cho quá khứ, nhưng hầu hết thời gian còn lại con cố gắng hình dung ra tương lai.”

“Chẳng khác gì hầu hết mọi người. Khi ta ở với con, ta ở trong thì hiện tại - ta sống trong hiện tại. Không phải quá khứ, mặc dù rất

nhiều điều có thể nhớ lại hoặc học hỏi bằng cách nhìn lại, nhưng chỉ là một chuyến viếng thăm chứ không nán ná lâu. Và chắc chắn, ta không ở trong tương lai mà con hình dung hoặc tưởng tượng. Mack, con có nhận thấy rằng sự tưởng tượng của con về tương lai, mà hầu hết luôn gắn với một nỗi sợ hãi nào đó, hiếm khi nào, nếu có, khắc họa ta ở đó với con không?”

Một lần nữa Mack dừng lại và suy nghĩ. Đúng vậy. Anh đã dành nhiều thời gian ưu phiền và lo lắng về tương lai, và trong tưởng tượng của anh nó thường khá ảm đạm và sâu muộn, nếu không nói là hoàn toàn đáng căm ghét. Và Jesus cũng đúng khi nói rằng trong sự tưởng tượng của Mack về tương lai, Chúa luôn luôn vắng bóng.

“Tại sao con làm vậy?” Mack hỏi.

“Đó là nỗ lực đầy tuyệt vọng của con để giành lấy sự kiểm soát đối với điều mà con không thể. Con không thể có quyền hạn đối với tương lai bởi vì nó thậm chí còn không có thực, và cũng sẽ chẳng bao giờ có thực. Con cố chơi trò Thượng Đế, tưởng tượng cái xấu mà con sợ hãi biến thành thực tế, rồi con cố tạo ra những kế hoạch và mưu đồ ứng phó để tránh né điều mình sợ hãi.”

“Vâng, căn bản đó cũng là những gì Sarayu nói,” Mack đáp. “Vậy thì tại sao con lại có quá nhiều nỗi sợ trong đời?”

“Bởi vì con không tin. Con không biết chúng ta thương yêu con. Con người sống bằng những nỗi sợ hãi sẽ không tìm thấy tự do trong tình yêu của ta. Ta không nói về những nỗi sợ liên quan đến các hiểm họa chính đáng, mà những nỗi sợ từ tưởng tượng, và nhất là sự hình dung của những người ấy về tương lai. Nếu những nỗi sợ ấy đã có một chỗ đứng trong cuộc sống của con thì con không tin ta tốt lành cũng như chẳng tin rằng ta yêu con. Con hát về điều đó; con nói về điều đó, nhưng con không biết điều đó.”

Mack nhìn xuống dưới nước một lần nữa và thở ra một hơi dài thắm từ đáy lòng. “Con phải đi thôi.”

“Chỉ chừng một bộ thôi, ta thấy vậy,” Jesus cười, đặt tay lên vai Mack. Anh chỉ cần có thể để bước khỏi cầu tàu. Để cố gắng nhìn

thấy nước như một thể rắn, và không bị nhụt chí bởi chuyển động của nó, anh nhìn lên phía bờ bên kia và giơ cao túi đồ ăn trưa để dè chừng.

Cú đáp êm ái hơn anh tưởng. Giày anh ướt ngay lập tức, nhưng nước chẳng ngập lên đến mắt cá. Nước hồ vẫn chuyển động khắp xung quanh anh và anh suýt mất thăng bằng vì điều đó. Lại thật. Nhìn xuống, hình như chân anh đang đặt trên thứ gì đó rắn chắc nhưng vô hình. Anh quay sang Jesus đang đứng cạnh, một tay đang cầm giày với vớ và mỉm cười.

“Chúng ta luôn cởi giày và tắt trước khi làm chuyện này,” Ngài cười.

Mack lắc đầu cười và ngồi xuống mép cầu tàu. “Con cũng sẽ làm vậy.” Anh cởi giày, tụt vớ ra, rồi xắn quần lên, cho chắc ăn.

Tay xách nách mang giày vớ và túi đồ ăn, họ cất bước về phía bờ bên kia; cách xa chừng nửa dặm. Nước lạnh và trong lành gây cảm giác ớn lạnh chạy dọc sống lưng. Đi trên nước với Jesus dường như là cách tự nhiên nhất để đi băng qua hồ và Mack cười toe toét khi nghĩ đến chuyện anh đang làm. Thỉnh thoảng, anh lại nhìn xuống dưới xem có nhìn thấy con cá hồi nào không.

“Chuyện này thật hoàn toàn kỳ quặc và bất khả,” rốt cục anh thốt lên.

“Dĩ nhiên rồi,” Jesus tán thành, mỉm cười đáp lại.

Họ nhanh chóng đến bờ bên kia và Mack nghe thấy tiếng nước chảy càng lúc càng lớn, nhưng không nhìn thấy nguồn nào. Cách bờ hai mươi bộ, anh dừng lại. Bên trái họ và đằng sau một chỏm đá cao anh đã nhìn thấy một thác nước đẹp đang trào xuống từ vách đá và đổ thẳng xuống ít nhất một trăm bộ vào một chiếc hồ dưới đáy vực. Tại đó, nó biến thành một con suối lớn và có lẽ nổi vào hồ nước ở nơi mà Mack không nhìn thấy. Giữa họ và thác nước là một dải đồng cỏ bên chân núi, đầy hoa dại rộ khắp và theo gió cuốn đi. Thật hết sức ấn tượng và Mack đứng một lúc để hít trọn. Một hình ảnh của Missy lóe lên trong tâm trí, nhưng không phai đi.

Một bãi đá sỏi chờ đợi họ, và đằng sau đó là một cánh rừng rậm chạy đến sát chân núi, mà trên đỉnh phủ trắng tuyết mới rơi. Ngay bên trái họ, nằm cuối một bãi trống nho nhỏ và ngay bên kia dòng suối nhỏ róc rách là một lối mòn nhanh chóng mất hút vào trong bóng tối um tùm. Mack bước ra khỏi nước để đi lên mấy tảng đá nhỏ, rón rén dò bước đến một khúc gỗ đã đổ. Anh ngồi xuống đó rồi rút vớ ra và đặt chung với giày để phơi khô dưới ánh mặt trời gần trưa.

Đến lúc ấy, anh mới nhìn lên qua phía bên kia hồ. Vẻ đẹp thật kinh ngạc. Anh nhận ra căn chòi, nơi khói uể oải tỏa lên từ chiếc ống khói gạch màu đỏ đang nép mình giữa màu xanh của vườn cây ăn quả và khu rừng. Nhưng bao trùm lên hết là một dãy núi hùng vĩ cao phía sau, như những người lính đang đứng canh. Mack ngồi xuống, Jesus cạnh anh, và hít lấy bản giao hưởng thị giác.

“Ngài đã làm một tuyệt tác!” anh nói nho nhỏ.

“Cám ơn con, Mack, và con đã thấy ít quá. Bởi vì giờ đây hầu hết những gì tồn tại trong vũ trụ chỉ có thể được nhìn thấy và thưởng thức bởi ta, như những bức vải bố đặc biệt trong xưởng vẽ của người họa sĩ, nhưng một ngày kia... Con có hình dung được cảnh này nếu trái đất không lâm vào chiến tranh, tranh đấu vất vả để sinh tồn không?”

“Ý Ngài nghĩa là sao?”

“Trái đất của chúng ta như một đứa bé lớn lên mà không có cha mẹ, không có ai dẫn dắt và soi đường cho nó.” Khi Jesus nói, giọng Ngài quyết liệt trong một nỗi đau kìm nén. “Một số đã tìm cách giúp nó nhưng hầu hết chỉ tìm cách lợi dụng nó. Con người, những kẻ đã được trao nhiệm vụ lèo lái thế giới trong tình yêu, đâm ra lại cưỡng đoạt nó một cách vô tâm, ngoài những nhu cầu bức thiết. Và họ chẳng mấy quan tâm đến con cái họ, những kẻ sẽ thừa hưởng sự thiếu thốn tình yêu. Thế là họ đã lợi dụng và lạm dụng nó mà chẳng mấy quan tâm và rồi khi nó rùng mình phản ứng, họ nổi giận và vung nắm đấm vào Thượng Đế.”

“Ngài là một nhà môi trường học?” Mack hỏi, nửa như một lời cáo buộc.

“Dạ tiệc xanh xanh này ở không gian đen, cái đẹp giờ đây vẫn còn, tả tơi, phong trần và đáng yêu.”

“Con biết bài hát đó. Chắc hẳn Ngài phải quan tâm sâu sắc đến Sáng thế,” Mack cười.

“Ừ, dạ tiệc xanh xanh này ở không gian đen thuộc về ta,” Jesus nhấn giọng khẳng định.

Sau một chốc, họ cùng mở đồ ăn ra. Papa đã nhét đầy giỏ bánh mì với thức ăn và cả hai ăn một cách ngon lành. Mack nhai một thứ mà anh thích, nhưng không biết là động vật hay thực vật. Anh nghĩ tốt nhất không nên hỏi.

“Vậy thì tại sao Ngài không sửa lại?” Mack vừa hỏi vừa nhai bánh mì kẹp. “Ý con nói về trái đất.”

“Bởi vì chúng ta đã trao nó cho các con.”

“Ngài không lấy lại được sao?”

“Dĩ nhiên là được, nhưng rồi câu chuyện sẽ kết thúc trước khi diễn tiến.”

Mack đưa mắt trống rỗng nhìn Jesus.

“Con có nhận thấy rằng mặc dù con gọi ta là Chúa là Vua, ta chưa bao giờ thật sự hành xử với tư cách đó với các con không? Ta chưa bao giờ kiểm soát những sự lựa chọn của các con hay buộc các con làm điều gì, thậm chí cả khi mà điều các con sắp làm sẽ tàn phá và gây đau khổ cho chính các con hoặc những người khác.”

Mack nhìn lại hồ nước trước khi đáp lời. “Con thích Ngài thỉnh thoảng nên kiểm soát. Điều đó sẽ giúp cho con và những người con quan tâm thoát được nhiều khổ đau.”

“Áp đặt ý chí của ta với con,” Jesus đáp, “chính là điều mà tình yêu không bao giờ làm. Những mối quan hệ đích thực được biểu

hiện bởi sự quy phục cả khi những sự lựa chọn của các con không hữu ích hay lành mạnh.”

“Đó là cái đẹp mà con nhìn thấy ở mỗi quan hệ của ta với Abba và Sarayu. Chúng ta thật sự quy phục lẫn nhau và đã vẫn luôn như thế và sẽ vẫn luôn như thế. Papa quy phục ta rất mực cũng như ta quy phục Ngài, hay Sarayu đối với ta, hay Papa đối với Ngài. Sự quy phục không phải là vấn đề quyền lực và cũng không phải là tuân thủ; nó hoàn toàn là vấn đề quan hệ của tình yêu và sự tôn trọng. Thật sự, chúng ta cũng quy phục các con hết như vậy.”

Mack ngạc nhiên. “Làm sao như vậy được? Tại sao Thượng đế của vũ trụ này lại muốn quy phục con?”

“Bởi vì ta muốn con hòa nhập với chúng ta trong chu trình của mỗi quan hệ. Ta không muốn những nô lệ cho ý chí của ta; ta muốn những người anh chị em chia sẻ đời sống với ta.”

“Và đó là cách Ngài muốn chúng con yêu thương nhau, phải không? Giữa chồng với vợ, cha mẹ với con cái. Con đoán là trong mọi mối quan hệ?”

“Chính xác! Khi ta là sự sống của con, quy phục là biểu hiện tự nhiên nhất của tính cách và bản chất của ta, và nó sẽ là biểu hiện tự nhiên nhất của bản chất mới của con trong các mối quan hệ.”

“Vậy mà con chỉ muốn có một vị Chúa để điều chỉnh mọi thứ hầu đừng ai gặp đau khổ.” Mack lắc đầu khi nhận thức. “Nhưng con không giỏi về chuyện quan hệ, khác với Nan.”

Jesus ăn hết miếng bánh cuối cùng rồi đóng túi thức ăn lại, đặt xuống cạnh Ngài trên súc gỗ. Ngài phủi mấy vụn bánh dính trên ria mép và chòm râu ngắn. Rồi nhặt lấy một que gỗ gần đó Ngài bắt đầu vừa vạch lên cát vừa nói tiếp. “Đó là bởi vì giống như hầu hết mọi người nam, con tìm kiếm cái gọi là viên mãn trong thành tựu đạt được, còn Nan, như hầu hết mọi người nữ, tìm kiếm điều đó trong các mối quan hệ. Nó là ngôn ngữ của cô ấy, một cách tự nhiên hơn.” Jesus dừng lại để ngắm một con chim ưng biển bỏ nhào xuống hồ

cách họ chưa đầy năm mươi bộ và từ từ bay lên trở lại, móng vuốt cắp một con cá hồi đang giãy giụa thoát thân.

“Điều đó có nghĩa là con vô vọng sao? Con rất muốn có điều mà cả ba Ngài cùng chia sẻ, nhưng con chẳng biết làm sao để đạt được.”

“Con đường của con giờ đây có rất nhiều thứ, Mack, nhưng con chẳng phải sống mãi với chúng.”

“Con biết điều ấy ngày càng đúng hơn khi giờ đây Missy đã không còn, nhưng con chưa bao giờ thấy dễ dàng.”

“Không chỉ là chuyện về vụ sát hại Missy. Có một sự sai lệch lớn hơn khiến cho việc chia sẻ đời sống với chúng ta trở nên khó khăn. Thế giới này đau khổ vì trong vườn Địa đàng các con đã bỏ mặc quan hệ với chúng ta mà khẳng định sự tự hữu của mình. Hầu hết con người đều bộc lộ điều đó trong việc hướng thân vào những việc tay mình làm để tìm bản thể, giá trị và sự bình an. Bằng cách định đoạt cái gì tốt và xấu, các con đã tìm cách xác định số phận của chính mình. Chính sự hướng thân này đã gây ra quá nhiều khổ đau.”

Jesus thì người vào chiếc gậy để đứng dậy và dừng lời trong khi Mack nhai nốt miếng cuối cùng rồi cũng đứng lên theo. Họ cùng nhau sóng bước bên bờ hồ. “Nhưng chưa hết. Ham muốn của người phụ nữ - và cái từ ấy chính là ‘hướng thân’ của nàng. Sự hướng thân của người phụ nữ không phải nhằm vào công việc tay mình làm mà vào người đàn ông, và anh ta đáp lại bằng cách cai trị nàng, khống chế nàng và trở thành kẻ ngự trị. Trước khi lựa chọn, nàng đã tìm thấy bản thể của mình, sự bình an của mình và sự hiểu biết về tốt và xấu chỉ trong ta, cũng như người đàn ông.”

“Thảo nào con cảm thấy như thất bại đối với Nan. Con dường như không thể như thế đối với nàng.”

“Con không được tạo dựng để trở nên như thế. Và nếu cố gắng con sẽ chỉ đóng vai Thượng đế mà thôi.”

Mack cúi xuống, nhặt một hòn đá rồi lia trên mặt hồ. “Có cách gì để thoát ra khỏi cái vòng này không?”

“Thật rất đơn giản, nhưng không bao giờ dễ dàng đối với con. Bằng cách *hồi hướng*. Bằng cách hướng thân trở lại với ta. Bằng cách từ bỏ thói quyền lực và thủ đoạn để trở về với ta.” Giọng Jesus như khấn nài. “Phụ nữ, nói chung, sẽ khó hướng thân khỏi một người đàn ông và thôi đòi hỏi anh ta phải đáp ứng các nhu cầu của họ, mang lại sự bình ổn và bảo vệ bản thể họ, và hồi hướng về ta. Đàn ông, nói chung, sẽ thấy rất khó để hướng thân khỏi những việc tay mình làm, những cuộc mưu cầu quyền lực, sự bảo đảm và mưu đồ trọng đại, rồi hồi hướng về ta.”

“Con luôn luôn thắc mắc vì sao đàn ông lúc nào cũng nắm quyền,” Mack suy tư. “Đàn ông dường như là nguyên có của quá nhiều khổ đau trên thế giới. Họ gây ra hầu hết các vụ phạm tội mà nhiều trường hợp nhắm vào phụ nữ và,” anh dừng lại, “trẻ em.”

“Phụ nữ,” Jesus vừa tiếp lời vừa nhặt lấy một hòn đá và lia nó, “hướng thân khỏi chúng ta đến tìm đến một mối quan hệ khác, trong khi đàn ông hướng thân về chính họ và cõi giới. Thế giới này, về nhiều mặt, sẽ tĩnh lặng và êm đềm hơn nhiều nếu phụ nữ thống trị. Sẽ có ít hơn rất nhiều những trẻ em bị hy sinh cho các vị thần của lòng tham và quyền lực.”

“Thế thì họ sẽ làm tròn vai trò đó tốt hơn.”

“Tốt hơn, có thể, nhưng vẫn chưa đủ. Quyền lực trong tay những con người tự hữu, dù đàn ông hay đàn bà, đều bại hoại. Mack, con không thấy là sự đảm trách các vai trò là đối nghịch lại với mối quan hệ sao? Chúng ta muốn đàn ông và đàn bà là những đối tác, bình đẳng trực diện với nhau, mỗi người là duy nhất và khác biệt, đặc trưng nhưng lại bù đắp cho nhau về giới tính, và mỗi người được ban cho thần khí một cách biệt lệ từ Sarayu, nguồn gốc của mọi sức mạnh và quyền năng đích thực. Hãy nhớ, ta không nói về sứ mạng và sự hòa nhập vào các cấu trúc tạo dựng bởi con người; ta nói về sự hiện hữu. Và khi con lớn lên trong mối quan hệ với ta, con sẽ phản ánh con người thật sự của mình.

“Nhưng Ngài đã đến trong hình hài một người đàn ông. Điều đó không nói lên gì cả sao?”

“Có chứ, nhưng không phải là những gì mà nhiều người đã nghĩ. Ta đã đến như một người đàn ông để hoàn thiện bức tranh kỳ diệu về cách thức chúng ta đã tạo ra con. Từ ngày đầu, chúng ta đã cất giấu một người phụ nữ trong một người đàn ông, để đến lúc thích hợp chúng ta có thể lấy cô ta ra từ bên trong anh ta. Chúng ta không tạo ra một người đàn ông để sống đơn độc; nàng đã nằm trong chủ đích từ đầu. Chúng ta đã tạo ra một chu trình quan hệ, giống như chu trình của chúng ta, nhưng cho con người. Cô ta, thoát thai từ anh ta, và giờ đây là tất cả những người đàn ông khác, thoát thai từ cô ta, và tất cả đều sinh khởi, hay thoát thai từ Chúa.”

“Ồ, con hiểu rồi,” Mack thốt lên, rồi ngưng lại. “Nếu người phụ nữ được tạo ra trước, thì sẽ chẳng có chu trình quan hệ, và vì thế không có khả năng có một quan hệ bình đẳng trực diện trọn vẹn giữa đàn ông và đàn bà. Đúng không?”

“Chính xác, Mack.” Jesus nhìn anh rồi mỉm cười. “Mong muốn của chúng ta là tạo dựng một sinh thể có một đối ngẫu bình đẳng và tráng kiện một cách trọn vẹn. Nhưng tính tự hữu và cuộc mưu cầu quyền lực và kỳ tích thật sự đã hủy hoại mối quan hệ mà tâm can các con mong chờ.”

“Cũng lại chuyện đó,” Mack nói rồi lần tìm một viên sỏi. “Lúc nào rồi cũng quay về chuyện quyền lực và sự đối lập của nó đối với mối quan hệ mà Ngài đã có với hai đấng kia. Con yêu thích được cảm nghiệm điều đó, với Ngài và với Nan.”

“Đó là lý do chúng ta gặp nhau ở đây.”

“Ước gì nàng cũng có mặt.”

“Ồ, phải chi.” Jesus trầm ngâm. Mack không biết Ngài muốn nói gì.

Họ im lặng trong vài phút, chỉ còn nghe tiếng lẩm bầm khi họ ném đá và tiếng những hòn đá chạm vào mặt hồ.

Jesus chợt ngưng lại khi sắp ném một hòn đá: “Mack, có một điều cuối cùng ta muốn con nhớ về cuộc đối thoại này trước khi con đi.”

Ngài ném hòn đá. Mack nhìn lên và ngạc nhiên. “Trước khi con đi?”

Jesus không màng đến câu hỏi của anh. “Mack, cũng như tình yêu, sự quy phục không phải là điều con có thể làm được, nhất là tự thân. Ngoài sự sống của ta trong con, con không thể quy phục với Nan, hay con cái của con, hay bất kỳ ai trong cuộc đời con, kể cả Papa.”

“Ý Ngài là,” Mack thốt lên với một chút châm biếm, “con không được hỏi, ‘Jesus sẽ làm gì?’”

Jesus cười khúc khích. “Dự định hay, ý tưởng tồi. Nói ta nghe xem điều đó với con sẽ ra sao, nếu đó là con đường con chọn để đi.” Ngài dừng lại và nghiêm giọng. “Nói một cách nghiêm túc, cuộc đời ta không phải là một tấm gương để sao chép. Làm tín đồ của ta không phải là cố gắng để ‘giống Jesus,’ mà là để cho sự tự hữu của con bị triệt vong. Ta đến để cho con cuộc sống của ta, cuộc sống đích thực, cuộc sống của ta. Chúng ta sẽ đến và sống cuộc sống của của chúng ta trong con, để con bắt đầu nhìn thấy bằng mắt của chúng ta, và nghe bằng tai của chúng ta, sờ bằng bàn tay của chúng ta, và suy nghĩ như ta nghĩ. Nhưng, chúng ta không muốn ép buộc sự hiệp thông đó nơi các con. Nếu các con muốn làm chuyện của các con, thì cứ hãy làm. Thời gian ở về phía chúng ta.”

“Đây chính là sự hấp hối hằng ngày mà Sarayu nói đến,” Mack gật đầu nói.

“Nói về thời gian,” Jesus lên tiếng, vừa xoay người chỉ về phía con đường dẫn vào khu rừng ở cuối bãi đất, “con có một cuộc gặp. Hãy đi theo con đường đó để vào nơi mà nó dẫn đến. Ta sẽ chờ con tại đây.”

Mặc dù rất muốn trong lòng, Mack biết rằng cố gắng tiếp nối cuộc đối thoại là vô ích. Trong sự im lặng đầy suy tư, anh xỏ vớ và giày. Lúc này thật sự chúng chưa khô hẳn, nhưng không quá khó chịu.

Đứng dậy và chẳng nói một lời, anh đi về phía cuối bãi, dừng lại một phút để ngắm thác nước một lần nữa, nhảy qua dòng suối nhỏ, rồi đi vào rừng trên một lối đi đã được vạch ra và chăm chút cẩn thận.

NGƯỜI PHÁN XÉT

Kẻ nào ráp tâm muốn làm người phán xét của Chân lý và Tri thức sẽ
phá sản bởi tiếng cười của thần thánh.

— Albert Einstein

Ôi tâm hồn tôi... xin hãy sẵn sàng với những kẻ nào biết đặt câu hỏi.

— T.S.Eliot

Mack đi theo lối mòn vòng qua thác nước, rời xa hồ, và xuyên qua một khoảnh tuyết từng rậm rạp. Mất chưa đến năm phút thì cùng đường. Lối mòn dẫn anh đến thẳng một vách đá, đường viền của một khung cửa không dễ nhận ra trên bề mặt đá. Rõ ràng là anh phải bước vào, nên anh ngần ngừ chạm vào và đẩy thử. Bàn tay anh cứ xuyên vào tường như chốn thình không. Mack tiếp tục di chuyển một cách cẩn trọng về phía trước cho đến khi toàn thân anh đi qua một thứ trông như là lớp vỏ đá bên ngoài của ngọn núi. Bên trong đen đặc và anh chẳng nhìn thấy gì.

Hít một hơi sâu và duỗi tay mò mẫm phía trước, anh liều thử một vài bước ngắn vào khoảng bóng tối như hũ nút rồi dừng lại. Nỗi sợ hãi siết lấy trong lúc anh cố thở, không biết chắc có nên tiếp tục hay không. Trong lúc bụng thót lại, anh lại cảm thấy chuyện đó một lần nữa, *nỗi đau* đã hạ xuống trên đôi vai anh với trọn vẹn sức nặng của nó suýt làm anh ngạt thở. Anh tuyệt vọng muốn trở lại với ánh sáng bên ngoài, nhưng rồi chợt anh tin rằng Jesus sẽ không bảo anh vào đây nếu không có dụng ý tốt. Anh dần vào sâu hơn.

Từ từ mắt anh hồi phục sau cú sốc do chuyển từ ánh sáng ban ngày sang bóng tối mịt mù, rồi một phút sau, mắt anh trở nên quen đến độ nhìn ra một lối đi lượn vòng phía bên trái. Anh đi theo đó, phần sáng ở lối vào phía sau anh mờ dần rồi thay bằng một thứ ánh sáng yếu ớt phản chiếu từ các mảng tường đâu đó phía trước.

Chưa đến một trăm bộ, đường hầm đột ngột ngoặt sang trái và Mack thấy mình đang đứng trước ngay mép của một cái mà anh cho

là hang động lớn, mặc dù ban đầu trông chỉ có vẻ là một khoảng không gian rộng lớn trống rỗng. Ảo giác ấy được khuếch đại bởi thứ ánh sáng duy nhất tồn tại, một thứ ánh sáng hào quang mờ mờ bao phủ lấy anh, nhưng chỉ tỏa ra đến mười bộ thì lịm đi. Xa hơn khoảng đó thì anh không thể thấy gì, chỉ có một màu đen đặc. Không khí ở nơi này nặng nề và ngột ngạt, kèm với cái lạnh buốt đến độ nín thở. Anh nhìn xuống dưới và nhẹ người khi thấy ánh phản chiếu mờ mờ trên bề mặt - không phải đất hay đá của đường hầm mà là một mặt sàn nhẵn nhụi và sẫm như mica đánh bóng.

Can đảm dần một bước, anh nhận ra vòng ánh sáng di chuyển theo mình, soi sáng thêm một chút về phía trước. Cảm thấy an tâm hơn, anh bắt đầu di chuyển chậm và bước mạnh về phía đối diện, chú tâm vào sàn nhà vì sợ nó có thể sụt xuống bất cứ lúc nào dưới chân mình. Quá chú tâm vào các bước chân nên Mack va vào một thứ trước mặt và suýt ngã.

Đó là một cái ghế, một cái ghế gỗ đặt chơi vơi ngay giữa. Mack nhanh chóng quyết định ngồi xuống chờ đợi. Trong khi đó, quầng ánh sáng đã giúp anh tiếp tục di chuyển về phía trước như thể anh vẫn đang đi. Ngay trước mặt anh, giờ đây anh có thể nhìn thấy một chiếc bàn giấy gỗ mun kích thước khá lớn, hoàn toàn trống không. Rồi anh giật bắn người khi quầng sáng tụ lại tại một chỗ, và cuối cùng anh nhìn thấy cô ta. Ngồi sau chiếc bàn giấy là một phụ nữ cao lớn, xinh đẹp, nước da ôliu với đường nét của người Tây Ban Nha, vận một chiếc váy rủ dài màu tối. Cô ta ngồi thẳng và uy nghi như một quan tòa tối cao. Hình ảnh cô ta choáng ngợp đến nín thở.

“Cô ấy đẹp thật,” anh nghĩ bụng. “Tất cả những gì mà sự gợi cảm có thể mang lại, nhưng vượt trên cả điều đó.” Trong ánh sáng mờ thật khó nhìn thấy khuôn mặt cô ta, vì tóc và váy áo đã lẫn vào dung nhan của cô. Ánh mắt cô sáng long lanh như thể đó là cổng vào trong bao la của bầu trời sao đêm, phản ánh một thứ nguồn sáng bí hiểm từ bên trong.

Anh không dám lên tiếng, e rằng giọng mình sẽ bị nuốt mất trong bầu không khí mãnh liệt của căn phòng đang chú mục vào cô. Anh nghĩ bụng: “Mình là chú chuột Mickey sắp sửa nói chuyện với

Pavarotti.” Ý nghĩ ấy làm anh mỉm cười. Như thể chia sẻ chút thú vị bởi nét kịch cớm của hình ảnh đó, cô ta cười với anh, và khung cảnh chợt sáng bừng lên. Chỉ cần có thể để Mack hiểu rằng anh được mong chờ và chào đón tại đây. Cô ấy trông quen thuộc một cách lạ kỳ, như thể anh đã từng biết hay thoáng nhìn thấy đâu đó trong quá khứ, chỉ có điều anh biết mình chưa bao giờ thật sự gặp gỡ hay nhìn thấy cô.

“Cho phép tôi, tôi xin phép hỏi... cô là ai?” Mack đáp ứng, anh thấy giọng mình vang lên từng chút như Mickey, hầu như chẳng để lại chút ấn tượng nào trong cái tĩnh lặng của căn phòng, nhưng rồi cứ lảng vảng như chiếc bóng của tiếng dội.

Cô không màng đến câu hỏi của anh. “Anh có biết vì sao anh có mặt ở đây không?” Như một ngọn gió quét sạch bụi bặm, giọng cô nhẹ nhàng lừa câu hỏi của anh ra khỏi phòng. Mack như cảm nhận được từng lời của cô như mưa rơi xuống đầu mình rồi tan chảy vào sống lưng, truyền đi cảm giác râm ran dễ chịu khắp người. Anh chỉ muốn cô nói chuyện, nói chuyện với anh hay với bất cứ ai, chừng nào anh còn hiện diện. Nhưng cô chờ đợi.

“Cô biết không,” anh nói một cách trầm lặng, giọng anh đột nhiên ấm và vang đến độ Mack suýt ngoái nhìn phía sau lưng mình xem ai đã nói. Rồi anh hiểu rằng những gì anh nói là sự thật... nó sẽ vang lên như thế. “Tôi không biết nữa,” anh nói tiếp, lại đáp ứng và chuyển ánh mắt xuống sàn. “Chẳng ai nói cho tôi biết.”

“Mackenzie Allen Phillips,” cô cười, khiến anh ngẩng phắt lên. “Tôi ở đây để giúp anh mà.” Nếu câu vòng có âm thanh, và hoa lá cũng vậy thì đó là âm thanh tiếng cười của cô. Một cơn mưa ánh sáng, một lời mời trò chuyện, và Mack cười cùng cô, thậm chí cũng chẳng biết hay chẳng màng đến lý do.

Rồi lại đến một khoảng im lặng và gương mặt cô, mặc dù vẫn dịu dàng, bỗng rực lên mạnh mẽ, như thể cô có thể nhìn thấu nội tâm của anh, vượt qua vẻ bề ngoài và diện mạo, đến chạm xuống đến những vùng hiểm khi, nếu có, được nói đến.

“Hôm nay là một ngày rất hệ trọng với những hệ quả hệ trọng.” Cô ngưng lại, như thể để tiếp thêm sức nặng cho những lời nói vốn đã nghiêm trang. “Mackenzie, anh đến đây một phần vì các con anh, nhưng anh cũng đến đây vì...”

“Các con tôi?” Mack ngắt lời. “Cô nói sao, tôi đến đây vì các con tôi?”

“Mackenzie, anh thương yêu các con anh theo một cách mà chính cha anh cũng chưa bao giờ có được với anh và các em gái của anh.”

“Dĩ nhiên tôi yêu các con tôi. Cha mẹ nào cũng yêu con,” Mack quả quyết. “Nhưng điều đó thì có liên quan gì đến lý do tôi đến đây?”

“Về một nghĩa nào đó cha mẹ nào cũng yêu con cái,” cô đáp, không màng đến câu hỏi thứ hai của anh. “Nhưng một số cha mẹ quá đau khổ nên không thể thương yêu con cái một cách tử tế và những bố mẹ khác thì gần như không thể thương yêu con cái được, anh phải hiểu điều đó. Nhưng anh, anh thì yêu các con một cách tử tế - rất tử tế.”

“Tôi đã học phần nhiều từ Nan.”

“Chúng tôi biết. Nhưng anh đã học hỏi được, đúng không?”

“Tôi nghĩ là vậy.”

“Trong số các bí ẩn của một nhân tính đau khổ, đó cũng là điều khá đặc biệt; học hỏi, cho phép thay đổi.” Cô trầm tĩnh như biển cả lặng gió. “Vậy thì, Mackenzie, tôi muốn hỏi, anh yêu đứa nào nhất trong các con của anh?”

Mack mỉm cười trong lòng. Khi bọn trẻ ra đời, anh đã từng vắt óc để trả lời chính câu hỏi này. “Tôi không yêu bất kỳ đứa nào hơn những đứa khác cả. Tôi yêu mỗi đứa chúng nó một cách khác nhau,” anh nói, chọn lựa ngôn từ một cách cẩn trọng.

“Hãy giải thích điều đó cho tôi, Mackenzie,” cô hỏi một cách quan tâm.

“Mỗi đứa con của tôi là độc nhất vô nhị. Và sự độc nhất và nhân vị đặc biệt ấy khơi gợi một hồi ức độc nhất vô nhị từ tôi.” Mack dựa người vào ghế. “Tôi còn nhớ sau khi Jon, con đầu lòng của tôi, ra đời. Tôi say sưa tự hỏi không biết nhân sinh bé nhỏ ấy thực chất là ai đến độ tôi thật sự lo lắng không biết có còn lại chút tình yêu nào dành cho đứa con thứ hai hay không. Nhưng rồi Tyler ra đời, cứ như thể nó đến và mang theo một tặng ân đặc biệt cho tôi, trọn vẹn một năng lực mới để thương yêu nó một cách đặc biệt. Nghĩ đến điều đó lại nhớ đến Papa nói Ngài đặc biệt yêu thích một ai đó. Khi nghĩ đến từng đứa con của mình, tôi thấy mình yêu mến đặc biệt từng đứa một.”

“Hay lắm, Mackenzie!” Lời của cô lộ rõ sự cảm kích nhưng rồi cô hơi chồm người về phía trước, giọng vẫn dịu dàng nhưng nghiêm trang. “Nhưng rồi chuyện gì xảy ra khi chúng hành xử, hoặc có những sự lựa chọn nằm ngoài những gì anh muốn ở chúng, hay chúng trở nên đối chọi và ngỗ nghịch? Nếu chúng làm anh bẽ mặt trước mặt người ngoài thì sao? Điều đó ảnh hưởng thế nào đến tình yêu của anh dành cho chúng?”

Mack đáp chậm rãi và thận trọng. “Chẳng hề, thật sự đấy.” Anh biết rằng điều mình đang nói là thật, cho dù Katie đôi lúc không tin. “Tôi công nhận là điều đó có tác động đến tôi và đôi khi tôi cũng khó xử và tức giận, nhưng ngay cả lúc hành xử tệ thì chúng vẫn là con trai, con gái tôi, chúng vẫn là Josh hay Kate, và chúng vẫn sẽ là như thế mãi mãi. Hành động của chúng có thể tác động đến lòng tự tôn của tôi nhưng với tình yêu của tôi dành cho chúng thì không.”

Cô dựa người và tươi cười. “Anh thật thấu hiểu về tình yêu đích thực, Mackenzie. Cho nên nhiều người tin rằng chính tình yêu này nở, nhưng chính sự hiểu biết mới nảy nở và tình yêu chỉ lớn dậy để hàm chứa nó. Tình yêu chỉ là cái vỏ của sự hiểu biết. Mackenzie, anh yêu các con anh, những đứa con mà anh hiểu rất rõ, với một tình yêu tuyệt vời và chân thực.”

Hơi chút ngượng ngịu trước lời khen của cô, Mack cúi xuống. “Cám ơn, nhưng tôi như thế với rất nhiều người khác đâu. Tình yêu của tôi hầu hết mọi lúc thường mang tính điều kiện khá rõ.”

“Nhưng đó là một sự khởi đầu, đúng không, Mackenzie? Và anh đã không một thân một mình vượt qua sự bất lực của cha anh, chính Chúa và anh đã cùng nhau thay đổi anh để anh yêu thương như thế này. Và bây giờ anh yêu thương các con rất nhiều theo cách Cha yêu thương con mình.”

Mack cảm nhận được hàm của mình tự dưng nghiền chặt trong lúc lắng nghe, và anh cảm nhận được cơn tức giận một lần nữa bắt đầu trỗi dậy. Ngôn từ của một lời tán tụng động viên lại trở nên dường như giống một viên thuốc đắng mà anh giờ đây không muốn nuốt. Anh cố thư giãn để trấn tĩnh cảm xúc, nhưng nhìn vào ánh mắt của cô, anh biết đã quá trễ.

“Ừm...,” cô dăm chiêu. “Có điều gì tôi nói đã làm anh phiền lòng, Mackenzie?” Ánh mắt của cô giờ đây làm anh khó chịu. Anh cảm thấy bị phanh phui.

“Mackenzie?” cô động viên. “Anh có điều gì muốn nói không?”

Sự im lặng sau câu hỏi của cô giờ đây lắng đọng trong không trung. Mack tranh đấu để lấy lại sự điềm tĩnh. Anh nghe được cả tiếng mẹ mình khuyên bảo trong tai: “Nếu con không có điều gì hay ho để nói thì tốt hơn đừng nói gì cả.”

“Ờ... không! Không có gì.”

“Mackenzie,” cô khơi gợi, “đây không phải là lúc để nói theo lời mẹ. Đây là thời điểm của sự thành thật, của chân lý. Anh không tin là người Cha thương yêu các con mình rất mực phải không? Anh không thật lòng tin Chúa nhân lành, đúng không?”

“Missy có phải con Ngài không?” Mack bật lại.

“Dĩ nhiên!” cô trả lời.

“Vậy thì, không!” anh buột miệng, đứng phắt dậy. “Tôi không tin rằng Chúa yêu thương tất cả con cái của Ngài rất mực.”

Anh đã nói ra điều đó, và giờ đây lời cáo buộc của anh vang vọng khắp các bức tường quanh căn phòng. Trong khi Mack đứng đó, tức giận và chực bùng nổ, người phụ nữ vẫn trầm tĩnh và không thay đổi

thái độ. Cô từ từ đứng dậy khỏi chiếc ghế lưng cao, di chuyển một cách lặng lẽ ra phía sau và ra hiệu cho anh tiến về phía ghế. “Anh ngồi đây đi.”

“Sự chân thành đem lại cho cô cảm giác đó à, chiếc ghế điện?” anh lẩm bẩm một cách mỉa mai, nhưng không nhúc nhích, chỉ nhìn đáp lại cô.

“Mackenzie.” Cô vẫn đứng sau chiếc ghế. “Lúc này, tôi đã bắt đầu nói với anh lý do tại sao anh đến đây ngày hôm nay. Anh đến đây không chỉ vì các con anh, mà anh đến đây vì sự phán xét.”

Khi ngôn từ ấy vang dội trong căn phòng, sự hoảng loạn bắt đầu trỗi dậy trong Mack như một cơn sóng dâng và từ từ anh chìm vào trong chiếc ghế của mình. Ngay lập tức anh cảm thấy tội lỗi, khi ký ức tràn khỏi tâm trí như lũ chuột chạy trốn nước lụt. Anh bám chắc tay vịn chiếc ghế, cố tìm sự thăng bằng trong những hình ảnh và cảm xúc đang công kích mãnh liệt. Những sự thất bại của anh trong địa vị một con người đột nhiên hiển hiện to lớn, và trong tâm trí anh như nghe thấy được cả một giọng nói kể lể hàng loạt tội trạng của anh, nỗi khiếp sợ càng choáng ngợp khi danh sách ấy cứ dài ra mãi. Anh vô phương tự vệ. Anh thất bại và anh biết điều đó.

“Mackenzie?” cô mở lời, nhưng bị anh cắt ngang.

“Giờ thì tôi hiểu. Tôi chết rồi, đúng không? Đó là lý do tôi có thể nhìn thấy Jesus và Papa, tôi đã chết rồi.” Anh ngồi dựa người và nhìn lên khoảng tối, cảm thấy nôn nao trong bụng. “Tôi không ngờ. Tôi thậm chí chẳng cảm nhận được điều gì cả.” Anh nhìn người phụ nữ đang kiên nhẫn theo dõi mình. “Tôi chết bao lâu rồi?” anh hỏi.

“Mackenzie,” cô bắt đầu nói, “Tôi xin lỗi đã làm anh thất vọng, nhưng anh chưa nằm xuống trong thế giới của anh đâu, và tôi tin rằng anh đã...” Một lần nữa, Mack lại ngắt lời cô.

“Tôi chưa chết à?” Giờ thì anh hoài nghi và lại đứng dậy. “Ý cô là tất cả khung cảnh này đều thật và tôi còn sống? Nhưng tôi tưởng cô nói tôi đến đây để được phán xét?”

“Tôi có nói,” cô khẳng định lại, một nét thích thú trên gương mặt.
“Nhưng, Macken...”

“Phán xét? Mà tôi thì chưa chết?” Lần thứ ba anh ngắt lời cô, bám lấy những gì nghe được, cơn tức giận đã thay cho nỗi sợ hãi. “Thế này thật chẳng công bằng!” Anh biết cảm xúc của mình chẳng giúp gì được. “Chuyện này có xảy đến với người khác không - ý tôi là chưa chết mà đã bị phán xét? Nếu tôi thay đổi thì sao? Nếu tôi sống cuộc đời còn lại tốt đẹp hơn thì sao? Nếu tôi ăn năn? Thì sao?”

“Có điều gì anh muốn ăn năn không, Mackenzie?” cô hỏi, không hề bối rối trước cơn bộc phát của anh.

Mack từ từ ngồi xuống. Anh nhìn xuống sàn nhà nhăn nhui rồi lắc đầu trước khi trả lời. “Tôi chẳng biết bắt đầu từ đâu,” anh đáp ứng. “Tôi làm rối quá, phải không?”

“Đúng vậy.” Mack nhìn lên và cô mỉm cười đáp lại. “Anh là một sự rối rắm ngổ nghịch đầy thú vị, Mackenzie, nhưng anh đến đây không phải đến ăn năn, ít nhất là theo cách hiểu của anh. Mackenzie, anh đến đây không phải để bị phán xét.”

“Nhưng,” anh lại ngắt lời. “Tôi tưởng cô nói rằng tôi...”

“...đến đây để bị phán xét?” Cô vẫn giữ sự điềm nhiên và trầm tĩnh như một ngọn gió mùa hè khi nói nốt câu hỏi của anh. “Tôi đã nói. Nhưng anh không bị phán xử tại đây.”

Mack hít một hơi sâu, nhẹ người nghe những lời của cô.

“Anh sẽ là Người phán xét!”

Cơn nôn nao trong bụng anh quay trở lại khi anh nhận ra những lời cô nói. Rốt cục, anh hạ ánh mắt xuống chiếc ghế vẫn chờ đợi anh. “Cái gì? Tôi? Tôi chẳng muốn,” anh dừng lại. “Tôi không có khả năng gì để phán xét cả.”

“Ồ, đúng vậy,” câu đáp bật lại thật nhanh, pha lẫn chút châm biếm. “Anh đã chứng tỏ bản thân mình rất có năng lực, thậm chí trong khoảng thời gian ngắn ngủi chúng ta gặp nhau. Vả lại, anh đã từng phán xét nhiều người trong suốt cuộc đời mình. Anh đã từng phán

xét hành vi và thậm chí cả động cơ của người khác, như thể anh có cách biết được cái gì thuộc về chân lý. Anh đã phán xét màu da, cử chỉ và mùi của cơ thể. Anh đã phán xét quá trình và các mối quan hệ. Anh thậm chí đã phán xét cả giá trị cuộc sống của một con người bằng chất lượng của sự nhận thức của anh về cái đẹp. Nói tóm lại, anh hoàn toàn rất thành thạo về hành vi này.”

Mack cảm thấy ngượng đỏ mặt. Anh phải công nhận rằng mình đã từng vô số lần phán xét trong đời. Nhưng anh có khác gì hơn bất kỳ ai khác đâu? Ai mà không vội kết luận về người khác từ ấn tượng họ mang lại cho mình. Rồi cũng trở lại chuyện đó - nhãn quan duy kỷ của anh về thế giới quanh mình. Anh nhìn lên và thấy cô đang nhìn anh chăm chú và anh lại nhìn xuống.

“Nói tôi nghe đi,” cô yêu cầu, “tôi muốn hỏi, anh dựa trên những tiêu chí gì để đưa ra các phán xét của mình?”

Mack nhìn lên và cố gắng nhìn đáp lại ánh mắt của cô, nhưng cảm thấy rằng mỗi khi anh nhìn trực diện vào cô thì ý nghĩa của anh lại nao núng. Vừa nhìn vào mắt cô vừa giữ được luồng tư tưởng mạch lạc và hợp lý dường như là điều bất khả. Anh phải tránh đi và nhìn vào khoảng tối của góc phòng, hy vọng trấn tĩnh được mình.

“Lúc này dường như chẳng có điều gì mang ý nghĩa cho lắm,” rút cục anh thú nhận, giọng ngập ngừng. “Tôi phải thú nhận rằng mỗi khi đi đến những phán xét như vậy tôi cảm thấy hoàn toàn chính đáng, nhưng giờ đây...”

“Dĩ nhiên rồi.” Cô nói điều đó như một lời khẳng định, như một chuyện thường tình; chứ không hề mảy may đùa cợt với sự ngượng nghịu và buồn rầu hiển hiện của anh. “Sự phán xét đòi hỏi ta nghĩ về mình cao hơn kẻ mà ta phán xét. Hôm nay anh sẽ được trao cho cơ hội tận dụng mọi khả năng của mình. Nào,” cô nói, vỗ lên lưng chiếc ghế, “tôi muốn anh ngồi đây. Ngay lúc này.”

Dè dặt nhưng tuân phục, anh bước về phía cô và chiếc ghế đang chờ đợi. Mỗi bước đi anh dường như thấy mình nhỏ lại hay cả hai đều lớn lên, anh chẳng biết được. Anh lê người ghế và cảm thấy mình thật trẻ con với chiếc mặt bàn khổng lồ trước mặt và đôi bàn

chân anh thì chẳng chạm đất. “Thế... tôi sẽ phán xét cái gì đây?” anh hỏi, xoay sang ngược nhìn cô.

“Không phải là cái gì.” Cô ngừng lại và nhích sang đứng cạnh chiếc bàn. “Mà là ai.”

Sự bất ổn trong anh bùng lên ngọn ngọn, và cảm giác ngồi trong chiếc ghế vương giả kèn càng này lại càng làm anh khó chịu. Anh có quyền gì mà phán xét một ai? Chắc chắn, trong giới hạn nào đó hẳn là anh đã tội lỗi trong việc phán xét hầu hết những ai anh đã gặp và nhiều người mà anh chưa gặp. Mack biết anh hoàn toàn tội lỗi về việc duy kỷ. Làm sao *anh* dám phán xét một ai? Mọi lời phán xét của anh đều thiếu căn, dựa trên hình thức và hành vi, những thứ dễ dàng diễn giải bởi bất kỳ thái độ hay thành kiến nào phục vụ cho mục đích tự đề cao, hay để cảm thấy an tâm hay lệ thuộc. Anh cũng biết rằng mình bắt đầu hoảng sợ.

“Trí tưởng tượng của anh,” cô ngắt dòng suy nghĩ của anh, “không giúp được đặc lực cho anh trong lúc này.”

“Đừng đùa, Sherlock,” là ý nghĩ trong đầu anh, nhưng anh chỉ thốt ra khỏi miệng một cách yếu ớt, “tôi thật không làm được việc này đâu.”

“Việc anh làm được hay không được chưa thể xác định được,” cô vừa nói vừa cười. “Và tên tôi cũng không phải là Sherlock.”

Mack biết ơn căn phòng tắm tối đã che giấu sự ngượng ngùng của anh. Anh như bị cầm tù trong khoảng im lặng tiếp theo sau đó mà thực chất chỉ kéo dài mấy giây để anh thốt lên được câu hỏi:

“Vậy là tôi phải phán xét ai đây?”

“Chúa,” cô dừng lại, “và nhân loại.” Cô nói ra điều đó như thể chẳng có gì quan trọng. Ngôn từ cứ tuôn ra từ miệng cô, như thể đó là chuyện hằng ngày.

Mack lặng người. “Chắc cô đùa!” anh thốt lên.

“Tại sao không? Chắc chắn có nhiều người trong thế giới của mình mà anh nghĩ là đáng để phán xét. Chắc chắn có ít nhất một vài

kẻ phải chịu trách nhiệm với quá nhiều đau đớn và khổ sở như vậy? Những kẻ tham lam bóc lột người nghèo trên thế giới? Những kẻ hy sinh con em mình cho chiến tranh? Còn những gã đàn ông bạo hành với vợ thì sao, Mackenzie? Lại còn những người cha đánh đập con trai mình vô cớ để khuây khỏa những khổ sở phải gánh chịu? Họ không đáng bị phán xét sao, Mackenzie?”

Mack cảm nhận được những tầng sâu của cơn thịnh nộ đầy khúc mắc đang dâng lên như thác lũ cuồng điên. Anh chìm sâu vào chiếc ghế cổ trấn tĩnh trước bao hình ảnh ập đến dồn dập, nhưng thấy sự tự chủ của mình trôi xa. Bụng anh cồn lên trong khi tay nắm chặt, hơi thở dồn dập và hỗn hển.

“Rồi còn kẻ rình rập những bé gái thơ ngây thì sao? Còn hấn thì sao, Mackenzie? Kẻ đó có tội không? Hấn có đáng bị phán xét không?”

“Có!” Mack thét lên. “Cho nó xuống địa ngục đi!”

“Hấn có phải chịu trách nhiệm về mất mát của anh không?”

“Có!”

“Rồi còn bố hấn, người đã gây ra cho hấn một nỗi khiếp sợ, ông ta thì sao?”

“Có, cả lão nữa!”

“Rồi chúng ta truy nguyên đến khi nào, Mackenzie? Di sản khổ đau này bắt nguồn từ thời Adam, còn ông ấy thì sao? Nhưng tại sao lại dừng tại đó? Còn Chúa thì sao? Chúa đã khởi đầu mọi chuyện. Chúa có đáng trách không?”

Mack đang quay cuồng. Anh chẳng thấy mình giống một vị quan tòa chút nào cả, mà giống đang bị xét xử hơn.

Người phụ nữ không nương nhẹ. “Lẽ nào anh lại bế tắc tại đây, Mackenzie? Lẽ nào đây là sự hun đúc *nỗi đau*? Chúa có thể trông cậy được không? Chắc chắn, một người cha như anh có quyền phán xét *Chúa Cha*!”

Một lần nữa cơn giận của anh lại bùng lên như lửa ngọn. Anh muốn quát lại nhưng cô nói đúng và không có lý lẽ nào để bác bỏ.

Cô nói tiếp: “Chẳng phải đó là lời than trách chính đáng của anh sao, Mackenzie? Rằng Chúa đã phụ bạc anh, rằng ngài đã phụ Missy? Rằng trước cả Sáng thế, Chúa biết một ngày kia Missy sẽ bị hãm hại, thế mà Ngài vẫn tạo dựng? Rồi Ngài *cho phép* sinh linh bệnh hoạn ấy cướp đoạt đứa bé từ vòng yêu thương của anh trong khi Ngài có quyền năng để ngăn chặn hẳn. Chúa không đáng trách sao Mackenzie?”

Mack vẫn nhìn xuống sàn nhà, cơn giông tố của hình ảnh giằng lôi cảm xúc của anh đi tứ phía. Rốt cục, anh nói ra, lớn giọng hơn anh dự định, và chỉ thẳng ngón tay về phía cô.

“Đúng! Chúa đáng trách!” Lời cáo buộc cheo leo trong căn phòng trong chiếc búa tạ giáng xuống tim anh.

“Thế thì,” cô nói một cách dứt khoát, “nếu anh có thể phán xét Chúa một cách dễ dàng như thế, thì rõ ràng anh có thể phán xét thế giới.” Một lần nữa cô nói không chút cảm xúc. “Anh phải chọn hai đứa trong số các con anh để hưởng sự sống đời đời ở thiên đàng mới và địa cầu mới của Chúa, nhưng chỉ hai đứa thôi.”

“Cái gì?” anh thốt lên, xoay nhìn cô trong sự hoài nghi.

“Và anh phải chọn ba đứa con anh để sống đời đời trong hỏa ngục.”

Mack không tin được những gì mình đang nghe và bắt đầu hoảng sợ.

“Mackenzie.” Giọng cô giờ đây trầm tĩnh và thú vị như lúc đầu anh nghe thấy. “Tôi chỉ yêu cầu anh làm một việc mà anh tin rằng Chúa làm. Ngài biết mỗi con người sinh ra, và Ngài biết họ sâu xa và tỏ tường hơn nhiều so với anh biết về con cái mình. Ngài yêu mỗi con người theo sự hiểu biết về bản thể của đứa con trai hay con gái đó. Anh tin rằng ngài sẽ xử phạt hầu hết bọn họ một sự sống đời đời khổ đau, rời xa khỏi sự hiện hữu của Ngài và tách biệt khỏi tình yêu của Ngài. Có đúng vậy không?”

“Chắc là như vậy. Tôi chưa bao giờ suy nghĩ về điều đó theo cách này.” Ngôn từ của anh loạng choạng trong cơn choáng sốc. “Tôi chỉ định ninh rằng thế nào Chúa cũng làm được điều đó. Nói đến địa ngục thì thật ra lúc nào cũng là nói một cách trừu tượng chứ không phải nói đến một ai đó mà tôi thật sự...” Mack ngập ngừng, nhận ra rằng điều mình sắp nói thật là tẻ, “không phải một ai đó mà tôi thật sự quan tâm.”

“Vậy là anh cho rằng Chúa làm chuyện này một cách dễ dàng còn anh thì không thể? Nào, Mackenzie. Ba đứa con nào của anh sẽ phải bị kết án xuống địa ngục? Kate đang đối nghịch lại với anh nhiều nhất hiện nay. Con bé cư xử tẻ với anh và nói với anh những lời gây tổn thương. Có lẽ con bé là sự lựa chọn đầu tiên và hợp lý nhất. Đúng không nào? Anh là quan tòa, Mackenzie và anh phải lựa chọn.”

“Tôi không muốn làm quan tòa,” anh nói và đứng dậy. Tâm trí Mack đang nháo nhào. Không thể nào thật sự có chuyện này. Làm sao Chúa lại bắt anh chọn lựa trong số các con của mình? Không có cách gì anh lại kết tội Katie, hay bất kỳ đứa con nào khác của mình, phải sống đời đời trong hỏa ngục bởi vì nó đã phạm tội với mình. Cho dù Katie hay Josh hay Jon hay Tyler phạm tội tày đình, anh cũng sẽ không làm thế. Anh không thể! Với anh, không phải là chuyện hành vi của chúng, mà là tình yêu của anh dành cho chúng.

“Tôi không làm được việc này đâu,” anh nói nhẹ giọng.

“Anh phải làm,” cô đáp.

“Tôi không làm được việc này đâu,” anh nói lớn hơn và cả quyết hơn.

“Anh phải làm,” cô nhắc lại, giọng dịu dàng hơn.

“Tôi... sẽ... không... làm... việc... này!” Mack hét lên, máu nóng sôi lên trong người anh.

“Anh phải làm,” cô thì thầm.

“Không được. Không được mà. Tôi không làm đâu!” Anh thét lên, và giờ đây ngôn từ cùng cảm xúc nhào tuôn ra ngoài. Người phụ nữ

chỉ đứng nhìn và chờ đợi. Rốt cục anh nhìn cô, ánh mắt khẩn khoản. “Tôi đi được không? Nếu cô cần một ai đó để đày đọa đời đời thì tôi sẽ thế chỗ họ. Có được không? Vậy có được không?” Anh sụp xuống dưới chân cô, giờ thì khóc lóc và nài nỉ. “Làm ơn cho tôi về với các con tôi, làm ơn, tôi sẽ rất vui mừng... Làm ơn, tôi năn nỉ mà. Làm ơn đi... làm ơn.”

“Mackenzie, Mackenzie,” cô thì thầm, và lời cô vang lên như một làn nước mát trong một ngày nóng bỏng. Đôi bàn tay cô dịu dàng chạm lên má anh và nâng anh đứng dậy. Nhìn cô qua làn nước mắt, anh thấy nụ cười của cô rạng rỡ. “Giờ thì anh nói giống Jesus rồi đó. Anh đã phán xét tuyệt vời, Mackenzie. Tôi rất hãnh diện về anh!”

“Nhưng tôi chưa phán xét gì cả,” Mack bối rối chống chế.

“Ồ, anh đã làm rồi. Anh đã phán xét rằng chúng xứng đáng được yêu thương, cho dù anh phải trả bất kỳ giá nào. Đó là cách Jesus yêu thương.” Khi nghe thấy những từ ấy anh nghĩ đến người bạn mới của mình đang chờ bên bờ hồ. “Còn bây giờ thì anh hiểu lòng của Papa,” cô nói thêm, “người yêu thương tất cả con cái mình vẹn toàn.”

Ngay lập tức hình ảnh của Missy lóe lên trong tâm trí anh và anh thấy mình bừng giận. Không chút suy nghĩ, anh ngồi lại vào ghế.

“Điều gì vừa xảy ra, Mackenzie?” cô hỏi.

Anh thấy giấu giếm chẳng có lợi gì. “Tôi hiểu tình yêu của Jesus, nhưng Chúa là một chuyện khác. Tôi thấy không hề giống nhau.”

“Anh không thích khoảng thời gian bên Papa sao?” cô hỏi đầy ngạc nhiên.

“Không, tôi yêu Papa, dù Ngài là ai. Ngài tuyệt vời, nhưng Ngài chẳng giống chút nào với Chúa mà tôi đã biết.

“Có lẽ sự hiểu biết của anh về Chúa là sai.”

“Có lẽ. Có điều tôi không thấy Chúa yêu thương Missy vẹn toàn ra sao.”

“Vậy là lại phán xét tiếp?” cô nói bằng giọng có pha âm sắc buồn.

Điều đó làm Mack khựng lại, nhưng chỉ trong giây lát. “Tôi phải suy nghĩ điều gì đây? Tôi chỉ không hiểu được làm sao Chúa có thể yêu thương Missy mà lại để nó phải đi qua nỗi kinh hoàng đó. Nó vô tội. Nó chẳng làm điều gì để đáng phải gánh chịu điều đó.”

“Tôi biết.”

Mack cứ nói tiếp: “Có phải Chúa đã dùng con bé để trừng phạt tôi về những điều tôi đã làm với cha tôi? Như vậy là không công bằng. Nó không đáng phải chịu chuyện này. Nan không đáng phải chịu chuyện này.” Nước mắt tuôn trào. “Tôi thì có thể, nhưng mẹ con nó thì không.”

“Có phải đó là Chúa của anh không, Mackenzie? Thảo nào anh chìm đắm trong nỗi trầm thống. Papa không phải như thế, Mackenzie. Ngài không trừng phạt anh, hay Missy, hay Nan. Đây không phải là việc ngài làm.”

“Nhưng Ngài đã không ngăn chặn nó.”

“Không, Ngài đã không làm. Ngài không ngăn chặn rất nhiều chuyện đem đến cho Ngài đau khổ. Thế giới của con người đang khổ đau cùng cực. Con người đòi hỏi được độc lập, và giờ đây con người lại tức giận với người đã thương yêu mình đến độ trao nó cho mình. Chẳng có điều gì được như nguyện, được như Papa mong muốn, và được như tự thân nó trong tương lai. Ngay bây giờ thế giới của con người đã lạc lối trong tăm tối và hỗn mang, và những chuyện khủng khiếp đang xảy đến với những con người mà Ngài rất mực yêu mến.”

“Vậy thì tại sao ngài không làm gì đi?”

“Ngài đã làm...”

“Cô nói rằng Jesus đã làm?”

“Anh không thấy những vết thương trên người Papa sao?”

“Tôi không hiểu những vết đó. Làm sao Ngài...”

“Vì tình yêu. Ngài đã chọn phương cách của thập tự giá nơi lòng nhân từ chiến thắng công lý bởi vì tình yêu. Anh có muốn Ngài chọn

công lý cho mọi người không? Anh có muốn công lý không, ‘Ngài Chánh án’?” và cô vừa nói vừa mỉm cười.

“Không, tôi không muốn,” anh nói và cúi đầu xuống. “Tôi thì không, các con tôi thì không.”

Cô chờ đợi.

“Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao Missy phải chết.”

“Cô bé không bắt buộc như thế, Mackenzie. Đây không phải là dự định của Papa. Papa chẳng bao giờ cần đến cái ác để hoàn thành những mục đích tốt đẹp của mình. Chính con người mới theo đuổi cái ác và Papa đã đáp lại bằng nhân lành. Chuyện đã xảy đến cho Missy là hành vi xấu xa và không ai trong thế giới con người được miễn nhiệm với nó.”

“Nhưng nỗi đau quá lớn. Phải có một cách nào khác chứ.”

“Có. Có điều bây giờ anh không thể nhìn thấy. Hãy lìa bỏ sự độc lập để quay về, Mackenzie. Hãy thôi làm kẻ phán xét để hiểu biết bởi chính bản thể của Ngài. Khi ấy anh sẽ có được tình yêu của Ngài ngay trong nỗi đau, thay vì xua đuổi Ngài bằng nhận thức duy kỷ của mình về quy luật của vũ trụ. Papa đã phải quỵ lụy trong thế giới của anh để được ở bên cạnh anh, bên cạnh Missy.”

Mack đứng dậy. “Tôi không muốn làm một kẻ phán xét nữa. Tôi thật lòng muốn tin cậy Papa.” Mack không nhận thấy, căn phòng lại sáng lên khi anh đi quanh bàn để đến bên chiếc ghế nơi mọi chuyện bắt đầu. “Nhưng tôi sẽ cần đến sự trợ giúp.”

Cô giang tay ôm lấy Mack. “Giờ thì nghe như bắt đầu một cuộc trở về rồi đó, Mackenzie. Chắc chắn rồi.”

Sự yên ắng của hang động chợt bị phá tan bởi tiếng trẻ con cười. Hình như nó phát ra từ một trong các bức tường, mà giờ đây Mack có thể nhìn thấy rõ khi căn phòng tiếp tục sáng lên. Khi anh nhìn về hướng ấy, bề mặt đá ngày càng trở nên trong suốt và ánh sáng ban ngày xuyên vào trong hang. Giật mình, Mack nhìn xuyên qua màn sương mờ và rốt cục nhận ra bóng dáng lờ mờ của trẻ em đang vui chơi đằng xa.

“Nghe tiếng như mấy đứa nhỏ của tôi!” Mack thốt lên, miệng há hốc vì ngạc nhiên. Anh tiến về phía bức tường, màn sương tách ra như thể ai đó kéo một bức màn và anh bất ngờ nhìn ra một cánh đồng cỏ, hướng về phía hồ. Trước mặt anh là lò mờ những ngọn núi cao tuyết phủ, rất mực uy nghi, phủ dày những cánh rừng. Và nép mình dưới chân những ngọn núi, anh nhìn thấy rõ căn chòi, nơi anh biết Papa và Sarayu đang chờ anh. Một dòng suối lớn từ đâu đó đang tuôn trào, ngay trước mặt anh, và chảy xuống hồ dọc theo những cánh đồng hoa cỏ miền cao. Tiếng chim hót khắp nơi và hương ngọt mùa hè thơm nồng trong không trung.

Toàn bộ cảnh vật này Mack nhìn thấy, nghe thấy và ngửi thấy trong một khoảnh khắc, nhưng rồi ánh mắt anh bị hút vào sự chuyển động, vào nhóm trẻ đang chơi dọc một xoáy nước cách nơi dòng suối chảy vào hồ chưa đầy năm mươi bộ. Anh thấy các con mình ở đó - Jon, Tyler, Josh và Kate. Nhưng kìa! Còn một đứa nữa!

Anh kinh ngạc há hốc, cổ chú mục hơn nữa. Tiến về phía chúng, anh đẩy vào một lực vô hình như thể một bức tường đá vẫn còn đang tàng hình trước mặt mình. Rồi hình ảnh trở nên rõ rệt. “Missy!” Cô bé đang ở đó, chân trần đá nước tung tóe. Như thể nghe thấy anh, Missy tách khỏi nhóm và lao xuống lối mòn dẫn thẳng đến trước mặt anh.

“Ồi Chúa ơi! Missy!” anh hét lên và cố gắng tiến lên, vượt qua bức màn ngăn cách họ. Trong sự kinh ngạc, anh va phải một lực không cho phép anh tiến đến gần hơn, như thể một lực từ tính gia tăng theo hướng ngược lại với nỗ lực của anh, làm anh chệch trở lại căn phòng.

“Cô bé không nghe thấy anh được đâu.”

Mack không quan tâm. “Missy!” anh thét lên. Cô bé quá gần. Ký ức mà bấy lâu nay anh cố gắng biết bao để không đánh mất nhưng cứ từ từ trôi đi thì giờ đây lại hiện về. Anh tìm một thứ gì đó để níu, như thể anh có thể bật tung bất kỳ một thứ gì đó để tìm lối xông đến chỗ con gái mình. Nhưng chẳng có thứ gì cả.

Trong khi ấy, Missy đã đến và đứng ngay trước mặt anh. Ánh mắt cô bé rõ ràng không nhìn họ, mà nhìn vào một thứ gì đó giữa họ, lớn hơn và rõ ràng hiển hiện với mình nhưng anh không nhìn thấy.

Cuối cùng Mack đành thôi cưỡng lại trường lực ấy và xoay nghiêng về phía người phụ nữ. “Nó có thể thấy tôi không? Nó có biết tôi đang ở đây không?” anh hỏi một cách tuyệt vọng.

“Nó biết anh đang ở đây, nhưng nó không thể thấy anh. Từ phía ấy, nó đang nhìn vào thác nước tươi đẹp và không còn gì khác. Nhưng nó biết anh đang ở đằng sau đó.”

“Thác nước!” Mack thốt lên, cười một mình. “Nó chẳng bao giờ biết chán thác nước!” Giờ thì Mack chú tâm vào cô bé, cố gắng nhớ lại từng chi tiết của nét mặt với tóc và đôi bàn tay. Trong lúc ấy, gương mặt Missy nở tung một nụ cười rạng rỡ, lộ rõ các lúm đồng tiền. Cử động thật chậm, cô khuếch đại những cử chỉ, anh nhìn thấy miệng cô bé với những từ: “Ồn mà, con...” và giờ thì cô bé ra dấu những từ... “yêu bố.”

Thật là quá sức và Mack khóc vì sung sướng. Nhưng anh vẫn không thể thôi nhìn cô bé, nhìn xuyên qua thác nước của anh. Thật là đau đớn khi đứng gần đến thế này, nhìn thấy cô bé đứng kiêu của Missy, một chân đằng trước, một tay chống hông, cườm tay úp vào người. “Con bé ồn thật phải không?”

“Còn hơn những gì anh biết. Cuộc sống này chỉ là buổi trưa của một thực tại kỳ vĩ hơn sắp đến. Chẳng ai đạt được tiềm năng của mình trong thế giới con người. Chỉ là một sự chuẩn bị cho kế hoạch từ đầu của Papa.”

“Tôi đến chỗ con bé được không? Chỉ ôm một cái thôi, hôn một cái thôi?” anh khẩn nài.

“Không. Con bé muốn như thế này.”

“Nó muốn như thế này?” Mack khó hiểu.

“Đúng. Nó là một đứa trẻ rất khôn ngoan, Missy của chúng ta. Tôi rất yêu mến nó.”

“Cô có chắc là nó biết tôi ở đây không?”

“Có, tôi biết chắc,” cô trấn an Mack. “Con bé rất hào hứng với cái ngày này, để chơi đùa với các anh chị, và được ở gần anh. Nó cũng rất muốn có mẹ ở đây nữa, nhưng chắc là phải chờ dịp khác.”

Mack xoay về phía người phụ nữ. “Mấy đứa con tôi cũng ở đây thật à?”

“Chúng đang ở đây, nhưng không phải. Chỉ có Missy thật sự ở đây thôi. Những đứa kia đang mơ và mỗi đứa đều có một ký ức mờ ảo về việc này - đứa này chi tiết hơn đứa khác nhưng không có đứa nào trọn vẹn hoặc hoàn toàn. Đây là một lúc rất thư thái trong giấc ngủ của mỗi đứa, trừ Kate. Giấc mơ này sẽ không dễ dàng với nó đâu. Nhưng Missy thì hoàn toàn tỉnh táo.”

Mack quan sát từng cử chỉ của Missy yêu dấu của anh. “Nó đã tha thứ cho tôi chưa?” anh hỏi.

“Tha thứ cho anh về việc gì?”

“Tôi đã phụ lòng nó,” anh thì thầm.

“Bản chất của nó là tha thứ, nếu có một điều gì đó để tha thứ, nhưng đâu có gì.”

“Nhưng tôi đã không ngăn chặn được hắn bắt nó đi. Hắn bắt con bé trong lúc tôi không chú ý...” anh lặc giọng.

“Anh còn nhớ chứ, anh đang cứu con trai mà. Chỉ có anh, trong toàn thể vũ trụ này, mới tin rằng mình đáng trách theo cách nào đó. Missy không tin điều đó, Nan cũng không, Papa cũng không. Có lẽ đã đến lúc cất đi điều đó - điều dối trá ấy. Mà Mackenzie này, cho dù anh có đáng trách thì tình yêu của con bé còn mạnh mẽ hơn nhiều so với lỗi lầm của anh nếu có.”

Vừa lúc ấy ai đó gọi tên Missy và Mack nhận ra giọng nói ấy. Cô bé rú lên vui mừng rồi chạy trở lại với những đứa kia. Bất ngờ cô dừng rồi chạy ngược lại đến bố. Cô bé choàng tay ôm như thể đang ôm anh và, với đôi mắt khép, làm điệu bộ một nụ hôn. Đằng sau bức ngăn cách anh cũng ôm lại. Trong chốc lát, cô bé đứng hoàn toàn

bất động, như thể biết rằng mình đang trao cho bố một tặng phẩm kỷ ức, rồi vẫy chào, xoay lưng và chạy biến về phía bọn trẻ.

Và giờ đây Mack có thể nhìn thấy rõ giọng nói đã gọi Missy của anh. Chính Jesus đang chơi giữa bọn trẻ. Không chút rụt rè Missy nhảy vào vòng tay của Ngài. Ngài cho cô bé đánh đu hai lần rồi đặt xuống đất, và rồi, mọi người cười đùa trước khi săn tìm những viên sỏi để lia trên mặt hồ. Âm thanh vui đùa ấy là một bản giao hưởng bên tai Mack, và trong lúc ngắm nhìn, nước mắt anh tuôn ròng.

Đột nhiên, không hề báo trước, tiếng nước rống lên từ bên trên, ngay phía trước anh, và lần át hết mọi cảnh tượng và âm thanh của các con anh. Theo bản năng, anh nhảy lùi lại. Giờ đây anh nhận ra các bức tường hang động đã biến mất quanh anh, và anh đang đứng trong một cái hang ở phía sau thác nước.

Mack cảm thấy đôi bàn tay của người phụ nữ đặt lên vai anh.

“Kết thúc rồi à?” anh hỏi.

“Giờ thì vậy thôi,” cô đáp dịu dàng. “Mackenzie, phán xét không phải để hủy hoại, mà để nhìn mọi việc cho chính đáng.”

Mack mỉm cười. “Tôi không còn cảm thấy bế tắc nữa.”

Cô nhẹ nhàng hướng anh đi về phía bên cạnh thác nước cho đến khi anh lại nhìn thấy Jesus trên bờ hồ, vẫn đang lia những hòn sỏi. “Tôi nghĩ có người đang chờ anh.”

Đôi bàn tay cô siết nhẹ và rời vai anh và anh biết mà không cần nhìn rằng cô đã đi. Sau khi cẩn thận trèo lên mấy tảng đá trơn trượt và đi qua đám sỏi đá ướt, anh tìm thấy một lối đi vòng qua mép thác, rồi đi xuyên qua màn sương thanh khiết từ nước tuôn trào, để quay trở lại với ánh sáng ban ngày.

Mệt lử nhưng viên mãn tận thâm tâm, Mack dừng lại và nhắm mắt trong chốc lát, cố khắc ghi những chi tiết về sự hiện diện của Missy cho không phai mờ trong tâm trí, những mong những ngày sắp tới anh có thể khơi gợi lại từng khoảnh khắc với con, từng sắc thái và chuyển động.

Và đột nhiên anh nhớ Nan thật, thật nhiều.

TRONG BỤNG QUÁI THÚ

Con người chẳng bao giờ làm ác thật trọn vẹn và hả hê như khi họ động thủ vì một sự nhận thức tôn giáo.

— Blaise Pascal

Một lần bỏ Chúa và giới thống trị trở nên Chúa trời.

— G.K.Chesterton

Khi Mack lần bước theo lối mòn về phía bờ hồ, anh đột nhiên nhận ra thiếu vắng một điều gì đó. Kẻ đồng hành chung thủy của anh, *nỗi đau*, đã biến mất. Cứ như nó đã bị gột sạch trong màn sương của thác nước khi anh bước ra từ phía sau rèm nước. Sự trống vắng mang lại cảm giác khác lạ, thậm chí cả khó chịu. Mấy năm qua, nó đã ấn định cho anh một sự bình thường, nhưng giờ đây nó đột ngột biến mất. “Sự bình thường là một điều hoang tưởng,” anh nhủ thầm.

Nỗi đau không còn thuộc về bản thể của anh nữa. Giờ đây, anh biết rằng Missy sẽ không màng nếu anh thôi không vác lấy nó. Thật ra cô bé chẳng muốn anh bị trùm lấp trong nó và sẽ thấy nhẹ lòng nếu anh giữ bỏ được. Anh thắc mắc giờ đây mình sẽ ra sao một khi giữ bỏ được sạch chuyện đó - đón chào từng ngày không chút cản trở và tuyệt vọng vốn trước đoạt của vạn vật mọi sắc màu cuộc sống.

Khi bước ra khoảng đất thưa, anh nhìn thấy Jesus vẫn đang chờ, vẫn đang lia những hòn sỏi.

“Này, ta nghĩ được nhiều nhất là mười ba nhịp,” Ngài nói và phá lên cười rồi bước đến gặp Mack. “Nhưng Tyler hơn ta ba nhịp và Josh ném một lần đi nhanh quá không ai đếm kịp.” Khi ôm nhau, Jesus nói thêm: “Con có những đứa con thật đặc biệt, Mack. Con và Nan đã yêu thương chúng rất mực. Kate đang nỗ lực, như con biết rồi đó, nhưng chúng ta chưa xong đâu.”

Sự thoải mái và thân tình khi Jesus nói về các con anh đã làm anh xúc động sâu sắc. “Vậy chúng đi rồi à?”

Jesus lùi lại và gật đầu. “Đúng, trở về với những giấc mơ của chúng, ngoại trừ Missy, dĩ nhiên rồi.”

“Nó...” Mack bắt đầu.

“Nó rất vui được ở gần bên con như thế này, và sung sướng được biết con đã thanh thản hơn.”

Mack cố gắng giữ sự điềm tĩnh. Jesus hiểu và chuyển đề tài.

“Thế, gặp Sophia thế nào?”

“Sophia nào? À, thì ra là cô ấy!” Mack thốt lên. Rồi một nét khó hiểu hiện lên trên mặt anh. “Nhưng như vậy là các Ngài có bốn người à? Cô ấy cũng là Thiên Chúa?”

Jesus cười phá lên. “Không đâu Mack. Chúng ta chỉ có ba người thôi. Sophia là biểu hiện nhân hóa cho sự thông thái của Papa.”

“Ồ, giống như trong cách ngôn, sự thông thái biểu hiện thành một người phụ nữ vẫy gọi trên đường, cố tìm xem ai lắng nghe mình?”

“Chính là thế.”

“Nhưng,” Mack khựng lại để cúi người tháo dây buộc giày, “cô ta trông thật quá.”

“Ồ, cô ấy hoàn toàn thật,” Jesus đáp. Rồi Ngài nhìn quanh như thể xem thử có ai đang nhìn không và thì thầm: “Cô ấy là một phần của sự huyền bí quanh Sarayu.”

“Con yêu Sarayu,” Mack thốt lên trong khi đứng dậy, có phần ngạc nhiên trước sự mạch lạc của mình.

“Ta cũng vậy!” Jesus nhấn mạnh. Họ quay trở lại bờ hồ và im lặng đứng nhìn căn chòi phía bên kia.

“Thật là kinh khủng và thật là tuyệt vời, cuộc gặp của con với Sophia.” Mack rốt cục đã trả lời câu hỏi mà Jesus hỏi lúc nãy. Anh

chợt nhận ra mặt trời vẫn còn cao trên trời. “Chính xác là con đã đi bao lâu?”

“Chưa đến mười lăm phút, không lâu đâu,” Jesus đáp. Thấy ánh mắt hoang mang của Mack, Ngài nói thêm: “Thời gian với Sophia không giống như thời gian bình thường.”

“Thật ra thì,” Jesus bắt đầu nói nhưng chợt lại để lia lần cuối một hòn sỏi, “với Ngài, mọi chuyện đều bình thường và giản dị đến mức thanh tao. Vì con quá lạc lối và độc lập nên con mang đến với Ngài nhiều rắc rối, và kết quả là con thấy sự bình dị của Ngài là thâm sâu.”

“Vậy là con rắc rối và Ngài đơn giản. Phuhu! Thế giới của con đảo lộn rồi.” Mack đã ngồi xuống một tảng gỗ và cởi giày và vớ ra để đi bộ về. “Ngài giải thích chuyện này được không? Bây giờ đang giữa ngày, mà các con của con lại nằm mơ? Sao lại như thế được? Có cái gì thật không? Hay là con cũng đang nằm mơ?”

Jesus lại cười phá lên. “Muốn biết mọi chuyện diễn ra thế nào à? Đừng hỏi, Mack. Hơi nhức đầu đấy - liên quan đến sự kết nối thời gian. Chuyện của Sarayu. Thời gian, như con biết đó, chẳng có giới hạn gì đối với Đấng tạo ra nó. Con có thể hỏi Ngài, nếu muốn.”

“Không, chắc con sẽ chờ đợi. Con chỉ tò mò thôi,” anh cười một mình.

“Nhưng còn câu hỏi ‘Có cái gì thật không?’ thật hơn nhiều so với con tưởng tượng đấy.” Jesus ngưng lại một giây để Mack hoàn toàn chú ý. “Câu hỏi hay hơn có lẽ là, ‘Thật là gì?’”

“Con đang nghĩ là con chẳng biết gì cả,” Mack chống chế.

“Liệu tất cả những điều này có bót ‘thật’ không nếu nó diễn ra trong một giấc mơ?”

“Chắc con sẽ thất vọng đấy.”

“Tại sao? Mack, có rất nhiều điều đang diễn ra nơi đây so với khả năng nhận thức của con. Để ta trấn an cho con, tất cả chuyện này rất thật, thật hơn rất nhiều so với cuộc sống mà con đã biết.”

Mack ngáp ngừng, nhưng rồi quyết định đánh liều hỏi. “Có một điều con vẫn bận tâm, về Missy.”

Jesus bước đến ngồi cạnh anh trên khúc gỗ. Mack chồm người chống khuỷu tay lên đầu gối, nhìn xuyên qua đôi bàn tay xuống những viên sỏi gần đôi bàn chân. Cuối cùng, anh lên tiếng: “Con cứ nghĩ mãi về con bé, đơn độc trên chiếc xe tải đó, siết bao kinh hoàng...”

Jesus chồm sang đặt tay lên vai Mack rồi siết lấy. Ngài nói dịu dàng: “Mack, con bé chẳng bao giờ đơn độc đâu. Ta chẳng bao giờ rời nó; chúng ta chưa bao giờ rời nó một khoảnh khắc. Ta cũng chẳng thể bỏ rơi nó, hay con, hơn ta bỏ rơi chính bản thân mình.”

“Nó có biết Ngài ở đó không?”

“Có, Mack, nó biết. Ban đầu thì không - nỗi sợ hãi bao trùm và nó choáng sốc. Mất mấy tiếng đồng hồ từ trại lên đến đây. Nhưng Sarayu đã lấy thân mình phủ cho nó, Missy nguôi đi. Cuộc hành trình dài đã cho chúng ta cơ hội chuyện trò.”

Mack cố gắng đón nhận tất cả. Anh không thể nói được nữa.

“Con bé chỉ mới sáu tuổi thôi, nhưng Missy với ta là bạn bè. Chúng ta đã nói chuyện. Nó chẳng biết chuyện gì sắp xảy ra. Thật sự nó lo lắng hơn cho con và những đứa trẻ kia khi biết rằng con không thể tìm ra nó. Nó cầu nguyện cho con, cho sự bình an của con.”

Mack khóc, những giọt nước mắt tinh khôi lăn trên má anh. Lần này anh chẳng màng nữa. Jesus kéo anh vào vòng tay và ôm lấy.

“Mack, ta nghĩ con không nên biết mọi chi tiết. Ta biết chắc điều đó không giúp được gì cho con. Nhưng ta có thể nói cho con biết rằng không có một khoảnh khắc nào ta không ở bên cạnh nó. Nó biết sự bình an của ta, và con phải tự hào về con bé. Nó thật can đảm!”

Nước mắt giờ đây tuôn rơi tự do, nhưng Mack cũng nhận thấy lần này khác. Anh không còn đơn độc nữa. Không ngượng ngùng, anh khóc vào vai của con người này mà anh đã trở nên yêu thương. Với

mỗi tiếng nước nổi, anh cảm thấy sự căng thẳng trôi đi, thay bằng một sự nguôi ngoai sâu xa. Cuối cùng, anh hít một hơi và trút hết ra rồi ngẩng đầu lên.

Rồi không nói thêm một tiếng, anh đứng dậy, khoác giày lên vai rồi bước xuống nước. Mặc dù hơi chút ngạc nhiên khi bước chân đầu tiên của anh chạm đáy hồ và ngập đến mắt cá chân, anh không quan tâm. Anh dừng lại, xắn quần lên quá gối cho chắc ăn, rồi dần thêm một bước nữa xuống hồ nước lạnh. Lần này nước ngập đến ngang bắp chân, rồi bước tiếp theo ngập đến gần đầu gối, bàn chân anh vẫn đặt trên đáy hồ. Anh nhìn lại thấy Jesus đang đứng trên bờ khoanh tay trước ngực, theo dõi anh.

Mack quay lại nhìn về phía bờ hồ bên kia. Anh không biết chắc tại sao lần này mọi chuyện lại không được, nhưng anh quyết tâm cứ dần bước. Jesus đứng đó, nên anh chẳng có gì để lo lắng. Viễn cảnh của một cú bơi dài trong nước lạnh cũng không quá đáng sợ, nhưng Mack biết chắc anh có thể bơi được sang bên kia nếu buộc phải làm thế.

May mắn thay, khi anh đi bước kế tiếp, thay vì ngập sâu hơn thì anh lại hơi dâng cao lên, rồi cứ mỗi bước tiếp theo anh lại đi lên thêm nữa cho đến khi lại đứng trên mặt nước. Jesus đi cùng anh và cả hai tiếp tục sóng bước về phía căn chòi.

“Trò này lúc nào cũng hay ho hơn khi đi cùng nhau, con có nghĩ vậy không?” Jesus mỉm cười hỏi.

“Con nghĩ là vẫn còn phải học hỏi nữa.” Mack mỉm cười đáp lại. Anh nhận ra mình không quan tâm cho dù phải bơi đằng đằng hay sỏi bước đi trên nước, mặc dù đi bộ vẫn kỳ thú hơn. Điều anh quan tâm là Jesus đi cùng anh. Có lẽ rốt cục anh bắt đầu tin cậy Ngài, cho dù mới chỉ là những bước chập chững.

“Tạ ơn Ngài đã đi cùng con, đã nói chuyện với con về Missy. Con thật sự chưa bao giờ nói về chuyện đó với bất cứ ai. Cảm giác thật ghê gớm và kinh hoàng. Giờ đây chuyện đó chẳng còn ảnh hưởng như cũ nữa.”

“Sự tăm tối che giấu chiều kích thật sự của nỗi sợ hãi và sự dối trá cũng như những hối tiếc,” Jesus giảng giải. “Sự thật câu chuyện nhiều ẩn khuất hơn thực tại, cho nên trong tăm tối thì nó lại càng to lớn hơn. Khi ánh sáng soi rọi vào những góc ngách mà nó tồn tại trong con, con bắt đầu nhìn thấy bản chất thật sự của chúng.”

“Nhưng tại sao chúng ta lại cất giữ thứ đó trong lòng?” Mack chất vấn.

“Bởi vì chúng ta tin rằng ở đó sẽ an toàn hơn. Và, đôi khi, khi con là một đứa bé muốn sinh tồn thì nơi đó thật sự là an toàn. Thế rồi con lớn dậy bề ngoài, nhưng trong tâm hồn con vẫn là đứa bé trong hang động tăm tối vây quanh bởi lũ quái vật, và theo thói quen con cứ kết nạp chúng vào bộ sưu tập của mình. Tất cả chúng ta đều tầm tích những gì chúng ta quý trọng, con biết rồi còn gì?”

Điều này làm Mack mỉm cười. Anh biết Jesus đang ám chỉ đến chuyện mà Sarayu đã kể về việc sưu tầm nước mắt. “Vậy thì điều đó thay đổi như thế nào, đối với kẻ lạc lối trong tăm tối như con?”

“Thường thì khá chậm,” Jesus đáp. “Hãy nhớ, con không thể làm được một mình. Một số người cố gắng bằng mọi cách thức và thủ đoạn trí não. Nhưng lũ quái vật vẫn còn đó, chỉ chực chờ cơ hội để lộ diện.”

“Vậy bây giờ con làm gì đây?”

“Làm điều con đang làm rồi, Mack, học cách sống yêu thương. Không phải là một khái niệm đơn giản với con người đâu. Con phải vất vả để chia sẻ bất kỳ điều gì.” Ngài cười rồi tiếp. “Cho nên, đúng vậy, điều chúng ta mong muốn là con ‘hồi hướng’ về với chúng ta, rồi chúng ta sẽ đến và ngự trị trong con, và rồi chúng ta chia sẻ. Tình bằng hữu ấy là hiện thực, chứ không chỉ trong tưởng tượng. Chúng ta muốn cảm nghiệm cuộc sống này, cuộc sống của con, cùng nhau, trong một cuộc đối thoại, chia sẻ một hành trình. Con được chia sẻ trong uyên thâm của chúng ta và học cách yêu thương với tình yêu của chúng ta, rồi chúng ta... được nghe con cầu nhàu, kêu ca và phàn nàn, rồi...”

Mack bật cười lớn và xô bên cạnh Jesus.

“Dừng lại!” Jesus quát và đứng yên tại chỗ. Thoạt tiên, Mack tưởng đâu mình đã làm phật ý Ngài, nhưng Jesus đang nhìn chăm chú xuống nước. “Con thấy không? Kia, nó lại xuất hiện kia.”

“Cái gì?” Mack bước lại gần hơn và che mắt để cố nhìn xem Jesus đang quan sát cái gì.

“Kìa! Kìa!” Jesus hét lên một cách thì thào. “Đẹp quá! Chắc phải dài gần hai bộ!” Rồi Mack thấy nó, một con cá hồi khổng lồ lao đi cách mặt nước chừng một, hai bộ, dường như chẳng màng đến sự náo động nó đang gây ra bên trên.

“Ta cố bắt nó mấy tuần nay rồi, vậy mà giờ đây nó lại đến nhử ta,” Ngài cười. Mack quan sát, ngạc nhiên khi Jesus bắt đầu chạy lắt léo để cố đuổi kịp con cá và cuối cùng đành bỏ cuộc. Ngài ngược nhìn Mack, phấn khích như một đứa bé. “Tuyệt quá chứ hả? Chắc ta chẳng bao giờ bắt được nó.”

Mack bối rối trước toàn bộ cảnh tượng. “Jesus, tại sao Ngài không ra lệnh cho nó... Con không biết, nhảy lên thuyền hay cắn câu. Ngài là Đấng Tạo hóa mà?”

“Được thôi,” Jesus nói vừa cúi người khoát tay trong nước. “Nhưng làm vậy thì có gì vui hả” Ngài ngược lên mỉm cười.

Mack không biết nên cười hay khóc. Anh nhận ra mình đã siết bao mền yêu con người này, con người còn là Chúa.

Jesus đứng dậy và họ lại cùng nhau đi thơ thẩn về phía cầu tàu. Mack đánh liều hỏi một câu nữa. “Con muốn hỏi, tại sao Ngài lại không nói cho con biết về Missy sớm hơn, chẳng hạn đêm qua, hay năm ngoái...?”

“Dừng nghĩ ta đã không thử. Con có nhận thấy trong cơn đau con đã nghĩ về ta tệ hại nhất? Từ bấy lâu nay ta vẫn nói chuyện với con, nhưng hôm nay là lần đầu tiên con có thể nghe thấy, và tất cả mọi lần khác cũng chẳng phải là lãng phí. Như những vết nứt nhỏ trên tường, mỗi lúc một chút, nhưng hợp lại chúng đã dọn đường cho

con ngày hôm nay. Con phải dành thời gian để dọn đất nếu muốn gieo mầm.”

“Con không biết tại sao chúng con cưỡng lại, cưỡng lại *Ngài* quá nhiều,” Mack trầm ngâm. “Giờ đây thấy thật ngu ngốc.”

“Tất cả là sự vi diệu thời gian của ân sủng, Mack,” Jesus nói tiếp. “Nếu vũ trụ chỉ chứa đựng một con người, thời gian sẽ khá đơn giản. Nhưng thêm một người nữa, và con biết câu chuyện rồi. Mỗi sự lựa chọn đều làm lay động thời gian và các mối tương quan, dội lại từ những sự lựa chọn khác. Và từ trong bối cảnh dường như là hỗn mang đồ sộ ấy: Papa đã dệt nên một tấm thảm tráng lệ. Chỉ có Papa làm được chuyện này, và Ngài đã làm bằng ân điển.”

“VẬY chắc là con chỉ việc đi theo Ngài,” Mack đúc kết.

“Đúng, ý nghĩa là như thế. Giờ đây, con bắt đầu hiểu được làm con người đích thực nghĩa là gì.”

Họ đến mép cầu tàu và Jesus nhảy lên, xoay lại đỡ Mack. Họ cùng ngồi ở mép sàn đồng đưa những bàn chân trần trong nước, ngắm nghía hiệu ứng mê hoặc mà gió tạo ra trên mặt hồ. Mack là người phá vỡ sự im lặng trước tiên.

“Có phải con nhìn thấy thiên đàng khi nhìn thấy Missy không? Trông rất giống ở đây.”

“Mack, đích đến cuối cùng của chúng ta không phải là bức tranh Thiên đàng mà con gắn trong đầu - cái hình ảnh cổng vào dát ngọc và lối đi trải vàng. Mà nó chính là một sự thanh tẩy mới mẻ của vũ trụ này, cho nên thật sự nó sẽ trông rất giống ở đây.”

“Thế còn những thứ vàng ngọc kia thì sao?”

“Thứ ấy, người anh em ạ,” Chúa ngả người nằm ra trên cầu tàu và nhắm mắt lại trong tiết trời ẩm áp và rục rịch, “là một bức tranh của ta và người phụ nữ mà ta yêu.”

Mack nhìn Ngài để xem Ngài có đùa không, nhưng rõ ràng là không.

“Đó là một bức tranh của cô dâu của ta, Giáo hội: những cá nhân cùng nhau hợp quần thành một kinh thành tâm linh với dòng sông uốn lượn ở giữa, và hai bên bờ cây trái trĩu quả để xoa dịu khổ đau và trầm buồn của các quốc gia. Và thành phố ấy lúc nào cũng rộng mở, và mỗi cánh cổng lối vào được làm bằng một viên ngọc trai...” Ngài mở một mắt ra nhìn Mack. “Là ta đấy!” Ngài thấy câu hỏi của Mack và giải thích: “Ngọc trai, Mack. Thứ đá quý duy nhất làm bằng đau đớn, khổ sở và - cuối cùng là - cái chết.”

“Con hiểu rồi. Ngài là lối vào, nhưng...” Mack khựng lại, tìm từ thích hợp. “Ngài đang nói về giáo hội như một người phụ nữ Ngài yêu thương; con dám chắc là con chưa bao giờ gặp nàng.” Anh hơi ngoảnh đi. “Nàng không phải là nơi con đến vào ngày Chúa nhật,” Mack như nói với chính mình thì hơn, không chắc có an toàn để nói lớn tiếng không.

“Mack, đó là vì con chỉ nhìn thấy cái định chế, một hệ thống do con người tạo tác. Đó không phải là thứ ta đến để tạo dựng. Những gì ta nhìn thấy là con người và cuộc sống của họ, một cộng đoàn sống động đang bao gồm tất cả những kẻ yêu ta, chứ không phải là các tòa nhà và những chương trình.”

Mack hơi chột dạ khi nghe Jesus nói về “giáo hội” như thế này, nhưng rồi anh lại không thấy ngạc nhiên lắm. Mack thấy nhẹ lòng. “Vậy thì làm sao con trở thành một bộ phận của giáo hội đó?” anh hỏi. “Người phụ nữ mà hình như Ngài say mê.”

“Đơn giản thôi, Mack. Tất cả chỉ là các mối tương quan và chia sẻ cuộc sống đơn thuần. Những gì chúng ta đang làm ngay lúc này - cứ làm thế này - và mở rộng ra với những người khác quanh ta. Giáo hội của ta chỉ hướng đến người và cuộc sống thì toàn các mối tương quan. Con không thể tạo dựng được đâu. Đó là công việc của ta và ta thật sự khá giỏi giang về việc đó,” Jesus vừa nói vừa cười.

Đối với Mack những lời này như một luồng không khí tinh khiết! Đơn giản. Chẳng phải là một mớ công việc đến kiệt lực hay một danh sách các đòi hỏi, và chẳng phải ngồi tụ họp bất tận nhìn vào gáy mọi người, những con người mà anh thậm chí chẳng hề biết.

Chỉ việc chia sẻ cuộc sống. “Nhưng, khoan...” Mack có một mớ câu hỏi bắt đầu trỗi dậy. Có lẽ anh đã hiểu sai. Điều này hình như *quá* đơn giản! Một lần nữa anh lại chột dạ. Có lẽ đó là do con người cực kỳ lạc lối và tự hữu nên chúng ta đã chọn những thứ đơn giản để biến thành phức tạp? Cho nên anh suy đi nghĩ lại về việc gạn hỏi điều mà anh bắt đầu hiểu ra. Mở miệng để hỏi một mớ những câu hỏi lộn xộn trong lúc này cũng như quăng cục đất vào một vũng nước trong.

“Không có gì cả,” anh chỉ nói có vậy.

“Mack, con không cần phải hình dung ra mọi chuyện. Cứ theo ta.”

Sau một đổi anh quyết định làm theo Jesus và nằm ngả người ra cạnh Ngài, che mắt tránh mặt trời để nhìn những đám mây trôi xa đầu buổi chiều.

“Thật tình mà nói,” anh thú nhận, “con không quá thất vọng về việc chẳng có ‘con đường dát vàng.’ Con luôn thấy điều đó thật nhàm chán, và chẳng hề thú vị như được ở đây với Ngài.”

Sự tĩnh lặng bao trùm trong khi Mack tận hưởng khoảnh khắc ấy. Anh nghe thấy tiếng xào xạc của gió mơn trớn những ngọn cây và tiếng reo của dòng suối gần đó đang đổ vào hồ. Tiết trời thật rục rỡ, khung cảnh choáng ngợp lòng người đến lạ thường.

“Con thật sự muốn hiểu. Ý con là con thấy Ngài rất khác với mọi thứ đầy thiện chí của giáo hội mà con đã quen thuộc.”

“Dù thiện chí đi nữa, con biết là cỗ máy tôn giáo đó có thể nghiền nát mọi người!” Jesus nói một cách chua cay. “Không biết cơ man nào là những điều được thực hiện nhân danh ta lại chẳng có dính líu gì đến ta và thường, cho dù không cố ý, rất đối nghịch với những mục đích của ta.”

“Ngài không mấy thích tôn giáo và các định chế?” Mack nói, không rõ mình đang đặt câu hỏi hay đang nhận xét.

“Ta vốn không tạo ra các thiết chế - chưa bao giờ, sẽ chẳng bao giờ.”

“Thế còn thiết chế hôn nhân thì sao?”

“Hôn nhân không phải là một thiết chế. Đó là một mối tương quan.” Jesus dừng lại, giọng Ngài đều đều và nhấn nài. “Như ta đã nói, ta không tạo ra các thiết chế; đó là công việc của những kẻ muốn đóng vai Chúa. Cho nên không, ta không quan trọng lắm về tôn giáo,” Jesus nói hơi chút châm biếm, “và cũng chẳng mấy thích chính trị hay kinh tế.” Nét mặt của Jesus chợt tối hẳn. “Nhưng tại sao ta phải thích? Đó là thứ ba ngôi đáng sợ do con người tạo ra để tàn phá trái đất và dối lừa những kẻ ta quan tâm. Có sự xáo trộn và âu lo nào về tinh thần nào mà con người phải đối diện lại không liên quan đến một trong ba thứ đó?”

Mack ngập ngừng. Anh không biết nói gì. Tất cả những điều này có cảm giác như hơi vượt quá đầu óc anh. Nhận ra ánh mắt Mack đang nhìn, Jesus dịu lại. “Nói một cách đơn giản, những thứ đáng sợ này là công cụ mà nhiều người dùng để làm trụ cột cho những ảo tưởng của họ về sự bảo đảm và trật tự. Con người e sợ sự bất định, e sợ tương lai. Những định chế này, những cấu trúc và ý thức hệ này, tất cả đều là một nỗ lực vô vọng để kiến tạo ý thức về sự đích xác và an lành. Tất cả đều sai! Các hệ thống không thể đem đến cho các con sự an lành, chỉ có ta thôi.”

“Chao ời” là từ duy nhất Mack nghĩ đến. Viễn cảnh mà anh và cũng như mọi người anh biết, tìm kiếm để chế ngự và lèo lái cuộc đời họ giờ đây chỉ còn lại không hơn một đồng gạch vụn. “Vậy thì,” Mack vẫn còn đang suy nghĩ lung, và chưa hẳn đã nghĩ ra đến nơi đến chốn. “Thì sao?” Ngài đáp bằng cách nhắc lại nó như một câu hỏi.

“Ta không có một lịch trình ở đây, Mack. Chỉ có thứ ngược lại,” Jesus thốt lên. “Ta đến để trao cho con cuộc sống trọn vẹn nhất. Cuộc sống của ta.” Mack vẫn còn đang căng thẳng để hiểu. “Sự bình dị và thanh khiết để tận hưởng một mối quan hệ nảy nở.”

“À, hiểu rồi!”

“Nếu con cố sống cuộc đời này thiếu ta, không có đối thoại tiếp diễn giữa chúng ta để cùng chia sẻ cuộc hành trình này, thì cũng

chẳng khác nào cố đi trên nước một mình con. Con không thể! Và khi cố sức, cho dù thiện ý, con cũng sẽ chìm.” Biết quá rõ câu trả lời, Jesus vẫn hỏi: “Con đã bao giờ cố cứu một ai đó đang chết chìm chưa?”

Ngực và cơ bắp của Mack chợt siết chặt lại theo bản năng. Anh không thích nhớ lại chuyện Josh với chiếc xuồng, và cảm nghiệm kinh sợ đột nhiên ập về từ ký ức.

“Cực kỳ khó cứu một ai đó trừ phi họ sẵn sàng tin cậy con.”

“Vâng, chắc chắn như vậy.”

“Đó là tất cả những gì ta yêu cầu ở con. Khi con bắt đầu chìm, hãy để ta cứu con.”

Dường như đó là một yêu cầu giản dị, nhưng Mack vốn quen là một người cứu hộ chứ không phải kẻ sắp chết chìm. “Jesus, con không chắc con biết cách...”

“Để ta chỉ cho con xem. Cứ trao cho ta khoản nhỏ nhoi mà con có được, và chúng ta sẽ cùng nhau quan sát nó nảy nở.”

Mack bắt đầu xỏ chân vào vớ và giày. “Ngồi đây với Ngài, trong phút giây này, mọi chuyện dường như chẳng mấy khó. Nhưng khi con nghĩ đến cuộc sống thường nhật ở nhà, con không biết làm sao để giữ cho nó được bình dị như Ngài đã khơi gợi. Con bế tắc trong việc phải chế ngự mà bất cứ ai cũng bị. Chính trị, kinh tế, các hệ thống xã hội, các thứ hóa đơn, gia đình, những cam kết... tất cả trở nên hơi lấn át. Con không biết làm sao để thay đổi tất cả.”

“Chẳng ai bảo con phải làm thế!” Jesus dịu giọng. “Đó là việc của Sarayu và Ngài biết cách làm để chẳng phải thô bạo với ai. Toàn bộ chuyện này là một quá trình chứ không phải một sự kiện. Ta chỉ muốn con tin cậy ta với chút gì con có được, và ngày càng thương yêu mọi người quanh con bằng chính tình yêu ta chia sẻ với con. Công việc của con không phải là thay đổi họ, hay thuyết phục họ. Con được tự do yêu thương không cần theo một lịch trình.”

“Đó là điều con muốn học.”

“Và con đã học được rồi.” Jesus nháy mắt.

Jesus đứng dậy đuổi người, Mack làm theo. “Con đã được nghe quá nhiều lời nói dối,” anh thú nhận.

Jesus nhìn anh rồi choàng tay kéo Mack lại để ôm anh. “Ta biết, Mack, ta cũng thế. Có điều ta đã không tin họ.”

Họ cùng sánh bước đi dọc cầu tàu. Khi lên đến bờ, họ đi chậm lại. Jesus khoác vai Mack và nhẹ nhàng xoay người anh cho đến lúc họ đối diện nhau.

“Mack, hệ thống thế giới là như vậy. Các định chế, các hệ thống, các ý thức hệ, và tất cả những nỗ lực vô vọng, phù phiếm của nhân loại đi theo họ khắp nơi, và việc tương tác với tất cả những điều đó là không thể tránh được. Nhưng ta có thể cho con sự tự do để vượt qua một bất kỳ hệ thống quyền lực nào mà con gặp phải, cho dù thuộc tôn giáo, kinh tế, xã hội hay chính trị. Con sẽ trưởng thành trong sự tự do được bao hàm bên trong hay nằm ngoài mọi loại hệ thống và hoạt động một cách tự do giữa chúng. Cùng với nhau, con và ta có thể được bao hàm trong nó mà không thuộc về nó.”

“Nhưng quá nhiều người mà con quan tâm dường như vừa bao hàm lại vừa thuộc về nó!” Mack đang nghĩ đến những bạn bè của mình, giáo dân bày tỏ tình yêu đối với anh và gia đình anh. Anh biết họ yêu Jesus, nhưng họ cũng chạy theo hoạt động tôn giáo và chủ nghĩa ái quốc.

“Mack, ta yêu họ. Và con đã phán xét sai lầm nhiều người trong số họ. Đối với những ai vừa bao hàm vừa trực thuộc nó, ta phải tìm những phương cách để yêu thương và phụng sự họ, phải không nào?” Jesus hỏi. “Hãy nhớ rằng người biết ta là những người tự do sống và yêu thương không cần một lịch trình nào.”

“Có phải đó là ý nghĩa làm một người Thiên Chúa giáo?” Khi nói ra Mack thấy có vẻ ngớ ngẩn, nhưng đó là cách anh đang đúc kết mọi thứ trong tâm trí.

“Ai nói gì về chuyện làm người Thiên Chúa giáo? Ta không phải là một kẻ Thiên Chúa giáo.”

Ý đó làm Mack thấy kỳ quặc và bất ngờ, rồi anh không nén được cười. “Không, con biết Ngài không phải.”

Họ đã đến cửa lán. Jesus lại dừng. “Những người yêu mến ta xuất phát từ từ mọi hệ thống tôn tại trên đời. Họ là người Phật giáo hay Mặc Môn giáo, Báp tít hay Hồi giáo, người Dân chủ hay Cộng hòa và nhiều người chẳng đi bầu hay chẳng sinh hoạt tôn giáo hay dự lễ sáng Chúa nhật. Ta có những tín đồ là sát nhân và nhiều người tự cho mình đúng. Một số là chủ ngân hàng hay đại lý đánh bạc, người Mỹ và người Irắc, Do Thái và Palestin. Ta chẳng có ước muốn biến họ thành những người Thiên Chúa giáo, nhưng ta muốn hòa nhập cùng họ trong quá trình họ chuyển hóa thành con cái của Cha ta, thành anh em với ta, thành Kẻ yêu dấu của ta.”

Mack hỏi, “Như vậy có phải là mọi con đường đều dẫn đến Ngài không?”

“Không phải,” Jesus vừa mỉm cười vừa vờ tay cầm tay nắm cửa lán. “Hầu hết mọi con đường chẳng đi đến đâu cả. Chỉ có điều ta sẽ đi trên mọi con đường để tìm được con.” Ngài dừng lại. “Mack, ta có chút việc phải hoàn tất trong lán, nên ta sẽ gặp con sau.”

“Được thôi. Ngài muốn con làm gì?”

“Làm gì cũng được, Mack, buổi chiều con được thoải mái.” Jesus vỗ vai anh và cười. “Một điều cuối cùng, có nhớ lúc nãy con cảm ơn ta đã để cho con gặp Missy không? Toàn bộ là ý của Papa.” Nói đoạn, Ngài quay đi và vẫy chào trong khi bước vào lán.

Mack biết ngay anh muốn làm gì và đi về phía căn chòi để thử tìm Papa.

NHỮNG TRÁI TIM HỘI NGỘ

Sự dối trá có vô vàn cách kết hợp, nhưng chân lý chỉ có một mô thức tồn tại.

— Jean Jacques Rousseau

Khi đến gần căn chòi, Mack ngửi thấy mùi bánh nướng hay bánh xốp hay món gì đó ngon lành. Có lẽ mới chỉ chừng một giờ đồng hồ từ lúc ăn trưa theo khái niệm chiều-thời gian của Sarayu, nhưng anh có cảm giác đã không ăn từ nhiều giờ qua. Cho dù có khiếm thị thì anh cũng sẽ chẳng khó khăn gì tìm được lối vào bếp. Nhưng khi bước vào cửa sau anh ngạc nhiên và thất vọng phát hiện ra nơi ấy trống vắng. “Có ai ở đây không?” anh gọi.

“Ta ở ngoài hiên, Mack,” giọng Ngài xuyên qua chiếc cửa sổ đang mở. “Lấy món gì để uống đi và đến đây với ta.”

Mack rót cho mình chút cà phê và đi ra ngoài hàng hiên. Papa đang ngả người trên một chiếc ghế tựa để thư giãn, mắt nhắm, ngoài nắng. “Cái gì vậy? Chúa có thời gian để sưởi nắng à? Ngài không có gì thú vị hơn để làm chiều nay phải không?”

“Mack, con không biết ta đang làm gì đâu.”

Có một chiếc ghế nữa bên phía đối diện, nên anh bước đến và khi anh ngồi xuống thì Ngài hé một mắt. Trên chiếc bàn nhỏ giữa họ là một khay bột nhào thịnh soạn với bơ mới và một mớ mứt cùng với thạch.

“Chà, món này thơm thật!” anh thốt lên.

“Thử đi. Công thức món này ta mượn của cụ tổ của chính con đấy. Làm trọn từ đầu,” Ngài mỉm cười.

Mack không rõ “làm trọn từ đầu” nghĩa là gì khi Chúa nói thế mà không giải thích gì thêm. Anh cầm một chiếc bánh nướng lên nhai mà không phết thêm thứ gì. Bánh vẫn còn nóng và tan khá nhanh trong miệng anh.

“Chà! Ngon thật! Cám ơn Ngài!”

“Con sẽ phải cám ơn cụ tổ khi gặp cụ.”

Mack vừa nhai vừa nói “Con hy vọng là sẽ không gặp cụ quá sớm.”

“Con không muốn biết à” Papa vừa nói vừa nháy mắt tinh nghịch rồi lại nhắm mắt.

Khi ăn một chiếc bánh nữa, Mack dồn hết can đảm để bộc bạch cõi lòng. “Papa?” anh hỏi, và lần đầu tiên việc gọi Chúa là Papa dường như không làm anh ngượng ngịu.

“Gì, Mack?” Ngài vừa trả lời vừa mở mắt ra và cười vui vẻ.

“Con đã khá gay gắt với Ngài.”

“Ừm, chắc là Sophia đã tác động đến con.”

“Còn gì nữa! Con không hề biết mình lại cả gan làm người phán xét Ngài. Nghe thật là ngạo mạn khủng khiếp.”

“Bởi vì thực tế là như vậy,” Pape vừa đáp vừa cười.

“Con rất tiếc. Con thật sự không biết...” Mack lắc đầu buồn bã.

“Nhưng chuyện đó giờ là quá khứ rồi, cứ mặc nó ở đó. Ta cũng chẳng cần con buồn rầu về chuyện đó, Mack. Ta chỉ muốn chúng ta cùng nhau nảy nở mà không cần đến nó.”

“Con cũng muốn điều đó,” Mack nói và với tay lấy một chiếc bánh nướng nữa. “Ngài không ăn bánh à?”

“Không, con cứ ăn đi; con biết rồi đó - khi nấu nướng phải nêm nếm này nọ và rồi thì không còn thềm ăn nữa. Con cứ ăn ngon miệng,” rồi Ngài nghiêng khay về phía anh.

Anh lấy thêm một cái nữa rồi ngả người thưởng thức. “Jesus nói với con rằng chính Ngài đã có ý cho con được ở gần Missy trưa nay. Con không biết làm sao để cám ơn Ngài về chuyện đó!”

“À, có gì đâu, con. Ta cũng rất vui mà! Ta cũng nôn nóng không chịu nổi muốn cho hai cha con gặp nhau.”

“Con ước gì Nan có mặt ở đây lúc ấy.”

“Như thế thì mỹ mãn rồi!” Papa đồng ý một cách hào hứng.

Mack ngồi im lặng, không rõ ý Ngài định nói gì hay là đáp lại như thế nào.

“Missy đặc biệt quá nhỉ?” Đầu Ngài lắc lắc và đong đưa. “Chao ời, ta đặc biệt thích con bé ấy.”

“Con cũng vậy!” Mack cười và nghĩ đến cô công chúa của mình sau thác nước. Công chúa? Thác nước? Khoan đã! Papa quan sát trong lúc những mảnh ghép nhảy vào các vị trí.

“Rõ ràng Ngài biết con gái của con mê các thác nước và nhất là huyền thoại về công chúa Multnomah.” Papa gật đầu. “Có phải chuyện này là như thế không? Con bé phải chết để Ngài có thể thay đổi được con?”

“Thôi mà, Mack.” Papa chồm tới. “Đó không phải là cách làm của ta.”

“Nhưng nó thích câu chuyện đó lắm.”

“Dĩ nhiên rồi. Cho nên nó mới trân trọng những gì Jesus đã làm cho nó và cho toàn thể nhân loại. Những câu chuyện về một con người sẵn sàng đánh đổi đời mình cho người khác chỉ là hoa trái trong thế giới của các con, bộc lộ cả nhu cầu của các con và trái tim ta.”

“Nhưng nếu con bé không chết, giờ này con sẽ không ngồi đây...”

“Mack, nếu ta thu vén mọi chuyện vô cùng khéo léo từ những thảm kịch bi ai thì không có nghĩa là ta phối tạo nên những thảm kịch ấy. Đừng bao giờ giả định rằng việc ta tận dụng một điều gì đó có nghĩa là ta gây ra nó hoặc ta cần đến nó để hoàn thành những mục đích của ta. Điều đó chỉ dẫn dắt con đến chỗ nhận thức sai lệch về ta. Ân sủng không cần đến khổ đau để tồn tại, nhưng khi khổ đau thì con sẽ tìm thấy ân sủng với nhiều khía cạnh và sắc thái.”

“Thật tình con thấy nhẹ lòng. Con không thể chịu được ý nghĩ rằng khổ đau của mình lại làm cho con bé đoản mệnh.”

“Con bé không phải là sự hy sinh của con, Mack. Nó đang và sẽ mãi mãi là niềm vui của con. Chỉ mục đích ấy thôi là quá đủ đối với nó.”

Mack dựa người vào ghế quan sát cảnh vật từ hàng hiên. “Con thấy no quá!”

“Con ăn gần hết bánh mà.”

“Ý con không phải vậy,” anh cười phá lên, “mà Ngài biết mà. Thế giới chợt như rạng rỡ hơn cả ngàn lần và con cảm thấy thư thái hơn cả ngàn lần.”

“Chứ sao, Mack! Làm người phán xét cho toàn thế giới đâu có đơn giản.” Nụ cười của Papa trấn an Mack rằng lý lẽ này là xác đáng.

“Hay là phán xét Ngài,” anh tiếp lời. “Con thật là bê bối... quá tệ so với con tưởng. Con đã hoàn toàn hiểu sai Ngài là ai trong cuộc đời con.”

“Không hoàn toàn đâu, Mack. Chúng ta cũng đã có những giây phút tuyệt vời. Cho nên đừng có phóng đại mọi chuyện so với thực tế.”

“Nhưng lúc nào con cũng thích Jesus hơn Ngài. Jesus trông thật là nhân từ còn Ngài trông thật là...”

“Thường? Buồn, phải không? Jesus đến để cho mọi người thấy ta là ai và hầu hết thiên hạ đều chỉ tin vào Ngài. Hầu như lúc nào họ cũng vẫn cho chúng ta là kẻ đả đốn người xoa, nhất là với các tín hữu. Khi muốn thiên hạ làm điều gì mà họ cho là chính đáng, họ cần một Chúa nghiêm khắc. Khi cần tha thứ họ lại chạy đến Jesus.”

“Chính xác,” Mack nói và vung ngón tay lên.

“Nhưng chúng ta đều ngự trị tất cả trong Ngài. Ngài thể hiện lòng ta một cách xác đáng. Ta yêu con và mời gọi con yêu ta.”

“Nhưng tại sao lại là con? Tại sao lại là Mackenzie Allen Phillips? Tại sao Ngài không yêu thương một kẻ ngỗ nghịch? Sau tất cả

những cảm xúc trong lòng con và sau bao nhiêu lời cáo buộc con đã đưa ra, tại sao Ngài vẫn muốn tiếp cận con?”

“Bởi vì đó là sứ mệnh của tình yêu,” Papa đáp. “Hãy nhớ, Mackenzie, ta không thắc mắc con sẽ làm gì hay con sẽ lựa chọn điều gì. Ta đã biết rồi. Chẳng hạn, thí dụ, ta đang cố dạy con làm sao đừng trốn tránh trong những lời dối trá, dĩ nhiên là giả thuyết thôi,” Ngài vừa nói vừa nháy mắt. “Và giả sử ta biết sẽ trải qua bốn mươi bảy hoàn cảnh và sự kiện để con rốt cục nghe lời ta - tức là, để con nghe thấy rõ và đồng ý với ta để thay đổi. Cho nên, khi con không nghe ta lần thứ nhất, ta chẳng giận và thất vọng, ta thích. Chỉ còn bốn mươi sáu lần nữa thôi. Và lần thứ nhất ấy sẽ là một viên gạch để xây nhíp cầu kết nối một ngày kia - tức hôm nay - con sẽ đi qua.”

“Được rồi, giờ thì con cảm thấy tội lỗi,” anh thú nhận.

“Nói ta nghe xem điều đó có tác động đến con ra sao,” Papa cười. “Nói một cách nghiêm túc, Mackenzie, không phải là chuyện cảm giác áy náy. Áy náy chẳng giúp con tìm thấy tự do trong ta. Điều tốt nhất nó làm được là khiến cho con cố gắng hơn để tương hợp với đạo lý bên ngoài. Ta là vấn đề bên trong.”

“Nhưng, chính Ngài nói. Về chuyện trốn trong những lời dối trá. Chắc là con đã làm điều đó bằng cách này hay cách khác trong hầu hết cuộc đời mình.”

“Con à, con là một kẻ sống sót. Không có gì xấu hổ trong chuyện đó. Cha của con đã làm con tổn thương ghê gớm. Cuộc sống làm đau con. Những lời dối trá là một trong những nơi chốn dễ dàng nhất để những người sống sót trốn chạy. Nó cho con một cảm nhận về sự bình an, một nơi mà con chỉ cần lệ thuộc vào chính mình. Nhưng đó là một nơi tăm tối, đúng không?”

“Rất tăm tối,” Mack gật đầu làu bàu.

“Nhưng con có sẵn lòng từ bỏ thứ quyền lực và sự bình an nó hứa hẹn với con không? Đó là vấn đề.”

“Ý Ngài là sao?” Mack ngược nhìn và hỏi.

“Những lời dối trá là một pháo đài nhỏ; bên trong chúng con cảm thấy bình an và quyền lực. Thông qua ngôi pháo đài nhỏ của sự dối trá con tìm cách lèo lái cuộc đời mình và tác động đến cuộc sống của những người khác. Nhưng pháo đài cần phải có tường thành, cho nên con đã dựng lên. Đây chính là sự biện hộ cho những lời dối trá. Con biết đó, cứ như con làm điều này để bảo vệ những người con thương yêu, để họ khỏi phải chịu đau đớn. Làm gì đi nữa, chỉ có như thế con cảm thấy ổn về những lời dối trá.”

“Nhưng, lý do con đã không nói với Nan về lá thư là vì nó có thể khiến cho nàng rất đau khổ.”

“Thấy chưa? Con lại mắc vào rồi, Mackenzie, biện bạch cho chính mình. Điều con nói chính là một lời dối trá trơ trẽn, nhưng con không thấy.” Ngài chồm tới. “Con muốn ta nói cho con biết sự thật là gì không?”

Mack biết Papa đang đào sâu, và đâu đó trong thâm tâm anh thấy nhẹ lòng vừa muốn nói về chuyện này lại vừa chực muốn cười phá lên. Anh không còn ngượng về điều đó. “K-h-ô-n-g,” anh thốt ra câu trả lời từ tốn, và cười điệu với Ngài. “Nhưng cứ nói đi nào.”

Ngài cười đáp lại rồi trở nên nghiêm trang. “Mack, sự thật là, lý do con không nói với Nan không phải là vì con cố tránh cho nàng khỏi đau khổ. Lý do thật sự là con sợ phải đối diện với những cảm xúc có thể gặp phải, cả từ nàng và từ bên trong con. Những cảm xúc làm cho con sợ hãi, Mack. Con đã nói dối để bảo vệ chính con, chứ không phải nàng!”

Anh ngả người ra. Papa nói đúng tuyệt đối.

“Và hơn nữa,” Ngài nói tiếp, “một lời dối trá như thế là không có tình. Nhân danh sự quan tâm đến nàng, lời nói dối của con đã trở thành chất ức chế trong quan hệ của con với nàng, và trong quan hệ của nàng với ta. Nếu con nói với nàng, có lẽ giờ đây nàng đang ngồi đây với chúng ta.”

Lời của Papa đối với Mack như một cú đấm giữa bụng. “Ngài cũng đã muốn nàng đến?”

“Đó là quyết định của con và nàng, nếu như nàng được cho một cơ hội để cân nhắc. Vấn đề là, Mack, con không biết chuyện gì sẽ xảy đến vì con quá bận rộn bảo vệ Nan.”

Một lần nữa, anh chao đảo trong áy náy. “Vậy bây giờ con làm gì?”

“Con nói với nàng, Mackenzie. Con đối diện với nỗi sợ phải bước ra khỏi bóng tối và nói với nàng, và xin nàng tha thứ và để cho sự tha thứ ấy chữa lành cho con. Hãy nhờ nàng cầu nguyện cho con, Mack. Hãy đón nhận những rủi ro của sự thành tâm. Khi con làm hỏng chuyện, hãy xin tha thứ. Đó là một quy trình, con à, và cuộc sống đủ hiện thực chẳng cần phải che đậy bởi những lời dối trá. Và hãy nhớ, ta lớn hơn những lời dối trá của con. Ta có thể hành động bất chấp chúng. Nhưng điều đó không làm cho chúng trở nên chính đáng và không ngăn được những tổn hại chúng gây ra hay những tổn thương chúng mang đến cho những người khác.”

“Nếu nàng không tha thứ cho con thì sao” Mack biết rằng đây thật sự là một nỗi sợ rất sâu xa mà anh phải chung sống. Anh cảm thấy an nhiên hơn nếu tiếp tục tung ra những lời nói dối mới để chồng lấp lên những lời trước đây.

“À, đó là rủi ro của niềm tin, Mack. Niềm tin không nảy nở trong một căn nhà của sự chắc chắn. Ta ngồi đây không phải để nói với con rằng Nan sẽ tha thứ cho con. Có khi nàng sẽ không hoặc không thể tha thứ, nhưng cuộc sống của ta bên trong con sẽ đón nhận rủi ro và sự bất định để chuyển hóa con bằng sự lựa chọn của con để trở thành một người nói sự thật, và đó sẽ là một điều kỳ diệu lớn hơn cả hồi sinh người chết.”

Mack dựa người để nuốt lấy những lời của Ngài. “Ngài có vui lòng tha thứ cho con không,” rốt cục Mack mở lời.

“Cách đây lâu rồi, Mack. Nếu con không tin ta thì hãy hỏi Jesus. Ngài cũng có mặt.”

Mack nhấp một ngụm cà phê, ngạc nhiên thấy nó vẫn nóng hệt như khi anh mới ngồi xuống. “Nhưng con đã cố gắng khá quyết liệt

để gạt Ngài ra khỏi cuộc sống của con.”

“Con người ngoan cường khi bị động đến báu vật gọi là tính độc lập do tưởng tượng của họ. Họ chôn giấu và cất giữ sự bệnh hoạn một cách khư khư. Họ tìm bản thể và giá trị của chọ trong đau khổ và canh giữ nó bằng tất cả sinh lực. Thảo nào ân sủng có sức hấp dẫn kém đến thế. Theo nghĩa đó thì các con đã cố khóa cánh cửa vào trái tim mình từ trong lòng.”

“Nhưng con đã không thành công.”

“Đó là vì tình yêu của ta lớn hơn nhiều so với sự ngu ngốc của con,” Papa vừa nói vừa nháy mắt. “Ta đã dùng những sự lựa chọn của con để phụng vụ một cách hoàn hảo cho các mục đích của ta. Có nhiều người như con, Mackenzie, rất cục giam mình vào trong một nơi rất chật hẹp với một con quái vật rồi sẽ phản bội họ, chứ chẳng hề đáp ứng hay đem lại điều mà họ vẫn đinh ninh. Bị giam hãm với một nỗi kinh hoàng như thế, một lần nữa họ lại có cơ hội để trở về với ta. Chính cái báu vật mà họ trông mong sẽ phóng thích họ.”

“Vậy là Ngài dùng nỗi đau để buộc con người trở lại với Ngài?” Rõ ràng Mack không ưng thuận.

Papa chồm tới và chạm nhẹ vào bàn tay Mack. “Con ơi, ta cũng tha thứ cho con ngay cả khi con nghĩ ta như thế. Ta hiểu con gặp khó khăn như thế nào, quá lạc lối trong những nhận thức nhưng lại quá tin chắc vào những phán xét của mình, đến mức không thể bắt đầu cảm nhận, chứ khoan nói đến *tưởng tượng*, tình yêu và sự nhân lành đích thực là ai. Tình yêu đích thực không bao giờ ép buộc.” Ngài siết bàn tay anh rồi ngả người vào ghế.

“Nhưng, nếu con hiểu đúng lời Ngài, những hậu quả của sự ích kỷ của chúng con đã góp phần đưa chúng con đi đến tận cùng của ảo tưởng, và giúp chúng con tìm được Ngài. Có phải đó là lý do Ngài không ngăn chặn mọi cái xấu? Có phải đó là lý do Ngài đã không cảnh báo con rằng Missy gặp hiểm nguy, hay giúp chúng con tìm ra con bé?” Âm sắc cáo buộc đã không còn trong giọng của Mack.

“Giá mà chuyện chỉ đơn giản có thể, Mackenzie. Chẳng ai biết được những nổi kinh hoàng mà ta đã cứu thế giới thoát khỏi, bởi vì con người không thể nhìn thấy những gì chưa từng xảy ra. Mọi cái xấu đều đến từ sự tự hữu, mà sự tự hữu là lựa chọn của các con. Nếu như ta cắt hết mọi sự lựa chọn với tính độc lập ấy, thế giới như con biết sẽ ngưng tồn tại và tình yêu chẳng còn ý nghĩa nữa. Thế giới này không phải là một cái sân chơi mà ta giữ gìn con cái mình khỏi mọi cái xấu. Cái xấu là sự hỗn mang của kỷ nguyên này mà các con mang đến cho ta, nhưng nó sẽ chẳng có tiếng nói sau cùng. Giờ đây, nó tác động đến mọi con người ta yêu thương, những kẻ theo ta và không theo ta. Nếu ta cắt đi những hậu quả từ sự lựa chọn của con người, ta hủy hoại cơ may của tình yêu. Tình yêu bị ép buộc thì chẳng còn là tình yêu nữa.”

Mack luồn tay vuốt tóc rồi thở dài. “Thật quá khó để hiểu.”

“Này con, để ta nói cho con nghe một trong những lý do làm con thấy vô nghĩa. Đó là vì con có một nhãn quan quá nhỏ về ý nghĩa của việc làm người. Con và Sáng thế này là kỳ quan, cho dù con có hiểu điều đó hay không. Con là kỳ tích ngoài tưởng tượng. Chỉ vì con có những sự lựa chọn tệ hại và hư tổn thì cũng không có nghĩa là con đáng bị cắt bớt phần trân trọng đối với bản chất cố hữu của con - đỉnh điểm trong Sáng thế của ta và tâm điểm trong tình cảm của ta.”

“Nhưng ... ” Mack buột miệng.

“Vội lại,” Ngài ngắt lời, “đừng quên rằng giữa tất cả đau đớn và khổ sở, con được vây phủ xung quanh bởi cái đẹp, kỳ quan của Sáng thế, nghệ thuật, âm nhạc và văn hóa, âm thanh của tiếng cười và tình yêu, của những lời ước vọng và chúc tụng thì thầm, của sự sống mới và sự chuyển hóa, của sự hòa giải và tha thứ. Những điều này cũng là kết quả của những sự lựa chọn của các con và mọi sự lựa chọn đều có liên quan, kể cả khi ẩn khuất. Vậy thì chúng ta phải cắt bỏ sự lựa chọn của ai, Mackenzie? Có lẽ ta chẳng bao giờ nên sáng tạo chẳng? Có lẽ Adam nên bị ngăn chặn trước khi ông ta chọn sự độc lập chẳng? Còn việc con lựa chọn có thêm một đứa con gái nữa thì sao, hay là sự lựa chọn của cha con khi đánh con

trai? Con đòi hỏi sự độc lập, nhưng rồi lại phàn nàn rằng ta quá yêu con nên đã trao cho con.”

Mack mỉm cười. “Con đã nghe điều đó rồi.”

Papa cười đáp lại và vói lấy một miếng bột. “Ta đã nói với con là Sophia đã tác động đến con.”

“Mackenzie, những mục đích của ta không hướng đến sự thư thái của ta, hay của con. Những mục đích của ta luôn luôn và chỉ là một biểu hiện của tình yêu. Ta chủ đích mang lại sự sống từ cái chết, mang lại tự do từ tuyệt vọng và biến bóng tối thành ánh sáng. Điều mà con thấy là hỗn độn, ta thấy là một bức phân hợp. Mọi thứ đều phải tỏ bày, cho dù nó đặt tất cả những kẻ ta yêu thương vào giữa một thế giới của những bi kịch khủng khiếp - thậm chí cả người gần kề nhất với ta.”

“Ngài đang nói đến Jesus phải không?” Mack hỏi dịu dàng.

“Ừ, ta yêu cậu trai đó.” Papa ngoảnh đi và lắc đầu. “Mọi thứ đều vì Ngài, con biết đó. Một ngày kia con sẽ hiểu Ngài đã từ bỏ điều gì. Chẳng có ngôn từ nào.”

Mack cảm nhận được cảm xúc của chính mình dâng lên. Một điều gì đó đang tác động đến anh một cách sâu xa khi anh nhìn Papa nói về con trai Ngài. Anh ngần ngại hỏi, nhưng rốt cục phá đi sự im lặng.

“Papa, Ngài giúp con hiểu chuyện này được không? Hiểu chính xác thì Jesus đã hoàn tất điều gì với cái chết của Ngài?”

Ngài vẫn đang nhìn ra phía khu rừng. “Ồ,” Ngài vẫy tay. “Chẳng có gì nhiều đâu... Chỉ là bản chất của vạn vật thuộc chủ đích của tình yêu từ trước lúc thiết lập Sáng thế.” Papa nói một cách thẳng thừng, rồi xoay sang cười.

“Ồ, nhưng vậy khá chung chung. Ngài có thể nói rõ hơn chút được không?” Mack hỏi một cách khá kiên quyết, hay anh tưởng như thế sau khi ngôn từ đã ra khỏi miệng.

Papa, thay vì khó chịu thì nhìn anh. “Chao ời, chắc con bắt đầu tự cao tự đại rồi nhỉ. Được đằng chân lân đằng đầu đấy.”

Anh cười đáp lại, nhưng miệng anh đang đầy và anh chẳng nói gì.

“Như ta đã nói, mọi thứ đều vì Ngài. Sáng thế và lịch sử đều vì Jesus. Ngài chính là trọng tâm của mục đích của chúng ta và trong Ngài chúng ta giờ đây là con người trọn vẹn, cho nên mục đích của chúng ta và định mệnh của các con liên kết với nhau vĩnh cửu. Con có thể nói rằng chúng ta đã cho tất cả trứng vào một rổ con người. Không có kế hoạch B.”

“Dường như khá rủi ro,” Mack phỏng đoán.

“Có lẽ đối với các con, nhưng đối với ta thì không. Chẳng bao giờ có một nghi vấn gì về chuyện ta sẽ đạt được điều ta muốn từ đầu.” Papa ngồi dậy và khoanh tay trên bàn. “Này con, con hỏi ta Jesus đã đạt được điều gì trên thập giá; vậy thì bây giờ hãy lắng nghe ta cho kỹ: bằng sự chết và sống lại của Ngài, ta giờ đây đã hòa hợp trọn vẹn với thế giới.”

“Cả thế giới? Ý Ngài là những ai tin ở Ngài, đúng không?”

“Toàn bộ thế giới, Mack. Tất cả những gì ta muốn nói với con là sự hòa hợp là một con đường hai chiều, và ta đã làm xong phần ta, trọn vẹn, hoàn toàn, dứt khoát. Bản chất của tình yêu không phải là ép buộc một mối tương quan mà bản chất của tình yêu là mở lối.”

Nói đoạn Papa đứng dậy và thu dọn đĩa để mang vào bếp.

Mack lắc đầu và ngược nhìn. “Vậy thì, con thật không hiểu về hòa hợp và con rất sợ cảm xúc. Có liên quan không?”

Papa không trả lời ngay, mà lắc đầu trong khi xoay người đi về hướng bếp. Mack nghe thấy Ngài lầm bầm và càu nhàu, như thể chỉ nói với bản thân: “Chao ơi! Có lúc ngốc tệ.”

Anh không tin được. “Con nghe thấy Chúa gọi con là ngốc phải không?” anh nói với qua cửa lưới.

Anh thấy Ngài nhún vai rồi mất dạng sau khúc quanh, rồi anh nghe thấy Ngài hét lên đáp lại về phía anh, “Nếu đúng thì nhận nhé, con. Vâng ạ, nếu mà đúng...”

Mack phá lên cười rồi ngồi xuống. Anh cảm thấy hoàn tất. Trí não anh đầy ắp, cũng như dạ dày. Anh bê mớ đĩa còn lại vào bếp rồi đặt chồng đĩa lên quầy, hôn lên má Papa rồi quay ra cửa sau.

ĐỘNG TỰ VÀ NHỮNG SỰ TỰ DO KHÁC

Chúa là một động từ.

— Buckminster Fuller

Mack bước ra ngoài giữa trưa nắng. Anh cảm thấy một cảm giác trộn lẫn khác lạ của trạng thái bị vắt kiệt như một cái giẻ mà lại tràn đầy sức sống một cách hồ hởi. Hôm nay thật là một ngày tuyệt vời thế mà mới chỉ hơn nửa ngày. Trong một khoảnh khắc, anh đứng lưỡng lự rồi thả bước về phía hồ. Khi nhìn thấy chiếc xuồng buộc vào cầu tàu, anh biết rằng có lẽ nó vẫn vĩnh viễn là một đấng, nhưng ý tưởng dong một chiếc đi trên hồ làm anh lần đầu tiên làm anh phấn khích sau nhiều năm.

Tháo chiếc cuối cùng ra khỏi mũi cầu tàu, anh rón rén ngồi vào rồi bắt đầu bơi chèo về phía bên kia. Suốt mấy giờ đồng hồ sau đó anh đi vòng quanh hồ để khám phá mọi ngóc ngách và xó xỉnh. Anh tìm thấy hai con sông và một đôi dòng suối bắt nguồn từ trên cao và dốc cạn vào vũng trũng bên dưới, rồi anh khám phá ra một điểm để thả trôi và ngắm thác. Hoa núi cao nở khắp nơi, thêm những vệt màu vào trong khung cảnh. Đây là sự cảm nhận êm đềm và nhất quán nhất về bình an mà Mack có được sau bao nhiêu năm - nếu như đã từng có.

Anh thậm chí hát vài bài, một vài bài thánh ca xưa và một vài bài dân ca, chỉ vì muốn hát. Hát cũng là một việc mà anh đã không làm từ lâu. Lục tìm lại quá khứ xa xôi, anh bắt đầu cất giọng cho ca khúc nhí nhố mà anh thường hát cho Kate: “K-K-K-Katie... Katie xinh đẹp, con là đứa duy nhất ta yêu...” Anh lắc đầu khi nghĩ đến con gái, thật cứng rắn nhưng thật mong manh; anh thắc mắc làm sao tìm được phương cách để tiếp cận trái tim của nó. Anh chẳng còn ngạc nhiên sao nước mắt dễ dâng lên trong mắt anh.

Một lúc, anh xoay người ngắm nhìn những xoáy nước tạo ra bởi mái chèo và lái và khi anh xoay lại thì Sarayu đang ngồi ở mũi

xuồng, nhìn anh. Sự hiện diện đột ngột của Ngài làm anh giật mình.

“Trời!” anh thốt lên. “Ngài làm con giật mình.”

“Ta xin lỗi, Mackenzie,” Ngài tạ lỗi, “nhưng bữa ăn tối sắp xong rồi và đã đến lúc ta mời con để quay về căn chòi.”

“Ngài đi với con suốt à?” Mack nghi vấn, vẫn còn hơi chút hồi hộp.

“Dĩ nhiên. Ta luôn ở bên con.”

“Vậy sao con không biết nhỉ?” Mack hỏi. “Gần đây, mỗi khi Ngài ở gần thì con đều biết.”

“Đối với con thì biết hay không,” Ngài giải thích, “chẳng liên quan chút gì đến việc ta thật sự có ở đây hay không. Ta luôn luôn ở bên con; đôi khi ta muốn con nhận biết theo một cách đặc biệt hơn - quốc tế hơn.”

Mack gật đầu tỏ ý hiểu và hướng xuồng về phía bờ và căn chòi. Giờ thì anh cảm nhận rõ rệt sự hiện diện của Ngài bởi cảm giác râm ran dọc sống lưng. Họ cùng đồng thanh cười.

“Liệu con lúc nào cũng có thể nhìn thấy hay nghe thấy Ngài như bây giờ, khi con đã về nhà hay không?”

Sarayu mỉm cười. “Mackenzie, lúc nào con cũng có thể trò chuyện với ta và ta sẽ luôn ở bên cạnh con, cho dù con có cảm nhận được sự hiện diện của ta hay không.”

“Giờ thì con biết rồi, nhưng làm sao con nghe thấy Ngài?”

“Con sẽ học cách nghe thấy tư tưởng của ta trong ý nghĩ của con, Mackenzie,” Ngài trấn an anh.

“Nghe rõ chứ? Nếu con lẫn lộn Ngài với giọng nói khác thì sao? Nếu con sai lầm thì sao?”

Sarayu cười phá lên, âm thanh như nước đổ, nếu đem phổ nhạc. “Dĩ nhiên con sẽ sai lầm, nhưng sẽ bắt đầu nhận ra giọng của ta rõ hơn khi chúng ta tiếp tục vun trồng cho mối quan hệ.”

“Con không muốn phạm sai lầm,” Mack cầu nhàu.

“Ồ, Mackenzie,” Sarayu đáp, “sai lầm là một phần của cuộc sống, và Papa cũng đi đến những mục đích của mình thông qua chúng.” Ngài thích thú và Mack không nén được nụ cười đáp lại. Anh đủ hiểu ý Ngài.

“Điều này thật khác xa với những gì con đã biết, Sarayu. Đừng hiểu lầm con - con yêu quý những gì các Ngài đã cho con trong kỳ cuối tuần này. Nhưng con không biết làm sao quay trở lại với cuộc sống. Dường như còn dễ chịu hơn khi sống với Chúa cho dù con tưởng Ngài là một người thống trị khát khe, hay thậm chí ném chịu nỗi cô đơn trong *nỗi đau* .

“Con nghĩ vậy?” Ngài hỏi. “Thật không?”

“Ít ra thì con dường như cũng kiểm soát được mọi chuyện.”

“*Dường như* là từ chính xác đấy. Nó đem lại gì cho con? *Nỗi đau* và thêm những khổ sở hơn sức con chịu đựng, những khổ sở đã tràn đến cả những người mà con quan tâm nhất.”

“Theo Papa thì đó là do con sợ hãi những cảm xúc,” anh bật bạch.

Sarayus cười phá lên. “Ta tưởng ý đó trao đổi cho vui.”

“Con sợ những cảm xúc,” Mack thú nhận, hơi chút bối rối vì dường như Ngài xem nhẹ chuyện đó. “Con không thích cảm giác của chúng. Con đã làm tổn thương mọi người với những điều đó và con không thể tin cậy chúng chút nào. Ngài đã tạo ra tất cả hay chỉ những cảm xúc tốt đẹp thôi?”

“Mackenzie.” Sarayu dường như nhắc bỗng lên không trung. Anh vẫn đang khó khăn để nhìn thẳng vào Ngài, nhưng với mặt trời chiều tà phản chiếu qua mặt nước, lại càng khó nhìn hơn nữa. “Cảm xúc là những sắc thái của tâm hồn; ngoạn mục và kỳ lạ. Khi con không cảm nhận, thế giới trở nên ảm đạm và vô vị. Cứ nghĩ xem *nỗi đau* đã làm chiết giảm màu sắc trong cuộc sống của con chỉ còn lại đơn sắc với sắc xám và đen.”

“Vậy hãy giúp con hiểu chúng,” Mack nài nỉ.

“Thật sự chẳng có gì nhiều để hiểu. Chúng là vậy thôi. Chúng chẳng xấu cũng chẳng tốt. Đây là một câu để giúp con sắp xếp trong tâm trí, Mackenzie. Những mô thức khơi gợi cảm nhận và những cảm nhận khơi gợi cảm xúc. Hầu hết các cảm xúc là sự hồi đáp của cảm nhận - những gì con cảm thấy chính đáng đối với một cảnh huống cụ thể. Nếu cảm nhận của con sai, thì phản ứng về cảm xúc của con cũng sai. Cho nên hãy kiểm soát cảm nhận của con, và trên nữa là kiểm soát tính đúng đắn trong các mô thức của con - những điều con tin tưởng. Việc con vững tin một điều gì đó không làm cho nó trở nên đúng đắn. Hãy tự nguyện xét vấn những điều con tin tưởng. Càng sống trong chân lý thì cảm xúc của con càng giúp con nhìn rõ. Nhưng thậm chí khi ấy, con cũng không nên tin cậy ở chúng nhiều hơn ở ta.”

Mack để mặc cho mái chèo xoay trong lòng bàn tay khi nó bị tác động trong dòng nước. “Cảm giác giống như sống với một mối quan hệ - Ngài biết đó, tin cậy và trò chuyện với Ngài - khó khăn hơn là chỉ đơn thuần làm theo giáo luật.”

“Giáo luật nào vậy, Mackenzie?”

“Ngài biết đó, mọi điều mà Kinh Thánh dạy chúng con phải làm.”

“Được rồi...” Ngài nói một chút ngập ngừng. “Thế đó là những điều gì?”

“Ngài biết đó,” anh đáp một cách châm biếm. “Nào là làm lành và lánh dữ, tử tế với kẻ khó, đọc kinh, cầu nguyện, đi lễ. Những điều đại loại như vậy.”

“Ta hiểu. Và nó có tác động thế nào với con?”

Anh cười. “Con chưa bao giờ thực hành sốt sắng lắm. Con cũng có những lúc không quá tệ, nhưng lúc nào cũng có điều gì đó khiến con trần trở, hay cảm thấy áy náy. Con chỉ nghĩ rằng mình phải cố gắng hơn nữa, nhưng con thấy khó mà dung dưỡng được động lực ấy.”

“Mackenzie!” Ngài quở, lời Ngài tuôn trào đầy tình cảm. “Kinh Thánh không dạy con tuân thủ giáo luật. Nó là một bức tranh về

Jesus. Mặc dù lời lẽ có thể cho con hình dung Chúa là ai và thậm chí cả những kỳ vọng của Chúa nơi con, con chẳng thể nào làm được điều gì tự thân mình. Sự sống và đời sống nằm *trong Ngài* chứ không ở đâu khác. Chao ời, con lại nghĩ mình có thể sống đời công chính của Chúa một mình sao?”

“À... con tưởng vậy...” anh nói một cách bẽn lễn. “Nhưng Ngài cũng phải công nhận, luật lệ và các nguyên tắc đơn giản hơn các mối quan hệ.”

“Đúng là các mối quan hệ hoàn toàn rắc rối hơn luật lệ, nhưng luật lệ chẳng bao giờ cho con lời đáp về những nan đề sâu xa trong lòng và chúng cũng chẳng thương yêu gì con.”

Nhúng tay xuống nước, anh nghịch nước và ngắm nhìn những gì do chuyển động của tay mình tạo nên. “Con đang nhận ra mình có quá ít lời đáp... cho mọi thứ. Ngài biết đó, Ngài đã làm cho con đảo lộn từ dưới lên trên hay từ trong ra ngoài hay đại loại.”

“Mackenzie, tôn giáo là nhằm có được những lời đáp đúng, và một số lời đáp của họ là đúng. Nhưng ta đang nói về tiến trình đưa con đến với *lời đáp sống* và một khi đã đến được với Ngài, Ngài sẽ thay đổi con từ bên trong. Có rất nhiều người khôn ngoan có thể nói ra nhiều điều đúng đắn từ trí não họ vì họ được bảo ban đâu là những lời đáp đúng, nhưng họ chẳng hề biết ta. Thế thì, làm sao những lời đáp của họ là đúng được cho dù họ nói đúng, con tỏ ý ta chẳng?” Ngài cười với việc chơi chữ của mình. “Cho nên mặc dù họ có thể đúng, họ vẫn là sai.”

“Con hiểu lời Ngài nói. Con đã làm thế nhiều năm sau khi học trường dòng. Con đã có những lời đáp đúng, đôi khi, nhưng con chẳng biết Ngài. Kỳ cuối tuần này, sống cùng với Ngài thì sáng tỏ hơn nhiều so với bất kỳ lời đáp nào trong số đó.” Họ tiếp tục đi chuyển lững lờ theo dòng nước.

“Vậy liệu con có gặp lại Ngài không?” anh rụt rè hỏi.

“Có chứ. Con có thể thấy ta trong một tác phẩm nghệ thuật, hay âm nhạc hay trong thỉnh lặng, hay thông qua con người, hay trong

Sáng thế, hay trong niềm vui và nỗi buồn của con. Khả năng giao tiếp của ta là vô giới hạn, sống động và chuyển biến, và lúc nào nó cũng sẽ hòa nhịp với nhân lành và tình yêu của Papa. Và con sẽ nghe thấy và trông thấy ta trong Kinh Thánh một cách mới mẻ. Đừng cố tìm kiếm những luật lệ hay nguyên tắc; hãy tìm kiếm những mối tương quan - một phương cách để đến với chúng ta.”

“Nhưng vẫn không giống như có Ngài ngồi trên xuống của con.”

“Không, sẽ hay hơn nhiều so với con biết đấy, Mackenzie. Và khi con ngủ sau cùng trong thế giới này, chúng ta sẽ có vĩnh hằng cùng nhau - trực diện.”

Thế rồi Ngài biến mất. Mặc dù anh biết rằng đích thực thì không phải.

“Vậy thì xin Ngài, hãy giúp con sống trong chân lý,” anh nói lớn. “Có khi lấy đó làm câu cầu nguyện,” anh nghĩ bụng.

Khi Mack về chòi anh thấy Jesus và Sarayu đã có mặt và an tọa quanh bàn. Papa bận rộn như thường lệ mang ra những đĩa món ăn bốc mùi ngon lành, một lần nữa chỉ có vài món mà Mack nhận ra, và thậm chí khi đó anh cũng phải nhìn kỹ lại để quả quyết đó là món anh quen thuộc. Nhìn thấy ngay là thiếu rau. Anh đi vào buồng tắm để rửa ráy và khi quay lại thì ba người đã bắt đầu ăn rồi. Anh kéo chiếc ghế thứ tư ra và ngồi xuống.

“Thật ra các Ngài đâu cần phải ăn, đúng không nào?” anh hỏi trong lúc bắt đầu múc vào chén một món trông giống súp hải sản nước trong, có mực với cá và những thứ cao lương mỹ vị mơ hồ khác.

“Chúng ta chẳng phải làm gì cả,” Papa khẳng định khá hùng hồn.

“Vậy thì tại sao các Ngài lại ăn?” Mack chất vấn.

“Để ở bên con, con ạ. Con cần ăn, thế thì còn nguyên cơ nào hay ho hơn để ở bên nhau.”

“Dù sao, tất cả chúng ta đều thích nấu nướng,” Jesus nói thêm. “Và ta thích thức ăn - rất thích. Chẳng có thứ gì qua được một chút xíu mại, ugali, nipla hay kori banaje làm cho bữa ăn thêm ngon lành. Ăn tráng miệng với kẹo bơ dẻo hoặc tiramisu và trà nóng. Chẹp! Ngon đến thế là cùng.”

Mọi người cười phá lên rồi lại quây quần chuyển tay những đĩa thức ăn để lấy món. Trong khi ăn, Mack lắng nghe ba người đùa với nhau. Họ trò chuyện và cười như những người bạn cố tri đã quen nhau một cách thân tình. Trong khi nghĩ về điều đó, anh thấy điều đó càng đúng một cách hiển nhiên với các đấng ấy hơn bất kỳ ai trong hay ngoài Sáng thế. Anh ghen tị với cuộc đối thoại vô tư nhưng kính cẩn ấy và băn khoăn làm thế nào để thuật lại điều đó với Nan và thậm chí với một số bạn hữu.

Một lần nữa, Mack lại choáng váng bởi sự kỳ thú và xiết bao vô lý của khoảnh khắc này. Tâm trí anh đi lan man theo những cuộc đối thoại kỳ lạ của mình trong hai mươi bốn giờ qua. Chao ơi! Anh mới có mặt ở nơi này có một ngày sao? Rồi anh sẽ làm gì với tất cả những chuyện này khi trở về nhà? Anh biết rằng mình sẽ kể hết với Nan mọi chuyện. Nàng có thể chẳng tin anh và anh cũng chẳng trách nàng; nếu là anh thì anh cũng chẳng tin nổi bất cứ điều gì.

Khi tâm trí anh tăng tốc anh cảm thấy chính mình lìa ra khỏi những vị kia. Chuyện này hoàn toàn không thể có thật. Anh nhắm mắt và cố gạt ra ngoài những lời đối thoại đang diễn ra quanh mình. Đột nhiên, không gian bỗng im lặng đến chết chóc. Anh từ từ hé một mắt, lơ mơ hy vọng sẽ thức dậy tại nhà. Thế nhưng, Papa, Jesus và Sarayu đều đang nhìn anh với những nụ cười ngớ ngẩn nghếch trên mặt. Anh thậm chí chẳng tìm cách phân trần. Anh biết là họ biết.

Thế rồi anh chỉ vào một đĩa rồi hỏi, “Con thử món đó được không?” Cuộc trò chuyện lại tiếp diễn và lần này anh lắng nghe. Nhưng rồi một lần nữa, anh lại cảm thấy mình lìa ra. Để cưỡng lại điều đó, anh quyết định đặt một câu hỏi.

“Tại sao các Ngài yêu thương con người chúng con? Chắc là... con...” Khi nói ra anh mới nhận thấy mình chưa hình thành câu hỏi

đến nơi đến chốn cho lắm. “Con muốn hỏi là tại sao các Ngài yêu thương con, khi con chẳng có gì để dâng hiến?”

“Nếu con đã nghĩ đến điều đó, Mack,” Jesus đáp, “con sẽ cảm thấy thật thoải mái khi biết rằng con chẳng có thể dâng hiến điều gì cả, ít nhất là những thứ có thể bồi đắp hay tước đoạt đối với chúng ta... Điều đó sẽ giải tỏa mọi áp lực với việc sống trọn.”

“Vậy con có yêu thương con cái của mình nhiều hơn khi chúng sống trọn tốt lành không?” Papa tiếp lời.

“Không, con hiểu ý Ngài.” Mack dừng lại. “Nhưng con cảm thấy viên mãn hơn vì chúng nó thuộc về cuộc đời con - phải không?”

“Không,” Papa nói. “Chúng ta đã trọn vẹn viên mãn trong bản thể chúng ta. Con cũng được tạo lập để hiện hữu trong cộng đồng, với hình hài như hình dung của chúng ta. Cho nên đối với con việc cảm nhận như thế về con cái mình, hay bất kỳ điều gì ‘bổ sung’ cho mình đều là hoàn toàn tự nhiên và chính đáng. Hãy nhớ, Mackenzie, ta không phải là một con người, trong chính bản chất của ta, bất kể chúng ta đã chọn lựa để ở cùng con như thế nào trong kỳ cuối tuần này. Ta thật sự là con người, trong Jesus, nhưng bản chất của ta hoàn toàn là một bản thể khác.”

“Ngài biết đó - dĩ nhiên là Ngài biết,” Mack nói một cách hối lỗi - “con chỉ theo kịp dòng tư tưởng ấy đến đó thôi, và rồi con lạc nhịp và trí não ù đặc.”

“Ta hiểu,” Papa ghi nhận. “Tâm trí con không thể nhìn thấy điều gì mà con không thể cảm nghiệm.”

Mack nghĩ về điều đó trong chốc lát. “Chắc là vậy... Dù gì thì cũng... ù đặc.”

Khi mọi người đã thôi cười phá lên, Mack nói tiếp. “Các Ngài biết rằng con thật sự biết ơn về mọi chuyện, nhưng các Ngài đã dồn quá nhiều thứ một lúc trong kỳ cuối tuần này. Con sẽ làm gì khi trở về nhà? Giờ đây, các Ngài muốn điều gì ở con?”

Jesus và Papa đều xoay sang Sarayu trong khi Ngài đang sắp cho một nĩa đầy thức ăn vào miệng. Ngài từ từ đặt nĩa xuống đĩa trở lại

rồi đáp lại nét mặt hoang mang của Mack.

“Mack,” Ngài cất giọng, “con phải tha thứ cho hai vị này. Con người có thiên hướng tái tạo ngôn ngữ theo tính độc lập của họ và cần thể hiện. Cho nên khi ta nghe thấy ngôn ngữ bị lạm dụng cho các luật lệ thay vì để chia sẻ đời sống với chúng ta, ta khó mà ngồi yên lặng được.”

“Thì cứ việc thôi,” Papa tiếp lời.

“Vậy thì con đã nói gì?” Mack hỏi, giờ đây hết sức tò mò.

“Mack, cứ ăn tiếp đi. Chúng ta có thể nói chuyện trong khi con ăn mà.”

Mack nhận thấy anh cũng đang có một nĩa đầy thức ăn sắp cho vào miệng. Anh cảm động ăn tiếp trong lúc Sarayu bắt đầu nói. Trong lúc nói chuyện, dường như Ngài nhấc lên khỏi ghế và tỏa sáng lung linh với một điệu nhảy của các sắc màu dịu dịu và căn phòng dật dìu tràn ngập hàng loạt hương thơm, như mùi trầm và ngây ngất.

“Ta sẽ trả lời câu đó bằng cách cho con một câu hỏi. Tại sao con nghĩ chúng ta đặt ra Mười điều răn?”

Một lần nữa Mack lại sắp đưa nĩa lên miệng, nhưng anh cứ ăn trong khi nghĩ cách trả lời Sarayu.

“Con đoán rằng, hoặc ít ra con cũng được dạy rằng, đó là một bộ phép tắc mà Ngài mong muốn con người vâng phục để sống công chính trong ơn lành của Ngài.”

“Giá như điều đó đúng, nhưng không phải,” Sarayu phản bác, “thế thì con nghĩ bao nhiêu người đã sống công chính đúng mực để được hòa nhập vào ân sủng của chúng ta?”

“Không nhiều lắm, nếu mọi người giống như con,” Mack nhận xét.

“Thật ra, chỉ có một người thành công - Jesus. Ngài không những vâng phục ngôn từ của phép tắc mà còn sống trọn vẹn tinh thần của nó. Nhưng hãy hiểu điều này, Mackenzie - để làm được điều đó Ngài phải phó thác một cách trọn vẹn và từng thuộc vào ta.”

“Vậy thì tại sao Ngài lại ban cho chúng con những điều răn ấy?” Mack hỏi.

“Thật sự, chúng ta muốn các con từ bỏ nỗ lực trở nên công chính một cách tự thân. Nó là tấm gương để phơi bày gương mặt các con sẽ như thế nào ra sao khi các con sống độc lập.”

Mack đáp lại: “Nhưng chắc chắn các Ngài biết rằng có nhiều người nghĩ rằng họ được trở nên công chính bằng cách vâng phục các giáo luật.”

“Nhưng con có thể lau sạch gương mặt bằng chính chiếc gương đã tỏ cho con thấy mình như thế nào không? Giáo luật chẳng chứa đựng phúc thiện hay ân sủng gì trong nó cả, không một mảy may. Đó là lý do Jesus đã sống trọn nó cho các con - để nó không còn pháp quyền gì với các con nữa. Và giáo luật đã từng chứa đựng những đòi hỏi bất khả - Người Không Được... - thật sự đã trở nên một cam kết mà chúng ta ứng nghiệm trong các con.”

Ngài nói say sưa, thần sắc sống động và chuyển biến. “Nhưng hãy ghi nhớ rằng nếu con sống cuộc đời mình tự thân và độc lập, lời cam kết ấy sẽ vô nghĩa. Jesus đã khiến cho sự đòi hỏi của giáo luật bị đoạn tuyệt; nó chẳng còn một chút quyền năng gì để cáo buộc hay chế ngự. Jesus vừa là lời cam kết vừa là sự hoàn thành.”

“Ngài đang nói là con không buộc phải tuân theo giáo luật?” Mack giờ đây đã ngừng ăn hoàn toàn và tập trung vào cuộc đối thoại.

“Đúng. Trong Jesus con chẳng bị áp chế bởi luật lệ gì. Tất cả mọi thứ đều hợp lẽ.”

“Ngài nói nghiêm túc đấy chứ! Ngài lại đùa với con rồi,” Mack rên rỉ.

“Con ơi,” Papa ngắt lời, “con chẳng nghe thấy gì cả.”

“Mackenzie,” Sarayu tiếp lời, “những kẻ e sợ tự do là những kẻ không thể tin cậy để chúng ta sống trong họ. Cố gìn giữ luật lệ thật ra là một sự tuyên ngôn độc lập, một cách để duy trì kiểm soát.”

“Có phải đó là lý do chúng con thích luật lệ đến thế - để chúng con có được phần nào kiểm soát?” Mack hỏi.

“Còn tệ hơn thế nhiều,” Sarayu tiếp tục. “Nó cho các con quyền năng được phán xét kẻ khác và cảm thấy ưu thượng hơn họ. Các con tin rằng mình đang sống theo một chuẩn mực cao hơn của những kẻ mình phán xét. Áp đặt luật lệ, đặc biệt trong những hình thức tình vi hơn nữa như trách nhiệm và kỳ vọng, là một nỗ lực để tạo ra sự chắc chắn từ sự bất định. Và ngược với những gì các con nghĩ, ta vô cùng thích sự bất định. Luật lệ không thể mang đến tự do; chúng chỉ có quyền năng để cáo buộc.”

“Chao ơi!” Mack đột nhiên nhận ra điều Sarayu đã nói. “Ngài đang nói với con là trách nhiệm và kỳ vọng chỉ là một hình thức khác của luật mà chúng con không còn bị áp đặt? Con nghe có đúng không?”

“Đúng,” Papa thốt lên một lần nữa. “Lại vấn đề ấy - Sarayu, Ngài nói với anh ta đi!”

Mack không màng đến Papa mà tập trung vào Sarayu, một việc không hề dễ dàng.

Sarayus mỉm cười với Papa rồi quay lại với Mack. Ngài bắt đầu nói chậm rãi và tỏ tường. “Mackenzie, ta sẽ chọn một động từ thay cho một danh từ bất kỳ lúc nào.”

Ngài dừng lại chờ đợi. Mack chẳng rõ nên hiểu gì về lời nói bóng gió của Ngài nên anh chỉ bật ra được một từ duy nhất trong tâm trí. “Hử?”

“Ta,” Ngài xòe đôi bàn tay để gộp cả Jesus và Papa, “ta là một động từ. Ta là ta. Ta sẽ là bản thể của ta. Ta là một động từ! Ta sống, sôi động, chủ động và chuyển động. Ta là một động từ.”

Mack vẫn cảm thấy như đang bày ra một cái nhìn trống rỗng trên gương mặt mình. Anh hiểu những từ ngữ Ngài nói, nhưng nó chẳng kết nối với nhau.

“Và do bản chất của chính ta là một động từ,” Ngài tiếp, “ta đồng điệu với động từ hơn danh từ. Động từ như thú nhận, ăn năn, sống, yêu thương, hỏi đáp, nảy nở, gạt hái, thay đổi, gieo trồng, nhảy,

chảy, hát v.v... Con người, ngược lại, ưa biến một động từ sống động và đầy ân điển thành ra một danh từ chết chóc hay những nguyên tắc nồng nặc luật lệ: một thứ đang lớn dậy và sống động lại lại tàn. Danh từ tồn tại bởi vì có một vũ trụ được và thực tại hữu hình đã được tạo dựng, nhưng nếu vũ trụ chỉ là một đồng danh từ thì nó chết. Trừ phi ‘Ta hiện hữu,’ sẽ chẳng có động từ, và động từ là những gì làm cho vũ trụ sống động.”

“Thế thì,” Mack vẫn đang vật vã, mặc dù một chút lóe sáng dường như bắt đầu le lói trong tâm trí anh. “Thế thì, điều này chính xác nghĩa là gì?”

Sarayu dường như bình thản khi anh không hiểu. “Để cho một sự vật chuyển từ chết sang sống, con phải đưa một yếu tố sống động và chuyển động vào trong nó. Chuyển hóa một thứ chỉ là một danh từ thành một thứ sôi động và bất ngờ, thành một thứ sống động và thuộc thời khắc hiện tại, nghĩa là chuyển từ luật lệ sang ân sủng. Ta cho con một đôi ví dụ nhé?”

“Vâng,” Mack tán thành. “Con nghe đây.”

Jesus cười khúc khích còn Mack thì cau có với Ngài trước khi trở lại với Sarayu. Hình bóng của một nét cười thoáng qua trên gương mặt khi Ngài nói tiếp.

“Vậy thì ta dùng hai từ của con nhé: trách nhiệm và kỳ vọng. Trước khi các từ của con trở thành danh từ, ban đầu chúng là từ của chúng ta, những danh từ với sự hướng động và cảm nghiệm ẩn giấu bên trong; khả năng đáp ứng và trông mong. Ngôn từ của ta sống động và sôi nổi - đầy sự sống và triển vọng; ngôn từ của con chết lại, đầy luật lệ, nỗi sợ hãi và phán xét. Đó là lý do tại sao con sẽ không tìm thấy từ trách nhiệm trong Kinh Thánh.”

“Chao ơi,” Mack nhăn nhó, bắt đầu hiểu ra câu chuyện đi về đâu. “Dường như chúng con quen dùng nhiều lắm.”

“Tôn giáo phải dùng luật lệ để phân quyền và kiểm soát những ai mà nó cần để tồn tại. Ta cho các con một khả năng để hỏi đáp và lời đáp của các con là tự do yêu thương và phụng vụ trong mọi cảnh

huống, và vì thế mỗi sự vận động là khác biệt, độc nhất vô nhị và diệu kỳ. Bởi vì ta là khả năng hồi đáp của các con, ta phải hiện diện trong các con. Nếu đơn thuần ta chỉ trao cho các con một *trách nhiệm*, ta sẽ chẳng phải ở cùng các con. Giờ đây đó sẽ là một tác vụ để thi hành, một nghĩa vụ phải đáp ứng, một điều gì đó để thất bại.”

“Chao ơi, chao ơi,” Mack lại thốt lên không mấy sốt sắng.

“Ta sẽ lấy thí dụ về tình bạn để thấy sự tước đoạt yếu tố sự sống ra khỏi một danh từ có thể làm biến đổi trầm trọng một mối quan hệ như thế nào. Mack, nếu con và ta là bạn hữu, có một sự kỳ vọng tồn tại trong mối tương quan của chúng ta. Khi chúng ta gặp nhau hay rời xa, có một triển vọng được ở bên nhau, được cười nói. Triển vọng ấy chẳng có định nghĩa cụ thể; nó sống động và sôi nổi và mọi điều phát xuất từ trạng thái chúng ta ở bên nhau là một tặng vật độc nhất vô nhị không chia sẻ không bởi một ai khác. Nhưng điều gì xảy ra nếu ta thay đổi ‘triển vọng’ thành ‘kỳ vọng’ - dù nói ra hay không nói ra? Đột nhiên, phép tắc đã xen vào tình bạn của chúng ta. Giờ đây, con bị kỳ vọng phải hành động theo một phương cách để đáp ứng kỳ vọng của ta. Tình bạn sống động của chúng ta nhanh chóng suy đoạ thành một thứ chết lặng với những phép tắc và đòi hỏi. Nó không còn là con và ta nữa, mà là những gì bạn hữu cần phải làm, tức là trách nhiệm của một người bạn tốt lành.”

“Hay là,” Mack nhận ra, “trách nhiệm của một người chồng, hay một người cha, hay một nhân viên, hay bất kỳ vai trò gì. Con hình dung ra rồi. Con thích sống trong triển vọng.”

“Như ta,” Sarayu trầm ngâm.

“Nhưng,” Mack tranh biện, “nếu Ngài không có những kỳ vọng và trách nhiệm thì mọi thứ đổ vỡ hết làm sao?”

“Chỉ khi các con thuộc về thế giới, xa lìa ta và chịu phép luật lệ. Trách nhiệm và kỳ vọng là căn bản của tội lỗi, sự ô nhục và phán xét, và chúng lập ra cơ cấu thiết yếu để đề cao sự hành động như nền tảng của bản thể và giá trị. Con biết quá rõ hậu quả khi sống không đạt được kỳ vọng của một ai đó.”

“Trời, con biết!” Mack lầm bầm. “Không có gì vui cả theo con biết.” Anh thoáng dừng lại, một ý nghĩ mới lóe lên trong tâm trí anh. “Có phải Ngài đang nói là Ngài không có kỳ vọng gì ở con?”

Giờ thì Papa lên tiếng. “Con ơi, ta chưa bao giờ đặt một kỳ vọng cho con hay bất kỳ ai khác. Muốn đặt kỳ vọng thì ai đó cần phải không biết về tương lai hay kết quả và cố gắng chế ngự hành vi để có được kết quả mong muốn. Con người nỗ lực chế ngự hành vi phần lớn qua các kỳ vọng. Ta biết con và mọi thứ về con. Tại sao ta phải kỳ vọng một điều gì khác ngoài kết quả mà ta đã biết? Thật là ngớ ngẩn. Hơn nữa, vì ta chẳng bao giờ có kỳ vọng, các con chẳng bao giờ làm ta thất vọng.”

“Sao? Ngài chẳng bao giờ thất vọng với con?” Mack nhọc nhằn cố gắng tiêu hóa điều này.

“Chẳng bao giờ!” Papa nhấn giọng khẳng định. “Điều ta có là một triển vọng bất biến và sống động trong mối quan hệ của chúng ta, và ta trao cho con một khả năng hồi đáp với bất kỳ tình huống và cảnh ngộ nào mà con rơi vào. Chừng nào con còn dùng đến kỳ vọng và trách nhiệm, chừng ấy con chẳng bao giờ biết được ta hay tin cậy ta.”

Jesus thốt lên: “Và chừng ấy con sẽ sống trong sợ hãi.”

“Nhưng,” Mack vẫn chưa bị thuyết phục. “Nhưng các Ngài không muốn chúng con đặt định mức độ ưu tiên? Chẳng hạn như Chúa trước tiên, rồi đến điều gì đó, gì đó theo sau nữa?”

“Rắc rối của việc sống theo mức độ ưu tiên” Sarayu nói, “là nhìn thấy mọi việc như một giai bậc, một kim tự tháp, và con với ta đã bàn về chuyện đó rồi. Nếu con đặt Chúa lên đỉnh, thì điều đó thật sự nghĩa là gì và bao nhiêu cho đủ? Con dành cho ta bao nhiêu thời gian trước khi tiếp tục những việc khác còn lại, những thứ làm con quan tâm hơn nhiều?”

Papa lại ngắt ngang. “Con thấy đó, Mackenzie, ta không muốn có một chút con người con và một chút cuộc sống của con. Cho dù con có khả năng, mà con thì không có, cho ta phần lớn nhất, đó cũng

không phải là điều ta muốn. Ta muốn tất cả các con và trọn vẹn từng phần con người và cuộc sống của con.”

Jesus lại lên tiếng. “Mack, ta không muốn làm kẻ đầu tiên trong danh sách các giá trị; ta muốn ở trung tâm của mọi thứ. Khi ta sống trong con, cùng nhau chúng ta sẽ sống qua mọi điều xảy đến với con. Thay vì là một kim tự tháp, ta muốn là trọng tâm của một cỗ máy, để mọi thứ trong đời con - bạn hữu, gia đình, sự nghiệp, tư tưởng, hoạt động - đều kết nối với ta nhưng chuyển động theo gió, vào ra, tới lui, trong một vũ điệu tuyệt luân của bản thể.”

“Còn ta,” Sarayu kết luận, “ta là ngọn gió.” Ngài cười hết cỡ rồi cúi chào.

Một khoảng yên lặng trong khi Mack trấn tĩnh. Nãy giờ anh bấu chặt lấy mép bàn bằng cả hai bàn tay như thể bấu lấy một thứ gì hữu hình trước cơn lốc của ý tưởng và hình ảnh.

“Thôi đủ rồi,” Papa vừa đứng dậy vừa nói. “Đến giờ vui chơi rồi! Các vị đi đi để ta cất các thứ sẽ hư hỏng. Ta sẽ lo bát đĩa sau.”

“Còn đọc kinh thì sao?” Mack hỏi.

“Chẳng có nghi thức gì đâu, Mack,” Papa vừa nói vừa cầm các đĩa thức ăn. “Vây là tối nay chúng ta sẽ làm khác. Các vị sẽ thích trò này!”

Khi Mack đứng lên đi theo Jesus về phía cửa sau, anh cảm nhận một bàn tay đặt lên vai anh và quay lại. Sarayu đang đứng gần, nhìn anh chăm chú.

“Mackenzie, nếu con cho phép, ta muốn tặng cho con một món quà đêm nay. Ta sờ vào mắt con để chữa lành nhé, chỉ đêm nay thôi?”

Mack ngạc nhiên. “Con nhìn thấy rõ mà?”

“Đúng vậy,” Sarayu nói một cách áy náy, “con nhìn thấy rất ít mặc dù đối với con người con nhìn thấy khá tốt. Nhưng chỉ đêm nay thôi, ta muốn con nhìn thấy một chút những gì chúng ta thấy.”

“Vậy thì con sẵn lòng,” Mack đồng ý. “Xin hãy chạm vào mắt con và thêm nữa nếu Ngài muốn.”

Khi Ngài đưa tay về phía anh, Mack nhắm mắt lại và cúi người về phía trước. Cú chạm của Ngài như băng, bất ngờ và phần khích. Một cơn rùng mình khoan khoái lướt qua anh và anh đưa tay lên để giữ đôi bàn tay của Ngài trên mặt mình. Chẳng chạm thấy gì cả, nên anh từ từ mở mắt ra.

LỄ HỘI CỦA BẠN HỮU

Anh có thể hôn tạm biệt người thân và bạn bè để rời xa nhau, nhưng ấy là lúc anh mang theo họ trong tim, trong trí và trong tâm can, vì anh không chỉ sống trong một thế giới và một thế giới sống trong anh.

— Frederick Buechner, KỂ SỰ THẬT

Khi Mack mở mắt anh phải che lại ngay lập tức vì ánh sáng chói lòa tràn ngập quanh anh. Rồi anh nghe tiếng.

“Con sẽ thấy rất khó khăn để nhìn thẳng vào ta,” giọng của Sarayu vang lên, “hay nhìn Papa. Nhưng khi tâm trí con trở nên quen với những đổi thay thì sẽ dễ dàng hơn.”

Anh đang đứng ngay vị trí anh đã nhắm mắt, nhưng căn chòi đã biến mất cùng với cầu tàu và chiếc lán. Thay vào đó, anh đang đứng bên ngoài, chơi vơi trên đỉnh một ngọn đồi nhỏ dưới ánh sáng rực rỡ nhưng không trắng của bầu trời đêm. Anh thấy các vì sao đang chuyển động, nhưng không vội vã mà êm ái một cách chính xác, như thể có một đại nhạc trưởng vũ trụ đang điều phối chuyển động của chúng.

Thỉnh thoảng, như cùng bất nhịp, sao chổi và mưa thiên thạch đổ xuống qua màn sao, thêm phần biến hóa cho vũ điệu dòng chảy. Rồi Mack nhìn thấy một số sao lớn lên và thay đổi màu sắc như thể biến thành sao mới hay sao lùn trắng. Cứ như thể chính thời gian đã trở nên sôi động và bùng nổ, hòa cùng bức tranh vũ trụ dường như hỗn loạn nhưng lại nhịp nhàng đến chính xác.

Anh quay sang Sarayu đang đứng cạnh anh. Mặc dù vẫn khó nhìn trực tiếp vào Ngài, giờ đây anh đã có thể nhận ra hình thù và màu sắc chìm kết theo các mô thức, như thể những viên kim cương, hồng ngọc hay ngọc bích thu nhỏ đủ màu sắc đã được đánh vào món trang phục ánh sáng, mà trước tiên kết theo làn sóng rồi sau đó gieo rắc như hạt.

“Toàn thể đẹp quá đỗi,” anh thì thào, vây quanh bởi một khung cảnh linh thiêng và kỳ vĩ.

“Đúng,” giọng của Sarayu cất lên từ ánh sáng. “Nào, Mackenzie, nhìn quanh đi.”

Anh nhìn và há hốc. Thậm chí trong màn đêm tối, vạn vật đều rõ ràng và tỏa sáng với vô vàn sắc thái màu sắc. Khu rừng bốc cháy với ánh sáng và sắc màu, nhưng từng cái cây lại nhìn rõ, mỗi cành, mỗi lá. Chim và dơi tạo thành những vệt lửa màu khi chúng bay liệng hay đuổi nhau. Anh còn nhìn thấy xa xa một bầu đoàn của Sáng thể đang tụ họp: hươu, gấu, cừu núi và nai sừng tấm uy nghi gần bờ rừng, rồi rái cá và hải ly dưới hồ, mỗi con đều tỏa sáng với màu sắc riêng biệt. Vô số các sinh vật nhỏ nháo nhào khắp nơi, mỗi con đều sống động với vẻ lộng lẫy riêng.

Bằng một vệt lửa màu anh đào, mặn chín và lý chua, một chú chim ưng nhào thẳng xuống mặt hồ, rồi đến khoảnh khắc cuối cùng thì bốc lên, chỉ lướt qua mặt nước, những chấm lấp lánh từ đôi cánh rơi như tuyết xuống nước khi nó bay qua. Đằng sau nó, một con cá hồi to tướng với bảy sắc cầu vồng vọt lên mặt nước như trêu chọc gã thợ săn vừa lướt qua rồi rơi tõm xuống làm tóe nước đủ màu.

Mack thấy quá đỗi kỳ thú, như thể anh có thể hiện diện bất kỳ nơi nào anh nhìn. Hai con gấu con đang chơi đùa gần chân mẹ nó và bắt gặp ánh mắt của anh, hoảng thốt, bạc hà và gỗ phỉ đổ rạp xuống khi chúng chơi lẫn lộn cười đùa với thứ ngôn ngữ của chúng. Từ vị trí đang đứng, Mack có cảm giác như anh có thể với tay chạm lấy chúng, và anh bèn duỗi tay trong lúc tâm trí không hề sai khiến. Anh rút tay lại, giật mình khi nhận ra mình cũng đang rực sáng. Anh nhìn đôi bàn tay mình, được tạo tác tinh xảo, và hiển hiện rõ rệt bên trong dải màu sắc cơ hồ bao phủ bên ngoài. Anh soát lại thân thể mình thì thấy ánh sáng và màu sắc bao trùm anh hoàn toàn; một thứ trang phục thanh khiết cho phép anh vừa tự do vừa phải phép.

Mack cũng nhận ra anh không cảm thấy đau đớn nữa, thậm chí ngay trong những khớp xương thường đau nhức của anh. Thật sự

anh chưa bao giờ cảm nhận được sự mãn toàn đến mức này. Đầu óc anh trong trẻo và anh hít sâu mùi hương của đêm và hoa say ngủ trong vườn, mà phần nhiều bắt đầu thức dậy để chào đón dịp này.

Niềm hân hoan cuồng nhiệt và thơm nồng dâng lên trong anh và anh nháy mắt lên, từ từ nổi bông bênh trong không trung; rồi nhẹ nhàng hạ xuống mặt đất. Anh nghĩ bụng, “Sao mà giống với bay trong mơ thế.”

Và rồi Mack nhìn thấy ánh sáng. Những đốm lẻ loi chuyển động bốc lên từ cánh rừng và hội tụ trên đồng cỏ bên dưới nơi anh và Sarayu đứng. Giờ đây, anh nhìn thấy chúng bên trên những ngọn núi cao vây quanh, ẩn hiện trong lúc di chuyển tiến về, dọc theo những lối mòn không khuất nẻo.

Chúng tụ về đồng cỏ, một đàn trẻ thơ. Không có nến - chính chúng là ánh sáng. Và trong ánh hào quang của chúng, mỗi đứa ăn vận một trang phục riêng biệt mà Mack hình dung là biểu trưng cho một nhóm người và ngôn ngữ. Anh chỉ nhận ra một vài nhóm nhưng không sao cả. Đây là trẻ em của thế giới, những đứa trẻ của Papa. Chúng gia nhập với một sự nghiêm trang và uyển chuyển một cách lặng lẽ, gương mặt đầy mãn nguyện và an bình, những đứa bé nắm tay những đứa bé hơn nữa.

Trong một khoảnh khắc, Mack thắc mắc liệu Missy có mặt ở đó hay không và cố tìm kiếm một lúc nhưng rồi từ bỏ ý định. Anh nhủ lòng rằng nếu con bé có mặt và nếu nó muốn chạy đến với anh thì nó sẽ đến. Những đứa trẻ giờ đây tạo thành một vòng tròn lớn trên đồng cỏ, với một lối vào bỏ ngỏ gần chỗ Mack đứng để dẫn vào ngay chính giữa. Những tia lửa và ánh sáng lấp lánh như một sân vận động đầy ánh đèn máy ảnh lóe chạm, bùng lên mỗi khi bọn trẻ cười khúc khích hay thì thầm. Mack chẳng hiểu chuyện gì đang diễn ra nhưng chúng lại biết rõ và quá đổi háo hức mong chờ.

Hiện ra giữa bãi trống phía sau chúng và tạo thành một vòng tròn khác với những nguồn ánh sáng lớn hơn nữa là những người mà Mack cho rằng là người lớn như anh, rực rỡ màu sắc nhưng lại sáng dịu.

Đột nhiên, Mack bị cuốn hút sự chú ý vào một chuyển động bất thường. Hình như một trong các thân vị ánh sáng ở vòng ngoài đang gặp trở ngại. Những tia sáng và ánh chớp màu tím và màu ngà lóe sáng về phía họ theo quỹ đạo vòng cung trong màn đêm. Khi lịm đi, ánh sáng được thay thế bằng phong lan, vàng và thần sa rực lửa, cháy sáng và tỏa ra những tia rực rỡ lại bắn về phía họ, tỏa sáng giữa màn đêm, để rồi lắng xuống và quay trở về nguồn.

Sarayu cười khúc khích.

“Chuyện gì vậy?” Giọng Mack thì thầm.

“Ở đây có một người đang khó khăn để kiềm chế cảm xúc.”

Người đang gặp trở ngại ấy không thể chế ngự bản thân và đang gây kích động cho những người khác ở lân cận. Hiệu ứng khuấy động ấy có thể trông thấy rõ khi ánh chớp sáng lan về phía vòng tròn bên ngoài của bọn trẻ. Những người gần nhất với người khơi mào dường như đang phản ứng vì màu sắc và ánh sáng tuôn từ phía họ về người ấy. Những phức hợp màu phối từ mỗi người đều độc nhất vô nhị và đối với Mack dường như chứa đựng một phản hồi khác biệt đối với người đã gây ra sự xáo động ấy.

“Con vẫn không hiểu,” Mack lại thì thầm.

“Mackenzie, mỗi người đều có mô thức màu sắc và ánh sáng độc nhất vô nhị; không ai giống ai và chẳng có mô thức nào lặp lại hai lần. Ở đây chúng ta có thể chứng kiến mỗi người khác một cách chân thật, và việc ấy cũng có nghĩa là tính cách và cảm xúc cá nhân có thể biểu kiến bằng màu sắc và ánh sáng.”

“Thật là tuyệt vời!” Mack thốt lên. “Thế thì tại sao màu sắc của bọn trẻ hầu như đều trắng?”

“Khi đến gần chúng con sẽ thấy rằng chúng có nhiều màu riêng biệt đã hòa trộn với nhau thành màu trắng, tức là màu chứa đựng hết thảy. Khi chúng trưởng thành và lớn dậy để trở thành con người đích thực của chúng, các màu mà chúng biểu thị sẽ trở nên rõ rệt hơn, và các sắc màu độc nhất vô nhị sẽ hiện ra.”

“Tuyệt vời!” Mack chỉ nghĩ và thốt lên được có thế, và anh quan sát chăm chú hơn nữa. Giờ đây anh nhận thấy đằng sau vòng tròn của người lớn, những vòng khác lại hiện ra, xếp cách đều nhau về mọi phía. Lửa bốc cao hơn, dường như cuốn theo chiều gió, và cũng có cùng màu ngọc bích và xanh hải dương, với những đốm màu khác độc nhất vô nhị trong mỗi vòng.

“Những thiên thần,” Sarayu trả lời trước khi Mack kịp hỏi. “Những kẻ tồi tệ và những kẻ quan sát.”

“Tuyệt vời!” Mack thốt lên lần thứ ba.

“Còn nữa, Mackenzie, và cái này sẽ giúp con hiểu được vấn đề mà người này đang gặp phải.” Ngài chỉ về hướng đang xảy ra nhiều động.

Cả Mack cũng thấy rằng rõ ràng người này, bất kể là ai, vẫn đang tiếp tục gặp trở ngại. Những tia sáng và màu sắc đột ngột và vội vã thỉnh thoảng lại bắn ra thậm chí xa hơn về phía họ.

“Chúng ta không chỉ có thể chứng kiến sự độc nhất vô nhị của mỗi người về ánh sáng và màu sắc, mà chúng ta còn có thể đáp lại trong cùng môi chất ấy. Nhưng sự hồi đáp này rất khó kiểm soát, và thường cũng ít ai định chế ngự vì đây là một sự bột phát. Phương thức tự nhiên nhất là để cho nó tự do biểu đạt.”

“Con không hiểu,” Mack ngập ngừng. “Ngài nói là chúng ta có thể đáp lại lẫn nhau bằng màu sắc?”

“Đúng,” Sarayu gật đầu, hoặc ít nhất thì Mack cũng cho rằng Ngài làm thế. “Mỗi mối tương quan giữa hai con người là tuyệt đối độc nhất. Đó là lý do con không thể nào yêu hai người như nhau. Không thể được. Con yêu mỗi người một cách khác biệt bởi vì bản thể của họ và vì sự vô song mà họ gọi lên ở con. Và con càng biết rõ một ai thì màu sắc của mối quan hệ ấy càng đậm.”

Mack lắng nghe nhưng vẫn quan sát quang cảnh trước mắt họ. Sarayu nói tiếp: “Có lẽ cách tốt nhất để con hiểu là ta cho con một minh họa nhanh. Mack này, giả sử con ngồi với một người bạn tại một quán cà phê trong vùng. Con chú tâm vào người bạn mình và

nếu con nhìn thấy được, cả hai con sẽ được bao trùm trong một dải màu sắc và ánh sáng, không chỉ biểu thị các con như những cá nhân vô song mà còn thể hiện cả tính vô song của mối quan hệ giữa các con và những cảm xúc các con đang trải nghiệm trong khoảnh khắc ấy.”

“Nhưng,” Mack bắt đầu thắc mắc, nhưng bị ngắt lời.

“Nhưng hãy giả định,” Sarayu tiếp tục, “một người khác mà con yêu thương đi vào trong quán, và mặc dù đang trò chuyện với người bạn, con vẫn nhận ra người này đi vào. Một lần nữa, nếu con nhìn thấy được thực tại kỳ ảo này, con sẽ chứng kiến cảnh tượng sau: Trong khi tiếp tục trò chuyện, một phức hợp màu sắc và ánh sáng vô song sẽ rời khỏi con để bao bọc lấy người vừa mới vào, thể hiện con trong một hình thái thương yêu và chào đón khác với người ấy. Và một điều nữa, Mackenzie, cảm nghiệm ấy không chỉ là thị giác mà còn là cảm quan khác; con có thể cảm nhận với xúc giác, khứu giác và thậm chí cả vị giác đối với sự vô song ấy.”

“Thích thật!” Mack thốt lên. “Nhưng ngoại trừ người đằng kia,” anh chỉ về hướng ánh sáng đang nhiễu động giữa các người lớn, “sao tất cả bọn họ lặng lẽ quá vậy? Con tưởng màu sắc có mặt khắp nơi; họ không biết nhau à?”

“Họ biết nhau rất rõ, hầu hết, nhưng họ đến đây vì một cuộc vui không phải dành cho họ, cũng chẳng phải dành cho các mối quan hệ giữa họ với nhau, ít nhất về mặt trực tiếp,” Sarayu giảng giải. “Họ đang chờ đợi.”

“Chờ điều gì?” Mack hỏi.

“Rồi con sẽ sớm chứng kiến,” Sarayu đáp, và rõ ràng Ngài không định nói thêm gì về chuyện đó nữa.

“Vậy thì tại sao,” Mack lại chú tâm đến người gây ra vấn đề, “tại sao người ấy lại đang gặp quá nhiều trở ngại và tại sao ông ta dường như đang chú tâm vào chúng ta?”

“Mackenzie,” Sarayu dịu dàng nói, “ông ta không chú tâm vào chúng ta đâu, ông ta chú tâm vào con đấy.”

“Cái gì?” Mack lặng người.

“Người ấy đang khó nhọc để tự chế ngự - người ấy - là bố của con.”

Một làn sóng cảm xúc, một phức hợp của những thịnh nộ và khát khao, ủa vào Mack và như thể theo hiệu lệnh những dải màu sắc của bố anh lao qua cánh đồng để bao trùm lấy anh. Anh chìm đắm trong một rừng sắc màu ngọc bích và xanh dương, cánh sen và tím phớt, với ánh sáng và màu sắc uốn lượn và bao bọc quanh mình. Rồi bằng cách nào đó, giữa tâm điểm của cơn bão táp, anh thấy mình lao trên cánh đồng để tìm đến bố, chạy về phía phát xuất màu sắc và cảm xúc. Anh là một cậu trai mong muốn bố mình, và lần đầu tiên anh chẳng e ngại. Anh đang chạy, chẳng màng đến bất cứ điều gì ngoài mục đích của trái tim, và anh đã tìm thấy bố. Bố anh đang quỳ trong tràn ngập ánh sáng, nước mắt lấp lánh như một dòng thác kim cương và đá quý tuôn trào trong đôi bàn tay ông đang úp trên mặt.

“Bố!” Mack hét lên, và lao mình vào người đàn ông thậm chí còn chưa nhìn ngắm con trai mình. Giữa tiếng rít gào của gió và lửa, Mack nâng lấy gương mặt cha trong đôi bàn tay, buộc bố nhìn thẳng vào mặt mình để anh có thể thốt ra những lời mà lúc nào anh cũng muốn nói: “Bố, con xin lỗi bố! Bố, con yêu bố!” Ánh sáng từ lời nói của anh dường như xua tan mảng tối tăm trong màu sắc của bố anh, biến chúng thành màu đỏ máu. Hai bố con thổn thức trao cho nhau những lời thú tội và tha thứ, trong lúc một tình yêu lớn lao hơn nữa đã hàn gắn họ.

Cuối cùng, cả hai cùng đứng lên, người cha ôm lấy con trai như chưa từng bao giờ được làm vậy. Ngay lúc ấy Mack nhận ra một ca khúc trỗi lên và cuốn lấy họ, rồi lan tỏa trong chốn thánh linh này nơi anh đang đứng với bố. Tay choàng tay, trong nước mắt, không cất được lời nào, hai bố con lắng nghe bài ca hòa giải tỏa sáng trong bầu trời đêm. Một thác hình vòng cung màu sắc rực rỡ bắt đầu xuất hiện trong trẻ em, nhất là những ai đã gánh chịu nhiều nhất, rồi xao động như thể lan tỏa từ người này sang người khác bởi gió, cho đến khi cả cánh đồng ngập tràn ánh sáng và khúc ca.

Bỗng dưng, Mack biết rằng đây chẳng phải là lúc để chuyện trò và thời gian của anh và bố mình đang trôi qua nhanh. Bởi một huyền nhiệm nào đó, anh cảm nhận rằng điều này là dành cho bố mình cũng như cho chính mình. Về phần Mack, sự thanh thoát mới mẻ mà anh cảm nhận được thật là ngất ngây. Hôn lên môi cha, anh quay người để trở về cái gò nơi Sarayu đang đứng chờ anh. Khi đi băng qua các trẻ em, anh cảm nhận được sự va chạm và màu sắc của chúng thoát quần lầy anh rồi rời ra. Bỗng dưng anh đã được quen biết và yêu mến tại nơi này.

Khi anh về đến chỗ Sarayu, Ngài cũng ôm anh và anh cứ để Ngài ôm lấy mình trong khi anh tiếp tục khóc. Khi đã lấy lại chút bình tâm, anh ngoái nhìn về phía cánh đồng, chiếc hồ và bầu trời đêm. Một sự im lặng ập đến. Có thể cảm nhận rõ ràng một sự chờ đợi. Rồi đột nhiên phía bên phải họ, từ trong màn tối Jesus hiện ra, và sự huyền não bùng lên. Ngài vận một trang phục đơn sơ màu trắng rực rỡ và đội trên đầu một vương miện giản dị bằng vàng, nhưng Ngài đích thật là vị vua của vũ trụ.

Ngài cất bước trên con đường mở ra phía trước mình để tiến vào tâm điểm - tâm điểm của hết thảy Sáng thế, con người mà vốn là Thiên Chúa và vị Chúa mà vốn là con người. Ánh sáng cùng màu sắc nhảy múa và theo dệt một tấm thảm tình yêu để Ngài bước lên. Có những kẻ bật lên những lời thương yêu, trong khi những kẻ khác chỉ lặng lẽ đứng và xòe cao đôi bàn tay. Nhiều người mà màu sắc vốn sâu đậm nhất giờ đây đang sắp mình dưới đất. Mọi sinh vật sống cất lên tiếng ca về một tình yêu bất diệt và lòng tri ân. Đêm nay, vũ trụ hiện hữu như đã ước định.

Khi đến giữa tâm điểm, Jesus dừng lại rồi đưa mắt nhìn quanh. Cái nhìn của Ngài dừng lại ở Mack đang đứng trên cái gò nhỏ ở vòng ngoài và anh nghe thấy Jesus thì thầm bên tai mình, “Mack, ta đặc biệt thích con đấy.” Đó là tất cả những gì Mack nghe thấy và anh ngồi sụp xuống đất, nước mắt sung sướng tuôn rơi. Anh không cử động được, tê dại trong tình yêu và sự âu yếm của Jesus.

Rồi anh nghe Jesus cất giọng rõ mồn một và sang sảng, nhưng siết bao dịu dàng và mời gọi: “Hãy đến!” Và họ đến, trước tiên là trẻ

con rồi thì người lớn, lần lượt từng người cho thỏa lòng mong muốn; để cười, nói, ôm ấp và hát ca cùng Jesus của họ. Thời gian dường như ngưng đọng hoàn toàn trong lúc diễn ra vũ điệu và khung cảnh địa đàng ấy. Rồi họ lần lượt rời đi, cho đến khi không còn lại ai ngoại trừ những thị vệ rực cháy xanh biếc và muông thú. Ngay cả với chúng, Jesus đi vòng quanh, gọi tên mỗi loài cho đến khi chúng cùng con cái quay đầu trở về hang động, tổ ấm và đồng cỏ êm ái.

Mack đứng bất động cố đón trọn cảm nghiệm này mà vốn vượt ngoài khả năng cảm thụ của anh. “Con không ngờ...,” anh vừa thì thào vừa lắc đầu, dõi mắt vào khoảng xa xăm. “Thật không ngờ!”

Sarayu cười tung cả một cơn mưa màu sắc. “Hãy tưởng tượng xem, Mackenzie, nếu ta chạm vào không chỉ mắt con, mà cả lưỡi, mũi và tai con thì sao.”

Cuối cùng, họ còn lại một mình. Tiếng kêu hoang dã của một con le le vang vọng trên hồ như báo hiệu kết thúc cuộc vui, và những cảnh binh đồng loạt biến mất. Những âm thanh duy nhất còn lại là dàn đồng ca tiếng dế và ếch nhái rền vang điệp khúc tụng ca bên mép hồ và những cánh đồng xung quanh. Không nói một lời, cả ba người quay lưng đi trở về căn chòi mà Mack lại nhìn thấy. Như một bức màn kéo che ngang mắt, đột nhiên anh bị mù; thị lực của anh trở lại bình thường. Anh cảm thấy một sự mát mát và khát khao, và thậm chí một chút buồn bã, cho đến khi Jesus đến bên cạnh và nắm tay anh, và siết lấy để Mack biết rằng mọi chuyện là thế.

MỘT BUỔI SÁNG ĐAU BUỒN

Một Chúa vô biên có thể trao ban Chính mình cho mỗi con cái của Ngài. Ngài không phân chia Chính mình để mỗi đứa con được một chi thể, mà với mỗi người Ngài trao ban tất cả Chính mình một cách trọn vẹn như thể không có đứa con nào khác.

— A.W.Tozer

Mack cảm thấy một bàn tay lay anh thức tỉnh như thể anh vừa trải qua một lúc thiếp sâu trong một giấc ngủ ngon không mộng mị.

“Mack, dậy đi nào. Đến giờ chúng ta lên đường rồi.” Giọng nói thì quen thuộc, nhưng trầm hơn, như thể chính Ngài cũng vừa thức tỉnh sau giấc ngủ.

“Hả?” Anh ậm ừ. “Mấy giờ rồi nhỉ?” Anh làm bầm trong lúc cố hình dung mình đang ở đâu và làm gì.

“Đến giờ lên đường rồi!” giọng thì trầm lại vang lên.

Mặc dù không nghĩ rằng đó là lời đáp cho câu hỏi của mình, anh vẫn trèo ra khỏi giường, lau bầu và mò mẫm cho đến lúc tìm thấy công tắc đèn để bật lên. Ánh sáng chói lòa thay cho màn tối đen đặc làm anh mất một lúc để hé một mắt và nheo nheo ngược nhìn vị khách sáng sớm.

Người đàn ông đứng cạnh anh trông hơi giống Papa; đạo mạo, đứng tuổi hơn, rắn chắc và cao hơn Mack. Anh ta có mái tóc bạc trắng chải ngược thành một chiếc đuôi ngựa, xứng với bộ ria và chòm râu dê muối tiêu. Áo sơ mi kẻ sọc tay dài xắn lên, quần jean và ủng dã ngoại giúp hoàn chỉnh bộ trang phục của một người sẵn sàng lên đường. “Papa à?” Mack hỏi.

“Đúng rồi, con trai.”

Mack lắc đầu. “Ngài cứ đùa với con à?”

“Luôn luôn,” Ngài nói với một nụ cười ấm áp, rồi trả lời câu hỏi kế tiếp của Mack trước khi anh kịp hỏi. “Sáng nay, con sẽ cần đến một người cha. Nào, ta đi thôi. Ta đã chuẩn bị sẵn mọi thứ cho con trên ghế và trên bàn ngay chân giường. Ta chờ con ở trong bếp để con ăn một chút trước khi ta lên đường.”

Mack gật đầu. Anh chẳng bận tâm hỏi xem họ sẽ đi đâu. Nếu Papa muốn anh biết thì Ngài đã bảo rồi. Anh nhanh nhẹn mặc quần áo tương tự như trang phục của Papa, rồi xỏ một đôi ủng dã ngoại. Sau khi tạt qua buồng tắm để tươi tỉnh, anh bước vào trong bếp.

Jesus và Papa đang đứng cạnh quầy bếp trông đáng vẻ thư thái hơn nhiều so với Mack cảm nhận. Anh định lên tiếng thì Sarayu bước vào qua lối cửa sau với một túi cuộn lớn quấn chặt. Trông nó như một túi ngủ dài, buộc chặt bằng dải băng kết ở hai đầu để dễ mang vác. Ngài trao cho Mack và ngay lập tức anh ngửi thấy một hỗn hợp những mùi hương tuyệt vời bốc lên từ nó. Ấy là một hỗn hợp thảo mộc thơm mà anh cho rằng mình nhận ra. Anh ngửi thấy mùi quế và bạc hà, xen lẫn mùi muối và hoa quả.

“Đây là một món quà, sẽ dùng sau. Papa sẽ chỉ cho con cách dùng.” Ngài mỉm cười và ôm anh. Có lẽ đó là cách duy nhất anh có thể miêu tả về cử chỉ đó. Anh thấy thật khó để nói về cử chỉ đó.

“Con có thể mang theo,” Papa nói thêm. “Con đã chọn cùng với Sarayu hôm qua.”

“Món quà của ta sẽ chờ tại đây đến khi con quay lại,” Jesus mỉm cười và cũng ôm lấy Mack, chỉ có điều với Ngài thì cảm giác giống như một vòng tay ôm.

Hai người đi ra bằng lối cửa sau và Mack còn lại một mình với Papa trong lúc Ngài đang bận rộn đánh mấy quả trứng để chiên hai miếng thịt muối.

“Papa,” Mack hỏi, ngạc nhiên khi tiếng gọi ấy trở nên dễ dàng như thế: “Ngài không ăn à?”

“Chẳng có gì là bắt buộc cả, Mackenzie. Con cần ăn, ta thì không.” Ngài mỉm cười. “Mà nhớ là chó có nuốt ấu. Chúng ta còn

nhiều thời gian, ăn nhanh không tốt cho tiêu hóa của con đâu.”

Mack ăn từ tốn và khá lặng lẽ, anh cứ ngồi tận hưởng sự hiện diện của Papa.

Chợt Jesus thò đầu vào phòng ăn để thông báo rằng Ngài đã thu xếp dụng cụ cần thiết cho họ ngay ngoài cửa. Papa cảm ơn Jesus, người hôn Ngài trên môi và đi ra bằng cửa sau.

Mack hỏi trong lúc phụ dọn rửa mấy cái đĩa: “Ngài yêu đáng ấy lắm phải không nào? Ý con hỏi về Jesus.”

“Ta hiểu ý con,” Papa đáp, phá lên cười. Ngài dừng tay trong lúc đang rửa cái chảo. “Với trọn trái tim ta! Có một tình cảm hết sức đặc biệt đối với một đứa con một.” Papa nháy mắt với Mack rồi tiếp. “Đó là một phần của sự vô song ở Ngài mà ta biết.”

Họ dọn rửa xong thì Mack đi theo Papa ra ngoài. Bình minh bắt đầu lộ dạng trên các đỉnh núi cao, sắc màu bình minh bắt đầu lộ diện trên nền xám tro của màn đêm đang lần trốn. Mack nhắc lấy món quà của Sarayu và xốc lên vai. Papa trao cho anh một chiếc cốc chim nhỏ dựng cạnh cửa chính rồi nhắc một cuộn khác lên vai mình. Một tay cầm xẻng một tay cầm gậy, không nói một lời, Ngài đi băng qua khu vườn cây và hoa quả hướng về phía bên phải chiếc hồ.

Lúc họ đến ngay đầu đường mòn thì ánh sáng đã đủ để định hướng dễ dàng. Ngay tại đây, Papa dừng lại và trở gậy vào một thân cây bên lề đường mòn. Mack suýt không nhận ra ai đó đã đánh dấu thân cây bằng một nét vòng cung màu đỏ. Dấu hiệu ấy chẳng có ý nghĩa gì với Mack và Papa cũng chẳng buồn giải thích. Ngài xoay người và cất bước theo lối mòn, với một nhịp độ thong thả.

Món quà của Sarayu khá nhẹ so với kích thước của nó và Mack dùng một đầu cốc chim làm gậy đi đường. Lối mòn dẫn họ đi băng qua một con suối và đi sâu hơn vào rừng. Mack mừng vì ủng của mình chống thấm khi anh bị trượt chân bởi một tảng đá và giẫm xuống nước sâu đến mắt cá chân. Anh nghe thấy Papa ngâm nga một giai điệu trong lúc đi nhưng không nhận ra bài hát gì.

Trên đường đi, Mack nghĩ về vô số sự việc anh đã trải nghiệm trong suốt hai ngày qua. Những cuộc đối thoại với từng vị trong số ba vị và cả một mình, lúc ở cùng Sophia, sự tận hiến mà anh đã tham gia, lúc ngắm bầu trời đêm với Jesus, cuộc đi bộ trên hồ. Và trên hết là cuộc vui đêm qua, kể cả cuộc hòa giải với cha mình - nói rất ít mà hàn gắn rất nhiều. Thật khó mà chất chứa cho hết.

Trong khi nghiền đi ngắm lại để xem mình đã tiếp thu được điều gì, Mack nhận ra anh còn vẫn nhiều câu hỏi nữa. Có lẽ anh phải tìm một cơ hội để hỏi một số, nhưng anh cảm nhận được rằng bây giờ không phải là lúc. Anh chỉ biết rằng mình đã vĩnh viễn thay đổi và thắc mắc những thay đổi này có ý nghĩa gì với Nan và anh, và các con anh, nhất là Kate.

Nhưng có một điều anh vẫn muốn hỏi, và nó cứ làm anh day dứt trên đường đi. Rất cục, anh phá tan sự im lặng.

“Papa?”

“Sao, con?”

“Ngày hôm qua Sophia đã giúp con hiểu rất nhiều về Missy. Và nói chuyện với Papa thật là ấm lòng. Ý con là cả cuộc nói chuyện với Ngài nữa.” Mack thấy bối rối, nhưng Papa đã dừng lại và mỉm cười như thể đã hiểu, nên Mack tiếp tục. “Liệu con nói với Ngài chuyện đó thì có gì lạ không? Ngài còn hơn cả cha của một người cha, nếu có thể hiểu như vậy.”

“Ta hiểu, Mackenzie. Chúng ta đang đi trọn một vòng tròn. Việc con tha thứ cho cha con ngày hôm qua là một yếu tố quan trọng để có thể hiểu được ta trong vị thế của một người cha ngày hôm nay. Con không cần phải giải thích gì thêm nữa.” Bỗng nhiên, Mack biết họ đang gần đến đoạn kết của một cuộc hành trình dài, và Papa đang giúp anh đi những bước cuối cùng.

“Không có cách gì để tạo ra tự do mà không phải trả giá, con biết đó.” Papa nhìn xuống, những vết sẹo rõ mồn một và ghi dấu không phai mờ trên cổ tay Ngài. “Ta biết Sáng thế của ta sẽ nổi loạn, sẽ chọn lấy sự độc lập và cái chết, và ta biết mình sẽ phải trả giá bằng

cách mở một con đường hòa giải. Tính độc lập của các con đã tháo buộc, và đối với các con, một thế giới hỗn loạn, ngẫu biến và đáng sợ. Liệu ta có thể ngăn chặn những gì đã xảy đến với Missy không? Lờì đáp là có.”

Mack ngược nhìn Papa, đôi mắt anh nêu lên câu hỏi mà chẳng cần phải cất tiếng. Papa nói tiếp: “Đầu tiên, nếu chẳng tạo dựng gì cả, những câu hỏi này sẽ chẳng có nghĩa gì. Hoặc là, thứ hai, ta lẽ ra có thể chọn cách chủ động can thiệp vào cảnh ngộ của con bé. Cách thứ nhất chẳng bao được cân nhắc đến, còn cách thứ hai không phải là một phương án mà bây giờ chắc con không thể hiểu được. Vào lúc này, tất cả những gì ta trao cho con như một lờì giải đáp là tình yêu và nhân lành của ta, và quan hệ của ta với con. Ta không chủ đích gây cái chết cho Missy, nhưng điều đó cũng không có nghĩa là ta không thể dùng chuyện đó.”

Mack lắc đầu buồn bã. “Ngài nói đúng. Con không hiểu hết chuyện đó. Con có một giây phút chao đảo và mọi sự khát khao và mất mát trong con dường như trỗi dậy để nói rằng những gì con tưởng rằng mình nhìn thấy không thể là sự thật. Nhưng con vẫn tin cậy Ngài...” Rồi đột nhiên, điều đó giống như một tư tưởng mới mẻ, ngạc nhiên và kỳ diệu. “Papa, con tin cậy Ngài mà.”

Papa nhìn lại anh. “Ta biết, con trai à, ta biết.”

Nói đoạn Ngài xoay lưng bước tiếp trên con đường mòn và Mack đi theo, trái tim anh nhẹ nhõm hơn và thư thái hơn một chút. Chẳng mấy chốc chuyển sang một cuộc leo trèo khá thông thả và nhịp độ chậm đi. Thỉnh thoảng, Papa lại dừng và gõ vào một tảng đá hay một thân cây lớn dọc theo lối mòn, mỗi lần lại cho thấy sự hiện diện của một dấu vòng cung nhỏ màu đỏ. Trước khi Mack kịp đặt câu hỏi, Papa đã quẹo và đi tiếp trên đường mòn.

Cuối cùng cây cối bắt đầu thưa thớt và Mack nhìn thấy thấp thoáng những cánh đồng đá phiến sét nơi mà những vụ lở đất đã làm sạt đi những mảng rừng từ lúc nào đó trước khi đường mòn được hình thành. Họ dừng lại một lần để nghỉ ít phút, và Mack uống chút nước lạnh trong bi đông mà Papa mang theo.

Chẳng mấy chốc sau chỗ nghỉ, con đường trở nên dốc hơn và nhịp độ càng chậm hơn nữa. Khi ra khỏi rừng cây to, Mack đoán rằng họ đã đi được gần hai giờ đồng hồ. Anh thấy con đường mòn chạy lượn theo sườn núi phía trước họ, nhưng trước tiên họ phải băng qua một tảng đá lớn và một cánh đồng đá cuội.

Một lần nữa Papa dừng chân và dỡ đồ xuống, lục tìm nước.

“Sắp đến rồi, con trai,” Ngài nói, đưa biđông cho Mack.

“Sắp rồi à?” Mack hỏi, ngoái nhìn lại cánh đồng đá đơn côi và hoang vu nằm phía trước họ.

“Ừ!” Papa chỉ nói có thế và Mack không biết mình có nên hỏi xem chính xác là họ sắp đến đâu.

Papa chọn một tảng đá cuội gần lối mòn rồi ngồi xuống, đặt hành lý và xềng bên cạnh. Ngài tỏ ra lo lắng. “Ta muốn chỉ cho con những gì sẽ rất đau đớn đối với con.”

“Được chứ?” Bụng Mack cồn lên trong lúc anh đặt gậy xuống và lắc món quà của Sarayu lên lòng mình để ngồi xuống. Mùi hương, dậy lên vì mặt trời buổi sớm, lấp đầy giác quan của anh với cái đẹp và mang đến một nhịp điệu thư thái. “Điều gì vậy?”

“Để giúp con chứng kiến, ta muốn cất đi một điều nữa làm u tối trái tim con.”

Mack biết ngay chuyện gì và quay đi không nhìn Papa, đôi mắt anh bắt đầu khoan một lỗ vào mặt đất giữa đôi bàn chân mình.

Papa nói dịu dàng và tiếp tục trấn an. “Con trai à, chuyện này không phải để con hổ thẹn. Ta không làm chuyện gây tủi hổ, day dứt hay luận phạt. Chúng chẳng mảy may mang lại sự mất toàn hay công chính, và đó là lý do họ đã đóng đinh Jesus trên thập giá.”

Ngài chờ đợi, cho ý nghĩ ấy thấm vào và gột sạch một phần cảm giác cắn rứt của Mack rồi mới nói tiếp. “Ngày hôm nay chúng ta đang ở trên chặng đường mòn phục nguyên để kết thúc một chặng đường trong cuộc hành trình của con - không chỉ với con, mà với cả những người khác. Hôm nay, chúng ta sẽ quẳng một tảng đá lớn

xuống hồ, và những gợn sóng nước ấy sẽ lan đến những góc ngách con không ngờ. Con đã biết điều ta muốn rồi phải không?”

“Con e rằng con đã biết,” Mack làm bầm, cảm nhận xúc cảm đang trào dâng và rỉ rả tuôn trào từ một góc khóa kín trong trái tim anh.”

“Con trai, con cần phải nói ra, gọi tên nó..”

Giờ đây, nước mắt nóng hổi tuôn trên gương mặt anh không còn gì kiềm chế được và Mack thú nhận giữa những lời thổn thức. Anh khóc: “Papa, làm sao con có thể tha thứ được thằng chó đẻ đã giết sát hại Missy. Nếu hôm nay có nó ở đây, con không biết mình sẽ làm gì. Con biết như vậy là không đúng, nhưng con muốn nó đau như nó đã làm con đau... nếu con không thể đòi được công lý thì con vẫn muốn trả thù.”

Papa cứ để cho mọi thứ tuôn trào từ Mack, chờ đợi con sóng đi qua.

“Mack, để con tha thứ người này thì con phóng thích hấn cho ta và cho phép ta cứu chuộc hấn.”

“Cứu chuộc hấn?” Một lần nữa Mack cảm nhận được ngọn lửa thịnh nộ và thương tổn. “Con không muốn Ngài cứu chuộc nó! Con muốn Ngài làm đau nó, trừng phạt nó, tống nó xuống hỏa ngục...” Giọng anh lê lét.

Papa kiên nhẫn chờ đợi cho cảm xúc lắng dịu.

“Con bế tắc, Papa à. Con không thể quên được chuyện nó làm.” Mack khấn nài.

“Tha thứ không phải là lãng quên, Mack. Mà là buông tha kẻ khác.”

“Nhưng con tưởng Ngài đã quên tội lỗi của chúng con?”

“Mack, ta là Chúa. Ta chẳng quên điều gì. Ta biết mọi sự. Cho nên lãng quên đối với ta là một sự lựa chọn để giới hạn chính mình. Con trai à,” Giọng Papa trở nên lặng lẽ và Mack ngược nhìn Ngài, nhìn thẳng vào đôi mắt nâu thắm của Ngài, “bởi vì Jesus, chẳng có luật lệ nào buộc ta phải khơi lại tội lỗi của các con trong tâm trí ta. Chúng

đã biến mất trong câu chuyện giữa con với ta, và chúng chẳng xen vào được trong quan hệ của chúng ta.”

“Nhưng kẻ này...”

“Nhưng hắn cũng là con trai của ta. Ta muốn cứu chuộc hắn.”

“Vậy thì sao? Con chỉ việc tha thứ cho hắn là mọi chuyện sẽ ổn, và chúng con trở thành bè bạn?” Mack nói dịu dàng một cách mỉa mai.

“Con không có một mối quan hệ với kẻ này, ít nhất là chưa. Sự tha thứ không tạo nên mối quan hệ. Với Jesus, ta đã tha thứ tất cả con người về tội lỗi của họ đối với ta, nhưng chỉ một số kẻ chọn lấy sự quan hệ. Mackenzie, con không thấy sự tha thứ là một quyền năng kỳ lạ sao - một quyền năng mà con chia sẻ với chúng ta, một quyền năng Jesus ban cho tất cả những ai Ngài ngự trong để sự hòa giải có thể nảy nở? Khi Jesus tha thứ cho những kẻ đã đóng đinh Ngài lên thập giá, họ không còn trong nợ nần với Ngài nữa, cũng như với ta. Trong mối tương quan giữa ta với những kẻ ấy, ta sẽ chẳng bao giờ khơi gợi những gì họ đã làm, hoặc làm họ ray rứt, hay hổ thẹn.”

“Con không nghĩ là con có thể làm được chuyện này,” Mack dịu giọng đáp.

“Ta muốn con làm. Tha thứ trước tiên là ở con, kẻ tha thứ,” Papa đáp, “buông bỏ điều gì đã khuất phục được con trong cuộc sống; hủy hoại của con niềm vui và khả năng yêu thương một cách trọn vẹn và rộng mở. Con nghĩ kẻ này có quan tâm đến nỗi khổ đau và dày vò mà con đã trải qua không? Dù gì đi nữa, hắn sống với sự hiểu biết về điều đó. Sao con không cắt bỏ điều đó đi? Và khi làm thế, con sẽ giải thoát hắn khỏi một gánh nặng mà anh mang theo cho dù có muốn hay không - có nhìn nhận hay không. Khi con chọn lựa tha thứ kẻ khác, con yêu thương hắn tử tế.”

“Con không yêu thương hắn.”

“Không phải ngày hôm nay, không đâu. Nhưng ta thì có, Mack, không phải đối với con người mà hắn sẽ trở thành, mà đối với đứa

trẻ đau khổ bệnh hoạn bởi nỗi đau trong con người hắn. Ta muốn giúp con tiếp nhận cái bản chất ấy để tìm thấy nhiều sức mạnh hơn trong tình yêu và sự tha thứ thay vì hận thù.”

“VẬY, ĐIỀU ĐÓ CÓ NGHĨA LÀ...” một lần nữa Mack lại hơi giận dữ về xu hướng của cuộc đối thoại, “nếu con tha thứ cho kẻ này, thì con cho nó chơi đùa với Kate, hay là cháu nội của con phải không?”

“Mackenzie,” giọng Papa mạnh mẽ và kiên quyết. “Ta đã bảo con rằng sự tha thứ không tạo nên một mối quan hệ. Trừ phi con người nói ra sự thật về việc họ đã làm và thay đổi tâm trí và hành vi, còn thì một mối quan hệ tin cậy là bất khả. Khi con tha thứ một ai đó, chắc chắn con phóng thích họ khỏi sự phán xét, nhưng nếu không có sự thay đổi thật sự thì chẳng có một mối quan hệ thật sự nào được thiết lập.”

“VẬY THÌ SỰ THA THỨ KHÔNG ĐÒI HỎI CON PHẢI GIẢ VỜ NHƯ NHỮNG CHUYỆN HẮN LÀM CHƯA BAO GIỜ XẢY RA?”

“LÀM SAO ĐƯỢC? CON ĐÃ THA THỨ CHO CHA CON TỐI HÔM QUA. LIỆU CON CÓ QUÊN NHỮNG GÌ ÔNG ẤY ĐÃ LÀM ĐỐI VỚI CON KHÔNG?”

“CHẮC LÀ KHÔNG.”

“NHƯNG GIỜ ĐÂY CON CÓ THỂ THẮNG THẦN YÊU THƯƠNG CHA. SỰ THAY ĐỔI CỦA CHA CON ĐÃ CHO PHÉP ĐIỀU ĐÓ. SỰ THA THỨ KHÔNG HỀ ĐÒI HỎI CON PHẢI TIN CẬY NGƯỜI MÀ CON ĐÃ THA THỨ. NHƯNG NẾU SAU CÙNG HỌ THÚ TỘI VÀ ẮN NĂN, CON SẼ KHÁM PHÁ RA MỘT PHÉP MÀU TRONG TRÁI TIM CON CHO PHÉP CON MỞ LÒNG ĐỂ BẮT ĐẦU TẠO DỰNG MỘT NHỊP CẦU HÒA GIẢI GIỮA CÁC CON. VÀ ĐÔI KHI - ĐIỀU NÀY NGAY BÂY GIỜ CÓ THỂ DƯỜNG NHƯ KHÔNG THỂ HIỂU ĐƯỢC ĐỐI VỚI CON - CON DƯỜNG ẤY THẬM CHỈ CÓ THỂ DẪN DẮT CON ĐẾN VỚI PHÉP MÀU CỦA SỰ KHÔI PHỤC TRỌN VẸN LÒNG TIN CẬY.”

Mack cúi xuống đất và dựa người vào tảng đá mà nãy giờ anh vẫn đang ngồi. Anh ngắm soi đất giữa hai bàn chân mình. “Papa, con nghĩ rằng con hiểu những lời Ngài nói. Nhưng con có cảm giác rằng nếu con tha thứ cho kẻ này thì hắn sẽ rũ bỏ được tha một cách vô

điều kiện. Làm sao con biện minh được chuyện hấn đã làm? Liệu có công bằng với Missy nếu con không phẫn nộ với hấn?”

“Mackenzie, sự tha thứ không cần phải biện minh gì cả. Hãy tin ta, sự sau cùng của kẻ này, là tự do. Và con không có bổn phận gì đối với công lý trong việc này. Ta sẽ lo liệu điều đó. Còn đối với Missy, con bé đã tha thứ cho hấn rồi.”

“Rồi sao?” Mack thậm chí chẳng ngược nhìn lên. “Sao lại như vậy được?”

“Bởi sự ngự trị của ta trong con bé. Đó là con đường duy nhất khả dĩ của sự tha thứ đích thực.”

Mack có cảm giác Papa ngồi xuống bên cạnh anh trên mặt đất nhưng anh vẫn không ngược nhìn lên. Khi đôi cánh tay của Papa choàng lấy Mack, anh bắt đầu khóc. “Hãy khóc hết đi,” anh nghe thấy lời thì thầm của Papa, và rốt cục anh đã làm được điều đó. Anh nhắm mắt lại khi những giọt nước mắt trào ra. Missy và ký ức của cô bé một lần nữa tràn ngập tâm trí anh; hình ảnh những cuốn sách tô màu và bút chì màu và chiếc váy rách thấm máu. Anh khóc cho đến khi cạn kiệt tất cả sự tối tăm, tất cả sự khát khao và tất cả sự mất mát, cho đến khi chẳng còn lại gì.

Với đôi mắt nhắm nghiền, thân người đông đờ, anh khấn nài: “Hãy giúp con, Papa. Hãy giúp con! Con phải làm gì? Làm sao để con tha thứ cho hấn?”

“Hãy nói với hấn.”

Mack ngược nhìn lên, nửa tỉnh nửa mê nhìn thấy một kẻ anh chưa bao giờ gặp đang đứng ở đó, nhưng chẳng có ai.

“Làm sao, Papa?”

“Cứ nói lớn lên. Có một quyền năng khi con cái của ta tuyên cáo.”

Mack bắt đầu thì thầm bằng một âm sắc thoát tiên miễn cưỡng và vấp vấp, nhưng rồi ngày càng vững tin. “Ta tha thứ cho mi. Ta tha thứ cho mi. Ta tha thứ cho mi.”

Papa ôm anh vào lòng. “Mackenzie, con thật là một niềm hoan lạc.”

Khi sau cùng Mack trấn tĩnh lại, Papa trao cho anh một cái khăn ướt để anh lau mặt. Khi ấy anh đứng dậy, thoát đầu hơi loạng choạng.

“Chao ời!” anh nói bằng giọng khàn khàn, cố tìm ngôn từ nào đó hùng vĩ diễn tả được cuộc hành trình xúc cảm anh vừa bước chải đi qua. Anh trả chiếc khăn lại cho Papa rồi hỏi: “Vậy nếu con vẫn còn giận thì có sao không?”

Papa đáp ngay. “Chứ sao! Chuyện hấn đã làm thật khủng khiếp. Hấn đã gây đau khổ vô bờ cho nhiều người. Đó là sai trái, nhưng giận dữ là phản ứng chính đáng với một điều gì đó quá sai trái. Nhưng đừng để sự phẫn nộ, đau đớn và mất mát của con ngăn cản con tha thứ cho hấn và tháo gỡ đôi bàn tay con đang siết cổ hấn.”

Papa nhắc hành lý lên người. “Con trai, có lẽ con sẽ phải tuyên cáo sự tha thứ của mình một trăm lần vào ngày đầu tiên và ngày thứ hai, nhưng sẽ ít hơn vào ngày thứ ba và mỗi ngày sau đó, cho đến một ngày con sẽ nhận ra rằng con đã tha thứ hoàn toàn. Và rồi một ngày kia con sẽ cầu nguyện cho sự mãn toàn của hấn và trao hấn cho ta để tình yêu của ta thiêu đốt mọi vết tích của sự xấu xa trong cuộc sống của hấn. Ngay lúc này đây điều này nghe thật không thể hiểu được, nhưng một ngày kia con sẽ biết rõ người này trong một cảnh ngộ khác.”

Mack rên rỉ. Nhưng dù cho những lời Papa nói làm bụng dạ anh quặn cào, trong thâm tâm anh biết điều đó đúng. Họ cùng đứng lên và Mack hướng về con đường mòn để trở về bằng lối mà họ đã đến.

“Mack, chưa xong mà,” Ngài phán.

Mack khựng và xoay người lại. “Thế à? Con tưởng đây là lý do Ngài đưa con đến đây.”

“Đúng rồi, nhưng ta đã nói với con rằng ta có cái để chỉ cho con, cái mà con đã nhờ ta. Chúng ta đến đây để đưa Missy về nhà.”

Đột nhiên mọi chuyện sáng tỏ. Anh nhìn món quà của Sarayu và nhận ra công dụng của nó. Đâu đó trong khung cảnh hoang vu này kẻ sát nhân đã giấu thi thể của Missy và họ đã đến để mang về.

“Tạ ơn cha,” anh chỉ nói được với Papa có thể thì một lần nữa suối nước mắt lại tuôn trào trên gò má như thể bắt nguồn từ một mạch nguồn bất tận. “Con cảm ghét điều này - khóc lóc và lu loa như một thằng khùng, bao nhiêu là nước mắt,” anh than van.

“Ôi con ơi,” Papa cất giọng dịu dàng. “Đừng bao giờ xem thường sự màu nhiệm của nước mắt. Nó có thể là nước chữa lành và dòng hân hoan. Đôi khi đó là những ngôn từ hay ho nhất mà trái tim có thể thốt lên.”

Mack lùi lại để nhìn vào gương mặt Papa. Sự nhân lành thanh khiết, tình yêu, hy vọng và niềm hoan lạc sống mà anh chưa bao giờ nhìn vào. “Nhưng Ngài đã hứa một ngày kia sẽ không còn nước mắt nữa mà? Con đang trông mong ngày đó.”

Papa mỉm cười, chạm lưng của những ngón tay của Ngài vào mặt Mack, và rất dịu nhẹ nhàng lau gò má hoen nước mắt cho anh. “Mackenzie, thế giới này tràn đầy nước mắt, nhưng nếu con nhớ rằng ta đã hứa điều đó thì chính ta sẽ lau nước mắt cho con.”

Mack cố nở một nụ cười trong lúc linh hồn anh tan chảy và lành lặn trong tình yêu của Cha.

“Đây,” Papa nói và đưa cho anh một chiếc bi đông. “Uống nhiều đi. Ta không muốn con chưa chi đã héo hắt như một trái mận khô.”

Mack không nhịn được cười, một nụ cười dường như thật lạc lõng, nhưng rồi nghĩ lại anh thấy thật là phù hợp. Đó là một nụ cười của hy vọng và niềm hân hoan đã được khôi phục... của một tiến trình để kết thúc.

Papa dẫn đường. Trước khi rời khỏi lối đi chính để lần theo một con đường mòn vào trong một bãi đá cuội, Papa dừng lại và dùng gậy của mình để gõ vào một tảng đá lớn. Ngài nhìn lại Mack và ra hiệu cho anh nên nhìn gần hơn. Lại tiếp tục, một nét vòng cung màu đỏ. Và giờ thì Mack nhận ra con đường mà họ đi đã được đánh dấu

bởi kẻ đã bắt đi con gái anh. Trong khi đi, Papa giải thích cho Mack biết rằng chưa có một thi thể nào được tìm thấy bởi vì kẻ này thường sục sạo những nơi để cất giấu xác, đôi khi cả mấy tháng trời trước khi hắn bắt cóc các bé gái.

Bằng ngang đến lưng chừng bãi đá cuội, Papa rời lối mòn để bước vào một mê cung đá tảng và vách núi và một lần nữa không quên chỉ ra dấu hiệu quen thuộc trên một tảng đá gần kề. Mack nhận thấy trừ phi ai đó đã biết trước để tìm kiếm, những dấu hiệu ấy dễ dàng bị bỏ qua. Mười phút sau, Papa dừng lại trước một đường phân giới nơi hai vĩa đất giao nhau. Có một cột đá cuội nhỏ ở trên nền vĩa đất mà một viên mang dấu hiệu của kẻ sát nhân.

“Giúp ta với,” Ngài nói với Mack trong khi bắt đầu lăn những tảng đá lớn hơn ra xa. “Tất cả những tảng đá này che giấu một cái miệng hang.”

Một khi những tảng đá nguy trang đã được dời đi, họ cảm xéng xúc đi lớp đất cứng và sỏi chặn lối vào. Đột nhiên, lớp đất còn lại bung ra để lộ lối vào một chiếc hang nhỏ; có lẽ đã từng là hang của một con thú ngủ đông nào đó. Mùi ôi của sự phân hủy xông ra và Mack thấy ghen. Papa thò tay vào cuối cuộn hành lý mà Sarayu cho Mack để lôi ra một mảnh vải bằng cỡ chiếc khăn rằn. Ngài buộc khăn che miệng và mũi Mack và ngay lập tức mùi thơm của nó át mất mùi khó chịu của chiếc hang.

Chỉ có đủ chỗ để họ bò. Rút ra một chiếc đèn pin loại mạnh từ trong hành lý của mình, Papa luồn vào trong hang trước và Mack theo sát đằng sau, vẫn mang theo món quà của Sarayu.

Họ chỉ mất vài phút để tìm thấy báu vật đáng cay. Trên một nền đá nhỏ, Mack nhìn thấy một thi thể mà anh cho rằng là Missy; mặt ngửa lên trên, thân thể cô bé được phủ một tấm vải bẩn và mục nát. Như một chiếc găng tay cũ không cần phải ướm thử bàn tay, anh biết Missy đích thực không nằm đó.

Papa tháo thứ mà Sarayu đưa họ mang theo và ngay lập tức hang động tràn ngập những hương thơm kỳ diệu. Mặc dù tấm vải bên dưới thi thể của Missy đã mong manh, nó vẫn còn đủ chắc để Mack

nhấc cô bé lên và đặt vào giữa hương hoa. Rồi Papa nhẹ nhàng quấn cô bé lại và mang ra cửa hàng. Mack ra ngoài trước và Papa trao báu vật cho anh. Anh đứng dậy trong lúc Papa thoát ra và xốc lại chiếc túi lên vai anh. Mack chẳng nói một lời ngoài những tiếng lẩm bầm chốc chốc trong làn hơi thở: “Ta tha thứ cho mi... Ta tha thứ cho mi...”

Trước khi rời khỏi hiện trường, Papa nhặt viên đá có dấu vòng cung màu đỏ lên và đặt trên lối vào. Mack nhìn thấy nhưng không mấy chú ý, mãi bận rộn với những ý nghĩ của riêng mình và dịu dàng ôm chặt thân xác con gái vào lòng.

NHỮNG CHỌN LỰA CỦA TRÁI TIM

Nhân gian chẳng có nỗi đau nào

Địa đàng không thể chữa lành lặn.

— THOMAS MOORE , *“Hãy đến hỏi những kẻ phiến muộn”*

Dù Mack phải vác nặng thi thể của Missy trở về căn chòi, thời gian vẫn trôi qua nhanh. Khi họ về đến căn chòi, Jesus và Sarayu đang chờ ở cửa sau. Jesus nhẹ nhàng giúp anh đỡ xuống và họ cùng nhau vào trong chiếc lán Ngài vẫn làm việc. Mack chưa bước vào đây kể từ lúc đến và ngạc nhiên trước vẻ đơn sơ của nó. Qua những chiếc cửa sổ lớn, ánh sáng tràn vào soi rọi và phản chiếu bụi gỗ vẫn còn đang lơ lửng trong không trung. Những bức tường và băng ghế dài, chất đầy các loại dụng cụ, được sắp xếp để thuận tiện cho các hoạt động trong lán. Rõ ràng đây là thánh địa của một người thợ bậc thầy.

Ngay trước mắt họ là công trình của Ngài, một tác phẩm nghệ thuật để đặt thi hài của Missy. Khi đi vòng quanh chiếc quách, Mack nhận ra ngay những nét khắc trên gỗ. Quan sát kỹ hơn anh phát hiện ra các chi tiết trong đời sống của Missy đã được khắc chạm vào gỗ. Anh thấy một họa tiết khắc Missy cùng với Judas, con mèo của cô bé. Một chỗ khác là hình ảnh Mack đang ngồi trên ghế đọc truyện *Tiến sĩ Seuss* cho cô bé. Cả gia đình đều được thể hiện trong các hoạt cảnh bên hông và trên nắp: Nan và Missy làm bánh, chuyển đi đến hồ Wallowa với xe cáp chạy lên núi, và thậm chí cả hình ảnh Missy ngồi tô màu ở chiếc bàn trong trại hè cùng với chiếc kẹp kẻ sát nhân bỏ lại được khắc họa chính xác. Có cả hình ảnh Missy đang đứng mỉm cười trong lúc ngắm thác nước, biết rằng cha mình ở phía bên kia. Rải rác khắp nơi là hoa và những con thú mà Missy yêu thích nhất.

Mack quay lại ôm lấy Jesus, và trong lúc họ ôm nhau, Jesus thì thầm vào tai anh: “Missy đã giúp đấy, con bé đã chọn những hình

ảnh muốn khắc lên trên ấy.”

Mack siết chặt vòng tay. Mãi anh mới rời ra được.

“Chúng ta có một chốn tuyệt vời đã chuẩn bị cho thân xác của con bé,” Sarayu vừa nói vừa lướt qua. “Mackenzie, đó là trong khu vườn của *chúng ta* .”

Hết sức cẩn trọng họ gượng nhẹ đặt thi hài của Missy vào trong chiếc quách, đặt đầu cô bé trên một lớp cỏ mềm và rêu, rồi lấp đầy bằng hoa cỏ từ chiếc túi của Sarayu. Đóng nắp lại, Jesus và Mack nhẹ nhàng nhấc hai đầu để khiêng ra ngoài, Sarayu theo sau, vào trong khu vườn đến chỗ vùng cây ăn quả mà Mack đã phụ dọn sạch. Tại đó, giữa những cây anh đào và cây đào, vây quanh bởi phong lan và bạch huệ, một chiếc hố đã được đào ngay tại chỗ mà Mack đã nhổ rễ của những bụi hoa ngày hôm trước. Papa đang chờ họ. Khi chiếc quách tinh xảo được nhẹ nhàng đặt xuống lòng đất, Papa ôm chặt lấy Mack và anh cũng đáp lại.

Sarayy bước đến. “Ta,” Ngài vừa nói vừa vung tay và nghiêng người. “long trọng hát ca khúc của Missy mà cô bé viết riêng cho dịp này.”

Và Ngài bắt đầu hát, với một chất giọng như gió mùa thu; âm thanh của lá xào xạc và rừng cây nhẹ nhàng thiếp ngủ, âm sắc của màn đêm đến và hứa hẹn những ngày mới đang về. Đó là giai điệu ám ảnh mà anh đã từng nghe Ngài và Papa ngâm nga trước đó, và giờ đây Mack lắng nghe những lời của con gái mình:

Hãy rước ta vào lòng

Để ta thở và sống

Và thiếp ngủ nồng nàn

Giữa êm ái những tặng vật ngài trao ban

Gió hãy hôn ta và cùng hòa hơi thở

Cho đến khi ta quyện vào nhau

Và khiêu vũ giữa những mộ bia

Cho đến khi chết chóc tan biến
Chẳng một ai hay biết chúng ta
Hòa nhịp bên nhau trong lời ca
Ngoại trừ Đấng ban sự sống
Đến che chở ta khỏi mọi ác mộng
Gió hãy hôn ta và cùng hòa hơi thở
Cho đến khi chúng ta quyện vào nhau
Và khiêu vũ giữa những mộ bia
Cho đến khi chết chóc tan biến

Khi Ngài hát xong, có một khoảng lặng; và rồi Thiên Chúa, cả ba đấng, đồng thanh nói “Amen.” Mack hòa theo tiếng amen, cầm lấy một chiếc xẻng và cùng với Jesus bắt đầu lấp hố lại, phủ lên chiếc quách nơi thi thể của Missy an nghỉ.

Rồi khi xong việc, Sarayu lần tay vào trong áo rút ra một chai nhỏ mỏng mảnh. Ngài rắc từ trong chai ra vài giọt của thứ nước sưu tầm quý giá vào trong lòng bàn tay rồi bắt đầu cẩn thận vẩy những giọt nước mắt của Mack lên trên lớp đất đen dày bên trên nơi an nghỉ của Missy. Những giọt nước rơi như kim cương và hồng ngọc, và bất cứ nơi nào chúng rơi xuống, hoa bùng dậy ngay lập tức và trở hoa dưới ánh mặt trời rực rỡ. Sarayu dừng lại trong chốc lát, nhìn chăm chú vào một hạt ngọc trai trên lòng bàn tay mình, một giọt nước mắt đặc biệt; rồi thả nó vào ngay giữa mảnh đất. Ngay lập tức một thân cây nhỏ từ dưới đất trồi lên và bắt đầu vươn lên, trẻ trung, lộng lẫy và choáng ngợp, nảy nở và lớn dậy mãi cho đến khi bùng nở rộ hoa. Khi ấy Sarayu, với điệu bộ lặng lẽ như gió thoảng của mình, xoay lại mỉm cười với Mack, đang đứng nhìn trân trối. “Đó là một cái cây sự sống, Mack, mọc lên trong khu vườn của trái tim con.”

Papa đến bên cạnh và choàng tay lên vai anh. “Missy thật diệu kỳ, con biết đó. Con bé thật sự yêu thương con.”

“Con nhớ nó khủng khiếp... vẫn còn đau buồn quá.”

“Ta biết, Mackenzie. Ta biết.”

Nếu theo dấu mặt trời, quá trưa một chút thì bốn người rời khu vườn và về lại căn chòi. Trong bếp chẳng có sẵn món gì, trên bàn ăn cũng chẳng có thức ăn gì. Thế là Papa dẫn hết thầy vào trong phòng khách; nơi có một ly rượu và một ổ bánh mì mới nướng đặt trên chiếc bàn cà phê. Họ ngồi xuống, riêng Papa vẫn đứng. Ngài hướng lời mình vào Mack.

“Mackenzie,” Ngài cất giọng, “chúng ta có một thứ để cho con cân nhắc. Trong thời gian ở cùng chúng ta, con đã được chữa lành nhiều và học hỏi nhiều.”

“Con cho rằng nói thế là hơi khiêm tốn đấy,” Mack cười khúc khích.

Papa mỉm cười. “Chúng ta đặc biệt yêu mến con, con biết rồi đó. Nhưng đây là sự lựa chọn mà con phải quyết định. Con có thể vẫn ở lại với chúng ta và tiếp tục lớn dậy và học hỏi, hoặc con có thể trở về ngôi nhà kia của con, với Nan cùng với các con và bạn bè của con. Dù cho cách nào, chúng ta hứa sẽ luôn ở bên con; mặc dù cách này thì tỏ tường và hiển hiện hơn một chút.”

Mack dựa người suy nghĩ về điều đó. “Còn Missy thì sao?” anh hỏi.

“Nếu con chọn ở lại,” Papa nói tiếp, “con sẽ gặp con bé trưa nay. Nó sẽ đến. Nhưng nếu con chọn rời khỏi nơi này thì con cũng sẽ chọn rời khỏi Missy.”

“Thật là một sự lựa chọn không dễ dàng,” Mack thở dài. Căn phòng chìm trong yên lặng nhiều phút vì Papa dành cho Mack không gian để giằng co giữa những suy nghĩ và ước muốn. Cuối cùng, Mack hỏi: “Missy muốn gì?”

“Mặc dù muốn ở bên con ngày hôm nay, con bé đang ở nơi không có sự nôn nóng. Nó chẳng ngại phải chờ đợi.”

“Con muốn ở bên nó lắm.” Anh mỉm cười với ý nghĩ đó. “Nhưng điều này sẽ quá nặng nề với Nan và những đứa nhỏ khác của con. Cho con hỏi một điều. Những gì con làm ở nhà có quan trọng không? Có ý nghĩa không? Con thật sự chẳng làm gì nhiều ngoài làm việc và chăm sóc gia đình và bạn bè...”

Sarayu ngắt lời anh. “Mack, nếu một điều gì đó mang ý nghĩa thì mọi điều đều có ý nghĩa. Bởi vì con quan trọng, mọi điều con làm cũng quan trọng. Mỗi lần con tha thứ, vũ trụ chuyển biến; mỗi lần con đưa tay để chạm đến một trái tim hay một cuộc sống, thế giới chuyển biến; với mỗi sự tốt lành và phụng sự, dù nhìn thấy hay không nhìn thấy, các mục đích của ta lại được chu toàn và mọi chuyện đều thay đổi vĩnh viễn.”

“Được rồi,” Mack nói dứt khoát. “Và thì con sẽ quay về. Con không tin rằng có ai đó sẽ tin câu chuyện của con, nhưng nếu con quay về con biết rằng mình có thể làm nên sự khác biệt, cho dù sự khác biệt ấy nhỏ nhoi đến dường nào. Nhưng có một vài điều con cần... con muốn làm.” Anh dừng lại rồi nhìn từng vị, rồi cười. “Các Ngài biết rồi đó...”

Họ cùng cười.

“Và con thật sự tin rằng các Ngài sẽ chẳng bao giờ rời khỏi con hay bỏ rơi con, cho nên con không ngại quay về. Chắc có chút chút.”

Papa lên tiếng: “Đó là một sự lựa chọn rất tốt.” Ngài nhìn anh, ngồi xuống cạnh anh.

Giờ thì Sarayu đứng trước mặt Mack và nói. “Mackenzie, giờ thì con sắp quay về, ta có thêm một món quà nữa để con mang theo.”

“Món gì vậy?” Mack hỏi, tò mò với món mà Sarayu sẽ ban tặng.

“Món đó dành cho Kate,” Ngài nói.

“Kate?” Mack thốt lên, nhận ra mình vẫn nặng trĩu trong lòng đối với cô bé. “Làm ơn, nói cho con nghe đi.”

“Kate tin rằng nó có lỗi với cái chết của Missy.”

Mack sửng sò. Điều Sarayu nói với anh quá hiển nhiên. Kate tự trách mình là hết sức hợp lý. Cô bé đã chầm ngòi cho chuỗi sự kiện dẫn đến việc Missy bị bắt cóc. Anh không tin được rằng ý nghĩ ấy chưa bao giờ đến trong tâm trí anh. Trong một khoảnh khắc, lời của Sarayu mở ra một tia sáng cho cuộc chiến của Kate.

“Tạ ơn Ngài muôn vàn!” anh nói với Ngài, tim anh tràn đầy tri ân. Giờ thì chắc chắn anh phải trở về rồi, cho dù chỉ vì Kate. Ngài gật đầu và mỉm cười rồi như ngồi xuống. Cuối cùng, Jesus đứng dậy và với tay lên kệ để lấy xuống chiếc hộp thiếc nhỏ của Mack. “Mack, ta nghĩ là con cần thứ này...”

Mack nhận từ tay Jesus rồi giữ một lúc. “Thật ra, con không nghĩ là con sẽ cần đến thứ này nữa,” anh nói. “Ngài cất giùm con được không? Tất cả báu vật của con giờ đây đã được cất trong Ngài rồi còn gì. Con muốn Ngài là cuộc sống của con.”

“Ta đang là,” giọng sang sảng đầy quả quyết vang lên.

Không chút hình thức, không chút nghi lễ, họ thưởng thức bánh mì nóng và chia nhau rượu rồi cười vang về những khoảnh khắc lạ thường của kỳ cuối tuần. Anh biết câu chuyện đã kết thúc, đã đến giờ anh trở về và hình dung làm thế nào để kể lại với Nan mọi chuyện.

Anh chẳng có hành lý gì để đóng gói. Một vài món đồ đạc xuất hiện trong phòng anh đã biến mất, chắc là nằm trong xe của anh. Anh thay bộ đồ dã ngoại để mặc bộ đồ khi anh đến, đã được giặt sạch và gấp gọn gàng. Khi thay quần áo xong anh với lấy áo khoác từ chiếc móc trên tường, rồi nhìn căn phòng của mình một lần cuối trong khi bước ra.

“Chúa, kẻ tồi tớ,” anh bật cười nhưng rồi lại cảm thấy ứa nước mắt trong lúc ý nghĩ ấy làm anh khựng lại. “Chúa đích thật hơn hết, tồi tớ của con.”

Khi Mack trở lại phòng khách, ba đắng đã không còn. Một tách cà phê bốc khói chờ đợi anh cạnh lò sưởi. Anh chưa có dịp nói lời tạ

từ, nhưng anh chợt nghĩ lại, từ biệt Chúa nghe hơi ngớ ngẩn. Điều đó làm anh mỉm cười. Anh ngồi xuống sàn nhà xoay lưng về lò sưởi và nhấp một ngụm cà phê. Thật tuyệt diệu, anh cảm nhận được cái nóng của nó di chuyển xuống lồng ngực. Đột nhiên, anh thấy kiệt sức, vô vàn cảm xúc lại trỗi dậy. Như thế có một quyền lực riêng, đôi mắt của anh nhắm lại và Mack nhẹ nhàng, êm ả trôi tuột vào một giấc ngủ thư thái.

Cảm giác tiếp theo của anh là lạnh lẽo, những ngón tay bằng giá như đã thò xuyên qua áo quần của anh để làm tê cóng làn da anh. Anh choàng thức tỉnh và lồm cồm đứng dậy, cơ bắp ê ẩm và cứng đờ vì nằm trên sàn nhà. Nhìn quanh anh thấy ngay mọi thứ đã trở lại hết như hai ngày trước, thậm chí cả vết máu gần lò sưởi nơi anh đã nằm ngủ.

Anh chạy bổ đến khung cửa tiểu tụy để ra ngoài hàng hiên ọp ẹp. Căn chòi một lần nữa hiện diện cũ kỹ và xấu xí, cửa ra vào và cửa sổ han gỉ và hư hỏng. Mùa đông bao phủ khu rừng và con đường mòn dẫn đến chiếc Jeep của Willie. Hồ nước chỉ nhìn thấy thấp thoáng qua những tán cây thạch nam và cam tùng xung quanh nhà. Hầu hết cầu tàu đã chìm trong nước, chỉ còn vài cột gỗ lớn cùng một số bộ phận đính kèm vẫn còn trụ lại. Cảm giác giống như anh đã trở lại thế giới phi thực tế thì đúng hơn.

Anh khoác áo lạnh rồi lần đường trở lại chiếc xe theo dấu chân của mình, vẫn còn nhìn thấy trong tuyết. Khi Mack đến chỗ chiếc xe, một đợt tuyết mới tinh khiết bắt đầu nhẹ rơi. Cuộc hành trình trở về Joseph diễn ra êm đềm và anh đến nơi trong màn đêm đông. Anh đổ đầy xăng, ăn tạm một chút thức ăn và cố gắng gọi cho Nan nhưng không được. Có lẽ nàng đang trên đường, anh tự nhủ, và sóng điện thoại khó lòng phủ được. Mack quyết định lái đến đồn cảnh sát để xem có Tom không, nhưng sau khi lượn vòng chậm chậm không thấy hoạt động gì bên trong, anh quyết định không vào. Làm sao anh có thể giải thích được chuyện đã xảy ra cho Nan nghe, nói gì đến Tommy?

Đến giao lộ kế tiếp thì đèn đỏ bật lên và anh dừng lại. Anh mệt mỏi, nhưng thanh thản và hân hoan lạ thường. Anh không nghĩ mình

sẽ dễ dàng tỉnh táo trên chặng đường dài về nhà. Anh nóng lòng về nhà với gia đình, nhất là với Kate.

Chìm đắm trong suy tư, Mack cứ thế lướt qua giao lộ khi đèn bật xanh. Anh thậm chí chẳng nhìn thấy một tài xế khác vượt đèn đỏ phía bên kia. Chỉ có một ánh chớp sáng lòe rồi không còn gì, ngoại trừ sự yên lặng và bóng tối đen như mực.

Trong nháy mắt, chiếc Jeep đỏ của Willie tan nát, vài phút sau Cứu hộ và cảnh sát đến, và trong vài giờ sau thân thể thương tích và bất tỉnh của Mack được hàng không hữu hộ chuyển đến bệnh viện Emmanuel tại Portland, Oregon.

NHỮNG VỆT SÓNG LAN XA

Niềm tin chẳng hề biết đang được dẫn dắt về đâu,
Nhưng nó vâng biết và mến yêu Đấng đưa lối.

— Oswald Chamber

Và sau hết, như vang vọng từ một nơi xa xăm, anh nghe một giọng nói quen thuộc reo vui: “Bố siết ngón tay con! Con cảm thấy rồi! Thật mà!”

Anh thậm chí không hé nổi mắt để nhìn nhưng anh biết Josh đang nắm tay mình. Anh cố gắng siết một lần nữa, nhưng bóng tối bao phủ anh rồi anh lịm đi. Mất trọn một ngày nữa Mack mới tỉnh trở lại. Anh hầu như chẳng cử động nổi một cơ bắp nào khác trên người. Thậm chí cố gắng hé một mí mắt cũng dường như quá sức, mặc dù hành động ấy sẽ được tưởng thưởng bởi những tiếng reo vang, hò hét và tươi cười. Lần lượt từng người một, dòng người nối nhau tiến đến nhìn vào một mắt hé hé của anh, như thể đang nhìn vào một cái hố đen sâu thẳm chứa đựng một báu vật kỳ diệu nào đó. Bất kể nhìn thấy điều gì họ đều vui mừng tột cùng và đi truyền tin cho mọi người.

Một số gương mặt thì anh nhận ra; còn những gương mặt anh không nhận ra thì Mack cũng sớm được biết, ấy là gương mặt của các bác sĩ và y tá. Anh ngủ thường xuyên, nhưng dường như mỗi lúc mở mắt anh lại gây ra không ít niềm vui. “Cứ chờ đến khi ta mở miệng được nhé,” anh nghĩ bụng. “Tha hồ mà cho họ biết.”

Mọi thứ dường như đều đau. Giờ đây anh nhận biết một cách đau đớn khi một y tá xê dịch cơ thể anh ngoài ý muốn trong lúc điều trị và để giúp anh chống lại vết loét do nằm bệnh. Rõ ràng đó là biện pháp chữa trị thông thường cho những người bị hôn mê một, vài ngày trở lên, nhưng biết vậy cũng chẳng làm cho mọi chuyện dễ chịu hơn.

Thoạt đầu, Mack chẳng có khái niệm gì, từ việc mình đang nằm đâu cho đến có sự đã đưa anh đến tình cảnh này. Anh còn chẳng biết nổi mình là *ai*. Thuốc men chẳng giúp được, mặc dù anh biết ơn morphine đã giúp anh thoát khỏi cơn đau. Trong vòng vài ngày kế tiếp, tâm trí anh từ từ hồi phục và anh bắt đầu cất giọng trở lại được. Dòng người thân yêu và bạn hữu cứ đều đặn đến để cầu chúc anh chóng bình phục hoặc là để lượm lặt một chút thông tin, vốn dĩ mù mịt. Josh và Kate là những đứa có mặt thường xuyên, đôi khi chúng làm bài tập trong lúc Mack ngủ, hoặc trả lời những câu hỏi của anh mà trong mấy ngày đầu anh cứ hỏi đi hỏi lại.

Đến một lúc nào đó thì Mack rốt cục hiểu ra, mặc dù anh đã được cho biết rất nhiều lần, rằng anh đã bất tỉnh gần bốn ngày sau tai nạn khủng khiếp tại Joseph. Nan bộc lộ rõ ràng anh sẽ phải giải thích rất nhiều việc, nhưng hiện tại thì nàng chú tâm vào sự bình phục của anh hơn là cần nghe trả lời. Điều đó cũng không có ý nghĩa. Ký ức của anh là một màn sương và mặc dù nhớ được từng mảnh với từng hạt, anh vẫn không thể ráp chúng lại thành một tổng thể mang ý nghĩa.

Anh lơ mơ nhớ lại chuyến đi đến căn chòi, nhưng từ đó trở đi mọi việc bỗng nhòe nhoẹt. Trong những giấc mơ của anh, hình ảnh Papa, Jesus, Missy chơi bên bờ hồ, Sophia trong hang động, và ánh sáng cùng màu sắc của cuộc vui trên cánh đồng hiện ra trở lại với anh như những mảnh của một chiếc gương vỡ. Mỗi mảnh đều gắn với niềm khoái cảm và hân hoan nhưng anh không chắc có phải chúng là thật hay là ảo giác tạo nên bởi sự va chạm của những neuron thần kinh bị hư hại hay bất thường với tân dược đang ngấm trong huyết quản của anh.

Trưa ngày thứ ba từ lúc anh tỉnh lại, anh thức dậy và nhìn thấy Willie đang nhìn mình, nhìn anh khá cau có.

“Ngu ngốc quá!” giọng Willie cộc lốc.

“Mừng được gặp lại anh, Willie,” Mack ngáp.

“Anh học lái xe ở đâu vậy,” Willie xỉ vả. “Ồi chao, tôi nhớ mà, trai làng đâu có quen ngã tư. Mack, theo những gì tôi nghe thấy thì lẽ ra

anh phải thấy gã đó từ cách xa một dặm đường.” Mack nằm đó, nhìn bạn mình nói huyền thuyên, cố lắng nghe để hiểu từng từ nhưng không thành. Willie nói tiếp, “Còn bây giờ thì Nan đang điên tiết lắm và không thềm nói chuyện với tôi. Bà ấy trách tôi đã cho anh mượn chiếc Jeep và để anh đi đến căn chòi.”

“Thế tại sao tôi lại đi đến căn chòi?” Mack hỏi, vật vã để nhạt nhạnh những ý nghĩ. “Mọi thứ đều hư ảo.”

Willie rên rỉ trong tuyệt vọng. “Anh phải nói với bà ấy là tôi đã cố ngăn anh chuyện đó.”

“Anh có ngăn không?”

“Đừng có nói vậy với tôi, Mack. Tôi đã cố bảo anh...”

Mack mỉm cười trong khi lắng nghe Willie rửa xả. Nếu anh có được một vài ký ức khác, anh đã nhớ người đàn ông này quan tâm đến mình và việc có anh ấy bên cạnh đã làm anh mỉm cười. Mack đột nhiên giật mình nhận ra Willie đang cúi xuống gần sát mặt mình.

“Nói nghiêm túc nhé, có Ngài ở đó không?” anh thì thào, rồi đảo mắt nhìn quanh để đoán chắc không có ai nghe thấy.

“Ai?” Mack thì thào. “Tại sao tụi mình lại nói thầm vậy?”

“Anh biết mà, Chúa đó?” Willie nhấn giọng. “Ngài có ở chỗ căn chòi không?”

Mack ngạc nhiên. “Willie,” anh thì thầm, “có gì bí mật đâu. Chúa ở mọi nơi. Thì tôi đến chỗ căn chòi mà.”

“Tôi biết rồi, ngớ ngẩn quá,” anh át lời. “Anh không nhớ gì hết à? Anh không nhớ cả bức thư à? Bức thư anh nhận được từ Papa gửi vào thùng thư lúc anh bị trượt chân trên băng rồi ngã lăn ra đó.”

Đó chính là lúc cái chốt được bật lên và câu chuyện rời rạc bắt đầu kết tinh trong tâm trí Mack. Mọi thứ đột nhiên sáng tỏ khi trí não anh bắt đầu kết nối các điểm rời rạc và điền vào các chi tiết - bức thư, chiếc xe Jeep, chuyến đi đến căn chòi, và từng góc độ của kỳ cuối tuần rục rỏ. Hình ảnh và ký ức bắt đầu tràn về dữ dội đến mức anh cảm thấy như chúng sẽ nhấc bổng anh lên và cuốn phăng anh

ra khỏi chiếc giường và ra khỏi cả thế giới này. Và trong khi hồi tưởng lại anh bắt đầu khóc, cho đến khi nước mắt lăn trên gò má.

“Mack, tôi xin lỗi nhé.” Willie giờ đây bắt đầu khăn khăn và hồi lỗi. “Tôi đã nói gì nhỉ?”

Mack vớ tay để chạm lên gương mặt của người bạn. “Không có gì đâu, Willie... Giờ thì tôi nhớ hết mọi chuyện rồi. Bức thư, căn chòi, Missy, Papa. Tôi nhớ hết mọi thứ.”

Willie bất động, chẳng biết nghĩ gì hay nói gì. Anh lo rằng mình đã đẩy người bạn đến bờ vực khi nghe anh ta lấp bắp về căn chòi, Papa và Missy. Cuối cùng anh hỏi: “Nào, anh định nói với tôi là Ngài ở đó? Có Chúa phải không?”

Giờ thì Mack vừa khóc vừa cười. “Willie, Ngài ở đó! Ồ, Ngài đã ở đó! Cứ chờ tôi kể cho mà nghe. Anh sẽ chẳng bao giờ tin đâu. Trời ơi, tôi còn chẳng tin nổi.” Mack dừng lại, trong phút chốc anh lạc lối trong mớ ký ức. “Ồ, đúng rồi,” rốt cục anh lên tiếng. “Ngài bảo tôi nói với anh một chuyện.”

“Cái gì? Tôi?” Mack quan sát nét quan tâm và ngờ vực thay nhau ẩn hiện trên gương mặt Willie. “Vậy Ngài nói gì?” Anh lại chồm tới một lần nữa.

Mack dừng lại để quan sát gương mặt và quai hàm của người bạn căng cứng và nước long lanh trong mắt anh. Đôi môi và cằm của anh run run, và Mack biết bạn của mình đang chống chọi dữ dội để kiềm chế. “Tôi phải đi đây,” anh thì thào bằng giọng khàn khàn. “Anh sẽ phải nói cho tôi biết sau.” Nói đến đó Willie xoay người đi ra khỏi phòng, bỏ lại Mack nằm hoang mang và hồi tưởng.

Khi Nan vào tiếp sau đó, nàng thấy Mack đang ngồi dựa trên giường và cười toe toét. Anh chẳng biết bắt đầu từ đâu, nên anh để nàng nói trước. Nàng nói cho anh biết một số chi tiết mà anh vẫn còn mù mờ; vui mừng vì rốt cục anh vẫn nhớ được thông tin. Anh đã suýt chết bởi một người lái xe say rượu và phải trải qua phẫu thuật khẩn cấp để chữa nhiều xương bị gãy và nội thương. Mọi người đã

rất lo lắng anh có nguy cơ rơi vào một cơn hôn mê lâu dài, nhưng cuộc hồi tỉnh của anh đã giải tỏa mọi lo âu.

Trong khi nàng nói, Mack nghĩ rằng quả thật là kỳ lạ khi anh gặp tai nạn ngay sau khi dành trọn một kỳ cuối tuần với Chúa. Sự hỗn độn dường như ngẫu nhiên của cuộc sống, có phải đó là cách xếp đặt của Papa?

Rồi anh nghe Nan nói rằng tai nạn đã xảy ra vào đêm thứ sáu. “Không phải là Chúa nhật sao?” anh gạn hỏi.

“Chúa nhật? Anh nghĩ em không biết ngày giờ gì cả à? Đêm thứ sáu họ đã đưa anh đi máy bay về đây.”

Lời của nàng làm anh bối rối và trong giây lát anh thắc mắc liệu những sự việc diễn ra tại căn chòi có phải là một giấc mơ hay không. Có lẽ đó là một trong những cách biến hóa thời gian của Sarayu, anh tự trấn an mình.

Khi Nan kể xong những diễn biến về phía mình, Mack bắt đầu kể cho nàng nghe tất cả những gì đã xảy đến với anh. Nhưng trước tiên anh đã xin nàng tha thứ, thú nhận bằng cách nào và vì sao anh đã dối nàng. Điều này làm Nan ngạc nhiên, và nàng cho rằng sự thành tâm mới mẻ của anh chắc là do chấn thương và morphine.

Trọn vẹn câu chuyện về kỳ cuối tuần của anh, hay là ngày cuối tuần như Nan vẫn nhắc lại với anh, từ từ mở ra, qua nhiều đợt kể chuyện. Đôi khi thuốc tác động mạnh làm anh thiếp vào giấc ngủ không mộng mị, thỉnh thoảng ngay giữa một câu nói. Ban đầu, Nan cố chú tâm vào việc phải kiên nhẫn và chăm chú, cố gắng tối đa để tránh phán xét nhưng cũng chẳng xem những lời kể say sưa của anh là nghiêm túc mà chỉ là tàn dư của thương tổn thần kinh. Nhưng sự sống động và sâu sắc trong hồi ức của anh làm nàng cảm động và dần dần bào mòn quyết tâm của nàng đóng vai một kẻ khách quan. Có đời sống trong những gì anh đang kể với nàng và nàng nhanh chóng hiểu rằng chuyện gì đã xảy ra ấy đã tác động lớn lao và làm thay đổi chồng của mình.

Sự hoài nghi của nàng bị bào mòn đến mức nàng đồng ý tìm cách để nàng và Mack có thời gian riêng với Kate. Mack không nói lý do và điều đó làm nàng nôn nóng, nhưng nàng sẵn lòng tin cậy anh về việc này. Josh được nhờ đi lo việc vặt, chỉ còn lại ba người trong gia đình.

Mack chìa tay ra và Kate nắm lấy. “Kate,” anh bắt đầu bằng giọng vẫn còn yếu và khó khăn, “bố muốn con biết rằng bố yêu con với trọn tình thương yêu.”

“Con cũng yêu bố mà, Bố.” Nhìn bố như thế này cô bé rõ ràng đã hơi mềm lòng.

Anh mỉm cười và lại trở nên nghiêm trang, vẫn nắm tay con.

“Bố muốn nói với con về chuyện Missy.”

Kate giật ngược như bị ong chích, mặt con bé tối sầm. Theo bản năng nó cố rút tay lại nhưng Mack đã giữ chặt, một việc khiến anh phải cố sức khá nhiều. Con bé nhìn quanh. Nan tiến đến và đặt tay lên vai nó. Kate đang run rẩy. “Tại sao?” nó chất vấn bằng giọng thì thào.

“Katie, đó không phải là lỗi của con.”

Giờ thì nó ngập ngừng, cứ như thể bị bắt quả tang về một điều bí mật. “Cái gì không phải lỗi của con?”

Một lần nữa, phải cố gắng để thốt nên lời nhưng con bé nghe rõ ràng. “Việc mình đã mất Missy.” Nước mắt chảy trên má anh trong lúc anh cố gắng với những từ đơn sơ ấy. Một lần nữa con bé co lại, ngoảnh đi.

“Con ơi, chẳng ai trách con về chuyện đã xảy ra.”

Con bé chỉ im lặng được vài giây thì sự kiềm chế bùng vỡ. “Nhưng nếu con không bắt cản trên xuống thì bố đã không phải...” Giọng nó đầy sự căm ghét bản thân.

Mack ngắt lời bằng một bàn tay đặt lên cánh tay nó. “Đó là điều bố đang cố nói với con, con à. Không phải lỗi của con.”

Kate thổn thức trong lúc những lời của bố thấm vào trái tim điều linh của nó. “Nhưng lúc nào con cũng nghĩ rằng đó là lỗi của con. Và con nghĩ rằng bố mẹ trách con, và con không định...”

“Không ai trong chúng ta muốn xảy ra chuyện này, Kate. Chuyện cứ xảy đến thôi, và chúng ta học hỏi cuộc đời bằng cách đi qua nó. Nhưng chúng ta sẽ học cùng nhau, được không?”

Kate không biết trả lời như thế nào. Quá sức chịu đựng, cô bé vùng ra khỏi tay cha và lao ra khỏi phòng trong tiếng thổn thức. Má hoen nước mắt, Nan trao cho Mack một cái nhìn vô vọng nhưng khích lệ và cũng nhanh chân theo sau con gái.

Lần kế tiếp Mack thức dậy, Kate đang nằm ngủ cạnh anh trên giường, rúc vào người và bình an. Rõ ràng Nan đã giúp được Kate vượt qua phần nào nỗi đau. Khi thấy anh mở mắt, Nan đã nhẹ nhàng tiến đến để không đánh thức con gái và hôn anh. “Em tin anh,” nàng thì thầm, và anh gật đầu rồi mỉm cười, ngạc nhiên bởi tầm quan trọng anh muốn nghe câu đó. Chắc là thuốc men đã khiến anh trở nên đầy xúc cảm như vậy, anh nghĩ bụng.

Mack hồi phục nhanh chóng trong vài tuần sau đó. Chưa đầy một tháng sau thì anh được xuất viện, anh và Nan đã gọi viên phó cảnh sát trưởng mới được bổ nhiệm của Joseph, Tommy Dalton, để nói chuyện về khả năng đi vào khu vực xa hơn căn chòi. Bởi vì mọi thứ tại căn chòi đã trở lại tình trạng hoang vu ban đầu, Mack bắt đầu thắc mắc không biết liệu thi thể của Missy có còn trong hang không. Sẽ phải nghĩ cách để giải thích với giới chức làm thế nào anh biết được chỗ giấu thi thể con gái mình, nhưng Mack tin rằng một người bạn sẽ tin tưởng mình cho dù chuyện gì đã xảy ra.

Tommy quả thật tử tế. Thậm chí sau khi nghe câu chuyện về kỳ cuối tuần của Mack mà anh cho rằng là những giấc mơ và những cơn ác mộng của một người cha vẫn còn đau khổ, đã đồng ý đi trở lại đến chỗ căn chòi. Dù gì anh cũng muốn gặp Mack. Đồ đạc cá nhân đã được thu giữ từ chiếc xe Jeep đồ nát của Willie, và trả lại đồ đạc cho khổ chủ là một cái có hay để gặp nhau. Thế là vào một

sáng thứ bảy trong lành, khô ráo đầu tháng mười một, Willie đã lái xe đưa Mack và Nan đến Joseph trong chiếc SUV mới mua lại để gặp Tommy và cả bốn người cùng đi đến khu bảo tồn.

Tommy ngạc nhiên quan sát Mack đi bộ quá khỏi căn chòi lên đến chỗ cái cây gần đầu một con đường mòn. Giống như đã giải thích với họ trên đường đi, Mack phát hiện và chỉ vào một dấu vòng cung màu đỏ ở gốc cây. Bước vẫn còn hơi yếu, anh dẫn dắt họ đi bộ hai giờ đồng hồ vào trong vùng hoang vu. Nan chẳng nói một lời, nhưng gương mặt nàng lộ rõ sự căng thẳng của những cảm xúc nàng chống chọi qua mỗi bước chân. Dọc đường đi họ tiếp tục tìm thấy cũng dấu vòng cung màu đỏ ấy khắc vào thân cây và lên trên các tảng đá. Đến lúc đặt chân vào bãi đá cuội rộng lớn, Tommy đã trở nên bị thuyết phục, có lẽ chẳng phải bởi sự khả tín trong câu chuyện ngôn cuồng của Mack, mà bởi chắc chắn họ đang đi theo một con đường mòn được đánh dấu cẩn thận - một con đường có lẽ đã được để lại bởi kẻ sát hại Missy. Không chút ngập ngừng Mack chuyển hướng tiến thẳng vào bãi đá và vách núi.

Nếu không nhờ Papa thì có khi họ chẳng bao giờ tìm được chính xác điểm đó. Đặt trên một chồng đá trước cửa hang là viên đá có dấu hiệu màu đỏ hướng ra ngoài. Nhận thức được việc Papa đã làm khiến Mack suýt phá lên cười.

Nhưng họ đã tìm thấy, và khi đã hoàn toàn tin tưởng vào thứ mà họ sắp khai quật thì Tommy bảo họ ngừng tay. Mack hiểu tại sao hành vi đó quan trọng và mặc dù hơi chút miễn cưỡng, anh cũng đồng ý nên dậy lại hang để bảo vệ. Họ sẽ quay về Joseph để Tommy thông báo với các chuyên gia hình sự và giới chức hành pháp hữu trách. Trên đường về, Tommy một lần nữa lắng nghe câu chuyện của Mack, lần này với một sự cởi mở mới mẻ. Anh cũng tranh thủ cơ hội này để hướng dẫn cho bạn mình những phương cách tốt nhất để đối phó với quá trình thẩm vấn sắp tới. Mặc dù chứng cứ ngoại phạm của Mack là hoàn hảo, vẫn sẽ còn những câu hỏi hệ trọng.

Ngày hôm sau các chuyên gia tụ đến đông như ruồi, thu hồi thi thể của Missy và lưu giữ tám vải cùng với bất kỳ thứ gì họ tìm thấy. Chỉ

mất vài tuần sau đó để họ lượm lặt đủ chứng cứ rồi truy tìm và bắt giữ Tên Sát Gái. Nắm được dấu vết tên này lưu lại cho chính hắn để tìm ra hang động của Missy, giới chức đã tìm được và thu hồi được xác của các bé gái khác mà hắn đã sát hại.

LỜI SAU CÙNG

Thế là bạn đọc đã biết câu chuyện - ít nhất cũng như những gì tôi đã được kể. Tôi biết chắc sẽ có một số người thắc mắc liệu mọi chuyện có thật sự xảy ra như Mack hồi tưởng hay không, hay là vụ tai nạn và thuốc morphine đã làm cho anh hơi lẫn lộn. Về phần Mack, anh tiếp tục sống cuộc đời bình dị và hữu ích và vẫn nhất quyết nói rằng mọi ngôn từ trong câu chuyện này đều là thật. Anh nói với tôi rằng tất cả những đổi thay trong cuộc sống của anh là chứng cứ quá đầy đủ đối với anh. Nỗi đau đã không còn và anh trải qua hầu hết mọi ngày với một cảm thức hân hoan sâu sắc.

Vậy là câu hỏi mà tôi phải đối diện khi chấp bút những dòng này là làm sao kết thúc một câu chuyện như thế này? Có lẽ cách kết thúc tốt nhất của tôi là kể cho các bạn nghe một chút về việc câu chuyện này đã tác động đến tôi như thế nào. Tôi không nghĩ rằng có một khía cạnh trong cuộc sống của tôi, nhất là các mối quan hệ của tôi, mà không bị tác động sâu sắc và chuyển biến một cách đầy thật sự có ý nghĩa. Tôi có nghĩ chuyện này có thật không? Tôi muốn toàn bộ đều có thật. Nếu có những điều thật sự không thật về một nghĩa nào đó thì vẫn sẽ có thật theo cách khác - nếu bạn hiểu ý tôi. Tôi đoán là bạn và Sarayu sẽ phải tính toán chuyện đó.

Còn Mack? Anh ấy là một con người tiếp tục trải qua một quá trình chuyển biến, như tất cả chúng ta. Chỉ có điều anh chào đón điều đó trong khi tôi thường hay cưỡng lại. Tôi đã nhận thấy anh thương yêu bao dung hơn hầu hết mọi người, nhanh chóng tha thứ cho mọi người, và thậm chí còn nhanh hơn nữa khi xin mọi người tha thứ. Những sự chuyển hóa trong anh đã tạo nên một làn sóng lan tỏa trong cộng đồng các mối quan hệ của anh - và không phải câu chuyện với tất cả mọi người đều dễ dàng. Nhưng tôi phải nói rằng tôi chưa bao giờ thấy một con người trưởng thành nào sống trên đời với một sự bình dị và hân hoan đến thế. Về mặt nào đó, anh đã thành một đứa bé thơ trở lại. Hoặc nói một cách chính xác hơn, anh đã trở thành đứa bé mà anh chưa bao giờ được phép trở thành; nương náu trong sự tin cậy và háo hức. Anh cũng giữ cả những

mảng u tối của cuộc sống như một tấm thảm thêu vô cùng rực rỡ và tinh xảo; được thêu dệt cầu kỳ bởi những bàn tay yêu thương.

Khi tôi viết những dòng này, Mack đang làm chứng tại phiên tòa xét xử Tên Sát Gái. Anh đã hy vọng được nói chuyện với bị cáo, nhưng chưa được cho phép. Nhưng anh vẫn quyết tâm gặp hắn, cho dù có thể phải rất lâu sau khi bản án đã được tuyên.

Nếu bạn có lúc nào đó gặp Mack, bạn sẽ thấy rằng anh đang hy vọng vào một cuộc cách mạng mới, một cuộc cách mạng của tình yêu và nhân hậu - một cuộc cách mạng xoay quanh Jesus và những gì Ngài đã làm cho tất cả chúng ta và những gì Ngài vẫn tiếp tục làm trong nội tại bất cứ một ai khát khao sự hòa giải và một nơi chốn gọi là nhà. Đây chẳng phải là một cuộc cách mạng sẽ lật đổ bất cứ điều gì, hoặc nếu có thì nó cũng sẽ diễn ra theo những cách thức mà chúng ta không thể nào định liệu trước được. Mà ngược lại, nó sẽ là những quyền năng âm thầm hằng ngày trong sự khát khao và phụng sự, yêu thương và cười vui, của sự dịu dàng đơn sơ và sự nhân từ vô hình, bởi vì nếu một điều gì đó có ý nghĩa thì mọi điều đều có ý nghĩa. Và một ngày kia, khi tất cả mọi chuyện được mặc khải, mỗi người chúng ta sẽ nghiêng người tuyên xưng trước quyền năng của Sarayu rằng Jesus là Thiên Chúa của hết thảy Sáng thế, trước vinh quang của Papa.

Ồ, còn một điều cuối cùng nữa. Tôi tin rằng Mack và Nan vẫn thỉnh thoảng đến đó, chỗ căn chòi, các bạn biết rồi đó, chỉ để được ở riêng họ. Tôi sẽ chẳng ngạc nhiên nếu anh ta đi bộ ra chỗ chiếc cầu tàu cũ, cởi giày vớ ra, rồi thò chân xuống nước để thử xem liệu có... các bạn biết rồi đó.

Willie

Cõi nhân gian chật ních địa đàng,

Mỗi rặng cây cháy cùng Thiên Chúa,

Ai kẻ nhìn ra sẽ biết cởi giày;

Chúng sinh ngồi quanh vật quả trên cây.

— Elizabeth Barrett Browning

1. Lone Ranger: Nhân vật người hùng miền Viễn Tây trong loạt phim truyền hình cùng tên nổi tiếng của Mỹ. 2. Zoro: Người anh hùng giấu mặt trong bộ phim Huyền thoại Zorro. 3. Người dơi: Siêu anh hùng trong bộ phim Người dơi. 4. Các chàng trai Bonanza: Phim Bonanza kể về cuộc phiêu lưu thú vị của Ben Cartwright và các con trai của ông khi bảo vệ trang trại và giúp đỡ người khác. 5. Peter Gunn: Thám tử tài ba trong bộ phim cùng tên của Mỹ.

1. Viết tắt của Alternative captain: đội trưởng dự bị – (ND) 2. Mùa Thu (tiếng Anh) - ND 3. Nơi trú ẩn (Tiếng Anh) – ND 4. Những người chủ trì hôn lễ ở Las Vegas thường đóng giả làm Elvis Presley – ND 9. Tên nữ nhân vật chính trong bộ phim truyền hình dài tập Leave it to Beaver của Mỹ – ND 10. Một người Mỹ da đen đã bị một nhóm cảnh sát Los Angeles đánh liên tiếp bằng dùi cui, cùng lúc một nhóm cảnh sát khác bàng quan đứng nhìn. Cảnh này đã được một người đi đường ghi lại từ xa và làm dấy lên làn sóng phản nộ trong cộng đồng người Mỹ da đen. Sau đó trong một lần truyền hình, Rodney King đã nói câu “Chúng ta không thể sống hòa thuận được sao?” – ND 11. Một loại axit amin có trong thịt gà tây, L-tryptophan sản sinh ra vitamin B và axit nicotinic trong cơ thể, nhưng nó cũng gây buồn ngủ. – ND 12. Một lễ hội đấu bò kéo dài mười ngày được tổ chức hàng năm ở Calgary, Alberta, Canada. – ND 5. Một loại thuốc nhuận tràng – ND 6. Split-level: ngôi nhà được chia làm hai khu và sàn của khu bên này nằm cao hơn so với khu bên kia. Hai khu được nối với nhau bằng cầu thang – ND 7. Foam finger: một đồ vật có hình bàn tay nắm lại với ngón trở giong lên cao, tượng trưng cho vị trí số một, thường dùng để cổ vũ trong các môn thể thao – ND. 8. Tên một bài hát của Elvis Presley, dịch sang tiếng Việt là Chó Săn – ND 16\.

Tác giả chơi chữ, dùng một từ tiếng lóng vừa chỉ thám tử tư, vừa chỉ bộ phận sinh dục. 17\.

Running Base: thuật ngữ bóng chày, chỉ việc cầu thủ của đội tấn công cố gắng chiếm chốt của đội phòng thủ. 18\.

File rất nhỏ lưu giữ những lần lướt web của người sử dụng trên máy tính. 19\.

Đơn vị đo trọng lượng của Anh Mỹ, một pound xấp xỉ 4,45kg. 3\.

Đơn vị đo chiều dài của Anh: 1foot = 0,3m. 4\.

Vị thần cai quản âm phủ trong thần thoại Hy Lạp. 5\.

Cảm giác đau đớn và khó thở của những người lặn sâu ở biển khi đột ngột ngoi lên mặt nước. 6\.

Ý nói khu sang trọng. 7\.

Abraham Zapruder, người duy nhất

quay được đoạn phim chi tiết vụ ám sát tổng thống John Kennedy năm 1963. 20\.. Một nhân vật phản diện trong bộ phim A Christmas Carol, chuyển thể từ truyện ngắn cùng tên của Charles Dickens, được viếng thăm bởi ba hồn ma Giáng Sinh quá khứ, hiện tại và tương lai. 8\.. Đây là những thành tố thường xuất hiện trong tên người Do Thái. 9\.. tên một hiệu quần áo thời trang. 10\.. Một môn thể thao gần giống với bóng chày, nhưng sử dụng bóng to hơn, và bóng được lăn về đĩa nhà thay vì được ném, và các cầu thủ đá bóng thay vì đập. 11\.. Chứng bệnh mà bệnh nhân thường chuyển tiếp giữa trạng thái cực đoan, từ kích động cho tới trầm cảm. 21\.. Kiểu để tóc quen thuộc của những người hói, nuôi dài lọn tóc ở một bên đầu rồi ép nó nằm che phần hói. 22\.. Fonzairelli, nhân vật trong phim hoạt hình những năm 70. 12\.. Hội chứng Stockholm là một hiện tượng tâm lý đôi khi xảy ra với con tin bị bắt cóc, theo đó nạn nhân bị bắt cóc thường tỏ dấu hiệu đồng cảm với kẻ bắt cóc mà không tính đến hoàn cảnh nguy hiểm hay rủi ro mà nạn nhân lâm phải. 23\.. Đồ ăn thanh khiết theo luật Do Thái. 13\.. Với người Do Thái, sinh nhật 15 là một dịp quan trọng, đánh dấu ngưỡng cửa trưởng thành của con trai. 24\.. Những hồ sơ hoàn tất là kết quả của nhiều năm nghiên cứu khoa học kết hợp với kinh nghiệm nhiều năm. 14\.. Con số trung bình của thị dân. 15\.. Nguyên văn là “Dying Nun” - dì phước chết, và “Flying Nun” - dì phước bay. 1\.. 90 - 95 điểm. 2\.. Nhóm trường danh giá nhất ở Mỹ. A.A. (Alcoholics Anonymous): Tổ chức hỗ trợ những người nghiện rượu trên toàn thế giới. Hasit: Một loại thuốc lá có khả năng kích thích và gây nghiện giống như cần sa. Aspirin: Tên thuốc “aspirin” chính thức ra đời từ năm 1899 và ban đầu được bào chế dưới dạng bột, dùng để chữa bệnh cúm, cảm sốt. Có hai loại suy nhược, ngoại sinh và nội sinh. Suy nhược ngoại sinh xảy ra khi cơ thể phản ứng lại những sự kiện bên ngoài và thường có liên quan mật thiết đến cảm giác đau buồn. Trong khi đó, suy nhược nội sinh là kết quả của cơ chế sinh hóa sai lệch và thường có liên quan đến yếu tố di truyền, ví dụ như chứng ăn uống vô độ hoặc nghiện rượu hay nghiện ma túy. Trong thực tế, tất cả những điều này chính là những biểu hiện khác nhau của cùng một hoặc các rối loạn sinh hóa tương tự trong cơ thể. 1. Hai nhân vật chính đã bước vào giai đoạn học đại học và đổi cách xưng hô, không gọi “cậu” như trước nữa mà

gọi là “anh” như cách gọi khi kể chuyện ở hiện tại. Palliative cure - Điều trị xoa dịu: Liệu pháp làm giảm các triệu chứng của rối loạn nhưng không chữa khỏi được nó. Ví dụ, điều trị ung thư ở giai đoạn cuối thường là điều trị xoa dịu. (Theo Từ điển Bách khoa Y học, giáo sư Ngô Gia Hy chủ biên.) 'Mizaru - Mikazaru - Mazaru' - Ba chú khỉ khôn ngoan đến từ Nhật Bản. Thông thường khi đôi tay khỉ che lại một nơi nào đó chính là để tự mình thanh tịnh, cách ly khỏi những điều xấu xa, cảm dổ. Mizaru với đôi tay bịt tai 'không nghe điều xấu', Mikazaru với đôi tay che mắt 'không nhìn điều xấu' và Mazaru với đôi tay che miệng 'không nói điều xấu'. Đôi khi người ta còn thấy xuất hiện chú khỉ thứ tư mang tên Shizaru với đôi tay khoanh trước ngực, ngụ ý 'không làm điều xấu'. Nữ bác sĩ người Mỹ gốc Thụy Sĩ, tác giả công trình 'On Death and Dying'(Chết và Chờ chết) rất nổi tiếng trong lĩnh vực tâm thần học. 1. Ngày giải phóng Hải Phòng. 1. Maria Montessori (31/8/1870 - 6/5/1952) là một bác sĩ và cũng là một nhà giáo dục nổi tiếng người Ý. Bà nổi tiếng với phương pháp giáo dục mang tên mình, được sử dụng phổ biến trên toàn thế giới. Montessori chia sự phát triển con người làm bốn giai đoạn; từ sơ sinh đến 6 tuổi; từ 6 - 12 tuổi; từ 12 - 18 tuổi và từ 18 - 24 tuổi. Mỗi giai đoạn có những đặc trưng không giống nhau và tương ứng là các phương pháp tiếp cận giáo dục khác nhau cho từng giai đoạn. 1. Bó hẹp hoạt động là cụm từ được dịch thoát nghĩa từ câu thành ngữ “Họa địa vi lao”, có nghĩa là vẽ cái nhà tù trên mặt đất. Ý chỉ phạm vi hoạt động bị bó hẹp, không được vượt ra ngoài khuôn phép. 2. Lawrence Kohlberg (1927 - 1987) là một nhà tâm lý học người Mỹ nổi tiếng với lý thuyết về sáu giai đoạn của sự phát triển đạo đức. 1. Jean Piaget (1896 - 1980) là một nhà tâm lý học và triết học người Thụy Sĩ. Ông nổi tiếng với những nghiên cứu nhận thức luận với trẻ em. 1. Vách đá trực quan hay còn gọi là Visual cliff do hai nhà tâm lý học người Mỹ R.D. Walk và E.J.Gibson thiết kế ra. 1. Abraham (Harold) Maslow (1908 - 1970) là một nhà tâm lý học người Mỹ gốc Nga, ông được biết đến qua mô hình tháp nhu cầu nổi tiếng. Tháp nhu cầu của ông có năm tầng, tầng thứ nhất là các nhu cầu cơ bản; tầng thứ hai là nhu cầu an toàn; tầng thứ ba là nhu cầu được giao lưu tình cảm và được trực thuộc; tầng thứ tư là nhu cầu được kính trọng, quý mến và tầng thứ năm là nhu cầu tự thể hiện

bản thân. 2. Trường thiên tiểu thuyết “Jean Christophe” của Romain Rolland (1866-1944) được lấy cảm hứng từ cuộc đời Beethoven. Đây là tác phẩm mang tính tự truyện, trình bày mọi vấn đề liên quan đến chính trị, văn học và nghệ thuật, tác phẩm đã mang lại cho tác giả giải Nobel năm 1915. 3. Tiểu thuyết của nhà văn Mỹ Theodore Dreiser, ra đời vào năm 1900. 1. Édouard Séguin (1812 - 1880) là một bác sĩ và nhà giáo dục sinh ra ở Clamecy, Nièvre, Pháp. Ông được ghi nhớ bởi những đóng góp cho các trẻ em suy giảm nhận thức ở Pháp và Hoa Kỳ. 2. Nguyên văn tác giả nói là Thiên (Tiền/trời), em bé phát âm ngọng thành Điên (Diàn/Đĩnh), dịch giả dịch thành “Trời” và “Tòi” để chuyển tải cách phát âm ngọng của cháu bé. 3. Jean Piaget (1896 - 1980) là một nhà tâm lý học và triết học người Thụy Sĩ. Ông nổi tiếng về những nghiên cứu nhận thức luận về trẻ em. Lý thuyết về phát triển nhận thức và góc nhìn nhận thức luận của Piaget được gọi chung là 'Nhận thức luận di truyền' (genetic epistemology). 4. Sách do Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2012. 5. Karl Witte (1800 - 1883) là nhà nghiên cứu về Dante của Đức, người lập kỷ lục tiến sĩ trẻ nhất thế giới ở tuổi mười hai, hiện kỷ lục này vẫn chưa bị phá vỡ. 1. Bertrand Arthur William Russell, Bá tước Russell III (1872 - 1970): một triết gia, nhà logic học, nhà toán học người Anh. 1. Jack London (1876 - 1916), nhà văn Mỹ nổi tiếng với tác phẩm “Tiếng gọi nơi hoang dã”, “Gót sắt”, “Tình yêu cuộc sống”, “Nanh trắng”. 1. Trung Quốc tính thang điểm 100. 1. Nguyên văn dùng một từ “kiêu ngạo”, nhưng do sắc thái biểu đạt và hoàn cảnh áp dụng trong tiếng Việt có đặc thù khác biệt so với tiếng Trung, nên dịch giả lựa chọn dịch thành hai từ “kiêu ngạo” và “kiêu hãnh (BTV). 1. Con lừa trong tiếng Trung phát âm là “lú”, con cá là “yú”. Bởi vậy ở đây bé nghe không rõ nên đã nhầm hai từ này với nhau. 2. Sigmund Freud (tên đầy đủ là Sigmund Schlomo Freud; 1856 - 1939) là một bác sĩ về thần kinh và tâm lý người Áo. Ông được công nhận là người đặt nền móng và phát triển lĩnh vực nghiên cứu phân tâm học. 1. Tam đoạn thức là công thức biện chứng phổ quát của mọi sự tồn tại, vận động và phát triển. Tam đoạn thức có ba thành phần chính: Chính đề, tức luận đề chủ yếu; Phản đề, phủ định của chính đề theo nghĩa phủ định biện chứng; Hợp đề, tổng hợp chính đề và phản đề, là sự thống nhất mâu thuẫn

giữa chính đề và phản đề, là sự phủ định của phủ định nguyên đề.

2. Chuỗi thức ăn (quan hệ thức ăn) là một dãy gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau, loài đứng trước là thức ăn của loài đứng sau.

1. “Hoàng tử bé”: Tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Antoine de Saint-Exupery, xuất bản năm 1943.

2. Để phát triển năng lực tư duy, rèn luyện kỹ năng làm việc và quản lý công việc của trẻ, Montessori dành cho trẻ những khoảng thời gian mở để thực hiện các “dự án” của mình. Dựa trên quan sát, bà đưa ra kết luận rằng, trẻ em thể hiện sự tập trung cao độ khi được tự do khám phá vô số những điều thú vị xung quanh. Do đó các giáo viên Montessori cho phép trẻ tự chọn công việc mà chúng sẽ làm, tự quyết định cách làm và thời gian hoàn tất. Như vậy, học sinh thì được tự do tìm hiểu và trải nghiệm trong khi giáo viên có thời gian để quan sát và giúp đỡ trẻ khi cần. Giáo viên không yêu cầu trẻ bỏ dở công việc của chúng, trừ khi thực sự cần thiết.

3. Montessori phát triển bộ đồ dùng dạy học để phát triển năm lĩnh vực: giác quan, kỹ năng cuộc sống, ngôn ngữ, toán, địa lý và văn hóa. Bộ đồ dùng dạy học này bao gồm 134 trò chơi khác nhau dành cho trẻ. Các trò chơi này được thiết kế để trẻ tự chơi và tự kiểm chứng kết quả công việc của mình (ví dụ bộ xếp hình bản đồ thế giới, nếu các mảnh ghép sẽ chưa khớp lại được với nhau, trẻ tự biết là mình chưa xếp đúng). Giáo viên được đào tạo để hiểu rõ ý nghĩa của mỗi trò chơi, quy trình và cách giải thích cho trẻ. Trong giờ học, trẻ tự lựa chọn trò chơi cho mình - mỗi trò nhằm phát triển một hay một vài trong số năm lĩnh vực trên. Nếu trẻ gặp khó khăn, giáo viên sẽ đưa ra chỉ dẫn hợp lý cho trẻ. Ở đây, tác giả muốn hướng con thao tác các đồ dùng dạy toán.

1. Ở đây nguyên văn là “Hộp thứ ba là sắc thái màu của cả hai hộp đầu tiên”, nhưng trên thực tế không phải vậy, hộp thứ hai đã bao gồm ba màu của hộp thứ nhất, trong khi hộp thứ ba chỉ có chín màu. Tham khảo thêm tại: <http://www.infomontessori.com/sensorial/visual-sense-color-tablets.htm> và <http://www.nienhuis.com/en/third-box-of-color-tablets-1-2.html>

2. Paul Cézanne (1839 - 1906) là một họa sĩ người Pháp thuộc trường phái hậu ấn tượng, là người được coi là cây cầu nối giữa trường phái ấn tượng thế kỷ 19 và trường phái lập thể thế kỷ 20.

3. Claude Monet (1840 - 1926) họa sĩ nổi tiếng người Pháp, một trong những người sáng lập ra trường phái ấn tượng.

4. Triết lý

loại suy, hay suy luận loại suy xuất phát từ sự giống nhau có thực của hai đối tượng đó để đưa ra kết luận. 1. Erich Seligmann Fromm (1900 - 1980) là nhà tâm lý học xã hội, nhà phân tâm học, nhà xã hội học, triết gia nhân văn và nhà xã hội học dân chủ người Đức. 2. Alfred Adler: Bác sĩ và nhà tâm lý học người Áo, được biết tới nhiều nhất với tư cách người sáng lập ra Tâm lý học cá nhân (Individual psychology). Được tin nhiệm ngang với Carl Jung và Sigmund Freud như một trong những nhà sáng lập có ảnh hưởng nhất tới tâm lý học hiện đại. Trong số những đóng góp chủ yếu của Adler phải kể tới kỳ vọng bẩm sinh (birth order) trong sự hình thành nhân cách, sự ảnh hưởng của việc bỏ bê hoặc nuông chiều trong sự phát triển của trẻ em, khái niệm một động lực về “bản ngã hoàn hảo” (self perfecting) trong sự tồn tại của con người, và ý tưởng rằng người ta cần nghiên cứu và đối xử với bệnh nhân như là “con người toàn thể” (a whole person). Một nguyên lý quan trọng khác trong lý thuyết của Adler đó là những mơ tưởng của con người trong tuổi thơ có thể hướng dẫn cho sự nhận thức và các lựa chọn theo suốt cuộc đời họ, và khả năng cùng làm việc với người khác vì một lợi ích cộng đồng là tiêu chuẩn chính yếu về sức khỏe tâm thần. 3. Trích bài thơ “Lời tự thú” Pushkin, Tạ Phương dịch. 1. CCTV (China Central Television) - Đài truyền hình trung ương Trung Quốc. 1. Giáo dục Waldorf là một phương thức giáo dục dựa vào lý thuyết nuôi dạy trẻ của triết gia người Áo Rudolf Steiner. 1. Anton Pavlovich Chekhov (1860-1904) là nhà viết kịch người Nga nổi tiếng và có ảnh hưởng lớn trên thế giới với thể loại truyện ngắn. 2. “Ruồi trâu” là cuốn tiểu thuyết của nhà văn Ethel Lilian Voynich, xuất bản năm 1897 tại Hoa Kỳ và Anh.

Table of Contents

[LỜI GIỚI THIỆU](#)

[GIAO LỘ](#)

[BÓNG TỐI QUẦN TỤ](#)

[MỎM NÚI RIÊNG](#)

[NỖI ĐAU](#)

[NÀO AI ĐẾN DỰ DẠ YÊN](#)

[MỘT CHÚT CỦA HÀNG SỐ PI](#)

[CHÚA TRÊN BẾN NƯỚC](#)

[BỮA ĐIỂM TÂM CỦA NHỮNG KÌ THỊ](#)

[NGÀY XƯA NGÀY XƯA TRONG MỘT KHU VƯỜN XA XĂM](#)

[LỘI VÀO DÒNG NƯỚC](#)

[NGƯỜI PHÁN XÉT](#)

[TRONG BỤNG QUÁI THÚ](#)

[NHỮNG TRÁI TIM HỘI NGỘ](#)

[ĐỘNG TỰ VÀ NHỮNG SỰ TỰ DO KHÁC](#)

[LỄ HỘI CỦA BẠN HỮU](#)

[MỘT BUỔI SÁNG ĐAU BUỒN](#)

[NHỮNG CHỌN LỰA CỦA TRÁI TIM](#)

[NHỮNG VỆT SÓNG LAN XA](#)

[LỜI SAU CÙNG](#)